



## VĂN HOÁ VIỆT NAM

### số bảy mươi một o mùa đông 2015

- 1 ● MỤC LỤC
- 2 ● THƯ TOÀ SOẠN \* VHVN
- 4 ● SÓ TAY VĂN HỌC \* GS Đoàn Xuân Thu
- 14 ● HAI CÂU ĐỐI TIỀN ĐƯA NHÀ VĂN VỖ PHIẾN \* Huy Lực Bùi Tiên Khôi
- 15 ● VĨNH BIỆT VỖ PHIẾN ● TÔI KHÔNG CÒN (thơ) \* Trần Văn Lệ \* Đinh Cường
- 17 ● TRẦN ĐỐI NĂM ẤT DẬU 1945... (khảo luận) \* GS Tạ Quốc Tuấn
- 33 ● MỘT CỒI... ● CHUYỆN TÌNH BUỒN (thơ) \* Đông Hương \* Thy Lan Thảo
- 35 ● MỆNH MÔNG LỤC BÁT ● TÂM HƯƠNG (thơ) \* Đặng Kim Côn
- 36 ● VĂN - TU - TU TRONG ĐẠO LÀM THẦY (khảo luận) \* GS Nguyễn Văn Trường
- 50 ● VẾT MỤC NGÀY XƯA (truyện) \* Diễm Phượng
- 56 ● MÙA ĐÔNG ĐẤT KHÁCH (thơ) \* Lâm Thúy
- 57 ● MÀU THỜI... ● MẮT BẢO ● RU EM (thơ) \* Cái Trọng Ty \* Nguyễn Nam An
- 59 ● VĨNH LONG MỘT THỜI ĐỂ NHỎ (quê hương trong trí nhớ) \* Trần Bá Xừ
- 66 ● SỨ BỘ TÂY SƠN SANG YÊN KINH (nam quốc sơn hà nam đế cư) \* Thái Tâu
- 88 ● HOAN HỒ ... ● QUỐC SÁCH (thơ) \* Nguyễn Đông Giang \* Nguyễn Duy Ân
- 90 ● ĐOÁ HỒNG CHO QUÊ HƯƠNG (quanh cuộc sống chúng ta) \* Song Thi
- 98 ● MỠI LẦN TIỀN CHỊ ● VĨNH BIỆT CHỊ (thơ) \* Mai Lộc
- 99 ● BÀI VIẾT CHO MÁ TÔI (vĩnh biệt GS Nguyễn Hiếu Đức) \* Andrew Nhân Lưu
- 103 ● ĐI THĂM GIÁO SƯ NGUYỄN KHẮC KHAM \* GS Nguyễn Như Hùng
- 113 ● CĂN GÁC ĐÌU HIU (truyện) \* Nguyễn Nhung
- 122 ● HOA MIMOSA ● TRẮNG BÌNH MINH ● LẬU THỜ... (thơ) \* Trần Văn Lệ
- 125 ● HIỆN TƯỢNG "HOÀ NHI BẮT ĐỒNG"... (nghiên cứu) \* GS Lưu Khôn
- 133 ● TRẬU - CAU - VỒI... (tinh hoa đất mẹ)  
\* Chính Phong Nguyễn Hoàng \* Hoàng Như Lăng \* Hoàng Anh Thư
- 139 ● HƯƠNG SÀI GÒN (thơ) \* Cái Trọng Ty
- 140 ● QUÊ HƯƠNG TRONG CỒI... (khôn mặt văn nghệ miền nam) \* Phạm Văn Nhàn
- 151 ● TỪ CHẬU ĐỐC NHỎ VỀ CĂN THỜ (thơ) \* Nguyễn Cát Đông
- 153 ● THI VĂN GIA ĐỜI TRẦN HỒ (nghiên cứu) \* GS Lê Quý Đàng
- 156 ● BUỔI RA MẮT QUYỀN SÁCH "BÌNH LUẬN THỜI SỰ"  
CỦA NGUYỄN ĐẠT THỊNH (giáo dục - văn hoá - văn nghệ) \* Lê Càn Thơ
- 162 ● HƠI THỜ ĐỒNG BẰNG (thơ) \* Huyền Vân Thanh
- 164 ● ÔNG GIÀ NOEL LÀ MẸ (truyện) \* Ngọc Ánh
- 169 ● VĂN CHƯƠNG TRUYỀN KHẨU (giai thoại văn học) \* GS Lê Văn Đặng
- 171 ● CÁC BÀI TUYỆT CÚ TRONG QUỐC ÂM THI TẬP NGUYỄN TRÃI  
(văn học chữ nôm) \* GS Nguyễn Đình Hoà \* GS Lê Văn Đặng (phiên âm)
- 178 ● BỜ BÊN KIA ● MƯA SA BỤI TRẦN (thơ) \* Kiều Mộng Hà



## THƯ TOÀ SOẠN

Năm nay đổi giờ vào ngày 01 tháng 11, đồng hồ vận lui kim giờ một tiếng... nên mới hơn năm giờ chiều mà bầu trời như đã vào tối. Chạy xe trên đường Bammel North Houston tôi phát hiện có rất nhiều chim, đủ loại, đủ màu sắc, cứ từng đàn đến hàng trăm hàng ngàn con nối đuôi nhau bay về một hướng nào đó. Có những bầy chim loại nhỏ cỡ chim sẻ, giống như chim "lá rụng" ở quê nhà ngày xưa đã đậu chen nhau trên các dây điện chạy dài mùt mắt. Hình ảnh này nhắc tôi nhớ là đã vào đông, nên từ các tiểu bang miền Đông Bắc trở lạnh, lũ chim tìm hướng bay về miền viễn Tây nắng ấm như một thói quen trong đời sống của chúng. Sinh hoạt trên đất Mỹ này, mùa đông có nhiều ngày lễ đáng nhớ: Columbus Day, Halloween, Veterans Day, Thanksgiving Day (Lễ Tạ Ơn), Christmas (Lễ Giáng Sinh)... và đặc biệt đón ngày đầu năm mới (New Year) 2016 sẽ là năm chính thức bầu cử Tổng Thống vào tháng 11. Suốt thời gian qua, các phương tiện truyền thông Hoa Kỳ đã đưa lên hình ảnh các ứng cử viên của hai đảng Dân Chủ và Cộng Hoà tranh nhau quyết liệt để được đảng chính thức đề cử tranh chức Tổng thống năm tới. Dân Chủ hay Cộng Hoà bên nào thắng? một câu hỏi chưa ai dám khẳng định, nhưng chúng ta hãy vững tin, người dân Hoa Kỳ lúc nào cũng sáng suốt khi sử dụng lá phiếu! Bởi vì, Hoa Kỳ là một nước có nền Tự Do đúng nghĩa của nó, điều gì cũng có thể xảy ra; trong tranh luận để tìm phiếu, các ứng cử viên có thể "gay gắt" với nhau, nhưng khi có kết quả chung cuộc thì tất cả đều vui vẻ bắt tay nhau để chung lo cho đất nước và toàn dân. Hành xử rất đáng được nhiều quốc gia trên thế giới ngưỡng mộ!

Sự kiện ở trung tâm thủ đô Paris (Pháp quốc) bị tấn công khủng bố tại 6 địa điểm (Rạp hát Bataclan, Phố Charonne, Phố Bichat, Đại lộ Cộng Hoà, Sân vận động Stade de France, Phố Beaumarchais) vào tối 13 tháng 11-2015, có ít nhất 129 người đã thiệt mạng trong hàng loạt vụ nổ và xả súng xảy ra liên tiếp, khoảng 400 người bị thương trong đó gần 100 người trong tình trạng nguy kịch. Pháp đã tuyên bố tình trạng khẩn cấp trên toàn quốc và đóng cửa biên giới. Thị trưởng Paris, bà Anne Hidalgo phát biểu sau khi tới thị sát gần hiện trường rạp hát Bataclan tuyên bố: "Đêm nay là quãng thời gian đau đớn, nước mắt, tiếc thương nhưng Paris vẫn sẽ đứng vững. Tôi biết rằng người Paris, sẽ thấy đau đớn khi nhiều người đã ngã xuống, và sẽ là những người đầu tiên sát cánh bên các nạn nhân để cho những kẻ đó (khủng bố) thấy sẽ không thể chạm tới sự tự do và cuộc sống tươi đẹp tại đây". Phát biểu khi thị sát hiện trường, Tổng thống Pháp Hollande đã khẳng định: "Chúng tôi muốn có mặt tại đây giữa những người đã chứng kiến các hành động tàn ác này, để nói rằng chúng ta sẽ chiến đấu và cuộc chiến đáp trả của chúng ta sẽ không thương tiếc những kẻ đứng sau vụ tấn công; bởi những kẻ khủng bố tiến hành những tội ác này cần phải biết rằng chúng phải đối mặt với một nước Pháp quyết tâm, đoàn kết, sát cánh bên nhau. Nước Pháp sẽ không để mình bị khiếp sợ, cho dù hôm nay chúng ta đang bày tỏ cảm xúc to lớn sau thảm kịch này. Đây là một hành động đáng kinh tởm, tội ác man rợ". Tổng thống Mỹ Barack Obama đã ngay lập tức "lên án hành động vô nhân đạo nhằm khủng bố các dân thường vô tội" Ông tuyên bố: "Mỹ sẵn sàng cung cấp mọi sự

hỗ trợ mà chính phủ và nhân dân Pháp cần". Trong khi đó đài truyền hình ABC đưa tin "giới chức Washington cũng đã triển khai các biện pháp tăng cường an ninh tại thủ đô, và với hệ thống tàu điện ngầm. Hành khách được đề nghị trình báo mọi hành động khả nghi". Thủ tướng Anh David Cameron cho biết ông bị sốc và cam kết có thể làm bất kỳ điều gì để trợ giúp nước Pháp.

**T**ạp chí Văn Hoá Việt Nam kỳ này dành khá nhiều trang cho mục **Khảo Luận, Nghiên Cứu, Nam Quốc Sơn Hà Nam Đế Cư, Tinh Hoa Đất Mẹ, Thơ Văn** chọn lọc... Dịp lễ Tạ Ôn chúng tôi xin Chúc Phúc đến quý nhà văn nhà thơ, quý vị làm công tác văn hoá giáo dục, quý cộng tác viên cộng tác bài vở liên tục và phong phú, quý mạnh thường quân ủng hộ tài chánh, quý bạn đọc gần xa giúp giới thiệu bạn đọc ngày càng đông, quý cơ sở nhiệt tình giữ trang quảng cáo trên 71 tạp chí (mùa hè 1998 - mùa đông 2015), giúp cho nhóm chủ trương vững tin trong khi thực hiện những tôn chỉ từ buổi ban đầu đề ra, nuôi dưỡng và tồn tại ngày càng khởi sắc, được đông đảo bạn đọc đón chờ mỗi kỳ như hôm nay. Cũng xin dành giây phút mặc niệm Tưởng Nhớ công ơn quý văn thi hữu từng đóng góp những trang bài giá trị trên tạp chí đã vĩnh viễn từ già cõi đời: Nhà văn BS Huỳnh Hữu Cửu, Nhà thơ Thu Hạnh, GS Nguyễn Đức Hiến, GS Nguyễn Đình Hoà, Nhà biên khảo GS Vinh Như - Lưu Tấn Hồng, Nhà văn Đặng Trần Huân, GS Nguyễn Khắc Kham, Nhà văn Ái Khanh, Nhà biên khảo Tiến sĩ Hương Giang - Thái Văn Kiểm, Thám phán Vũ Hữu Như, Nhà văn Bùi Văn Nhường, Nhà biên khảo GS Trần Đông Phong, Nhà văn GS Hà Mai Phương, Nhà văn Nhà thơ Phương Triều, Nhiếp ảnh gia Nguyễn Phước Tường, Nhà văn Nhà thơ Hoàng Hoa - Xuân Tước, Nhà văn Xuân Vũ... và đặc biệt số tạp chí này, chúng tôi kính thông tin: **vô cùng xúc động vĩnh biệt nhà văn cộng tác viên lão thành Võ Phiến - Đoàn Thế Nhơn đã qua đời lúc 7g chiều 28-9-2015 tại California hưởng thọ 90 tuổi.** Chia biệt **GS. PTG Nguyễn Hiếu Đức** là phu nhân của nhà văn GS Lưu Khôn (cựu Hiệu trưởng PTG Cần Thơ - cộng tác thường xuyên trên VHVN) đã qua đời ngày 5-10-2015 tại San Jose CA **hưởng thọ 78 tuổi.** Chia biệt **cụ ông Nguyễn Văn Nhiều** (cựu HS. PTG cao niên nhất) qua đời ngày 23-10-2015 **hưởng đại thọ 105 tuổi,** là chủ nhân tiền sách báo **VĂN NHIỀU** tại đường Ngô Quyền Cần Thơ, suốt cuộc đời cụ dành cho ngành phát hành sách báo được nhiều người biết đến trước năm 1975 tại Cần Thơ. Xin lặp lại mấy dòng chữ đã viết ở Thư Toà Soạn số vừa qua để tưởng niệm chung những ân nhân quá vãng: "Một lời nguyện cầu. Một nén nhang thơm. Một đoá hoa bình dị. Một cử chỉ biết ơn... nghĩ rằng trong chúng ta ai cũng làm được. Có quá đáng lắm không về một đề nghị, một yêu cầu đơn giản như thế trong cuộc sống?".

Và, mong rằng, tạp chí Văn Hoá Việt Nam với tôn chỉ trước sau như một, sẽ là bạn đồng hành với tất cả quý văn thi hữu, quý bạn đọc gần xa mãi mãi.

**T**ạp chí VĂN HOÁ VIỆT NAM số 72 phát hành mùa Xuân 2015 nhất định sẽ có mặt vào cuối tháng Ba 2016. Bài viết cho số Bảy Mươi Hai sẽ kết thúc nhận vào đầu tháng Hai 2016. Mời quý vị cộng tác bài vở, đón đọc và giới thiệu nhiều người cùng đọc và ủng hộ tạp chí của chúng ta.

**Tạp chí VĂN HOÁ VIỆT NAM**



**GS ĐOÀN XUÂN THU**

*(Melbourne - VIC - Australia)*

## "TIẾNG HẠC TRONG TRẮNG"

Nhà thơ, nhà văn, nhạc sĩ, soạn giả tuồng cải lương, nói chung, là những người làm văn nghệ, sáng tác ra một tác phẩm nào; bao giờ cũng chuyển tải theo một tư tưởng nhân bản về cuộc đời, về cách con người đối xử nhân hậu với nhau!

Nhớ những năm đầu thập niên 60, soạn giả Viễn Châu có sáng tác một bài ca vọng cổ "**Người đánh đàn trên sông Mỹ Thuận**" do danh ca Thanh Nhân thâu đĩa nhựa, làm cho tác giả lần nghệ sĩ trình bày nổi danh khắp cả miền Nam.

Soạn giả Viễn Châu, tức nghệ sĩ đàn tranh Bảy Bá, quê xã Đôn Châu, quận Trà Cú, tỉnh Vĩnh Bình lên Sài Gòn lập nghiệp. Những lần về lại, thăm quê là ông phải qua Phà Mỹ Thuận, nói những bờ vui, Mỹ Tho và Vĩnh Long qua con sông Tiền. Nhà soạn giả tài danh này chú ý đến một người nghệ sĩ mù, chơi lục huyền cầm trên bến Bắc.

Lần sau quay qua chốn cũ, người xưa đã mất dạng... Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai! Viễn Châu lồng vào thân phận của người nghệ sĩ mù đó một số phận đắng cay, một mối tình tan vỡ: Khi anh ra thân tàn phế thì em (thiệt là tệ!) phụ rẫy người xưa đi lấy chồng giàu (?). Chu cha! Xưa giờ cũng vậy!

Anh chỉ còn là một người nghệ sĩ mù lòa trên bến Bắc, đánh đàn trên sông Mỹ Thuận, sông... nhờ lũ khách từ tâm qua đường cho chút tiền độ nhật. Cảm ơn!

*"Trong một buổi chiều lặng gió/áo nã nổi tiếng tơ đồng như oán, như than... "Nhạn ơi! Anh ra thân tàn phế/ em thì về làm vợ người sang/ Đòi em sống với bạc vàng/ còn anh làm kẻ đánh đàn ăn xin/ Em đi biệt dạng biệt hình/ hết ân, hết ái, hết tình, hết duyên/... Anh ôm đàn dạo lên lần cuối/ bản nhạc lòng dang dở năm xưa/... Đó rồi anh mím chặt đôi môi/ đập vào cội cây cho đến nát tan chiếc đàn sương gió/ rồi nhảy xuống dòng sông giá lạnh/ đang mênh mang gợn sóng ba đào."*

Kết cuộc buồn như một câu vọng cổ, chàng nhạc sĩ mù lòa này tự trầm.

**Thưa** cách giải quyết như vậy là bi thảm quá! Nó bỏ mình đi lấy chồng giàu thì mình kiếm con khác. Nếu kiếm không được vì thân phận mù lòa... thì ở vậy... có chết thằng Tây nào đâu?! Thân thể mình là của cha mẹ sanh ra; cuộc đời mình là ân sủng của Trời đất thì ngu sao mà chết?!

(Bên Úc này, người chơi nhạc kiếm tiền độ nhật trên đường phố, được 'cáo sỏ' khuyến khích; được xã hội tôn trọng, coi như là một 'busker' (nghệ sĩ đường phố) thực sự. Chớ không có gọi họ, một cách khi dễ, là ăn xin, ăn mày đâu nha!)

**T**hưa năm 1965, sân khấu cải lương Sài Gòn có trình diễn vở tuồng '**Tiếng hạc trong trăng**' của đôi soạn giả Yên Ba và Loan Thảo. Đây là vở tuồng kiếm hiệp kỳ tình của xứ Phù Tang. Dĩ nhiên của Nhựt Bồn nên đảo kép đều mặc đồ Nhựt Bồn hết rào... cho nó lạ con mắt!

Nữ nghệ sĩ, sắc nước hương trời, Thanh Nga, trong vai cô gái mù Xuyên Lan, mặc áo kimono, mang guốc mộc, có che một cái dù tre, vẽ hình hoa anh đào, dùng cán dù xoay xoay để múa. Nam nghệ sĩ Thành Được, xuất sắc trong vai Thy Đằng, tướng cướp một tay, múa gươm xoèn xoẹt, như 'hiệp sĩ mù nghe gió kiếm vậy!'

Yên Ba và Loan Thảo là hai soạn giả đi theo bước đường của đàn anh mình là Hà Triều Hoa Phượng. Vở tuồng '**Khi hoa anh đào nở**' ăn khách quá xá quà xa làm nên tên tuổi kép Thành Được

trong vai kiếm sĩ Tô Điền Sơn trên sân khấu đoàn Thúy Nga năm 1959. Cái gì ăn khách là mình làm nữa hè! Với vai diễn xuất sắc này, Thành Được đoạt huy chương vàng giải Thanh Tâm của ông nhà báo kiêm chủ báo Trần Tấn Quốc và tuồng **‘Tiếng hạc trong trăng’** cũng được trao giải tuồng xuất sắc nhất năm 1966.

**Thưa** cốt truyện vở tuồng **‘Tiếng hạc trong trăng’** mà tui nhớ lôm bôm như vậy:

Bình Thiếu Quân (nghệ sĩ Việt Hùng) vâng lệnh phụ thân là Thần y Đông Trạch (nghệ sĩ Tám Vân) dẫn em gái mù Xuyên Lan (nghệ sĩ Thanh Nga) đi tìm Lý Bình Thanh (nghệ sĩ Hoàng Giang) và phu nhân (nghệ sĩ Kim Giác) để đưa thơ. [(Ngoài đời, Hoàng Giang và Kim Giác góp gạo thổi chung... tức hai vợ chồng)]. Dọc đường, họ gặp tên cướp khét tiếng Thy Đàng (nghệ sĩ Thành Được), may nhờ có tráng sĩ Tô Điền (nghệ sĩ Thanh Sang) ra tay giải cứu. Tướng cướp Thy Đàng tìm đến Lý gia trang để gặp Lý phu nhân, nhắc lại chuyện ngày xưa bà đã thuê hấn giết chồng. Nhưng điều tướng cướp Thy Đàng muốn nhất là gặp lại vợ con đã thất lạc sau cuộc hỗn chiến ngày xưa. Lý phu nhân cho biết con hấn đã được bà gửi cho Thần y Đông Trạch nuôi dưỡng vì đứa bé ấy bị mù.

Khi biết con gái mình chính là Xuyên Lan, Thy Đàng tự nguyện hiến đôi mắt của mình cho con. Ngày mở băng mắt, Xuyên Lan đau khổ khi biết ân nhân của mình lại là tên cướp khét tiếng mà không hề biết đó chính là cha ruột của mình. Đoạn cuối, khi Xuyên Lan được Thần y Đông Trạch nhắc lại sơ yếu lý lịch của mình, họ tên và con của ai! Xuyên Lan biết được sự thật cha ruột là tướng cướp Thy Đàng đã cho con đôi mắt sáng ngời, để nhìn đời, nhìn rõ đục trong, và sẽ vầy duyên cá nước cùng tráng sĩ Tô Điền. Sướng nhe!

Nam nghệ sĩ Thành Được xuất thần qua câu hát: *"Cháu tôi đưa nào cũng dễ dạy, tụi nó có hai ông ngoại, chúng nói ông ngoại này móc mắt ông ngoại kia cho má tôi thấy đường"*. Hát xong, Thy Đàng vĩnh biệt con gái yêu Xuyên Lan của mình, lần mò đi vào cánh gà mà trời tuyết đang rơi lã chã! Hình ảnh Thy Đàng rọi trên nền phong sân khấu như một kẻ cô đơn, như **‘Tiếng hạc trong trăng’!**

*"Ò e Ro be đánh đu! Tazdan nhảy dù! Zoro bắn súng! Chết cha con ma nào đây làm tui hết hồn thần lẫn cụt đuôi!"*

Bà con đi coi cái lương tới đoạn vắn này khóc quá xá! Cô Sáu, dì Bảy, em Hai, em Ba, coi xong tuồng rồi cứ tằm tức hoài! Tại sao Thy Đăng đã nhường đôi mắt của mình cho con gái yêu là Xuyên Lan rồi; còn đi bụi đời chi nữa để phải lấy cây kiếm quờ quạng lẩn mò dò đường. Mù lòa mà đi đâu cho khổ thân như vậy hông biết nữa?!

Thưa lúc đó tui 'bí'!... Biết trả lời sao? Tại hai ông soạn giả này muốn vậy mà.

Khi sáng tác, soạn giả là ông Trời. Muốn cho Thanh Nga mù là phải chịu mù. Cho Thành Được bị chém rụng hết một tay thì tưởng cướp Thy Đăng phải cụt một cánh tay!

**R**ồi năm chục năm sau, tức là nửa thế kỷ, nước chảy qua cầu, đêm nay, viết bài này, tui lại tự hỏi tui: *"Cha cái vụ hiến con mắt này, nền y học hiện đại giờ chưa thể làm được... mà soạn giả nói được là phải được... He he!"*

Nhưng cái quan trọng nhứt, cái ý chánh của vở tuồng đã nêu cao được cái phụ tử tình thâm và một cái nhìn rất nhân bản về người khuyết tật, mù lòa.

Thưa tui nghe nói xã hội trong nước bây giờ, người ta vô cảm lắm, lạnh lặn với nhau mà hở một cái là xách dao ra... lụi! Lạnh lặn còn chơi nhau tới cạn tàu ráo máng như vậy... thì lòng nhân đâu mà đối xử đàng hoàng tử tế với những kẻ không may, những người khuyết tật mà theo thống kê cả nước sau chiến tranh lên tới 5, 7 triệu người! Đưa nào làm cho miền Nam mình băng hoại cho đến nỗi này?!

Viễn Châu với '**Người đánh đàn trên sông Mỹ Thuận**'; Yên Ba và Loan Thảo với '**Tiếng hạc trong trăng**' dạy cho người viết là tui một cái nhìn đúng đắn, để biết cách đối xử với những người không được may mắn như chúng ta. Còn ai đó cho rằng: *"Người khuyết tật phải gánh chịu số kiếp khuyết tật như vậy vì họ phải trả giá cho việc làm xấu xa ở kiếp trước..."* Nói như vậy là nói bậy! Muốn biết một xã hội văn minh hay không chỉ cần nhìn vào cách họ đối xử với người khuyết tật. Chớ văn minh không phải chỉ là đi mượn nợ nước ngoài để xây thật nhiều cao ốc cho

giống Singapore hay lên truyền hình dạy con nít cách nhồi chất nổ C4 vào cái bánh chưng mà giết ‘giặc’ Mỹ đầu nha mấy cha nội! Đồi xử với nhau cho ra cái giống người mới là cái việc cần làm ngay đó!

**đoàn xuân thu.**

## KHÔNG MỘT MÁI NHÀ

**S**on Nam chuyên viết văn và biên khảo nhưng ông cũng có một bài thơ duy nhất làm đề tựa cho tập truyện ngắn **Hương Rừng Cà Mau** do nhà Phù Sa ấn hành năm 1962; trong đó có hai câu: *‘Phong sương mấy độ qua đường phố. Hạt bụi nghiêng mình nhớ đất quê’.*

Sau 1962, cuộc chiến tranh Việt Nam ngày càng khốc liệt! Bà con cô bác phải bỏ quê hương bản thổ, xa lìa nơi chôn nhau cắt rún, tràn về những thành phố lớn chạy trốn chiến tranh. Từ đó chữ ‘hạt bụi’ chỉ thân phận của những người cùng khổ, ly hương, không nhà không cửa, phải sống lầy lắt ở Sài Gòn thành những chữ: bụi đời, đi bụi, sống bụi...

Những người vì hoàn cảnh chiến tranh bị buộc phải ‘bụi đời’, cay đắng cho thân phận không nhà không cửa của mình thường nói: *‘Nhà tui là khách sạn ngàn sao!’* Khách sạn xịn nhất trên thế giới, chỉ 5 hoặc 6 sao là cùng; còn ở khách sạn ngàn sao là vì đêm nằm nhà không mái, nhìn lên trời thấy ngàn sao lấp lánh nên mới gọi là khách sạn ngàn sao? Thiệt là một tiếng cười chua xót! Những người đó, tiếng Anh, gọi là homeless. Home là gia đình; less, tiếp vĩ ngữ, có nghĩa là không; do đó ‘homeless’ là người không gia đình; người vô gia cư... ‘cu ky’, một mình. Còn nói văn chương thêm một chút nữa là những người ‘không một mái nhà’ (without the roofs).

Nhớ quay quắt Sài Gòn, những ngày được nghỉ, người viết thường lang thang xuống phố Footscray! Ở đây tiếng Việt là sinh ngữ một. Đi xuống, đi lên nghe bà con mình vui vẻ chửi thề với nhau để mình bớt nhớ chân quê?!

Lần nào xuống Footscray, người viết cũng thấy một ông già da trắng, mặc áo bành tô dù mùa hè nóng nực hay mùa đông lạnh



cắt da, nhất y nhất quần, đứng lảng vảng gần cột đèn đường xanh đỏ, xè tay ra ăn xin. 'Có tiền lẻ hông?' (Any change?), "Cho 50 xu hay một đô", ông lắc đầu giờ hai ngón tay: 'Two dollars'. Sau này lạm phát, ông ra giá 5 đô la! Chiều lại thì thấy ông ngồi vắt vẻo trên cái ghế cao bên ngoài một quán bán beer của Úc, hút thuốc lá phì phèo... Nóng thì uống beer, lạnh thì tay cầm ly rượu đỏ. Sống như vậy là cha rồi. Nhưng người viết cũng không quan tâm lắm, cho hai đô hông lấy thì thôi! Bộ ông nội tui sao! Tuy nhiên, ông vẫn cầm, rồi nói: 'Thank you but next time 5 dollars!' (Cám ơn nhưng lần tới 5 đô nhé!) Chu choa! Nước Úc cho tui đến ở; thì tui đã đi cày, đóng thuế đầy đủ hai ba chục năm nay rồi, bộ nó chưa hài lòng hay sao mà còn gởi ông già này ra đứng đây để đòi tiền mãi lộ nữa hay sao?!

Ông già homeless này làm ăn ở Footscray coi bộ khảm khá vì người Việt quê mình vốn có từ tâm! Đi những khu khác của Úc sống, ít thấy có người xin ăn như ở Footscray mà chỉ toàn là Úc... xin thuốc lá?! Khoảng thời gian sau này không còn gặp ông nữa! Thấy Footscray thiếu thiếu cái gì đó! Hỏi ra thì ông đã về Tây Phương cực lạc! Già rồi ai mà không chết? Biết vậy, sao lòng vẫn cảm thấy bùi ngùi? (Trên đường đời đôi khi mình vô tâm; thân nhiên đánh rơi biết bao hình bóng cũ!)

**Q**uê hương mình vì chiến tranh mới ra nông nổi không nhà, không cửa như thế. Còn như ở thủ phủ Melbourne, tiểu bang Victoria, nước Úc này chưa hề kinh qua một cuộc chiến tranh khốc liệt nào mà cũng có hàng chục ngàn người không nhà, không cửa, vắt vường trên đường phố đêm đêm. Sao kỳ vậy?

Rồi khi đọc được cái tin nhà từ thiện hàng đầu nước Tàu sẽ đãi 1000 người homeless ở Nữ Ước, Hoa Kỳ một buổi ăn trưa thịnh soạn tại nhà hàng nổi Central Park thì người viết tự hỏi: Giàu như Úc, như Mỹ thì nguyên do tại làm sao lại có kẻ không nhà?! Những người homeless ấy là ai? Họ cũng là người như chúng ta thôi! (I Am A Human Being, Just Like You).

Khi bắt gặp một người vô gia cư vật vạ trên đường phố, chúng ta thường có thành kiến nghĩ rằng họ là những người nghiện ngập hay bị tâm thần. Đúng! Có một số người homeless như thế thật. Một số thôi... chứ không phải là tất cả! Thường thường là

chúng ta ít có cơ may nào mà nghe tâm sự cuộc đời của họ tại sao ở những đất nước giàu có và văn minh như vậy mà lại va vào hoàn cảnh không nhà, không cửa khốn khổ như thế này!

Trong tuyển tập **‘Những kẻ không nhà’** (Stories without roofs) do những người homeless viết, chúng ta tìm thấy những kỷ niệm êm đềm hạnh phúc lẫn những hồi ức buồn đau. Đó là thơ; đó là nhạc!

*‘Hai năm đầu khi tôi bỏ nhà ra đi, mẹ tôi khóc hằng đêm cho đến khi mòn mỏi chìm vào giấc ngủ. Mẹ không biết tôi còn sống hay đã chết? Ở tù hay không? Hay gia nhập băng đảng nào trên đường phố đầy đầy bạo lực như Nữ Ước này!’*

*Tôi không phải là con quái vật. Tôi cũng là một con người giống như anh. Tim tôi đập! Máu tôi vẫn còn luân chuyển. Tôi có một quả tim nhân hậu và một tâm hồn biết rung động cũng như ai! Tôi nghiện ngập, sau khi anh tôi bị bắn chết, tôi bỏ nhà ra đi, bụi đời, rồi gặp ‘em yêu!’ Tôi muốn làm lại cuộc đời! Tôi cai nghiện, rồi tái nghiện, rồi lại mất nhà, mất cửa cho đến khi tôi có con gái đầu lòng!’*

Câu chuyện làm chúng ta khi nghe phải roi nước mắt!

*‘Đời ba hoàn toàn thay đổi từ khi con ra đời. Thế giới này tràn ngập những niềm vui. Hồi thiên thần bé nhỏ của ba. Đứng khóc! Có ba bên để dỗ dành con bây giờ và mãi mãi. Quý dữ vẫn còn ám ảnh đời ba! Một kẻ nghiện ngập không nhà! Một người homeless! Tuy nhiên vẫn còn có ba đây, để thấy con chập chững bước vào đời. Ba sẽ lo cho con! Nhưng đừng lớn nhanh quá vì ba sợ sức ba không thể nào kham nổi để lo kịp cho con. Mỗi lần nghe con bập bẹ gọi ‘ba ba’ là trái tim ba chùng xuống và tan chảy. Ba ở đây để lắng nghe con! Bờ vai của ba cho con tựa vào để khóc. Con sẽ vào đời có ba bên cạnh, dẫn từng bước con đi! Đừng e sợ khi nói lên sự thực vì bao giờ ba cũng là ba của con yêu!’*

Những tâm sự của một người homeless có con đầu lòng làm ta xúc động! Nhưng khi đọc cái tin này thì mình lại thấy phẫn nộ: Trời ơi! sao còn có những hạng người nhân tâm như thế chớ?!

**Chuyện** rằng: Một bữa tiệc trưa được quảng bá rầm rộ dành cho người homeless ở thành phố Nữ Ước, Hoa Kỳ đã kết thúc bằng những lời phẫn nộ trong số nhiều người đến dự. Doanh

gia Trung Quốc Trần Quang Báo đã đãi một bữa ăn trưa miễn phí cho một ngàn người không nhà tại một nhà hàng sang trọng ở Central Park.

Thay vì một ngàn người như đã hứa; chỉ có hai trăm người được xe bus chở đến nhà hàng. Hỏi tám trăm người nữa đâu? *'Cái này nó sẽ đến ăn bữa khác đó!'* Nhân viên an ninh và cảnh sát dày đặc. Phóng viên báo chí, truyền hình đông như ruồi đến để đưa tin... lạ!

Trước khi bước vào nhà hàng, những người homeless này gồm đàn ông, đàn bà được bồi bàn ăn mặc tươm tất đón ở cửa; phát cho mỗi người một ly nước ép trái cây có nặn chanh và bỏ nước đá!

Bữa ăn trưa gồm 3 món: cà nùng ướp mè, rau trộn, bít-tết, và kem tráng miệng được dọn ra trên bàn trái khăn trắng muốt!

Rồi nhà triệu phú Trần Quang Báo xuất hiện, dạy đời (qua phiên dịch)! Chú Ba Báo nói: *'Ngộ đến Mỹ thấy người ta lục tung thùng rác để kiếm thức ăn; nên ngộ nảy ra sáng kiến này! Vốn sinh trong một gia đình nghèo khổ nay trở nên giàu có, ngộ muốn giúp kẻ nghèo đó? Ngộ muốn những người giàu có khác trên toàn thế giới bắt chước ngộ để thấy thế giới này tràn đầy tình yêu thương nhân loại! Năm tới ngộ sẽ làm y như vậy ở Phi Châu?'*

Chú Ba Báo từng khoe là: *Ngộ là người có ảnh hưởng như nước Tàu, (Most Influential Person of China) và Hình mẫu một người đáng yêu và nổi tiếng nhất Trung Hoa (Most Well-known and Beloved Chinese Role Model).*

Sau đó chú Ba Báo hát bản 'We are the World' của Michael Jackson! Rồi một bài tiếng Tàu, ca ngợi chủ nghĩa Mao Trạch Đông, có một bọn xây lộ cổ mặc đồng phục Quân đội Giải phóng Nhân dân Trung Quốc múa minh họa!

Bốn màn hình cỡ lớn trong nhà hàng chiếu cảnh chú Ba Báo đang múa may quay cuồng, say mê quảng cáo cho chính bản thân mình! Những người homeless được ăn một bữa trưa thật ngon (dĩ nhiên!). Nhưng cái họ chờ đợi nhất là 300 đô tiền lì xì như đã hứa... Chú Ba Báo lại hứa 'lèo'!

Một chiếc xe đi chợ (trolley) được đẩy ra sân khấu; có những cọc tiền mặt bằng giấy trăm đô Mỹ! Nhưng chỉ có 5 đại biểu may mắn nhận được tiền để chụp hình (sau đó phải trả lại?)

Chuyện tiền hồng bao (red envelope), lì xì theo phong tục Tàu này từ lạ lùng đưa cử tọa đến giận dữ!

Sao có cái chuyện: Hứa xong rồi lại nuốt lời như chơi như thế này? Thì chú Ba Báo và đồng bọn nói rằng cho tiền mặt 300 đô sợ mấy người homeless này đưa sẽ mua rượu nhậu sạch bách; đưa sẽ mua xì ke mà hút, chích?!

Nên chú Ba Báo sẽ hiến tặng cho một tổ chức từ thiện 90 ngàn đô để giúp cho những người homeless thức ăn nóng, chỗ tắm rửa, chỗ ngủ an toàn, quần áo, vv và vv...

Cử tọa chửi bới quá! "*Đừng nói dóc nữa! Đừng lợi dụng người cùng khổ để chụp hình quảng cáo nữa! Đồ lừa đảo!*"

Nhân viên an ninh phải quay vòng vòng đưa Trần Quang Báo an toàn ra xe mà dọt lẹ!

Tin tức tràn về Trung Quốc làm những người Tàu chân chính, sử dụng internet, cũng mắc cỡ lây, bèn lên trang mạng xã hội Sina Weibo (giống như Facebook hoặc Twitter) nhạo báng chú Ba Báo như vậy:

*'Nếu ngưng những trò khi này nị sẽ ngã lăn ra chết liền hay sao chứ?'*

Rồi đề nghị Chính quyền trung ương Tàu Cộng nên lẹ lẹ triệu hồi y về và nhốt y vào nhà thương điên giùm cái!

(Đừng làm vậy e những người bị bệnh tâm thần sẽ xấu hổ khi phải chung đụng với y ta nha!).

Người khác thì viết: *'Báo đã từng bán những lon không khí sạch cho dân Tàu ở Bắc Kinh để kiếm tiền! Qua Mỹ nói muốn mua tờ Thời báo Nữ Ước (the New York Times)?! Y giống hệt một tên hề! Có ai điều tra để biết tiền từ đâu ra và kiếm bằng cách nào? Có lương thiện hay không?'*

Rồi tiện tay chơi luôn: *'Tất cả dân Tàu và quan lại đảng Cộng Sản Trung Quốc chắc lấy làm tự hào vì không có người Tàu nào vô gia cư tham dự buổi tiệc từ thiện này ở thành phố Nữ Ước, Hoa Kỳ!'* (Nhưng bên Tàu thì người vô gia cư hằng hà sa số!)

Một người khác thì nói chắc như bập rằng: *'Trần Quang Báo chỉ là tên bù nhìn của tuyên huấn Trung Quốc! Nhiệm vụ được đảng giao cho là đi khoe người Trung Quốc giàu trong khi người Mỹ nghèo đói. Y muốn tuyên truyền bôi bẩn hình ảnh dân Mỹ cho đã tức!'*

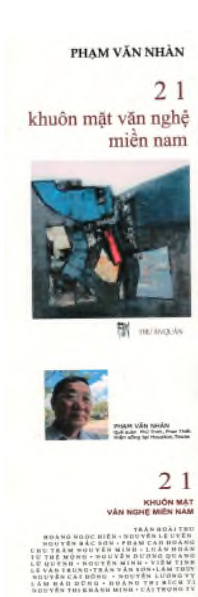
Tóm lại: Không một mái nhà mà gặp thẳng cha này vừa là Ba Tàu vừa là Ba Xạo này cũng khổ ghê!

Thôi Chú Ba 'Báo' ơi! Đừng có 'Cáo' nữa! Những người homeless này đã khổ lắm rồi thì đừng lợi dụng hình ảnh họ nữa cho mưu đồ riêng của mình; có được hông?! (Leave them alone! The idiot!)

## đoàn xuân thu.

melbourne

Sở tay Văn Học kỳ này xin tạm dừng nơi đây. VĂN HOÁ VIỆT NAM kính xin quý anh, chị nhà Văn, nhà Thơ, nhà hoạt động Văn Hoá Giáo Dục... mỗi người một tay về xây dựng ngôi nhà VĂN HOÁ VIỆT NAM để mỗi ngày thêm khởi sắc. Mong lắm thay.



(ảnh trên: bìa 1 & 4)

Văn Hoá Việt Nam trân trọng giới thiệu:  
THƯ ẮN QUẢN vừa xuất bản (tháng 10-2015) tác phẩm của

### PHẠM VĂN NHÂN 21 KHUÔN MẶT VĂN NGHỆ MIỀN NAM

"... Đây không phải là tác phẩm về nhận định hay phê bình văn chương hay văn học, trái lại là những trang giấy đầy cảm xúc của người viết: qua tình bạn ngoài đời và qua tình văn chương cùng một nhịp đập. Những bài viết trong sách đều được đăng trên *Thư Quán Bản Thảo*..." (trích Lời giới thiệu của Nhà xuất bản *Thư Án Quán/Tạp chí Thư Quán Bản Thảo*).

Chúng ta sẽ gặp chân dung của 21 khuôn mặt văn nghệ Miền Nam: \* Trần Hoài Thư \* Hoàng Ngọc Hiến \* Nguyễn Lệ Uyên \* Nguyễn Bắc Sơn \* Phạm Cao Hoàng \* Chu Trầm Nguyên Minh \* Luân Hoán \* Từ Thế Mộng \* Nguyễn Dương Quang \* Lữ Quỳnh \* Nguyễn Minh \* Viêm Tịnh \* Lê Văn Trung \* Trần Văn Sơn \* Lâm Thúy \* Nguyễn Cát Đông \* Nguyễn Lưu Ông Vỹ \* Lâm Hào Dũng \* Hoàng Thị Bích Ti \* Nguyễn Thị Khánh Minh \* Cái Trọng Ty.

o Sách in đẹp và thực hiện rất công phu: *Trình bày bìa và tựa*: Phạm Cao Hoàng. *Tranh bìa*: Đinh Cường. *Layout*: Phạm Văn Nhân. *Kỹ thuật*: Trần Hoài Thư.

o **Tác giả giữ bản quyền.** Sách dành biếu tặng thân hữu.

**Huy Lực BÙI TIÊN KHÔI**  
**Hai câu đối tiễn đưa**  
**nhà văn Võ Phiến**

1

Văn bút trọn đời, thương xót thay  
**Phù thế Một mình** sao sớm trở về nơi cát bụi.

Bể dâu vận nước, yêu đành vậy  
**Giã từ Áo ảnh** còn đâu chờ đợi chốn văn chương.

**Huy Lực Bùi Tiên Khôi**  
**Phù thế, Một mình, Giã từ, Áo ảnh** là tên 4 tác phẩm của Võ Phiến

2

Tài mệnh bởi lòng trời đứt ruột từ ly chàng **Võ Phiến**  
Bể dâu theo vận nước đau lòng vĩnh biệt bạn **Thế Nhơn**

**Huy Lực Bùi Tiên Khôi**

**TIN BUỒN**

Vô cùng xúc động nhận được TIN BUỒN

**Nhà văn VÕ PHIẾN**  
**ĐOÀN THẾ NHƠN**

*(cộng tác trên VHVN từ số 4 - mùa Xuân 1999 đến nay - 2015)*

Sinh ngày 20 tháng 10 năm 1925 tại làng Trà Bình, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định. Đã qua đời lúc 7 giờ chiều ngày 28 tháng 9 năm 2015 tại California Hoa Kỳ.

**Hưởng thọ 90 tuổi.**

Toàn Ban Biên Tập và cộng tác viên tạp chí VĂN HOÁ VIỆT NAM  
xuất bản tại Houston Texas Hoa Kỳ

\* Xin thành thật chia buồn cùng Bà Võ Thị Viễn Phó và tang quyến.

\* Nghiêng mình từ biệt và cảm ơn nhà văn đã để lại cho đời sau một di sản văn chương quý báu. Nguyên cầu hương linh cố nhà văn VÕ PHIẾN - ĐOÀN THẾ NHƠN sớm thanh thân, bình an trong cõi vĩnh hằng.

BBT và CTV tạp chí VĂN HOÁ VIỆT NAM  
**THÀNH KÍNH PHÂN ƯU**

## TRẦN VĂN LỆ

(California)

### VĨNH BIỆT VÕ PHIẾN

Tôi đó trắng tròn, trắng tròn đầy, người đi tan khuất tựa làn mây! Cali đưa tiễn mưa không hạt, tôi nóng ran người thương tiếc ai...

Con hạc vàng bay trong trắng vàng. Con hạc vàng bay về Quy Nhơn. Tôi đưa tay hứng gì, không biết. Một chiếc lá rơi. Một nỗi buồn!

Tôi khóc. Trời ơi tôi bật khóc. Từ nay tôi mất một Tình Yêu. Từ nay, vĩnh viễn... người-tro-bụi, còn lại Người... trang sách lật theo!

Còn lại Người... Non Nước mỏng manh. Mừng Người rời được chốn hôi tanh. Mừng Người, lòng vẫn nguyên lòng dạ. Mà quạnh hiu đời. Tôi ngó quanh...

Từ nay... cánh cổng nhà ai mở? Cánh cổng nhà tôi đứng bấm chuông. Con quạ lặng thinh... không thấy Bác, không thấy gì... gì nữa, ngoài sương!

*Bác Võ Phiến ơi, thôi vậy... hết! Trăm năm, Bác thiếu nợ mười năm. Tách trà bay khói thơm thơm phức, con nhớ Bác hoài những tối trăng...(\*)*

## TRẦN VĂN LỆ

**(\*) Nhà văn Võ Phiến mất lúc 7 giờ chiều 28 tháng 9 năm 2015. Trăng 16 tháng Tám năm Ất Mùi đang lên. Thọ 90 tuổi. Tôi từng chúc Bác sống tới trăm tuổi, mà thôi! Xin gửi những giọt nước mắt lẫn theo tiễn Bác...**

## ĐINH CƯỜNG

(Burke - Virginia)

# TÔI KHÔNG CÒN NGHE THÁC ĐỔ SAU NHÀ

\* Từ biệt anh Võ Phiến

"Mai kia ta đi mất  
Tháng tư cuối vườn hoa tử đằng tím ngát"  
(Võ Phiến)

*Tháng tư hoa tử đằng tím ngát  
mà trời mới chớm thu lá phong vàng  
anh ra đi rồi sao, chị hết đưa anh ra công viên trước nhà  
từ mấy tháng nay anh không còn đi nổi nữa, anh nằm...*

*Chín mươi tuổi, thôi anh như vậy là thọ.  
để lại cho đời cả một gia sản văn chương  
anh là nhà văn lớn của Việt Nam, của thế kỷ hai mươi.  
nếu thay đổi vùng địa lý. Chính trị.  
Việt Nam mình không biết trọng nhân tài Võ Phiến.*

*Dostoyevsky hay Gabriel Garcia Marquez ở ba đất nước khác biệt  
nhưng ở nơi kia được tôn vinh biết chừng nào.  
nhà văn mình chỉ chốn chợ lao xao.  
ồn ào tiếng nói không phải.  
anh như ông Phật chuyện gì cũng bỏ qua thôi...*

*nhìn anh phút cuối năm đó.  
Có Thầy Viên Lý, có chị Viễn Phố chấp tay tụng niệm  
có chuỗi hạt bồ đề có cả trang kinh  
ở xa bên này miền Đông tôi tụng niệm tiếp dây chuyền.*

*anh ra đi thanh thân bình yên là Phước Đức.  
từ nay tôi không còn nghe tiếng thác đổ sau nhà...*

Virginia - Sept 30, 2015

## ĐINH CƯỜNG





## TẠ QUỐC TUẤN

### TRẬN ĐÓI ẤT DẬU 1945

**T**rong ngót 5.000 năm lịch sử, dân tộc Việt Nam đã trải qua rất nhiều trận đói, nhưng không có trận đói nào lại khủng khiếp như trận đói xảy ra năm 1945 (thường được gọi là Trận Đói Ất Dậu) đã giết chết cả triệu người.

#### I.- Hai Trận Đói Ất Dậu Khác

**T**rước trận đói Ất Dậu 1945 đã có hai trận đói khác cũng xảy ra trong năm Ất Dậu.

Trận đói Ất Dậu thứ nhất xảy ra năm 1165, đời vua Lý Anh Tông (tại vị năm 1138-1175).

Bộ **Đại Việt Sử Ký Toàn Thư** của Ngô Sĩ Liên chép rằng:

*“Ất Dậu, mùa hạ, tháng 6, đại hạn, dân bị bệnh dịch lớn, trâu bò súc vật chết nhiều, giá gạo cao vọt.”* (BK, q. 4, tờ 14a-14b)

Bộ **Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục** của Quốc sử quán triều Nguyễn cũng chép tương tự.

*“Hạn hán. Nhiều nơi phát sinh bệnh dịch. Dân bị đói.”*

*“Nhân dân mắc bệnh dịch dữ dội. Trâu bò chết nhiều. Giá gạo cao vọt.”* (CB, q. 5, tờ 13).

Trận đói Ất Dậu thứ hai xảy ra năm 1405, trong đời vua Hồ Hán Thương (tại vị năm 1401-1407).

Cũng bộ **Toàn Thư** kể rằng:

*“Năm ấy đói.”*

“[Hò] *Hán Thương lệnh cho các quan phủ, lộ, châu, huyện kiểm xem các nhà giàu có bao nhiêu thóc, [bảo hộ] bán ra cho dân, [số lượng nhiều ít] khác nhau.*” (BK, q. 8, tờ 48a)

**Cương Mục** thì chép rõ hơn một chút:

“*Có nạn đói. Hạ lệnh cho dân các lộ phải bán thóc.*

“*Các quan ở lộ, phủ, châu, huyện kiểm tra số thóc của nhà giàu, bảo hộ bán cho dân theo giá hai bên cùng thỏa thuận. Bán nhiều hay ít tùy theo số thóc hiện có.*” (CB, q. 12, tờ 7)

Đáng tiếc là các tài liệu trên không cho rõ chi tiết về hai trận đói 1165 và 1405, nên chúng ta không rõ tầm mức của tai họa. Điều có thể nói được là tuy phải có nhiều người chết đói, nhưng chắc không thể tới tầm mức của Trận Đói Ất Dậu 1945, bởi vì nếu khủng khiếp đến độ bằng (hay xấp xỉ bằng) Trận Đói Ất Dậu 1945 thì các tài liệu này đã phải nói đến, dù là gián tiếp. Vì vậy, chúng ta có thể suy luận là có vài ngàn người chết là cùng.

## II.- Trận Đói Ất-dậu 1945

**T**rái lại, trong Trận Đói Ất Dậu 1945 đã có từ 400.000 tới 2.000.000 người chết. Trận đói không tiền khoáng hậu này đã xảy ra bắt đầu từ tháng 10.1944 kéo dài đến khoảng tháng 6.1945 tại các tỉnh Bắc Việt và bắc Trung Việt, từ tỉnh Quảng Trị trở ra, nặng nhất là ở các tỉnh đồng bằng, nơi dân số tập trung rất đông và có nhiều ruộng, như Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, Hải Phòng, Thanh Hóa.

Quá đói, người dân ăn bất cứ cái gì họ thấy trước mắt hay tay có thể lấy được: chó, mèo, chuột, rắn, rết, giun, châu chấu, cào cào, lá thối, vỏ cây, v.v...

Ở ngoại ô thành phố Hà Nội, cho tới mùa thu năm Giáp Thân (1944) nhà cửa còn đầy đủ, cây cối còn tươi tốt, thế mà đến đầu năm Ất Dậu thì không còn gì nữa. Nhiều người đã phải dỡ dần nhà mình đi, bán đổi lấy mấy nắm cơm, nhưng cũng chỉ ăn được vài ngày là hết. Cây cối cũng bị chặt, giậu cây đâm bịt ngăn cách các nhà với nhau cành lá bị ngắt sạch. Thậm chí ngay cả vỏ các cây khác cũng bị người ta bóc ăn cho đỡ đói bụng. Do đó chỉ mấy tháng thôi nhiều làng xóm chỉ còn lại những nền nhà và cây cối trụi.

Khi không còn gì ăn thì họ ngồi chờ chết, để người nhà mang đi chôn hoặc chết ở bờ bụi khi đi kiếm ăn. Cái chết đến từ từ, thâm khốc, dày vò cả thể xác lẫn tinh thần. Cái đói khiến cha bỏ con, chồng bỏ vợ, tình người đứt đoạn, đi xin ăn không được thì cướp giết, thậm chí ăn cả xác người mới chết. Ở các vùng quê, hàng nghìn gia đình chết cả nhà, nhiều dòng họ chỉ một vài người sống sót.

Đến tháng 3.1945, nạn đói lên tới cực đỉnh. Hàng nghìn hàng vạn người đói nhưng còn đôi chút sức thì kéo lê thân xác gầy còm bưng beo từ các vùng Thanh Hoá, Nghệ An, Thái Bình, Nam Định, Vĩnh Yên, Phúc Yên lũ lượt kéo về các thị xã, các thành phố, nhất là Hà Nội, để mong kiếm được chút gì ăn, vì họ nghe đồn ở những nơi đây người ta còn tích trữ được nhiều lúa gạo. Tuy nhiên, tại những nơi này bọn thực dân Pháp và quân đội chiếm đóng Nhật Bản canh giữ các kho thóc lúa rất nghiêm ngặt, không ai làm gì được. Vì vậy số người chết đói rải rác trên các đường phố, ngõ xóm, làng mạc càng ngày càng gia tăng. Thí dụ trên khoảng đường phố chính ở thị xã Phát Diệm, dài khoảng 2 cây số rưỡi, có ngày người ta đếm được 70 xác người chết đói. Ngay ở Hà Nội xác người chết đói ngổn ngang đầy đường hàng ngày. Nhiều người đang lê bước xiêu xiêu vẹo vẹo rồi ngã gục xuống chết vì đói quá. Phố xá tràn ngập người ăn xin và xác người chết đói. Ban ngày, họ lê lét khắp các đường phố, ngửa tay xin ăn, chờ chực ở thùng rác trước cửa hàng quán để kiếm chút gì bỏ vào miệng, ban đêm thì chui rúc ở gầm cầu hay ngay cả trên các vỉa hè, lề đường ngủ, nhưng rồi ngủ luôn một mạch không bao giờ thức dậy nữa. Đầy đường phố luôn luôn có những tiếng rên xiết của những người sắp chết, lại có những đồng thối quần quai gần bên những xác chết, có chỗ năm ba xác, có chỗ ngổn ngang cả chục người sống chết nằm lẫn với nhau.

### **III. Nguyên Nhân của Trận Đói Ất Dậu 1945**

**T**rận Đói Ất Dậu 1945 đã xảy ra do nhiều nguyên nhân, xa cũng như gần.

#### **A.- Thiên Tai**

Nguyên nhân xa nhưng có hậu quả dẫn đến Trận Đói Ất Dậu 1945 là thiên tai.

Thời tiết là yếu tố có ảnh hưởng sâu rộng lớn lao đối với công việc sản xuất lúa gạo tại Bắc Việt. Hạn hán, lũ lụt và côn trùng là ba kẻ thù đáng sợ của người nông dân miền Bắc.

Mới đầu là hạn hán và côn trùng đã lan tràn nhanh chóng khiến cho mùa màng vụ đông xuân từ năm Giáp Thân 1944 đã bị sụt giảm khoảng 1/5 so với thu hoạch năm 1943.

Tiếp theo là vụ lụt tháng 9.1944 do đê sông La (ở tỉnh Hà Tĩnh) và đê sông Lam (còn gọi là sông Cả, ở tỉnh Nghệ An) bị vỡ. Ngoài ra, lúa trên hàng trăm mẫu ruộng ở xã Tây Lương thuộc huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình lại bị sâu rầy phá hoại. Cả mẫu ruộng không thu nổi vài chục cân thóc mảy.

Cũng trong tháng 9 cùng năm, một trận cuồng phong dữ dội đã xảy ra, tàn phá mùa màng ở một số tỉnh miền đồng bằng Bắc Việt, nhất là tỉnh Thái Bình, nơi từ bao nhiêu thế kỷ có nạn nhân mãn và luôn luôn đói kém, khiến cho vụ gặt mùa tháng 10 âm lịch hoa lợi rất xấu, chỉ thu hoạch được khoảng 1/3 thu hoạch những năm khác.

Ngoài ra, một tai họa khác cũng đã giáng xuống đầu người dân Bắc Việt: đó là nạn rét.

Đúng vào ngày mùng một Tết Ất Dậu (13.2.1945) trời trở rét dữ dội chưa từng thấy. Ở Hà Nội giữa buổi trưa mà hàn thử biểu tụt xuống tới 4 độ bách phân. Ở những nước khác, mức rét như vậy không có nghĩa lý gì, nhưng ở Việt Nam, một xứ rất nghèo, cơm không đủ ăn, quần áo không đủ mặc, lại không có các tiện nghi để sưởi ấm thì mức rét 4 độ thật là cực độ sức chịu đựng của con người. Trận rét này lại còn hủy hoại luôn những hoa màu khác nữa.

## **B.- Nhân Họa**

Người Việt Nam có câu: “*Phúc bất trùng lai, họa vô đơn chí.*” Thực vậy, năm 1944, ngoài các thiên tai kể trên ra, còn có những tai họa do con người tạo nên, dẫn đường cho Trận Đói Ất Dậu 1945.

### **1.- Do Thực Dân Pháp Gây Nên**

Nguyên nhân gần đã trực tiếp gây ra Trận Đói Ất Dậu 1945 là việc chính quyền đô hộ Pháp đã gia tăng thu mua thóc lúa và giảm diện tích đất canh tác.

Từ khi đặt nền đô hộ trên đất nước Việt năm 1862, thực dân Pháp, với sự cộng tác của người Trung Hoa ở Việt Nam (được Pháp cho hưởng qui chế đồng hóa với người Âu Mỹ) và một thiểu số người Việt Nam, đã nắm độc quyền khai thác các tài nguyên của nước Việt Nam khiến cho Việt Nam tuy là chủ nhân ông của các tài nguyên phong phú mà vẫn phải nghèo đói so với nhiều quốc gia Á Châu khác. Hơn nữa, hệ thống thuế nửa thực dân nửa phong kiến khiến cho các nông dân phải bán hết lương thực có được để nộp thuế, mà kết quả là đa số nông dân không còn lương thực dự trữ.

Mặt khác, khi trận Thế Chiến II bùng nổ (ngày 1.9.1939), ở bên chính quốc, Pháp bị Đức Quốc Xã chiếm đóng (từ ngày 14.6.1940). Việt Nam tuy là một nước nhỏ bé và mất độc lập không thể làm chủ chính mình nữa, nhưng cũng bị lôi cuốn vào cuộc chiến tranh đẫm máu giữa nhiều quốc gia Âu cũng như Á, chỉ bởi vì Việt Nam nằm trên trục giao thông giữa hai đại dương lớn là Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, lại quay mặt ra phía đông bắc đối diện với đảo Hải Nam của Trung Quốc, phía đông trông ra quần đảo Phi Luật Tân, và xa hơn nữa về phía đông nam và nam trông ra quần đảo Nam Dương (tên chính thức ngày nay là Indonesia), phía tây nam là bán đảo Mã Lai (nay là Mã Lai Á và Tân Gia Ba). Hơn nữa, thời đó, Việt Nam còn là con đường duy nhất vận chuyển hàng hóa, dụng cụ, vũ khí, đạn dược, v.v., tới miền nam bộ Trung Quốc (Hoa Nam). Ai khống chế được Việt Nam thì kiểm soát được đường giao thông từ Thái Bình Dương tới Ấn Độ Dương và Hoa Nam.

Do đó, sau khi chiếm được phần lớn Trung Quốc (bắt đầu với vụ xung đột ở Lư Câu Kiều ngày 7.7.1937) và nhất là không lâu sau khi nhập cuộc vào trận Thế Chiến II bên cạnh Quốc Xã Đức và Phát Xít Ý, quân phiệt Nhật Bản đã nhòm ngó Việt Nam và năm 1940 đã ép nhà cầm quyền thực dân Pháp phải để cho Nhật Bản đóng quân ở đây (kể từ ngày 23.9.1940).

Tuy chiếm đóng Việt Nam, quân đội Nhật Bản vẫn duy trì chính quyền đô hộ Pháp (cho tới ngày 9.3.1945 mới lật đổ hoàn

toàn). Từ năm 1940 trở đi, Việt Nam chịu cảnh một cổ hai tròng. Kinh tế Việt Nam bị cả Pháp lẫn Nhật Bản kiểm soát. Ngoài việc hàng năm chính quyền đô hộ Pháp phải cung cấp cho Nhật Bản gạo, ngô, cao su, muối biển, than đá, quặng sắt, các kim khí khác, tiền chi phí đóng quân, v.v. (xem bài “*Nhật Bản Chiếm Đóng Việt Nam*” [VHVN số 68 - mùa xuân 2015 từ tr 12-37]), Pháp còn thu hẹp diện tích canh tác các hoa màu phụ (ngô, khoai, sắn) để lấy chỗ trồng bông, đay, gai, cây kỹ nghệ. Theo thống kê, trong 4 năm 1940-1944, diện tích trồng đay ở Việt Nam đã tăng gấp 9 lần, từ 5.000 mẫu tây (năm 1940) lên tới 45.000 mẫu tây (năm 1944), còn sản lượng lúa gạo và hoa màu qui ra thóc tại miền Bắc giảm xuống rất mạnh.

Trong lúc bình thường người dân quê Bắc Việt và Trung Việt đã ít khi sản xuất đủ lúa gạo để sinh sống. Vì vậy luôn luôn họ phải trông cậy vào lúa gạo ở trong Nam chở ra bán, nhất là những lúc có thiên tai khiến cho mùa màng thu hoạch được rất ít. Thí dụ theo báo **Tân Dân**, số ra ngày 31.10.1946, số lượng gạo ở trong Nam chuyển ra Bắc như sau:

- Năm 1940: 25.848 tấn.
- Năm 1941: 118.752 tấn.
- Năm 1942: 110.000 tấn.
- Năm 1943: 99.099 tấn.
- Năm 1944: 68.841 tấn.
- Tháng 1-3/1945: 15.222 tấn.
- Tháng 4-8/1945: 7.586 tấn.

Tuy nhiên, trong vụ Mùa năm Quý Mùi (tháng 11-12/1943) Toàn quyền Pháp Jean Decoux đã ra lệnh bắt nông dân ở Bắc Việt và Trung Việt phải bán “*lúa gạo thặng dư*” (lời của thực dân Pháp) cho chính phủ đô hộ theo một ngạch số nhất định: bắt kể số thóc lúa gặt được thực sự được bao nhiêu, họ bị bắt buộc phải bán thóc theo diện tích ruộng cấy cấy, chứ không phải theo số thu hoạch thực sự.

Chẳng hạn số lượng thóc thu được qui định như sau:

- Vụ tháng 10/1942: 18.098 tấn.
- Vụ tháng 5 và vụ tháng 10 năm 1943: 130.205 tấn.
- Vụ tháng 5 và vụ tháng 10 năm 1944: 186.180 tấn (năm này mất mùa).

Bề ngoài, thực dân Pháp nói rằng họ phải thu mua thóc để nộp cho Nhật Bản. Trong thời gian từ năm 1941 đến năm 1944, Pháp đã nộp cho Nhật Bản một số lượng gạo như sau:

- Năm 1941: 700.000 tấn.
- Năm 1942: 1.050.000 tấn.
- Năm 1943: 950.000 tấn.
- Năm 1944: 900.000 tấn.

Tuy nhiên, thực tâm của chúng là áp dụng “chính sách chính trị dạ dày” đối với người dân bị trị Việt Nam. Chúng cho rằng hễ dân đói bụng thì người dân bị trị đầu óc chỉ nghĩ tới việc tìm miếng ăn để nuôi sống mình và gia đình, không có đầu óc tâm trí đâu mà chống đối nhà cầm quyền thực dân Pháp.

Để thực hiện chính sách này, Thống sứ Pháp ở Bắc Kỳ là Paul Chauvet (tên đầy đủ là Paul Louis Gabriel Chauvet; 1904-2007; Thống sứ năm 1944-1945) đã đi kinh lý các tỉnh, đốc thúc các quan lại, chánh tổng, lý trưởng các tỉnh, phủ, huyện, tổng, xã tận thu mua thóc lúa. Nếu số thóc lúa chính quyền thực dân Pháp ấn định không được nộp đủ thì họ sẽ bị sa thải. Lẽ dĩ nhiên bọn quan lại tham ô, hương chức, cường hào ác bá ở các địa phương đã lạm dụng quyền thế càng ra tay đập nặng xuống đầu dân chúng. Dân chúng bị ép buộc phải nộp thóc lúa để chúng đem bán. Ai không nộp đủ thóc lúa thì nhà cửa bị tịch thu, phá bình địa. Hơn nữa, giá tiền chính quyền thực dân Pháp trả cho nông dân lại rất rẻ mạt, dưới giá thị trường rất nhiều.

Trong vụ này bọn quan lại và hương chức với sự toa đập của bọn gian thương, nhất là gian thương Trung Hoa, đã dùng đủ mọi mảnh khoe gian manh để vơ vét sạch lúa gạo của dân chúng, khiến không nhà nào có thóc gạo dự trữ phòng khi có thiên tai. Rồi chúng đem thóc lúa thu được đó ra bán với giá cắt cổ làm nặng thêm túi tham vô đáy của chúng. Cuối năm 1944, chính quyền đô hộ Pháp qui định giá thóc là 25 đồng một tạ, nhưng lại bán ra cho dân chúng với giá từ 700-800 đồng một tạ.

## **2.- Do Quân Chiếm Đóng Nhật Bản Gây Nên**

Đồng lõa với thực dân Pháp thu mua thóc gạo để cho dân phải đói không còn sức chống đối, quân đội chiếm đóng Nhật Bản (tên gọi chính thức là Ấn Độ Chi Na Trú Đoàn Quân; đến ngày

12.11.1944 đổi thành Quân đoàn 38 thuộc Đại Nhật Bản Đế Quốc Lục Quân), vì không có đủ than sản xuất điện lực tại những cứ điểm trọng yếu ở Việt Nam, đã lấy thóc đốt thành than để chạy các nhà máy điện. Ngoài ra, chúng còn dùng gạo nấu rượu còn thay xăng cho quân đội dùng. Theo **Niên Biểu Thống Kê Đông Dương** năm 1941-1942 riêng số gạo dùng để nấu các loại rượu năm 1941 là 140.104 tấn và năm 1942 là 172.188 tấn (tr. 104).

Hơn nữa, để thỏa mãn những nhu cầu khác của Nhật Bản, nhà cầm quyền thực dân Pháp đã bắt nông dân Việt Nam phải nhổ đi lúa ở trên hàng vạn mẫu ruộng để lấy chỗ trồng đay, một nguyên liệu quan trọng trong việc sản xuất quân trang, quân phục, nộp cho Nhật Bản.

Như thế vẫn chưa hết. Ngày 5.3.1945 (21 tháng giêng Ất Dậu), theo lời yêu cầu của quân đội chiếm đóng Nhật Bản, Toàn quyền Pháp Jean Decoux đã sửa lại Thỏa ước 1941 mà Pháp đã ký với Nhật Bản để tăng ngạch số gạo nộp cho Nhật Bản năm 1945.

Sự vơ vét bóc lột của thực dân Pháp và quân phiệt Nhật Bản đã làm cho giá sinh hoạt tăng gấp gần 5 lần. Trong khi năm 1938 người ta bán 7 kí gạo thì mua được 1 mét vải, nhưng đến năm 1942 thì phải bán đến 12 kí gạo. Trong khi đó lương của các công nhân, công chức hầu như không thay đổi, mãi cho đến tháng 3 năm 1945 khi nhà cầm quyền đô hộ Pháp tăng gấp đôi phụ cấp khu vực cho các công chức ở Bắc Việt, Pháp cũng như Việt, bởi vì giá sinh hoạt lên rất cao hậu quả của vụ mùa màng thu hoạch thiếu rất nhiều như đã nói ở một đoạn bên trên.

Tình hình càng khó khăn thêm khi Nhật Bản đảo chính Pháp ngày 9.3.1945. Việc tiếp vận và phân phối sau đó càng bị tê liệt. Đa số các kho thóc có khả năng cứu đói trực tiếp tại miền Bắc khi đó đều nằm trong tay quân đội chiếm đóng Nhật Bản. Các kho lương thực được tăng cường bảo vệ, hoạt động trung thu và vận chuyên lương thực được bảo vệ tối đa. Hơn nữa, Nhật Bản còn cấm mọi sự vận chuyên thóc lúa từ miền Nam ra Bắc, hạn chế chuyên chở tự do, chỉ cho chở dưới 50 cân gạo trong một tỉnh. Các kho thóc trở thành tâm điểm nơi người đói kéo về nhưng không được cứu đói đã nằm chết la liệt quanh đó.

### **3.- Do Đông Minh Gây Nên**



Hơn nữa, việc Nhật Bản đóng quân ở Việt Nam đã khiến cho các nước Đồng Minh trong trận Thế Chiến II, nhất là Hoa Kỳ, không thể nhắm mắt làm ngơ.

Bắt đầu từ năm 1941 phi cơ Hoa Kỳ đã nhiều lần oanh tạc Việt Nam, nhất là Hà Nội, và các tuyến đường vận tải để tấn công quân đội chiếm đóng Nhật Bản. Số những vụ oanh tạc càng ngày càng gia tăng, nhất là sau khi quân đội Đồng Minh dưới quyền chỉ huy của Đại tướng Hoa Kỳ Douglas MacArthur, Tư lệnh Tối cao Quân Đội Đồng Minh tại Thái Bình Dương, đổ bộ lên đảo Lữ Tống (Luçon) của Phi Luật Tân, tấn công quân đội chiếm đóng Nhật Bản ở đây ngày 9.1.1945 và sau khi ở bên Âu Châu quân Đức và Hung đã đầu hàng quân đội Đồng Minh ngày 20.1.1945.

Ngày 12.1.1945 (20 tháng 11 Giáp Thân) phi cơ Hoa Kỳ đã ném bom Sài Gòn. Rồi đến ngày 7.2.1945 (22 tháng 12 Giáp Thân) vùng Sài Gòn Chợ Lớn lại bị phi cơ Hoa Kỳ oanh tạc dữ dội mà kết quả là 151 người chết và 54 người bị thương, đa số là người Việt (trong vụ này chỉ có 31 người Âu Châu chết và 6 bị thương).

Ngoài ra, Đồng Minh còn phá hủy các trục đường sắt từ Huế trở ra Bắc, và tới đầu năm 1945 thì đường sắt Xuyên Việt không còn sử dụng được nữa và Đường Thiên Lý Bắc Nam (còn gọi là Đường Cái Quan, Đường Quan Lộ, Đường Quan Báo, đó là một con đường dài chạy từ Ái Nam Quan ở biên giới Hoa Việt đến tỉnh Hà Tiên thuộc tỉnh Kiên Giang ở cực tây nam nước Việt Nam) cũng bị phá hoại. Lại nữa, hải quân Hoa Kỳ đã phong tỏa đường biển, gài thủy lôi ở cửa biển Hải Phòng, hải cảng chính ở Bắc Kỳ, khiến cho việc vận chuyển lúa gạo ở miền Nam ra Bắc hầu như không thể nào thực hiện được.

Vì thế số lượng gạo chở bằng thuyền từ trong Nam ra Bắc bắt đầu giảm từ 126.670 tấn năm 1942 xuống còn 29.700 tấn năm 1943, và đến năm 1944 thì chỉ còn 6.830 tấn <sup>(1)</sup>. Mới đầu, tàu bè chở gạo ra Bắc chỉ đến được Đà Nẵng; đến khi không quân Đồng Minh mở rộng tầm oanh kích thì tàu chở gạo phải cập bến ở Qui Nhơn (thuộc tỉnh Bình Định), rồi cuối cùng chỉ ra được đến Nha Trang (thuộc tỉnh Khánh Hòa) thôi. Vì vậy, sau khi được thành lập ngày 17.4.1945, Chính phủ Trần Trọng Kim phải huy động những

phương tiện thô sơ chuyên vận gạo từ Nam ra Bắc bằng xe bò hay thuyền nhỏ của tư nhân.

Điều đáng nói là cũng trong thời gian này lượng gạo tồn kho ở Sài Gòn lên cao vì không xuất cảng sang Nhật Bản được khiến chủ kho phải bán rẻ dưới giá mua. Hơn 55.000 tấn gạo phải bán tháo cho các xưởng nấu rượu vì nguy cơ gạo ứ đọng sẽ mốc trong khi nạn đói vẫn hoành hành ở ngoài Bắc (Arthur J. Dommen, **The Indochinese Experience of the French and the Americans: Nationalism and Communism in Cambodia, Laos and Vietnam**, Indiana University Press, Bloomington, 2001, tr. 87).

Chính phủ Trần Trọng Kim đã cố gắng huy động việc cứu đói cho dân ngoài Bắc, nhưng những yếu tố chính trị, phương tiện và nhân sự đa số vẫn nằm trong tay Nhật Bản nên không thể làm thuyền giảm được hậu quả ghê gớm của nạn đói.

#### **4.- Bị Cộng Sản Phá Rối**

Khi nạn đói xảy ra năm 1945 thì đảng Cộng sản Đông Dương, qua chiêu bài Mặt Trận Việt Minh, ngoài việc lên án thực dân Pháp và Phát Xít Nhật Bản đã gây ra nạn đói và chống việc trung mua lúa gạo, lại còn lợi dụng nạn đói để tuyên truyền, đả kích chính phủ Trần Trọng Kim, kích động dân chúng lăng nhục những viên chức chính quyền lo việc cứu tế và tổ chức cướp các kho gạo<sup>(2)</sup> cùng là chặn bắt những chuyến xe hay những chuyến ghe chở gạo của Chính phủ Trần Trọng Kim từ miền Nam đem ra Bắc tiếp tế cho những người bị đói, mà đem về tiếp tế cho những mật khu của họ (David G. Marr, **Vietnam 1945: The Quest for Power**, University of California Press, Berkeley & Los Angeles, 1995, tr. 102-103). Đây là chưa kể việc Việt Minh hợp tác và cung cấp tin tức cho phe Đông Minh, tức là cho Hoa Kỳ, bắn phá các trục giao thông, khiến việc tiếp tế thực phẩm rất khó khăn

Xin mở một dấu ngoặc ở đây. Ngày 23-7-1945, bác sĩ Vũ Ngọc Anh, Bộ trưởng bộ Y tế trong Chính phủ Trần Trọng Kim, trên đường đi công tác, từ Thái Bình trở về Hà Nội, lúc đến gần Bản Yên Nhân thì bị máy bay Đông Minh bắn chết. (Lê Thần Trần Trọng Kim, **Một cơn Gió Bụi**, Vĩnh Sơn, Sài Gòn, 1969, tr. 78.)

### III.- Công Cuộc Cứu Đói của Chính Phủ Trần Trọng Kim và Các Đoàn Thể Tư Nhân Khác

Khi mới được thành lập Chính phủ Trần Trọng Kim đã ra lệnh bãi bỏ việc bắt buộc nông gia bán thóc cho nhà nước, và để cho dân chúng tự do buôn bán gạo. Do đó, những qui định trước đây về số lượng lúa gạo phải bán cho nhà nước theo diện tích canh tác cũng bị bãi bỏ. Người dân được tự do vận chuyển buôn bán gạo dưới 50 cân mà không cần phải có giấy phép của chính quyền. Để thi hành lệnh này, ngày 7.6.1945, Khâm sai Phan Kế Toại ra nghị định: (a) bãi lệ nộp thóc cho chính quyền; (b) cấm tích trữ quá 2 tấn thóc hay 1 tấn gạo; (c) cho hàng sáo chuyên chở và bán gạo tự do; (d) và ấn định giá thóc từ 100 đồng đến 130 đồng một tạ, giá gạo từ 150 đồng đến 225 đồng một tạ (Đoàn Thêm, **Hai Mươi Năm Qua Việc Tùng Ngày (1945-1964)**, không ghi tên nhà xuất bản và năm xuất bản, tr. 7)

Ở các tỉnh, những ngân hàng nông nghiệp phụ trách mua gạo cho nhu cầu quân sự hay nhu cầu thực phẩm của chính quyền dưới sự kiểm soát của tỉnh trưởng. Số thóc gạo mà các quan lại và hương chức trước đây đã cưỡng ép thu mua của dân chúng để nộp cho Pháp hiện còn giữ tại mỗi làng cũng như một số lớn lúa gạo do bọn hương chức ăn chặn, được lấy ra trả lại cho dân. Nếu người dân cả nhà đã chết đói thì được dùng vào việc cứu đói người khác. Những người nghèo đói còn sống sót và những người vô gia cư được chính phủ tập trung vào những nhà nuôi dưỡng đặc biệt để phục hồi dần dần.

Ngoài ra, Chính phủ thành lập Ty Liêm Phóng Kinh Tế, tức cảnh sát kinh tế, và giao cho Nguyễn Duy Quế điều khiển, kiểm soát gắt gao giá gạo, nhằm ngăn chặn những vụ đầu cơ hay buôn lậu. Một số chủ cửa hàng gạo bị bắt giữ hoặc phạt nặng. Hơn nữa, để ngăn chặn các tệ nạn, Chính phủ ra lệnh kiểm soát gắt gao giá cả và việc tồn kho lúa gạo. Người vi phạm có thể bị tử hình hay tịch biên tài sản (Vũ Ngự Chiêu, “*Phía Bên Kia Cuộc Cách Mạng 1945: Đế Quốc Việt Nam (3-8/1945)*”, ấn bản trên mạng điện tử [hopluu.net](http://hopluu.net) ngày 4.1.2011, phần II đoạn B-3, Chống Đói).

Nhờ thế, việc đầu cơ tích trữ hay buôn lậu gạo giảm hẳn. Tình hình nông gia được cải thiện nhờ giá bán cho nhà nước cao gấp 5 lần so với thời gian trước đó dưới thời còn Pháp.

Mặt khác, ngày 23.5.1945, vua Bảo Đại ra sắc chỉ hoãn trả nợ do các tiểu nông vay tiền nhà nước trước đây để làm giảm bớt gánh nặng cho họ. (Nguyễn Thế Anh, “*La Famine de 1945 au Nord Việt-Nam*”, đăng trong **The Vietnam Forum**, số 5, Đông Xuân 1985, New Haven, Connecticut, tr. 93). Chính phủ còn cho hạ thấp mức thuế nông dân phải đóng góp.

Ngoài ra, nửa đầu tháng 6.1945, Bộ trưởng bộ Tiếp tế Nguyễn Hữu Thí đã vào Sài Gòn thương thuyết với người Nhật Bản nhằm thay đổi phương cách chở gạo từ Nam ra Trung và Bắc.

Để tránh bị phi cơ Đồng Minh oanh tạc, gạo được chở bằng các đoàn thuyền buồm thuê của thường dân, khởi hành từ các hải cảng xa Sài Gòn. Bộ trưởng Nguyễn Hữu Thí còn đề nghị đưa 1 triệu dân từ Bắc Việt và Trung Việt vào định cư ở Nam Việt (Nguyễn Thế Anh, nt., dẫn báo **Tin Mới** số ra ngày 14.6.1945). Những chuyến xe hay những chiếc ghe chở gạo từ Nam ra Bắc, khi quay trở về, thì chở di dân vào Nam lập nghiệp. (David G. Marr, sđd. tr. 102-103.)

Ngày 30-6-1945, chính phủ Trần Trọng Kim cho đánh thuế du hí để lấy tiền tài trợ cho những hoạt động cứu đói ở Bắc Việt. Chính phủ còn mở chiến dịch báo chí thông tin về những bất hạnh của đồng bào Bắc Việt để kêu gọi dân chúng tiếp tay cứu trợ. Những cuộc lạc quyên được tổ chức trên toàn quốc. Chiến dịch này đem đến nhiều thành quả.

Ngày 18.3.1945, ở Hà Nội, tất cả các hội cứu tế ở miền Bắc tập hợp lại thành Tổng Hội Cứu Tế Nạn Đói do học giả Nguyễn Văn Tố (1889-1947) cầm đầu, và đẩy mạnh hơn các nỗ lực lạc quyên cũng như chẩn tế. Từ tháng 3 tới tháng 5.1945, Tổng hội quyên được 783.403 đồng dùng mua từ kho nhà nước được 1.476 tấn gạo phát chẩn cứu đói. (David G. Marr, sđd., tr. 102-103; Vũ-Ngư-Chiêu, bđd.)

Mặt khác, tại Nam Việt, chỉ nội trong tháng 5.1945, hơn 20 hội chẩn tế ra đời, và trong vòng một tháng đã quyên được 1.677.886 đồng, kể cả 481.570 đồng mua và chuyên chở 1.592 tấn gạo ra Bắc giúp cứu đói.

Tuy nhiên, như đã nói ở một đoạn bên trên, việc chuyên vận gạo từ Nam ra Bắc này không thể thực hiện bằng hỏa xa được, bởi vì đường hỏa xa Xuyên Việt nối liền Sài Gòn với Hà Nội đã bị đứt nhiều đoạn do những vụ phi cơ Đồng Minh oanh tạc nhiều lần. Trong khi đó, tất cả thuyền buồm trên 30 tấn đều bị quân đội chiếm đóng Nhật Bản trưng dụng, còn hải cảng Hải Phòng lại bị hải quân Đồng Minh đặt mìn phong tỏa, cho nên, việc chuyên chở gạo tiếp tế chỉ có thể thực hiện bằng mọi phương tiện khác, như xe bò, xe vận tải, thuyền bè. Suốt dọc đường từ Sài Gòn ra Bắc, những người chuyên chở, có người bị chết vì tai nạn giao thông, lại có nhiều người bị chính quyền đô hộ Pháp bắt giữ, tra tấn. Cho nên việc tiếp tế gạo từ Nam ra Bắc bị chậm trễ nhiều.

Dù sao thì tính đến ngày 5.5.1945 trong Nam đã gửi giúp đồng bào ngoài Bắc tiền quyền được là 165.150 đồng 10 xu, và 11 ghe gồm 133 tấn gạo.

Trong các tổ chức cứu đói tư nhân, phải kể đến Ủy ban Cứu tế ở Phát Diệm có tính cách liên tôn giáo cũng được thành lập vào tháng 3.1945.

Ban Cố vấn của Ủy ban gồm người các tôn giáo và thân hào nhân sĩ: **(a)** về phía Công giáo có Giám mục Nguyễn Bá Tòng (1868-1949), Linh mục Mai Học Lý, Linh mục Hoàng Quỳnh và Linh mục Thạch (chúng tôi không rõ họ); **(b)** về phía Phật giáo có sa môn Trí Đức (tức là Thượng tọa Thích Trí Dũng sau này); **(c)** về phía quan trường có Tri phủ Trịnh Như Tiếp; **(d)** về phía thân hào nhân sĩ có Hàn Quế, Hàn Thành. Còn Ban Hoạt động gồm: trưởng ban Nguyễn Đức Hiệp, phó trưởng ban Trần Ngọc Ban, thư ký Trần Văn Triêm, thủ quỹ Phan Như Kim, và các ủy viên Trần Ngân (Bằng Phong), Nguyễn Đình Minh, Nguyễn Duy Diễn, Nguyễn Đức Tuy, Nguyễn Duy Chi.

Đoàn thể quan trọng khác là Hội Hướng đạo. Họ tổ chức một chương trình “*khất thực*” để quyên tiền, quyên gạo giúp đồng bào đói. Họ chia nhau đi đến các nhà còn khá giả ở các thị xã, thành phố, xin dành ra mỗi bữa ăn một ít chén cơm, nắm thành những nắm cơm nhỏ, thêm chút muối hay muối vừng, rồi chiêu tới họ đi các nhà thu góp các nắm cơm, chia nhau từng khu vực mà đi phát cơm. Chẳng hạn từ Tết đến ngày 20 tháng giêng Ất Dậu (tức từ ngày 13.2. đến 4.3.1945) tại bãi Phúc Xá, bên bờ sông Hồng tại

Hà Nội, người ta đã cấp 2.500 xuất com, 850 áo chèn bằng vải bông gạo, 850 nắm xôi, v.v... Đây là lần đầu tiên giới trẻ Việt Nam thực sự bắt tay vào hoạt động xã hội.

Ngoài các đoàn thể từ thiện ra, tại một số địa phương (như làng Hòa Lạc gần thành phố Hà Nội) có một số nhà từ thiện khá giả đã tự động nấu cháo loãng (vì họ cũng không có nhiều gạo), mỗi sáng phát cho những người trong địa phương bị lâm cảnh thiếu gạo ăn. Tuy nhiên, những trợ cấp đó quá ít ỏi, không thể nào giải quyết được cuộc khủng hoảng này. Đây là chưa kể có những kẻ táng tận lương tâm lợi dụng cơ hội này cho đàn bà con gái ăn chút ít để hành hạ dày vò thân xác họ. Ngoài ra, có một số nhà từ thiện còn góp cho cả manh chiếu, cái áo, đến cái dây buộc.

Người đói thì đông mà người có khả năng giúp đỡ thì có hạn nên cảnh cướp bóc, tranh giành nhau miếng ăn thường xuyên diễn ra. Các gia đình ở gần đường đến bữa ăn phải đóng cửa lại, nếu không người đói xông vào tận nhà cướp miếng ăn ngay trên miệng. Ngoài đường phố, người còn dư dả chút tiền ăn uống ngoài đường có người đang ăn bị người đói nhỏ nước bọt vào bát ăn để người đó bỏ không ăn thì vô lấy mà ăn.

Ngoài đường phố nhan nhản xác người chết hằn, người sắp chết bên vệ đường, nơi góc phố, trong các chợ, ngoài các ngõ, dưới gầm cầu, đầu gối lên cái bị rách, có người mình đắp manh chiếu rách, có người nằm tênh hênh, nhặng xanh, ruồi bâu, kiến bò đầy mặt. Có những đứa bé chưa đầy tuổi không biết là mẹ đã chết cứ tiếp tục nhai vú mẹ. Có nhiều trẻ con bị bỏ rơi hoặc bố mẹ chết thì lê lét nhặt lá bánh, vỏ cây, rác rưởi nhét vào miệng. Có khi còn có cảnh mấy con chó đói gặm những khúc chân khúc tay trẻ con chết đói.

Vì vậy, bên cạnh các hoạt động khất thực và chôn táng, một hoạt động khác cũng quan trọng không kém: đó là việc chôn cất những người chết vì nạn đói. Vì số người chết đói tăng nhanh quá, việc chôn cất họ vượt sức của mọi người, nên đã xảy ra tình trạng có một số người còn đang hấp hối, chưa chết, cũng bị quăng lên xe bò kéo đi chôn chung với những người đã chết.

Ở Hà Nội, sáng sớm, những chiếc xe bò đi khắp các nơi lượm xác người chết đói. Mỗi xe chỉ phủ một chiếc chiếu rách. Số xác người chết đói nhiều quá, xe bò chở đi chôn không xuể vì mỗi

xe chỉ chứa được nhiều lắm là chục xác, nên có nơi phải dùng đến xe vận tải. Những chiếc xe này được kéo tới những cái hồ do những người trong các nhóm tế bản đào sẵn, mỗi hồ rộng khoảng mười mười lăm thước vuông, sâu chừng thước rưỡi. Xác được hất xuống hồ như hất rác, hết lớp này đến lớp khác, được khoảng một hai trăm xác thì lấp đất.

Những biện pháp của Chính phủ Trần Trọng Kim và sự tiếp tay của đồng bào toàn quốc, cũng như nhờ vụ Chiêm trùng mùa khoảng tháng 5 âm lịch (tháng 6 dương lịch), nạn đói đã giảm đi rất nhanh chóng và tình hình trở nên tốt đẹp hơn. Tại Hà Nội và các tỉnh miền Bắc, giá gạo giảm từ 850 đồng một tạ xuống còn khoảng 300 đồng một tạ (Vũ Ngự Chiêu, bđd.)

Tuy nhiên, tại một vài tỉnh, lại có một trở ngại lớn là số người có thể gặt được rất ít, vì trong trận đói này đàn ông chết rất nhiều, còn những người sống sót thì vì thiếu ăn lâu ngày nên sức khỏe rất yếu kém. Để giải quyết vấn đề, nhiều nơi đã phải áp dụng một chính sách khá thương tâm là dành nhiều số gạo thu nhận được cho những người còn có sức đôi chút ăn uống đầy đủ hơn (mỗi ngày khoảng 300g gạo) để họ có sức gặt hái.

Đây là chưa kể những vụ vì bị đói lâu ngày nay có gạo ăn, nhiều người lại chết vì ăn quá no. Hơn nữa, môi trường bị ô nhiễm nặng bởi xác chết không được xử lý và trải qua cơn đói lâu dài kéo theo dịch tả và dịch sốt vàng da lại giết thêm nhiều người, như ở Bắc Giang, Cao Bằng.

Tình hình mới ổn định được khoảng 2 tháng thì một thiên tai khác đã xảy ra, khiến cho nguy cơ chết đói lại tưởng như sắp tái diễn. Số là mặc dù Chính phủ đã thành lập Ủy ban Bảo vệ và Giám sát Đê điều để lo việc giữ đê, ngăn ngừa nước dâng lên gây lụt lội, nhưng bất ngờ những cơn mưa như thác đổ vào tháng 8.1945 đã tràn ngập tất cả các cánh đồng tại các tỉnh Hà Đông, Bắc Ninh, Sơn Tây, Phúc Yên, Vĩnh Yên, Hải Dương. Nạn mất mùa trở lại. Vài nơi thiếu gạo, dân chúng đã phải ăn cả lúa giống để dành làm vụ mùa sau. Cũng may mà tình hình không đến nỗi tồi tệ như cuối năm 1944 đầu năm 1945.

#### **IV.- Số Những Người Chết Đói**

**K**hông có con số chính xác nào về số người đã chết đói. Các tài liệu đưa ra những con số ước tính từ khoảng 400.000 đến 2

triệu người đã bị chết đói tại miền Bắc Việt Nam. Tháng 5 năm 1945, bảy tháng sau khi trận đói bùng nổ tại miền bắc, Phủ Khâm sai Bắc Bộ tại Hà Nội ra lệnh cho các tỉnh miền Bắc phúc trình về tổn thất. Có 20 tỉnh báo cáo số người chết vì đói ở miền Bắc là hơn 380.000, chết vì bệnh – không rõ nguyên nhân – là hơn 20.000, tổng cộng hơn 400.000 cho riêng miền Bắc. Tháng 10 năm 1945, theo báo cáo của tướng Eugène Mordant (1885-1959), đại diện của Chính phủ Lâm thời Charles de Gaulle tại Đông Dương, thì khoảng nửa triệu người chết, còn cựu Toàn quyền Pháp Jean Decoux viết trong hồi ký của ông về thời kỳ ông cầm quyền tại Đông Dương, **À la Barre de l'Indochine** (Plon, Paris, 1950; Soukha Editions, Paris, in lại 2003) là có 1 triệu người miền Bắc chết đói. Sau này người ta thường ước đoán số người chết trong trận đói này là từ 1 đến 2 triệu người.

Nhiều làng xã chết 50-80% dân số, nhiều gia đình, dòng họ chết không còn ai. Tỉnh Thái Bình là nơi nạn đói nặng nhất, có 280.000 người chết đói, tỉnh Nam Định hơn 210.000 người, tỉnh Hà Nam 50.000, tỉnh Ninh Bình 38.000 người. Một thí dụ khác là làng Sơn Thọ, xã Thụy An, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình có hơn 1.000 người thì chết đói mất 956 người. Đây là tình trạng ở những nơi xa. Gần Hà Nội nhất là làng La Cả (nay thuộc huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội) số người chết đói hơn 2.000 trong tổng số 4.800 dân thời đó, có 147 gia đình chết không còn một ai; ngoài ra, làng La Khê (nay là phường La Khê thuộc quận Hà Đông, thành phố Hà Nội) có 1.200 người chết đói trong tổng số 2.100 dân. (Hoàng Phương, “*Nạn Đói Lịch Sử Năm Ất Dậu*”, đăng trên mạng điện tử [vnexpress.net](http://vnexpress.net) 12.1.2015, dẫn nghiên cứu của Văn-Tạo và Furuta Moto).

## GS TẠ QUỐC TUẤN

### Chú Thích

(1) Xem Geoffrey Gunn, “*The Great Vietnamese Famine of 1944-45 Revisited*,” đăng trong *The Asia-Pacific Journal*, Bộ 9, Tập 5, số 4, 31.1. 2011; đăng lại trên mạng điện tử [japanfouc.org](http://japanfouc.org).

(2) Philippe Devillers, *Histoire du Việt Nam de 1940 à 1952*, Seuil, Paris, 1952, tr. 131. Xem thêm Ngô Quang Chính, “*Phong Trào ‘Phá Kho Thóc Cứu Đói’ Dưới Góc Nhìn Lịch Sử*”, đăng trong *Báo Đại Đoàn Kết*, số ra ngày 24.08.2011.



## **ĐÔNG HƯƠNG** **MỘT CÔI MÊNH MÔNG**

*em về một côi mênh mông  
trên tay còn giấu gói buồn bâng khuâng  
hai tay ôm nhánh châu trần  
hôm anh bỏ lại bên đường qua em*

*thôi sao, hái ánh trăng đêm  
thấp lên ngọn nến soi em lối về  
thương yêu muôn kiếp trị vì  
ngôi anh không thể ai vào thế đâu*

*em mang lên côi nhiệm màu  
anh cho tấm áo sắc màu tuổi Xuân  
nét môi ngào ngọt chiếc hôn  
vài giây lưu luyến tròn vương ấm nồng*

*em về một côi tâm đồng  
đem theo hết gói thơ hồng trăm năm  
và quà sinh lễ tìm anh  
mang ơn anh chọn em làm kỷ tri*

## **THY LAN THẢO** **MỘT CÔI EM VỀ**

*Về đâu trời đất mênh mông  
Tay em xách nặng nỗi lòng bâng khuâng  
Từ khi đặt bước chân trần  
Đường truân chuyên bước mấy lần rồi em*

*Trăng tà ngã bóng sương đêm  
Rớt rơi từng giọt theo em bước về  
Dù không lau lách sơn khê  
Mà đường lối cũ nào nề để đâu!!*

*Hành trang một xách nhiệm màu  
Gói tròn quá khứ một màu tuổi xuân  
Ngọt ngào xưa nhận môi hôn*

*Tưởng trăm năm cuộc tròn vương ám nồng*

*Vẫn tin vào chữ tâm đồng  
Gởi trăm ý nhớ thơ hồng cài trâm  
Tưởng bền tưởng vững tình anh  
Đâu ngờ sương trắng đọng thành sông me*

*Sương đêm lạnh buốt lối về  
Đường quen lối cũ tư bề quạnh hiu  
Để khi lòng rõ chữ yêu  
Thì thương đau đã trăm chiều ngược xuôi*

*Bài thơ viết một lần thôi  
Gởi thăm tình cũ ... xa xôi mất rồi  
Chân trần đi giữa cảnh đời  
Tai nghe thật rõ tiếng cười năm xưa...!!!*

(Mượn văn bài "**Một Cõi Mênh Mông**" của Đông Hương)

## CHUYỆN TÌNH BUỒN

*Mai bước xuống đò sang bến lạ  
Lòng em có nhớ tiếc băng khuâng  
Có phải trời chiều em vội vã  
Em sợ đêm về rồi bước chân...*

*Em đứng trên đò nhìn sóng gợn  
Vẫn gương tươi cười phải không em  
Con tạo sao cứ hoài đùa giỡn  
Có người không ngủ thức nhìn đêm...*

*Xuyên qua màn tối đêm dày đặc  
Có thấy gì đâu hay chỉ là  
Hình ảnh thân thương nay đã mất  
Sương tan và nắng héo cảnh hoa...*

*Mai bước xuống đò sang bến lạ  
Đừng buồn đừng nhớ chuyện tình xưa  
Mật ngọt ám nồng như chiếc lá  
Tơi bởi run rẩy trước giông mưa...*

*Ai buồn cứ đổ cho duyên số  
Chẳng thuận duyên vương bạn làm gì  
Đâu phải trẻ thơ mà phải đổ  
Cần gì chút lệ ướt bờ mi...*

*Từng năm cứ đến ngày chia biệt  
Có một người buồn trên bến sông  
Viết một bài thơ lời tha thiết  
Gởi người xưa cũ thả theo giòng...  
(Cho người năm xưa)*

## **ĐẶNG KIM CÔN** **MỆNH MÔNG LỤC BÁT**

*Loanh quanh lục bát một mình  
Trần gian chút nợ còn xanh lối vào  
Ai trong lục bát nghêu ngao  
Ai lơ ngơ để chiêm bao lạc đường  
Lục từng sợi rối vui buồn  
Ngổn ngang để bát nặng vương tơ lòng  
Giữa rừng lục bát mệnh mông  
Ta tìm đâu một cuối cùng hẹn nhau.*

## **TÂM HƯƠNG**

*Giỗ Ba này con không về  
Bàn thờ Ba dựng giữa mê tình đời  
Bóng Ba lỏng lẻo dính trời  
Nghe cơn kiếm xếp xứ người quất quay  
Dâng hoa trời ngát mây bay  
Bơ vơ mấy giọt lệ cay xuống lòng  
Thắp tâm hương giữa vô cùng  
Hư vô toả sợi muôn trùng nhớ thương  
Khói không màu, khói không hương  
Khói thanh tịnh tới thiên đường quanh Ba  
Lung linh gần, mệnh mông xa  
Ở đâu xin cũng là nhà Ba xưa.*

[3-2009- ĐỂ TRĂNG KHUYA KỊP RÓT ĐẦY SỚM MAI - THƠ - THƯ ÁN QUÁN 2011]



**NGUYỄN VĂN TRƯỜNG**  
(Houston - Texas)

## VĂN - TƯ - TU TRONG ĐẠO LÀM THẦY

(bài nói chuyện ở Hội Giáo Chức Houston ngày 20 tháng 9/2015)



### I. Đôi nét về đạo làm Thầy

**T**hầy, trong bài này, là **thầy giáo, cô giáo**. Thầy, cô giáo ở các lớp giữ trẻ, mẫu giáo, trung tiểu học.

**Đạo.** Hán Việt có nhiều chữ ‘đạo’, đồng âm mà khác nghĩa và cũng khác chữ viết. Có chữ ‘đạo’ là ‘đường đi, là cái lẽ, phải tôn trọng, noi theo’. Thí dụ: đạo lý, đạo Khổng, đạo Lão, đạo Phật, đạo Thiên Chúa, ... Chữ đạo này, 道: bên trái là bộ ‘sước’, 辵, mà nghĩa là ‘chợt đi chợt dừng lại’ [1]; bên mặt là chữ ‘thủ’, 首; thủ là đầu, như trong các cụm từ ‘thủ lãnh’, ‘thủ phủ’, ‘thủ tướng’, ...

*Đạo là con đường mà con người ‘chợt đứng chợt đi’, không lường trước được. Thế nên, vào đạo, lên đường, phải có cái ‘đầu’, để suy tư, vận dụng trí não, tuệ căn, để thấy, biết, hiểu, tiếp cận, và sống đạo.*

Trong cụm từ **‘đạo làm thầy’** (giáo), danh từ ‘đạo’ được dùng theo nghĩa vừa nêu.

Ngoài ra, gọi ‘đạo làm thầy’ cũng vì nó có những đặc tính chung chung của các tổ chức đạo giáo. Thí dụ như:

**1.1. Đức tin.** Thường thì, Đạo nào cũng đòi hỏi Đức Tin. Lòng tin tôn giáo là tuyệt đối. Tin mà không nghi.

Nhưng, trong cái Đạo làm thầy, ngoại trừ nhà trường của giáo hội xã nghĩa, của người Hồi giáo, và nói chung, ngoại trừ một số quốc gia có chế độ chuyên chế toàn trị, thì hầu hết các nước tân tiến trên thế giới đều theo qui tắc phân cách Nhà Thờ và Nhà Nước — separation of the Church and the State, qui thành luật pháp cụ thể. Thế nên, trong giới hạn những qui định của luật pháp này, nhà trường là *phi tôn giáo*. Nói rõ hơn, *tôn giáo có thể hiện hữu trong học đường dưới dạng triết học, nhân chủng học, hay văn minh học, ở các lớp trên.*

**Trong bối cảnh này,** người thầy tin mà cũng nghi: *tin và nghi là một*. Hai mặt đối lập, tương khắc nhưng tương sinh. Cái này khác hẳn cái kia, nhưng cũng xác định cái kia. Người thầy tin ở thiên chức làm thầy. Tin ở khả năng dẫn dắt trẻ từ cuộc sống sơ khai — ngây thơ, hoang dại — vào một nếp sống văn hóa, văn minh của một xã hội cụ thể, trong một bối cảnh lịch sử cụ thể. Người thầy cũng **tin chắc ở những giá trị truyền đạt, và**

[1] Thiệu Chửu. Hán Việt Từ Điển. In lần thứ hai. trang 677.

*đồng thời, ý thức tính phù du — đúng đó rồi sai đó, có đó rồi mất đó — của những giá trị này. Cho nên, trong tín, có nghi, nghi vẫn cần thiết để tỉnh thức, và kịp thích ứng với những đổi thay của giòng đời.*

**1.2. Đạo nào cũng có kinh sách.** Đạo Khổng có Tứ Thư Ngũ Kinh, Đạo Lão-Trang có Đạo Đức Kinh và Nam Hoa Kinh. Đạo Phật có Kinh Kim Cang, Lăng Nghiêm, Pháp Hoa, Viên Giác, Hoa Nghiêm, ....., Đạo Thiên Chúa thì có Cựu Ước, Tân Ước....

Đạo làm thầy cũng có kinh sách. Đó là:

Bộ **pháp chế học đường**, cập nhật hằng ngày, trong đó nhiệm vụ và quyền hạn của người thầy giáo, quan hệ thầy trò, quan hệ giữa nhà trường và phụ huynh, chương trình học của các lớp, và nhiều thể thức khác được rõ ràng qui định.

Ngoài những kiến thức cổ điển thu thập ở các trường đại học, ở các sách về triết lý giáo dục, triết học nói chung, sư phạm, phương pháp giảng dạy, .. còn có Internet, facebook, twitte — giúp người thầy học hỏi và trao đổi kinh nghiệm,..; thế giới ngày nay như mở rộng cho mọi người, nói riêng cho thầy giáo.

Đạo Phật có 84 ngàn pháp môn. Pháp môn nào cũng đúng (!). Đạo làm thầy không biết có bao nhiêu pháp môn; **pháp môn nào cũng đúng và không đúng; đúng cho ai và không đúng cho ai, trong bối cảnh nào. Pháp môn, kiến thức, lời dạy của thánh hiền, xưa và nay, chỉ là phương tiện, và là duyên may cho cuộc sống làm thầy.**

**1.3. Đạo nào cũng có nghi thức phụng vụ — rite, rituals, liturgy.** Đạo làm thầy cũng vậy. Người thầy phải soạn bài, vào lớp phải ăn mặc chỉnh tề, đúng giờ, đúng hẹn, chấm bài, vô điểm, tất tất phải theo những qui định của nhà nước.

**1.4. Đạo nào cũng nêu lên một mẫu người.** Đạo Khổng: con người quân tử, **tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.** Đạo Lão-Trang thì hướng về **vô vi, giảng: ‘tiêu dao, tề vật, dưỡng sinh’.. và chủ trương: ‘vô kỹ, vô công, vô danh’.** Trong một giới hạn nào đó, con đường tu Phật là ‘**thoát vòng tay vọng ngã’ và ‘trực ngộ chân tâm’.** Còn Đạo Chúa, thì ‘**sinh là ký, mà tử là qui’**, sống gởi thác về, về Nước của Thiên Chúa; **thân phận con người là phải ‘đổ mồ hôi, mới có miếng ăn’, và cái**

**biết của con người luôn là tương đối, thị phi, thiện ác, đúng sai hai ngã.**

Đạo làm thầy giáo cũng có mẫu người phải hướng đến.

Xưa, Lycurge nhận định: “Giáo dục là đào tạo công dân. Chế độ nào, công dân đó: giáo dục quân chủ cho chế độ quân chủ, dân chủ cho chế độ dân chủ”. Thực tế thì hình như đầu đầu và thời nào cũng vậy. Quân tử là mẫu người của Khổng gia, trong chế độ quân chủ toàn trị. Thời nay ở nước ta, thì con người xã nghĩa phải giác ngộ chủ nghĩa xã hội. Đạo làm thầy là phải làm tuyên huấn cho Đảng, ‘trung với Đảng’ (dù không là đảng viên), ‘thương cha, thương mẹ, thương chồng, thương mình thương một, thương Ông thương mười.’ Ông ở đây là Ông Tổ khai đạo: Đạo Xã Nghĩa.

**1.5. Xưa ‘tử vi Đạo’ được phong thánh.** Nay, ‘thánh chiến’ là từ ngữ của những tổ chức tự cho mình cái quyền giết người ‘ngoại đạo’.

‘Đạo làm thầy’ không có ‘thánh chiến’, ‘không có chết vì Đạo’, cũng không xả thân cầu tịnh để chứng ngộ ‘chân tâm’, hay dùng tuổi trẻ làm bia cho súng đạn nhằm cụ thể hóa một đức tin hay một triết thuyết ‘chân thật, bất hư’.

Tuy nhiên, Đạo làm thầy có ‘Văn-Tu-Tu’ của nhà Phật, có ‘Tôn-sư, Trọng-Đạo’ của Khổng-gia, *dù rằng nội dung của các cụm từ này có khác khác đi*. Ngôn từ đổi thay theo thời gian và không gian là lẽ thường.

Đạo làm thầy cũng có một nét của Lão Trang. Đó là ‘Thượng Đạo, Bất Đạo’, nói theo thời nay, ngắn hơn, ‘Đạo Bất Đạo’ [2]. Hiểu nôm na: còn cầu Đạo, là còn có ngoài và trong; sống Đạo thì không thấy có Đạo hay không có Đạo.

## **II. Một thoáng lịch sử về Đạo Làm Thầy, thời cận đại VN.**

### **1. Ngày nay, Việt Nam thời xã-nghĩa.**

Nhà nước xác quyết: Chủ Nghĩa Xã Hội — xã-nghĩa —

---

[2] Lão Tử. Đạo Đức Kinh. chương 38. Mở đầu quyền hạ. Thượng đức bất đức, thị dĩ hữu đức; hạ đức bất thất đức, thị dĩ vô đức. *Người có đức cao thì [thuận theo tự nhiên] không có ý cầu đức, cho nên có đức; người có đức thấp thì có ý cầu đức, cho nên không có đức.* Nguyễn Hiến Lê. Nguồn Internet,

là ‘hướng đi tất yếu của lịch sử... nhân loại’. Cho nên toàn dân, toàn quân, toàn Đảng ‘hồ hởi’, ‘nhất trí’, cùng nhau là ‘đồng chí’ chung lưng đấu cật để xây dựng xã nghĩa. ‘Muốn xây dựng xã nghĩa’ phải có ‘con người xã nghĩa’[3]. Con người xã nghĩa, ‘trung với Đảng, hiếu với dân’. Con người xã nghĩa thì ‘hận thù phân minh’, ‘nhất trí’ với ta thì là ‘đồng chí’, khác-ý-ta là thù. Cùng là yêu nước, mà khác ta thì phải tận diệt, để rảnh rỗi về sau. Cùng là xã nghĩa, mà Đệ Tứ thì dứt không thể để chúng đánh lộn con đen. Phải biết nuôi hận thù, và ‘biến hận thù thành sức mạnh’. **Mọi phương tiện đều tốt để chiếm quyền lực.** Có quyền lực trong tay, thì ta ‘ngiêng đồng đổ nước, thay trời làm mưa’, ‘tiến nhanh tiến mạnh lên xã hội chủ nghĩa.’

*Đó là những điều mà tôi được dạy, thời xã nghĩa.*

Trong bối cảnh đó, người thầy giáo là ‘cán bộ tuyên huấn của Đảng’, phải ‘hồng’[4] trước đã, rồi mới ‘chuyên’[5]. Người thầy giáo là ‘kỹ sư tâm hồn’, nhà trường là cơ xưởng sản xuất những con người xã nghĩa; theo đó, ta phải nghĩ rằng: những con người xã nghĩa đều in hết nhau, như cái smart phone Galaxy 6, chỉ khác nhau cái lớp sơn, cái vỏ bên ngoài, còn bên trong, các chức năng đều in hết, và dễ dàng cho sử dụng.

*Đó cũng là những điều mà tôi được học, thời xã nghĩa.*

Nói chung, cái Đạo làm thầy xã nghĩa được tóm lược trong kinh nhật tụng Maxit-Lêninit thực dụng, thực hiện do trường Đảng, ‘hồng thì quan trọng’ mà ‘chuyên’ có thể dốt.. chút chút, cũng không sao. Nhiệm vụ thầy giáo là đào tạo hàng loạt—như sản xuất dây chuyền trong công nghiệp hiện đại—những thế hệ xã nghĩa, rập khuôn, biết ‘nhất trí’. ‘hồ hởi’, ‘tung hô’ sùng bái nàng tiên xã nghĩa. Nói cách khác, làm thầy giáo xã nghĩa thì **khỏe lắm vì, như mọi người, phải dành mọi nghĩ suy**—về đời sống, về nghề nghiệp, về thân phận, về tương lai, về đất nước, ,..., tất tất, phải dành cho cấp lãnh đạo đảng, để đổi lại một cuộc sống an bình, ổn

[3] Hồ Chí Minh. Hồ Thị Thùy Dung. Giữ gìn và phát huy truyền thống tôn sư trọng đạo trong giai đoạn hiện nay. Internet: Ngày đăng: T4, 04/12/2013 - 15:28

[4] Tinh đảng, hiểu biết, gắn bó với xã nghĩa.

[5] Thí dụ thầy dạy toán thì phải chuyên về toán,...



định, nhờ ơn mưa móc của Bác và Đảng. Có nghĩ suy mà lại nhiều lời, lắm khi vì đó mà nguy hiểm đến bản thân. Cũng nên thêm, như người quân tử hồi xưa, người thầy xã nghĩa ‘ăn không cần no, mặc không cần đủ ấm’.

*Đó là những điều mà tôi nhận xét.*

## **2. Miền Nam VN trước 30 tháng tư 1975, chế độ cộng hòa.**

### **2.1. Đệ Nhất Cộng Hòa. Thuyết Nhân-Vị.**

Miền Bắc có Mátxít-Lêninnít, thì Miền Nam cũng phải có một triết thuyết đối kháng. Đó là thuyết Nhân-Vị, mà nhiều người gọi là personalism, một triết thuyết về ‘con người’. Duyên đưa, có một lần, tôi được gặp Linh Mục Lê Tôn Nghiêm, trong khuôn viên Viện Đại Học Đà Lạt; Ông đang dạy trong một khóa Nhân-Vị cho công chức hay cho cán bộ Cần Lao. Ông cho tôi biết là nguồn tài liệu của Ông nằm trong hai quyển sách của Emmanuel Mounier và Karl Jaspers.

Thiết nghĩ:

Là một duyên may, thuyết Nhân Vị, có thể vì nó khó—trong thuật ngữ, trong lý luận,..— nên nó dừng lại trước cổng các trường của ta. Học sinh và sinh viên ta không bị nhồi nắn bởi một triết thuyết, buộc rập khuôn theo một con đường. Học đường miền Nam lúc bấy giờ còn trong sáng.

### **2.2, Đệ Nhị Cộng Hòa. Nhân Bản - Dân Tộc - Khai Phóng - Khoa Học.**

Nhiệm vụ của người thầy giáo tể nhị hơn.

Không có con người mẫu — ít nhiều rõ ràng như con người xã nghĩa. Không có kinh Mátxít-Lêninnít. Cũng không có thuyết Nhân Vị.

*Nhiệm vụ của tôi, người thầy thời bấy giờ, là truyền dạy kiến thức theo chương trình qui định với những chỉ thị rõ ràng — mà gần như tôi không có quyền tùy tiện châm chước. Đồng thời tôi phải làm sao để nhờ đó mà học trò tôi thấy, hiểu, và thích ứng với những hoàn cảnh khác biệt trong cuộc sống. Phải làm sao cho cái dạy của tôi giúp cho học trò tôi luôn phát triển.*

Công văn nhắc nhở: phát triển *con người toàn diện*; nhưng không mô tả con người ấy như thế nào. Thật khó cho tôi. Nhưng nghĩ lại: Không buộc tôi phải theo một cái khuôn, một mẫu người

nhất định, nhà nước dành cho chúng tôi nhiều tự do để nghĩ và hình dung con người toàn diện ấy.

Cạnh nhà nước, còn có Hội Đồng Quốc Gia Giáo Dục (HĐQGGD). HĐQGGD xác quyết: Nhân Bản-Dân Tộc-Khai Phóng, và sau đó thêm hai chữ: Khoa Học để làm nền tảng của nền giáo dục quốc gia và làm phương châm hành động của chúng tôi.

*Nhân Bản: Giáo dục nhằm phục vụ và đào tạo con người.* Có thể là con người nói chung, của muôn nơi muôn thuở; có tính người, tình người, trách nhiệm làm người,..., một cách chung chung.

*Dân Tộc:* Nhưng HĐQGGD có nhấn mạnh: Không chỉ có như vậy, con người ấy phải là con người của dân tộc này — dân tộc VN -- ở trong thời khoảng lịch sử trước mặt, trong tình trạng chiến tranh dai dẳng và đang tập tành dân chủ.

Trở về với dân tộc là một khẩu hiệu thường nghe. Nhưng ‘trở về’ **không** là về thời ăn lông ở lỗ, cũng **không** là trở lại thời bé quan tòa cang; ‘ung dung, tự tại’ ta với ta, ta chỉ biết có ta, hãnh diện và khép kín trong một cái ta to lớn, dù rằng ta lạc hậu và sống cơ cực. Hơn nữa, dân tộc Việt Nam không chỉ có người Việt, mà còn có những dân tộc thiểu số--người Chăm, người Thượng, người Miên,... Phải minh xác và đào sâu nghĩa của hai chữ Dân Tộc để thích ứng bối cảnh lịch sử nước nhà.

*Khai Phóng:* Ngoài ra, thụ lãnh một di sản — vật chất và tinh thần — mỗi thế hệ đều có nhiệm vụ phải làm giàu mạnh cái di sản ấy — **giàu ở sản xuất, ở phát triển, ở tri kiến, ở tình người, nói chung ở mọi mặt.** Theo đó, sự giao lưu với lân bang, với toàn cầu là cần thiết. Thái độ cởi mở, mở lòng mình, trí mình để đón gió bốn phương là tối ưu cần thiết. Thế nên, HĐQGGD nhấn mạnh yếu tố: Khai Phóng.

*Khoa Học:* Khai Phóng cũng hàm ý thái độ cởi mở của cá thể đối với tha nhân và vạn vật. Nhưng, làm sao cho đũa trẻ đủ tự tin, mà không tự kiêu, và không mất mình trong luồng văn hóa này hay văn hóa kia? Vậy, phải có tinh thần khoa học.

*Phương châm:* Nhân Bản-Dân Tộc-Khai Phóng-Khoa Học, với những lời hướng dẫn súc tích, ngắn gọn, cụ thể, đủ gợi ý cho chúng tôi, thầy-cô giáo, một hướng đi trong việc xây dựng ở nó,

đưa học trò của chúng tôi, **một nhân cách, một khả năng**, một **con người**; nói riêng, một con người hữu dụng cho quốc gia, cho nhân loại. Phương châm ấy cũng khá mơ hồ, đề mỗi người thầy có đủ tự do — tự do trong trách nhiệm — để hình dung và có những ước vọng về **con người** ấy.

### III. Văn, Tư, Tu.

Sư sãi các chùa có Văn, Tư, Tu. Đạo làm thầy không nói tu hành, không tìm thoát khổ, nhưng ‘văn, tư, tu’ vẫn là trọng tâm. Như vậy, thế nào là ‘văn, tư, tu’ trong cái Đạo làm thầy?

**3.1. Văn** - 聞 - có nghĩa là nghe. Các kinh điển nhà Phật thường mở đầu bằng câu: ‘*Như thị ngã văn*’, tôi nghe như vậy Đó là chữ văn này.

**Tư** - 思 - có nghĩa là ‘nghĩ ngợi, tưởng tượng, suy xét, ghi nhớ’ [6] như trong tư tưởng, tư duy, suy tư, tương tư, tâm tư,...

**Tu** - 修 - nghĩa là sửa, như trong các cụm từ, tu bổ, tu chính, tu hành, tu luyện, tu học, tu thân,...

Trong cái đạo làm thầy, **Văn**, cụ thể là đặt lại vấn đề, hỏi và nghe sách vở, nghe kinh điển, internet, người xưa, người nay, nghe học trò, phụ huynh, đồng nghiệp, và nghe ngay ở chính mình, để mở tâm nhìn trong cái đa dạng, đa nguyên, đa sắc, trong giòng chảy biến thiên vô cùng của cuộc sống. Đó là cái học ít nhiều thụ động, dù có đề những luồng tư tưởng — dị biệt, luôn đổi thay ấy — giao lưu. Nhưng nếu nhờ đó mà nghe được những cảm xúc của lớp học, qua cách hỏi, giọng nói, ánh mắt, vẻ mặt,... của người học sinh, nếu nghe được những lo âu, vui buồn của người phụ huynh về cái học của con em họ, nếu nghe và chia sẻ những phân vân và luận bàn được với đồng nghiệp về những kinh nghiệm liên quan với đời sống thầy giáo,... thì cái ‘văn’ này, tự nó rất năng động.

**3.2. Tư** là suy nghĩ trên các vấn đề. Là phân tích, biện luận, tổng hợp, kết lại thành giá trị, rồi buông bỏ những giá trị ấy, để chúng không giữ mình trong thành kiến, để tâm mình rảnh rỗi tiếp

[6] Thiệu Chửu. Hán Việt Từ Điển. Tái bản lần thứ hai.

*tục bước đi. Tư ngẫm nói những dị biệt, mâu thuẫn, xung đột, vấn hỏi trong nội tâm.*

Thời quân quản, một đồng nghiệp bảo tôi: “*Thầy [7] nghĩ sao? Em sẽ thôi dạy, vì: em không thể vừa đứng lớp vừa làm tuyên huấn cho Đảng.*” Anh nói khá nhiều, nhưng tóm lại: Anh muốn bỏ nghề. Tôi nghe xót, xót tận trong sâu thẳm. Từ chối, không cộng tác với chánh quyền mới, chỉ đơn giản bao nhiêu đó mà thôi, có thể là cái cớ để vào các trại tập trung, tù không bản án, tù không biết ngày mãn hạn. Tôi có nhẹ nhàn nêu điều này cho Anh. Chưa kể là Anh phải già từ cả một cuộc đời thầy giáo của anh.

Vài tháng sau Anh thôi việc.

*Anh muốn lương thiện. Anh sống lương thiện.*

*Lương thiện với học trò của Anh, lương thiện với chính Anh.*

Quân luật. Cao trào cách mạng. Sức ép của quyền lực, sức ép của hàng vạn con cừu Panurge — ‘người người nắm tay giơ cao’, ‘nhất trí’, hoan hô, hò hời, ‘đảng ta’ muôn năm, Bác muôn năm. Muốn lương thiện, muốn nói không với những khẩu hiệu, những tiếng tung hô rỗng nghĩa. Nhất trí, tung hô không tạo được của cải vật chất, không đem lại sự an cư lạc nghiệp cho người dân. Chỉ bao nhiêu đó thôi, không biết nói với ai, và có biết cũng không dám hở môi. Khẩu hiệu là “dám nghĩ dám làm”. Trong thực tế, suy nghĩ phải dành cho lãnh đạo Đảng. Người dân, để đổi lấy an sinh, thì cứ làm theo lời lãnh đạo, gọi như vậy là ‘trung’.

*Già trẻ -- những người không phải đi tập trung, hay vào quân đội — đông đảo là người già, phụ nữ và trẻ con — nét mặt bơ phờ, trông con, trông chồng, trông cha, trông mẹ, và đói — đói cơm áo, đói học thức, đói tin tức, đói khát sự ổn định, đói một nụ cười,..., đói trong ảo vọng.*

Trong bối cảnh đó, con người dễ nhượng bộ với hoàn cảnh. Phải tồn tại, phải tinh thức, vững trên hai chân mình. ‘Sông có khúc, người có lúc’, ‘qua sông phải lụy đờ’..., không biết bao nhiêu lý do để biện minh cho sự yếu hèn, để lương tri được an ổn. Thật là, *Sống lương thiện: không dễ. Nếu có chút suy tư.*

---

[7] Anh học Văn, tôi dạy Toán cùng trong trường, nên quen gọi tôi là Thầy

**3.3. Tu là một quá trình *trải nghiệm. thực nghiệm. trực nghiệm.*** Nghiệm là: ‘*sự hiểu biết từng trải, có chứng cứ hoặc thông qua quá trình kiểm tra hẳn hoi, chứ không phải sự hiểu biết khơi khơi, cả tin ở sách vở hay Internet ! Trực nghiệm nhân mạnh trên cái ý trực tiếp không qua trung gian, nhưng cũng hàm ý một nhận thức mạo hiểm, phiêu lưu qua trực giác. Có thể nói tu là một quá trình sống thật, trong tìm tòi, dò dẫm, học hỏi, chứng nghiệm, trong đó người thầy giáo luôn trưởng thành, vươn lên trong cái đạo làm thầy*’[8]. Theo đó, **tu là đem ‘văn’ và ‘tư’ ra để chứng nghiệm.**

[8] Đỗ Chiêu Đức. NGHIỆM 驗 : là loại chữ Hải Thanh thuộc bộ MÃ 馬 bên trái chỉ Ý, và chữ THIÊM 僉 bên phải chỉ ÂM, nên NGHIỆM nghĩa gốc vốn là TÊN của một loại NGỰA quý chạy thật nhanh. Có 3 nghĩa thông dụng hiện nay của chữ NGHIỆM là:

1. NGHIỆM là XEM XÉT, là KIỂM TRA, như: XÉT NGHIỆM, Nghiệm Thi ( Xem xét xem từ thi chết vì lí do gì ). Nghiệm Thu ( Xem xét kiểm tra để chấp nhận )...

2. NGHIỆM là HIỆU QUẢ, là Có Hiệu Quả, như Ứng Nghiệm, Linh Nghiệm, Hiệu Nghiệm,...

3. NGHIỆM là CHỨNG NGHIỆM, là Bằng Cớ, là Từng Trải, là Kinh Nghiệm.

Cho nên... NGHIỆM: có nghĩa chung là: Sự Hiểu Biết có Chứng Cứ, Từng Trải hoặc Thông qua quá trình Xét Nghiệm hẳn hoi, chứ không phải sự Hiểu Biết Khơi Khơi !

Vì vậy, ta có thể hiểu:

\* TRÁI NGHIỆM: là từ viết gộp lại của 2 từ TỪNG TRÁI và KINH NGHIỆM, có nghĩa: Những Hiểu Biết Kinh Nghiệm do quá trình Từng Trải mà có được. TRÁI NGHIỆM là Cái Kết Quả có Quá Trình!

\* THỰC NGHIỆM: Chữ THỰC 實: là chữ Hội Ý, gồm Bộ MIÊN 宀 là Cái Nóc Nhà ở trên và chữ QUÁN 貫 là Tài Vật, Đồ Đặc bên dưới. Ý chỉ : Đồ Vật đầy cả Nhà, nên THỰC có nghĩa là GIÀU CÓ, Nghĩa phát sinh là ĐẦY ĐẶN, là CÓ THẬT, trái với chữ HU 虛 là trống lỗng không có gì ! Từ đó, THỰC có nghĩa là THẬT như THỰC TẾ, THỰC THỂ, THỰC TIỄN... Nên, THỰC NGHIỆM: là Sự Hiểu Biết, Kinh Nghiệm có được thông qua Thực tế có thật do mắt thấy tai nghe hoặc do Quá trình làm việc hẳn hoi.

Còn... \* TRỰC NGHIỆM: TRỰC 直 : là chữ Hội Ý, gồm chữ THẬP 十 là số Mười ở trên, bên dưới là chữ MỤC 目 là con Mắt ở dưới.

Tu cũng là sửa. Sửa từ “cái ta này” biến thành “cái ta khác”[9], mà cái ta sau tốt hơn, thiện hơn, khỏe hơn, hiệu quả hơn cái ta trước. Sửa nói lên một sự cải thiện, cải hóa trong chiều tiến bộ. Và cứ sửa như thế mãi, suốt cuộc đời thầy giáo. Văn, tư, tu, tuy là ba ngôi [10] tuy là tam thân [11], nhưng **thật sự là một, thống nhất, bổ túc lẫn nhau, đồng hành, bất khả phân**. Cũng tương tự trải nghiệm, thực nghiệm, trực nghiệm tuy ba nhưng mà là một, đồng hành và hợp nhất.

**3.4. Không ‘Văn’:** Không biết nghe, không đọc, không học, không tiếp cận những tư tưởng minh triết xưa nay, tức là sống trên cái vốn liếng đã có mà không chịu làm cho nó giàu mạnh hơn; tức là biến cái sẵn có thành một tháp ngà và bằng lòng tự giam mình trong đó. Giòng đời luôn chảy, luôn đổi thay, mặc giòng đời. **Thế thì làm sao nghe được lớp học, nghe được những học sinh cá biệt của mình, nghe để hiểu, thấy, cảm nhận, suy đoán, và thực nghiệm những biện pháp mà mình nghĩ là tối ưu. Đó là chưa kể thỉnh thoảng còn phải tiếp phụ huynh, phải nghe và cảm thông những lo âu của họ về những điều cụ thể liên quan đến con**

---

Ý chỉ Mười con Mắt cùng đổ dồn về một hướng, nên có nghĩa là THĂNG, như Trực Tiếp, Trực Diện, Trực Giác... Nên, TRỰC NGHIỆM: là Cái Kinh Nghiệm, Hiểu biết đến một cách Trực Tiếp thông qua những kiến thức, kinh nghiệm CÓ SẴN từ trước. Vì thế... TRỰC NGHIỆM chỉ dựa vào quá trình hiểu biết chủ quan rồi CẢM NHẬN ra sự việc, thiếu cơ sở vững chắc như THỰC NGHIỆM và TRẢI NGHIỆM !

[9] Minh Đức Triều Tâm Ảnh: **Những Hiểu Làm Về Đạo Phật.**

"**Tu là sửa:** Nếu tu là sửa thì mình đã từ "cái ta này" biến thành "cái ta khác". Nếu tu là không sửa thì cứ để nguyên trạng tham sân si như vậy hay sao? Xin thưa, sửa hay không sửa đều trật. Đạo Phật quan trọng ở Cái Thấy! Có Cái Thấy mới nói đến giác ngộ và giải thoát. Không có Cái Thấy này thì tu kiêu gì cũng trạch hướng hoặc rơi vào phước báu nhân thiên.'

[10] Vay mượn ngôn từ và ý niệm Ky-Tô-Giáo: Ba Ngôi-Đức Chúa Cha-Đức Chúa Con và Đức Chúa Thánh Thần, tuy ba nhưng mà là một, bất khả phân..

[11] Vay mượn ngôn từ và ý niệm Phật Giáo: Tam thân là PhápThân, Hóa Thân, Báo Thân. tuy ba nhưng mà là một, bất khả phân.

họ mà là trọng tâm của công việc hàng ngày của ta..  
**Nghe là vấn đề sinh tử của nghề dạy: nghe lớp học, nghe những học sinh cá biệt, nghe phụ huynh, nghe đồng nghiệp, nghe ngôn ngữ, tập tục địa phương,...Lắng nghe được tha nhân là cả một nghệ thuật.** Người thầy không thiên tọa, cũng không thiên hành, để tĩnh tâm, để tìm bản ngã, hay để cho ‘tiểu ngã hòa nhập trong đại ngã’. Cũng không tìm ‘thoát vòng tay vọng ngã’ để giác ngộ hay hội nhập ‘chân tâm’ và ‘thoát khỏi sinh tử luân hồi. Người thầy không có những may mắn của các Sư, các Cha: được xã hội dưỡng nuôi để ‘chuyên tu’, để thành ‘Chư Tôn Đức’ hoặc thành cha thiên hạ, để được thỉnh, giảng lâm, thí pháp hay ban pháp, để cuối đời về nước của chư Phật, hay của Thiên Chúa..

**Người thầy trọn vẹn dân thân trong cuộc sống phù du, bấp bênh, đầy bất trắc này. Với người thầy, ngũ uẩn—sắc, thọ, tưởng, hành, thức—không phải là ‘giai không’, mà là thật sống; người thầy quen thuộc với băng đen, phấn trắng, với núi lau bằng, quen thuộc với những tâm hồn trẻ (dễ thương, ngộ nghịch hay khó dạy) luôn đổi mới, quen với cái hư giả lúc có, lúc không, của một cuộc sống nổi trôi theo giòng chảy học đường. Trong cái đổi thay, ‘hư giả’ của học đường, người thầy học nghe, học lắng nghe và vấn hỏi.**

**3.5. Thiếu vắng suy tư, người thầy có thể chỉ là cái máy thu-và-phát-thanh, hoặc là cái thùng trống; ồn ào, rộn rã mà không thực chất. Nghe mà không nghĩ suy là nhẹ dạ. Học mà không hỏi, không suy tư, không luận bàn, không đem ra chứng nghiệm, là cái học của loài két.**

Thầy không là cái máy, không là thùng trống, cũng không là két. Và nếu chẳng may, phải nhượng bước với Satan, thầy có trăm cách để không làm cái việc nhồi sọ, nhằm biến học trò mình thành những thứ ấy.

### **3.6. Truyện kể [12]:**

‘Xưa, thời Giáo Tông của Giáo Hội Đô, có một Thượng Thủ -- và cũng là một nhà tư tưởng lớn của Giáo Hội, khám phá ra một sự thật, ‘chân thật bất hư’— chắc như bắp rang, ‘sông có cạn, núi

[12] Phỏng theo một truyện trong quyển ‘Le Livre unique de français, par D. Lafferanderie.’

có mòn, nhưng cái chân lý này' của Ngài, không bao giờ thay đổi. Do đó, Hội Thánh trao một giải thưởng lớn, chưa từng có từ trước đến giờ, cho ai giải thích được sự thật, 'bất khả tư nghi' này. Đó là:

'Tại sao, một cục đá bỏ vào một thau nước đầy thì nước tràn, mà một con cá, thả vào một thau nước đầy, thì nước không tràn.' Thế rồi, năm châu bốn biển, nhiều luận án của các vị tiến sĩ, thạc sĩ, hàn lâm sĩ,..., gửi về... Một hội đồng viện sĩ được triệu tập, để nghiên cứu và đánh giá.

Trong những luận án gửi đến, luận án nào cũng vài trăm trang. Nhưng có một, chỉ có một, rất đơn giản, gồm hai câu, của một cậu bé: 'Con có lấy một thau nước đầy, có thả một cục đá vào đó, thì đúng như vậy, nước trong thau trào ra. Và cùng in hết những điều kiện trên, cũng thau nước đầy, con thả vào một con cá lòng tong nhỏ xíu, và con lặp đi lặp lại như vậy rất nhiều lần, như lạ thay, nước vẫn tràn ra.'

Từ ấy, trong kinh thánh của Giáo Hội, về câu chuyện trên, có chú thêm một câu: "Triệu triệu người đều xác quyết rằng đúng, hướng chi, họ đều là tiến sĩ, thạc sĩ, học sĩ, hàn lâm sĩ, ...thì tất phải đúng thôi. Thế nhưng, qui luật tổng quát nào cũng có những trường hợp ngoại lệ. Đó là trường hợp xảy ra cho cậu bé con này.'

Tu là thực chứng. Chứng cứ cho mọi lý thuyết, lý luận, suy

đoán. Thiếu vắng tu, con người trôi lăn trong ảo tưởng, hoặc trong một chuỗi logic suy từ những tiên đề sai, và theo đó, có một lòng tin sắc đá mà vô căn cứ.

Nói chung, 'làm thầy' có thể gút lại trong 'đức-tin-mà-có-nghi', trong những 'nghi lễ phụng vụ', trong việc lấy 'kiến thức làm phương tiện', lấy 'nhân bản làm





*phương châm’, lấy ‘văn-tu-tu’ làm nếp sống.*

#### **IV. Kết Luận: Một thoáng riêng tư.**



**T**uổi  
đã 85, trước  
mặt là cực lạc  
quốc hoặc  
ngục A-tỳ, nơi  
mà không một  
ai muốn về  
nhưng buộc  
phải về. Nhìn  
lại, đã ‘mất  
dạy’ trên hai  
thập niên.

*Muốn ghi lại những trăn trở trong cái nghề làm thầy, nhưng bỗng thềm muốn nó là một cái đạo—‘đạo mà không là đạo’, không là con đường để ‘vọng cầu một cái gì ‘thường hằng’, phi thời gian, mà nhằm tự nhắc: cái khả năng mất mình trong đạo lý, trong một triết thuyết, trong một tổ chức. Đắc đạo không bằng không đắc đạo.*

*Văn, tu, tu là một nét, một pháp môn, một nếp sống trong cái đạo làm thầy. Mong được chia sẻ với các bạn đồng nghiệp và phụ huynh, và được góp ý. Mong lắm thay.*

*Sau cùng, tôi xin chân thành cảm ơn:*

*1. Nhà văn và giáo sư Trần Bang Thạch đã chịu khó đọc, góp ý, sửa chữa để bài đến độc giả trong hình thức trang trọng và dễ đọc tối đa.*

*2. Giáo sư Đỗ Chiêu Đức đã giúp tôi về phần Hán Việt.*

Houston, TX Tháng 7, 30, 2015

**GS NGUYỄN VĂN TRƯỜNG**



## ĐIỂM PHƯỢNG

### VẾT MỤC NGÀY XƯA

- Mẹ ơi! Chiếc áo dài con treo đây hồi chiều đâu rồi?

- Thì tìm lấy, gì cũng gọi.

Bị mẹ mắng, tôi sụ mặt. Thật tức quá, áo mới may treo đây lại bị mất. Vừa hâm hâm vừa đi kiếm áo, tôi vừa bực luôn mấy thằng em nữa, nó cứ đùa rầm cả nhà. Sẵn trốn tôi quay lại quét tháo:

- Đức, Tâm, Dũng tụi bây hãy đi, có chịu ra sân không? Tao mách ba bây giờ.

Đức bướng cãi:

- Thì chị đề em đánh thằng Tâm đã.

Quơ cây roi mây tôi hét:

- Thằng gì cơ? Tránh tao quét nhà.

Tâm, Đức hoảng sợ bỏ chạy ra sân kéo theo con Thủy, thằng Dũng.

Tổng khứ được lũ em, tôi thở một hơi khoan khoái, bắt đầu lui cui tìm kiếm cái áo dài trong ngăn tủ nhưng vẫn không có. Bực dọc, tôi tuông cả đồng quần áo ra. Chợt, tôi chú ý đến chiếc áo trắng điểm hoa cà, chiếc áo ngày xưa mà tôi ưa thích nhất. Niềm cảm xúc thoáng hiện trên đôi mắt và len nhẹ vào tâm hồn khi tôi vừa tìm thấy ở lưng phía trái gần bên vai áo có một vết mục ngày xưa vẫn còn mà thời gian hoa mộng của tuổi học trò đã bị dòng thời gian trôi cuốn mất.

Nhìn đến vết mục, tôi bỗng bồi hồi tưởng lại kỷ niệm của thuở còn cắp sách. Ba năm trôi qua mang tất cả lùi sâu theo dòng dĩ vãng.

Hồi ấy, tôi, Mai và Mâu, bộ ba thân nhất mà cũng nghịch nhất trong lớp. Lúc đó, chúng tôi đang học năm Đệ Ngũ, năm học

căn bản để chuẩn bị cho cuối năm Đệ Tứ thi trung học đệ nhất cấp. Mặc dù có tiếng là giỏi không ai bằng, bộ ba chúng tôi vẫn học ngoan ngoãn, toán bài tập thầy cho tụi này làm rất “suya” nên hầu hết các ông giáo sư đều nuông chiều, thương mến. Mỗi khi có bài luận mang về nhà soạn, tôi, Mai, Mậu hội họp lại dưới ánh đèn ông trong ngôi nhà ấm cúng của tôi. Một vài ý kiến mang ra thảo luận. Giờ phút gay go, quyết liệt ấy Mai và tôi là hai kẻ “địch thủ” lợi hại đối với nhau. Vì trong lớp, hai đứa tôi có tiếng là khá về lối viết văn nghị luận luân lý. Bài Thầy trả lại, tôi và Mai luôn ngang nhau hoặc Mai thua tôi một hay nửa điểm, và ngược lại. Mai được tính kiêu căng, lúc lớn điểm thì nheo nheo mắt cười ra vẻ hạnh phúc lắm; nhưng khi bị điểm nhỏ, nó lằm lằm, lì lì trông bộ mặt đáng ghét hơn bao giờ hết. Tuy nhiên, bộ ba chúng tôi vẫn không hề có giây phút hờn giận, cãi vã quá hai ngày. Thịnh thoảng chơi nghịch vẫn gặp trường hợp bất đồng ý kiến cãi lầy rồi ngoảnh mặt không nói chuyện. Thế mà chỉ được đâu một buổi học, khi ra về lại nhìn nhau cười “đờ mi” và bắt tay “thông cảm”.

Bộ ba mỗi đứa lại có mỗi biệt tài khác nhau. Tôi với tâm hồn giàu tình cảm, cõi lòng tràn ngập cả tình thơ, say mê sáng tác, ngâm nga suốt ngày. Bởi vậy hai đứa nó đặt cho tôi cái danh từ “thi sĩ gân” thật không ngoa. Mậu được trời phú cho giọng hát ngọt ngào êm ái, nên cô ta đi lần vào làng tân nhạc, ký “giao kèo” hợp tác với vài ban văn nghệ ở tỉnh nhà. Kể cũng hay. Mai không ưa thơ, không mê nhạc, cô ta chỉ say sưa, quanh quẩn vào bức họa, vẽ vời những hình ảnh nằm dưới ngọn bút chì và cho màu tạo thành một bức tranh rất đẹp. Có lần Mai họa tôi và Mậu, không hiểu vì cố ý hay vô tình mà bức họa lại có hai cái đặc điểm: Mậu với khuôn mặt hơi dài, đôi mắt to nhưng lại phải cái miệng trệ xuống trông đến tức cười. Tôi thì cái gì cũng tạm gọi là hoàn toàn, song mắc nổi cái má phúng phính nhìn thấy cười vỡ bụng. Mậu tức giận xé nát bức chân dung “tuyệt mỹ” của nữ họa sĩ “tài hoa” Trương Hoàng Mai. Tôi hơi bực với cái má “lạ đời” đáng ghét ấy nên cũng cho nó đi “du lịch” trong sọt rác.

Câu chuyện ấy cũng chưa thấm thía vào đâu. Chúng tôi vẫn cười vui vẻ bên nhau, thương nhau và yêu nhau ghê gớm, tưởng sẽ không có mãnh lực nào có thể chia rẽ nổi được bộ ba.

Thời gian lặng lẽ trôi qua, đến năm Đệ Tứ. Ngày tựu trường gặp lại nhau, trong nét mặt ai cũng như ngày xưa, chỉ có khác là mái tóc chúng tôi đã vương thêm một tuổi. Niên khoá đó, không hẹn cả ba đồng nghiệp tay loại bỏ tính nghịch ngợm, tu tỉnh làm ăn để cuối năm cố giết cho được cái mảnh bằng Trung Học.

... Và niên khoá Đệ Tứ sắp tàn, hè đến chúng tôi phải sửa soạn lều chõng lên đường thi cử như bao nhiêu người khác. Trước buổi chia tay tạm biệt, nhà trường có tổ chức tiệc liên hoan. Nhân cơ hội ấy, bộ ba mặc sức đùa nhau cho thoả thích, đền bù lại khoảng thời gian đã vùi đầu trong việc học. Đầu tiên Mai đề nghị:

- Có tiền không? Mua ổi ăn.

Tôi thò tay vào cặp da móc ra được 2 đồng, vụt reo lên:

- Dĩ nhiên là có.

- Bao nhiêu thế Phượng?

Tôi cười nheo mắt:

- Hai tí! Thế Mai?

- Chả có tí nào!

Tôi quay sang Mầu:

- Còn bỏ, này giờ bạn nghĩ cái gì, không nghe Mai đề nghị hả?

- Nghe chứ sao lại không.

- Thế cái “tủ sắt” bỏ có bao nhiêu?

Mầu im lặng suy nghĩ, vụt la to:

- Ý, thôi... nước này là chết tao rồi.

Tôi lo lắng:

- Gì thế cơ?

Giương mặt “đau khổ”, Mầu đáp:

- Bỏ quên cái “tủ sắt” ở nhà...

Mai bủi môi:

- Vậy mà làm thiên hạ tưởng bỏ bị ông toi bắt ấy! Quái, không tiền thì cứ bảo... giả vờ... hoài.

Mầu tím mặt cãi lại:

- Ai bảo với bỏ là ta không tiền đó?

- Vậy thì mang ra đây...

Mầu giọng cao cùi chõ, lắc đầu:

- Còn lâu mới mang ra cho bỏ “xía hùn”.

Mai định nói, nhưng tôi hét:

- Cứ cãi nhau đi... để mình tao đi mua ổi rồi về kể nào xoe tay... thì “oi răn”...

Mai, Mầu bật đứng dậy chạy theo. Ra ngoài lựa vài trái ổi, xin gói muối ớt, bộ ba vui vẻ kéo nhau trở vào lớp, chiếm trọn bàn chót, ngồi vừa ăn vừa tán gẫu nghe câu chuyện càng lúc càng sôi nổi.

- Ê! tụi bây có dự văn nghệ giúp vui không?

Tiếng gọi của Tuyết làm cắt đứt câu chuyện đang hào hứng của bộ ba. Mai khoát tay:

- Không hát đâu bồ ạ!

Mầu đứng lên hất tay Mai, nói:

- Ai bảo không hát?

Quay sang Tuyết, Mầu tiếp:

- Này, cứ ghi tên tao và Phụng vào...

- Bản gì mới được?

Tôi bịt miệng Mầu lại, song nó cố nói:

- “Tình Học Sinh”... ê... ê... song ca nghe bồ!

Tuyết gật đầu cười “đờ mi”. Tôi kéo tay Mầu cản nhằn:

- Bồ giỏi thì lên mà hát... Tớ không hát!

Mai xen vào:

- Ủ, bồ hát đi... Tớ và Phụng không hát.

Mầu uất ức hét:

- Không hát thì ta đây cũng chả cần.

Tôi và Mai giận dữ bước khỏi bàn quay đi. Mầu nói vói theo:

- Nghịch cho nghịch luôn...

Mai quay phắt lại, nói:

- Ê, ai nghịch hời nào.

Mầu dụ giọng:

- Ai biểu các bồ bỏ đi.

Tôi cười trêu Mầu:

- Ý, người ta đi mượn bài “Tình Học Sinh” mà.

Ba đứa chụm đầu nhau, ôm bụng cười.

Sau khi hát xong, bộ ba trở lại chỗ cũ ngồi tâm sự. Mai có tính “anh chị” một cây, nó thừa lúc tôi quay nói chuyện với mấy chị, nó nhanh tay “thủ” ngay trái ổi của tôi. Quyết không chịu đầu hàng vô điều kiện, tôi chạy theo đòi lại, chúng tôi tranh nhau. Cuối cùng trái ổi trở về tay tôi. Mai tức, nó dùng thế trả thù, cô ta giả vờ

cầm cây viết nguyên tử đỏ trên tay, lay gọi tôi. Tôi quay lại. Chiếc áo trắng hoa cà của tôi bị hoen một lần mực đỏ nguyên tử. Không kém, tôi trả đũa lại. Thế là hai tôi gây xích mích cho nhau. Đây là lần đầu có sự hờn dỗi quyết liệt như thế. Tự ái không cho phép tôi làm lành trước, mặc dù có lời Mầu giảng hoà.

Cho đến sau ngày thi, tôi không thèm nói chuyện với Mai và tôi cũng chả gặp nó. Còn Mầu vì gia đình dời đi Sài Gòn nên nó phải xa chúng tôi. Trước khi đi, Mầu không quên khuyên tôi nên đến gây tình bạn trước. Tôi hứa với Mầu, nhưng rồi tôi cũng quên mất lời hứa theo cơn giận còn ứa đọng trên vết mực ở sau lưng vai áo. Kết quả kỳ thi, Mai và tôi cùng đỗ. Hôm đi xem bảng kết quả tôi thấy Mai nhưng cả hai nhìn nhau rồi cúi đầu bước đi, nét buồn lặng lẽ vương qua ánh mắt cả hai đứa. Kể từ đó, tôi không còn gặp lại Mai nữa, và mấy chị bạn cùng lớp có dịp đến nhà chơi cũng chẳng ai gọi đến tên Mai.

Giờ đây, vết mực nguyên tử đỏ đã gọi lại hình ảnh ngày xưa. Tự nhiên tôi thấy buồn và tiếc rẻ. Giá tôi được trở lại thời gian xa cũ ấy, tôi sẽ là người lên tiếng xin lỗi và làm hoà trước với Mai như mong muốn của Mầu. Mai đã về đâu? Mầu hiện đang làm gì? Tại sao bộ ba chúng mình bắt cả nguồn tin tức? Tôi thờ dài buồn bã, mắt hoen ngấn lệ.

- Phụng! Đã tìm được chiếc áo chưa? Sao ngồi thừ người ra vậy?

Tiếng mẹ gọi làm tôi giật mình, cúi đầu lau nhanh hai dòng lệ, lặng lẽ thu dọn áo quần vào tủ. Mẹ cúi xuống nhặt chiếc áo hoa cà lên, bảo Thủy đang đứng cạnh đấy:

- Cái áo này còn đẹp chán. Thủy xin chị Ba đi.

Thủy hớn hờ:

- Ừ, đẹp quá. Chị Ba cho em đi..

Tôi ngập ngừng:

- Biết Thủy có mặc vừa không?

- Đề em thử cho chị xem.

Thủy cầm chiếc áo chạy vào buồng, chốc sau trở ra ngắm nghía trước gương reo nhỏ:

- Được đấy mẹ nhỉ?

Mẹ cười đưa tay vuốt vài nếp áo nhẵn, chợt hỏi tôi:

- Sao lại dính lần mực đỏ thế Phụng?

Tôi cần nhẹ đôi mắt:

- Ngày xưa chúng con đùa nhau đó...

Thầy kéo tay tôi:

- Chị Ba cho em nhá...

Tôi nhìn qua khung cửa sổ, mơ màng gật đầu. Thầy vui mừng chạy ra sân đem theo chuỗi cười thơ dại.

- Thôi nhất đồ lại rồi ra sau phụ mẹ làm com, chiếc áo dài đó để tối hãy kiểm.

Mẹ nói xong bỏ đi. Tôi vẫn còn ngồi bên đống quần áo nghĩ ngợi.

Bên ngoài, nắng hoàng hôn loang nhẹ vào khung cửa. Vài cơn gió thu hiu hiu thổi len nhẹ trong tâm hồn tôi nỗi buồn tím lạnh khi kỷ niệm ngày xưa còn vương sót lại vết mực và lời cuốn mất đi theo ngọn sóng thời gian.

*Tây Đô, vào thu 1963*

## DIỂM PHỤ ỢNG

**VISION OUTLET** 8200 Wilcrest, suite 26 B  
Houston Texas 77072  
(at Beechnut cạnh Kim Video  
và Quê Hương Restaurant)



Nơi phục vụ xứng đáng, chân thật  
và uy tín từ 17 năm qua  
Tiệm có đủ mọi hiệu kính trên Thế Giới  
Contact Lenses đủ loại, đủ mẫu  
Bảo đảm giá hạ nhất Houston  
Gọng hạ giá từ \$10.00,  
1 cặp kính từ \$38.00 (gọng và tròng)  
Lấy độ kính cũ làm kính mới  
Có giá đặc biệt cho gia đình khó khăn  
Nhận làm kính gửi đi xa không tính tiền cước phí

**LẤY ĐỘ KÍNH CŨ LÀM KÍNH MỚI  
CÓ GIÁ ĐẶC BIỆT CHO GIA ĐÌNH KHÓ KHĂN**

Chúng ta yêu cuộc sống  
bằng trái tim  
và nhìn rõ  
những xuân sắc thân  
thương qua đôi kính

Hãy đến VISION  
OUTLET để được săn sóc  
xứng đáng.

ĐT/Fax: (281) 495-1403

**COUPON**  
**\$10.00**  
(gọng & tròng)

Mở cửa: Chủ Nhật: 12 pm-3 pm  
Thứ Hai-Thứ Bảy: Từ 10 am-7 pm  
Đóng cửa: Thứ Ba

■ Đã được người Mỹ xếp hạng 5 SAO  
■ Một trong những tiệm BEST của Texas trong sách  
Underground shopper

## LÃM THÚY

(Gaithersburg - MD)

### MÙA ĐÔNG ĐẤT KHÁCH

*Buổi sáng uống ly trà lạnh  
Nghe mùa đông chọt dài hơn  
Chiều về nghe chim vỗ cánh  
Chạnh lòng ta nhớ cố hương.*

*Chẳng biết xưa người lữ khách  
Châm điếu thuốc buồn ra sao?  
Chẳng biết xưa nơi đất Trích  
Tráng sĩ sầu như thế nào?*

*Chi biết ta buồn quá đôi  
Ngó mây bay cũng nhớ nhà  
Đêm nằm, lắng nghe gió thổi  
Thương gì thương đến xót xa!*

*Nhiều khi thoáng nghe đâu đó  
Mùi hương Nguyệt quế trong vườn  
Nhiều khi trên từng lá cỏ  
Chở đầy nỗi nhớ quê hương.*

*Nhớ nhánh sông mùa nước lũ  
Nhớ bờ lau sậy lúa thưa  
Nhớ cây Bằng lăng vườn cũ  
Mường bè, rụng tím mùa hoa.*

*Chiều lạnh, mùa đông đất khách  
Thương cha, nhớ mẹ, nghẹn ngào  
Chẳng biết chim nào chim vịt  
Kêu chiều, thăm nã như nhau.*

01-3-2006

(trong **THÂM TÌNH** - thơ Lâm Thúy 2014)

**LÃM THÚY** \* Quê làng Non Ái - quận Phong Điền - Cần Thơ. \* Tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm Cần Thơ, ban Việt Hán. \* Dạy học ở Phong Điền Cần Thơ và Phú Hà - Huế. \* Định cư tại Maryland Hoa Kỳ từ năm 1992. Đã xuất bản: **Còn nguyên nỗi ngậm ngùi. Thâm tình. Từ mẫu. Muốn ủng hộ sách. Liên lạc tác giả qua địa chỉ:**

(Thư từ): **56 Bralan Ct, Gaithersburg, MD 20877.**

(Email): **lamthuycat@gmail.com**



## CÁI TRỌNG TY

(Houston - Texas)

## MÀU THỜI GIAN

*Hương xưa lụy mộng ưu phiền  
Kiều dung bóng vỡ buồn riêng cuộc tình  
Vẽ trời xanh động u minh  
Vẽ đời mặc áo hoa trinh nữ buồn.  
Xếp niêm riêng cạn chén cuồng  
Người quay lưng lạnh tình buồn buốt sâu  
Ngàn sau dấu có về đâu  
Về đâu cũng vội qua cầu áo bay.  
Mà thôi nghiệp dĩ là đây  
Thế thời thân hạc lưu đày hoá thân  
Em xưa môi mắt ân cần  
Sống tình giao phối mấy tầng lụy mây.  
Bóng em tình phụ hao gầy  
Sắc chàm cổ độ hôn say khướt mời  
Màu thời gian gửi lại đời  
Rượu đầy chúc những toi bờ phù vân.  
Chiều băng khuâng lạnh mây Tần  
Nghe hơi gió thổi xoay vần đắng cay  
Khung hôn ảo ảnh cuồng quay  
Thời gian vẽ hộ màu này sắc kia*

## MẮT BẢO

*Khởi duyên từ cõi vô thường  
Em duyên hạt bụi thiên phương dặm đường  
Nỗi tình một đoá hồng dương  
Tiếng mơ hồ gọi vô phương kiếp người.  
  
Buổi thế gian lạnh tiếng cười  
Thân tôi ở trọ đời uoi cổ cùng  
Em đi xa khuất hoài dung  
Tìm em khắp chốn trên vùng dốc mơ.*

*Cội nguồn Âu Lạc đôi bờ  
Mà trần gian lại cuộc cờ phé nhân  
Vườn thu âm lạnh căn phần  
Và tình thôi nhé lần khăn kiếp nào.*

*Từ em bắt bão vườn sao  
Xuống trần gian lại lạc vào cõi thơ  
Cõi tình cõi tội còn mơ  
Đường xa em đã bụi mờ bóng tôi.*

[trong CÓ MỘT MÙA TRĂNG XA NHƯ BIÊN - Thư Ân Quán/tháng 4-2015]



**NGUYỄN NAM AN**  
(Irvine - California)

## RU EM

*Ru em dẫu đạn trên tường  
Vẽ câu biểu ngữ mở đường lưu vong  
Ru em bày cuộc đám đông  
Xuống đường đã đảo vết dâm lưng người.*

*Ru em vòng kềm gai tôi  
Giăng đầu tuyến lửa trải đời hào sâu  
Dư âm tiếng nổ địa đầu  
Lại nghe ánh mắt thù sau buốt hôn.*

*Ru em tù ngục đã buông  
Tiệc xương máu mở đoạn trường quê hương  
Rộng đôi tay biển trăm đường  
Đi-ở-chết, em biết phương nào về.*

*Ru em thôi tiếng nã nê  
Lời tôi nếu có vọng về, xin quên  
Giờ em chuốt bút thành tên...*

[trong **BIÊN THUỞ CHỜ AI** - Văn xb - 2000]

## QUÊ HƯƠNG TRONG TRÍ NHỚ



**TRẦN BÁ XỬ**

(Springfield - MA)

## VĨNH LONG, MỘT THỜI ĐỂ NHỚ

Tôi được ra đời và lớn lên tại Sa Đéc, một địa danh có liên hệ gần gũi với danh từ đa âm của người Kmer như Ông Nguyễn Hữu Hiếu của Hội Sử Học tỉnh Đồng Tháp từng nhận xét nhưng tôi vẫn muốn được nhận mình là người Sa Đéc một cách thân thương và vẫn thích được xem như là người của sông Sa hiền hòa, nói cách khác là người Sa Giang cho có vẻ nên thơ vậy mà?

Tuy chủ đề được tản mạn xoay quanh thành phố Vĩnh Long, nơi đã từng cuu mang tên nhóc con như tôi suốt cả chiều dài bốn năm từ khi chập chững bước vào ngưỡng cửa Trung học nhưng tôi vẫn miên man nghĩ đến tỉnh Sa Đéc luôn gắn liền với tỉnh Vĩnh Long như anh em một nhà vì ngay từ ngày còn bé tí tẹo, lúc tôi vừa khoảng trên mười tuổi thôi, tôi vẫn thường nghe danh xưng ba tỉnh của đồng bằng sông Cửu thường được ghép chung với nhau, dĩ nhiên có cả tỉnh Sa Đéc của tui nữa, là *Sa Đéc - Vĩnh Long - Trà Vinh* mà hệ thống giáo dục được đặt dưới quyền kiểm soát của vị Thanh Tra Học Chính Liên Tỉnh, lúc bấy giờ gọi là Inspecteur Inter - Provincial trong đó gồm có Sa Đéc, Vĩnh Long và Trà Vinh nên tôi cũng cảm thấy hạnh diện vì Sa Đéc của tui được đứng ở hàng đầu (cái hạnh diện rất ngây thơ của tuổi con nít ấy mà?). Đến khi tôi nhận được quyền Đặc san Phù Sa Sông Cửu Xuân Quý Tỵ 2013 của Hội Ái Hữu Vĩnh Long - Vĩnh Bình - Sa Đéc do anh Lê Tấn Lộc, người bạn đồng môn cùng lớp với tôi từ ngày mới thành lập Collège de Vĩnh Long năm 1949 gửi tặng thì tôi thấy cái tỉnh Sa Đéc của tui nhảy xuống hạng “bét dèm”, tôi chỉ nói đùa chớ thứ

hạng nào cũng vậy thôi có ăn nhậu gì đâu mà âu với sầu, cũng tương tự như cái tên Vĩnh Bình hay Trà Vinh thì cũng na ná như thế. Nói vậy chớ khi nhắc đến tỉnh Trà Vinh thì tôi rất tâm đắc với tựa đề “**Một Thoáng Trà Vinh**” mà người tiểu muội đa tài trường Đoàn Thị Diễm Nguyên Nhung đã “phồng tay trên” trong Đặc san Xuân Ất Mùi 2015 mất rùi nên tui làm sao bắt chước được nữa?

Như đã nói ở trên, hồi ở bậc Cao Đẳng Tiểu Học (Trung Học Đệ Nhất Cấp), tôi học ở Trường Cao Tiểu Vĩnh Long (Collège de Vĩnh Long) trong bốn năm từ 1949, một thời gian không quá dài nhưng cũng đủ lưu lại trong tôi nhiều kỷ niệm thật trẻ con, thật êm đềm và thú vị về tỉnh Vĩnh Long vì đang ở trong giai đoạn mới phát triển của tuổi học trò.

Ngày ấy, chỉ riêng tỉnh Trà Vinh là tôi ít có dịp ghé thăm nhiều lần vì không có bà con thân thích cư ngụ tại đây, mãi đến khi tôi vào quân đội và phải trải da tróc vảy leo lên đến cấp đại úy (sau gần 8 năm mang cấp Trung úy thời Đệ Nhứt Cộng Hòa) vào đầu năm 1966 mới có cô cháu con bà chị ruột tốt nghiệp kỹ sư Công Chánh được bổ nhiệm về làm Trưởng Ty Công Chánh tỉnh Vĩnh Bình thì lúc bấy giờ thỉnh thoảng tôi cùng Nhà Tôi tôi mới có dịp ghé thăm tỉnh này.

Riêng hai tỉnh Vĩnh Long và Sa Đéc có nhiều quan hệ mật thiết dây mơ rễ má với nhau qua một thời gian dài xem như hai tỉnh anh em. Ngược dòng thời gian, vào thời Việt Nam (Đệ Nhứt Cộng Hòa), Sa Đéc là một tỉnh riêng biệt cũng ngon lành lắm chớ có thua ai đâu, nhưng đến ngày 8/10/1957, tỉnh Vĩnh Long được tái tổ chức thành 6 quận trong đó lại có sự sát nhập của tỉnh Sa Đéc nữa, sau đó vào ngày 2/8/1969, tỉnh Vĩnh Long lại tăng lên thành 7 quận với quận Châu Thành và các quận Chợ Lách, Tam Bình, Bình Minh, Minh Đức, Trà Ôn, và Vũng Liêm, gạt bỏ chàng nhóc tí Sa Đéc “ra rìa” để Sa Đéc trở thành một tỉnh như trước đây. Vĩnh Long chỉ cách Sa Đéc có 24 cây số nên việc qua lại giữa hai tỉnh rất nhanh chóng, đôi khi chỉ đi bằng xe đạp cũng rất dễ dàng, nhứt là vào dịp cuối tuần hay ngày lễ mà tôi đã có dịp mô tả khi tôi cùng anh bạn cùng lớp hớn hờ chạy u từ Vĩnh Long về Sa Đéc bằng xe đạp qua các nẻo đường từ cầu Cái Cam, Cái Côn, chạy ngang qua ngã ba cầu Bắc Mỹ Thuận, rồi qua Cái Tàu Hạ, v.v... Khi đến Nha Môn chỉ còn cách Sa Đéc có 8 cây số, nơi có chợ

Nha Môn và một địa danh gọi là Chuông Dê (có tiếng là nguy hiểm vào Tết Mậu Thân 1968) là chúng tôi bắt đầu tăng tốc độ như những cu-rơ nhà nghề vậy. Chúng tôi càng háo hức chạy nhanh hơn khi đến khu Xẻo Vạc, Cái Xếp với một dãy lò gạch nối tiếp nhau, khi ấy chúng tôi đã thấy khu chợ Sa Đéc ở phía xa xa dọc theo dòng sông Sa thì chúng tôi gò lưng chạy thật nhanh để mong sớm về đến nhà gặp mặt cha mẹ thân yêu mà tôi biết chắc mẹ tôi sẽ mừng rỡ vô cùng khi thấy bóng dáng cậu con trai út của mình.

Ngày trở lại Vĩnh Long không vui nhộn như bận đi nên tốc độ chạy xe có phần chậm hơn nhưng cuối cùng chúng tôi cũng về đến nơi trọ để chuẩn bị cho ngày học mới.

Nhắc đến Vĩnh Long chắc hẳn chúng tôi không thể nào quên những địa danh rất quen thuộc như Cầu Lộ khi vừa vừa qua Ngã Ba Cần Thơ rồi quẹo trái đến Cầu Cái Cá mà tôi có rất nhiều kỷ niệm với xóm chài vì ở đây có vài anh bạn cùng quê đang trọ học, đặc biệt có anh Hoàng người bé tí tẹo nhưng lại là một tay bơi cự phách khi anh dám bơi một lèo qua Sông Cái rộng mênh mông không cần phải nhờ đến chiếc ghe mà chúng tôi thường mượn chờ thức ăn để qua bên kia sông. Cũng trên chiều dài con sông này tôi có một kỷ niệm thật êm đềm, trước hết là tạo cơ hội cho tôi thực hành bơi đường trường với lý do đơn giản là trên đoạn sông dài này thường có một cô bạn học cùng trường chuyên ngồi học bài trên căn nhà sàn mỗi buổi chiều, và đó là dịp may để tôi tung tăng thực tập bơi ngang qua chỉ để vẫy tay chào “người đẹp” một hai cái rồi tiếp tục bơi luôn như trong phim “The River of No Return”, cũng nhờ vậy mà sau này tôi cũng lượm được một vài huy chương về bơi đường dài? Nhưng eo ơi, cũng chính tại con sông này, gần bên nhà thờ Vĩnh Long, có một lần khi vừa bơi ra khỏi bờ khoảng 10 thước thì tôi thấy một vật gì nổi lên bên phía trước, bắt giác khi định thần nhìn kỹ thì đó là “thằng chổng chết trôi” (thây ma đó mà) nên tôi linh quỳnh vội vã bơi vô bờ nhưng có lẽ vì tôi ráng bơi nhanh nên nước cuốn cái thây ma làm như nó muốn rượt theo tôi, cũng may tôi không bị vọt bẻ nên đã may mắn vô được bờ bình an vô sự thì sau đó cái thây ma cũng tấp vào bờ luôn nên tôi mừng hú vía và không dám tiếp tục bơi để chiêm ngưỡng cô bạn học nữa trong một thời gian dài. Trên giữa khoảng đường từ Cầu Cái Cá

đến nhà thờ có một nhà in tên Long Hồ Ẩn Quán cạnh nơi đó có hai chị em học cùng trường, người chị tên Huỳnh Mai và người em tên Điều học ngang lớp với tôi mà thuở ấy tôi rất thích nhìn cặp mắt to và đen láy của cô chị, để làm gì có trời mà biết?

Vĩnh Long có khá nhiều cầu, không chỉ có Cầu Lộ, Cầu Cái Cá mà còn có Cầu Thiêng Đức cạnh nhà giáo sư Phạm Văn Thành, thân phụ của cô nữ sinh *Henriette* ngày xưa (sau này là giáo sư Phạm Thị Kim Chi, hiệu trưởng trường nữ trung học Đoàn Thị Điểm Cần Thơ) và Cầu Lầu (gần nhà thầy Lê Văn Sĩ, giáo sư hội họa, bác của anh bạn học phá như quỷ của tui là Lê Tấn Hội và cũng là cậu của cô Kim Chi) trên đường đi Trà Vinh.

Lúc mới nhập học Collège de Vĩnh Long, tôi ở trọ nhà cô giáo Nam dạy học ở Ecole Francaise de Vĩnh Long. Nhà cô ở ngang đất thánh Tây mà người địa phương thường gọi là cimetière. Nơi đây đã gieo rắc trong tôi tính đa cảm đa sầu vì lâu lâu tại đây có đám tang mấy quân nhân Pháp với tiếng kèn đồng buồn não ruột khiến tôi lâu lâu lại nằm khóc một mình giữa đêm vắng do buồn và nhớ nhà vì mới ở lứa tuổi 12, 13. Lúc bấy giờ, ở nhà trọ, ngoài cô hiệu trưởng Nam còn có người em gái là cô Tám, tốt nghiệp trường Sorbonne, Pháp cùng người cháu gái rất dễ mến là chị Sáu và cô Châu là phu nhân của Đại tá Diễm (Pháo Binh) sau này. Tôi vẫn còn nhớ rõ như in là vào mỗi buổi sáng có ông “cò-mi” tên Phép ở ở cùng đường thường đi ngang qua nhà chúng tôi và cất tiếng chào các cô rõ to “*Mes hommages, Mesdames*”. Ngoài ra, cô Châu có người em ruột tên Bằng cũng ở trọ chung với chúng tôi cùng với bạn Trục học sau tôi một lớp. Bạn Trục là con của thầy ruột tôi là ông Đốc Nguyễn Văn Lãnh ở Sa Đéc, anh hiền lành như cục bột trong khi bạn Bằng rất lém lỉnh, bạn Trục và tôi thường bị anh ấy ăn hiếp, sau này anh theo học khóa 10 Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt, cuối cùng mang cấp bậc Trung tá của Bộ TTM. Kế nhà trọ của chúng tôi còn có anh bạn học cùng lớp tên Nguyễn Thế Hường rất hài hước và vui tính là một hảo thủ đánh bi-da nổi tiếng của Vĩnh Long mà thân phụ anh ấy là kỹ sư chuyên sản xuất dầu thơm cho tỉnh nhà.

Nhắc đến quý thầy cô và quý đồng môn, như tôi đã có lần nhắc đến khi trường mới thành lập, trước tiên phải nhắc đến giáo sư Nguyễn Văn Kính với biệt danh thân thương là Mơ-xừ Te

(Inspecteur Interprovincial/Thanh Tra Liên Linh Sa Đéc - Vĩnh Long - Trà Vinh) kiêm Ông Địa (*Directeur*/Hiệu Trưởng). Phần nữ giáo sư chỉ độc nhứt có mỗi một cô là giáo sư Nguyễn Thị Thương là phu nhân của giáo sư âm nhạc khét tiếng Trần Văn Khê với hai người con trai mà ông dùng để gọi tên ông (Hải Minh) khi nói đến âm nhạc. Về phía nam giáo sư thì phải kể Giáo sư Phạm Văn Thành, ông thầy ruột của tôi và cũng là thân phụ của cô *Henriette* học rất giỏi, nay là giáo sư Phạm Thị Kim Chi, hiệu trưởng trường nữ trung học Đoàn Thị Điểm Cần Thơ. Kế đó phải nhắc đến vị giáo sư dạy Pháp văn tuyệt vời là thầy Phạm Văn Tệt, thân phụ của bạn Triều học cùng lớp với tôi sau này sang du học bên Pháp. Ngoài ra còn có giáo sư Phạm Văn Thiết (gia đình họ Phạm hơi nhiều?) tốt nghiệp trường Sorbonne (Pháp) dạy Sử Địa mà tôi còn nhớ lúc bấy giờ thầy giao trọng trách cho chị Khiêm (bị cận thị nặng) lớp con gái và tôi vẽ một bản đồ thế giới “pựt tổ chẳng” ngay tại tư gia của chị để thầy dạy học mà tôi không nhớ nó mất tiêu lúc nào hông biết, có lẽ nó quá đẹp hay quá xấu chẳng? Thuở ấy còn có vị giáo sư trẻ tên Khiêm dạy toán thật xuất sắc, sau đó cả hai thầy Thiết và Khiêm đều vào Liên Trường Võ Khoa Thủ Đức, trước 30.4.1975 thầy Thiết thăng cấp trung tá Quân Cụ còn thầy Khiêm là đại tá Pháo Binh. Ngoài ra còn có giáo sư dạy Việt văn là thầy Dương Văn Tường và thầy Tư Hón dạy Thể dục với sự hỗ trợ tận tâm của thầy Tổng giám thị Nguyễn Văn Kỹ Mậu và thầy Giám thị Nguyễn Văn Mẫn (?).

Về phía nữ học sinh (suýt tí nữa tôi phải nhảy qua lớp nữ nếu không nhờ thầy Phạm Văn Thành cứu “trò” cho trở về lớp “đực rựa”) tôi chỉ còn nhớ loáng thoáng mấy “cô nương” gốc Vĩnh Long như chị Liễu, Gấm, *Henriette*/giáo sư hiệu trưởng “Kim Chi”, Lê Thị Cẩm Hồng, Lê Thị Cẩm Vân, chị Nhơn, Tương, Diệu, Xuân Lan, Nguyễn Thị Trường Nhi, Lê Thị Lý (bác sĩ), Nguyễn Thị Lý (Cán sự Điều dưỡng) chị Diệu, Khiêm, Xuân Lan, Oanh, Loan, Thường, Nguyệt, Trương Thị Cẩm, Cam Thị Mỹ, Lê Thị Bửu, v.v., phía Sa Đéc có các chị Trịnh Thị Mai, Trương Thị Lan Anh, Trần Thị Hương, Lê Thị Bằng, v.v.

Về phe các đực rựa, ngoài hai cây cỏ thụ đứng đầu lớp Nguyễn Văn Vện và Lương Ngọc Ân chuyên môn học nhảy lớp, sau này trở thành giáo sư Toán và Pháp văn của trường mẹ được

cải danh thành Nguyễn Thông - Tống Phước Hiệp, có các nam học sinh quê ở Vĩnh Long gồm những bạn Lê Lễ, Lê Tấn Lộc, Thực, Bép, Bảy (Phi Ván), Nguyễn Thế Hương, Võ Ngọc Các, Võ Trung Thứ, Giáo, Giác, Lê An Lòng, Lê Hoàng Tông, Võ Minh Kiểng, Bùi Thế Xương, Tiệt, Ba (gà cồ), Hòa, Triều, v.v. Về phần học sinh quê ở Sa Đéc của tui gồm có các bạn Giêng, Thoại, Phầm, Trọng, Hội, Cang, Dầu, Dục, Thiệt, Thiện, Phước, và tui là Trần Bá Xứ mà bạn Lê Tấn Lộc cùng một số bạn ưu ái tặng thêm hỏn danh là Hà Bá Xứ cho có vẻ oai hùng và dữ tợn. Không riêng gì tui mà một vài bạn khác trong lớp tui cũng được sửa đổi tên như bạn Bùi Thế Xương thành Bò Té Sông, Trần Văn Giêng thành Trần Văn Điền, Lê An Lòng thành Lê Ân...., “Sáu” Trọng, “Các dùi đục”, “Bảy Búi”, “Thoại tiệm vàng”, “Ba Tàu Tông”, “Hương dầu-thơm hay bi-da”, Nhựt “thời lòi”, chị N. “hột mít”... cùng một dục tên vui nhộn như “Các-Thứ-Lòng-Tông-Giáo Giác. Đặc biệt tinh Trà Vinh chỉ có một “ngoe” là bạn Lê Văn Lộc để phân biệt với Lê Tấn Lộc, bạn Lộc (Trà Vinh) sau này theo học khóa 10 Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt như một số bạn cùng lớp và tử trận ở Sa Đéc với cấp bậc Trung tá.

Ngày xa xưa ấy, đã hơn sáu mươi năm rồi còn gì, trong những ngày cuối tuần, tui thường đi rong chơi bằng xe đạp qua khỏi ngã ba Cần Thơ gần một cây số trên đường đi Cần Thơ thì có những mảnh vườn hay ruộng dọc đường có trồng dưa gang mà tui rất thích ăn với đường thè. Tui thường tạt qua để mua một hai trái để ăn, nếu dưa chưa chín tới thì tui đem về ngâm vào lu nước để hôm sau lấy ra thì mùi thơm lừng làm tui thèm nhỏ dãi. Đôi khi tui có thú vui tiếp tục đạp xe mãi miết rong chơi gần đến Ba Càng thì mới quay về, không dám thách quá giá để chạy tới Cái Vồn, Cần Thơ sợ đôi giò làm reo hồng chịu đi nữa thì mệt!

Cũng trong những ngày ấy, có khi ba tui xuống Vĩnh Long thăm tui thì tui có dịp đi ăn tiệm ở gần bến xe mà cạnh bên trường Ecole Francaise của cô Nam có một nơi (gần tòa án) bán món “*civet lapin/xi-vê thỏ*” mà thuở ấy tui chưa bao giờ được nếm qua, nhưng tui chú ý thấy ông chủ người Ấn Độ lột da con thỏ rất lành nghề chỉ trong giây lát thôi, bấy giờ tui chỉ biết phục tui ông chủ nhưng chưa hề nghĩ đến việc tội nghiệp chú thỏ đáng thương!



Thời gian qua nhanh quá, từ một cậu bé học sinh 12, 13 tuổi nay đã ngót nghét bát tuần, tôi bùi ngùi nhớ lại một thời đã qua mà chiều dài vượt quá ba phần tư đời người, hình dung lại những gương mặt thân thương ngày nào, hồi tưởng xem ai còn ai mất mà lòng thấy rung rung khi đặt dấu chấm hết ở đây.

*Miền Đông Bắc Hoa Kỳ vào cuối Hạ 2015*

**TRẦN BÁ XỬ**

*(Springfield - MA)*

## PHÂN ƯU



Vô cùng xúc động nhận được Tin buồn:

### **Bác Hai NGUYỄN VĂN NHIỀU**

Nguyên chủ nhân Nhà sách VĂN NHIỀU, 38 Ngô Quyền Cần Thơ

vừa tạ thế lúc 4 giờ 30 sáng (4 giờ 30 tối giờ VN) 23/10/ 2015

[nhằm ngày 11 tháng 9 năm Ất Mùi]

tại tư gia, 60 Hùng Vương, Thành Phố Cần Thơ

### **Hưởng đại thọ 105 tuổi**

Chúng tôi, thay mặt gia đình ở số 26 Ngô Quyền Cần Thơ

\* Thành kính chia buồn cùng gia đình con trưởng nam: anh chị Nguyễn Công Hiền & Trần Thị Lành (Houston - TX - Hoa kỳ) [Cựu Hội trưởng Hội Ai Hữu Đồng Hương Cần Thơ tại Houston TX]; Gia đình con thứ nam DS Nguyễn Công Đức & DS Tăng Thị Thu Kiều (Cần Thơ - VN), Gđ cháu gọi bằng Cậu Hai: GS Nguyễn Công Danh & Trần Thị Ánh Nguyệt... cùng toàn tang quyến tại quê nhà Cần Thơ và hải ngoại.

\* **Nguyện cầu Hương Linh Bác Hai NGUYỄN VĂN NHIỀU**  
**sớm siêu thăng nơi miền Lạc Cảnh.**

Gđ **LÊ HOÀNG VIỆN & LÊ THỊ NGỌC NỮ**  
(Lê Cần Thơ & Diễm Phượng)

và con cháu (Houston - Texas - Hoa Kỳ)

**ĐỒNG THÀNH KÍNH PHÂN ƯU**

VĂN HOÁ VIỆT NAM 71 \* 65 \* MÙA ĐÔNG 2015

# NAM QUỐC SƠN HÀ NAM ĐẾ CƯ



**THÁI TẦU**

*(Houston - Texas)*

## SỨ BỘ TÂY SƠN SANG YÊN KINH VỚI BA ĐẠO BIỂU VĂN THƠ HỌA và CÂU ĐỐI MỪNG THỌ VUA CAO TÔNG - CÀN LONG

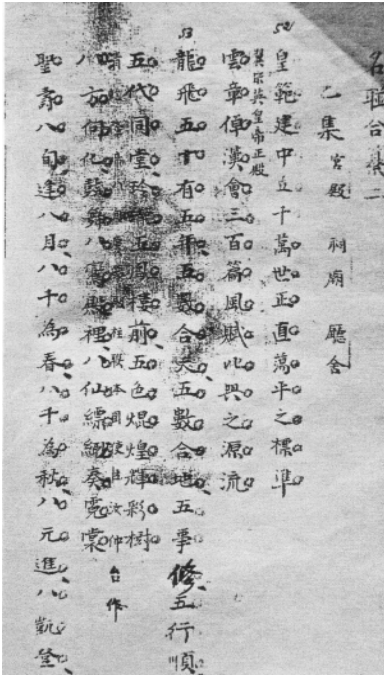
**T**rận chiến thắng Đống Đa vào mùa Xuân Kỷ Dậu 1789, Hoàng Đế Quang Trung đã làm cho quân Thanh tổn thất nặng nề. Đề đốc Hứa Thế Hanh, Tiên phong Trương Triệu Long, Tả dực Thượng Duy Thăng đều phơi thây trận địa; Tri phủ Điền Châu Sầm Nghi Đống cùng thế lên chạy ra Loa Sơn gò Đống Đa treo cổ tự vẫn. Tôn Sĩ Nghị đang vui say ở Tây Long nghe tin báo Hạ Hội mất, Ngọc Hồi tan, Khương Thượng vỡ... quân Nam đang đến gần, hốt hoảng không kịp thắt yên cương, mặc giáp phòng dẫn vài tên lính kỵ lên ngựa chạy qua sông Nhị về mạn Bắc. Thấy chủ tướng đã bỏ trốn, binh sĩ các trại thấy vậy ùa chạy theo, tranh nhau qua cầu phao, cầu sập chết vô số kẻ làm nghẽn cả dòng sông. Nghị đến Phụng Nhãn, nghe có binh của Đô đốc Lộc đón đường, vội ném cả sắc thư, ấn tín chạy tháo thân. Quân ta thừa thắng đuổi giặc đến Lạng Sơn, dân Tàu vùng biên giới kinh hồn chẳng ai bảo ai già trẻ dất nhau chạy trốn, từ Nam Quan ra Bắc vài trăm dặm vườn không nhà trống, không khói cơm chiều, không tiếng chó sủa.

Chỉ trong 10 ngày mà Hoàng Đế Quang Trung quét sạch 20 vạn quân Thanh xâm lược đúng như lời hứa trước hôm 20 tháng Chạp Mậu Thân 1788 tại núi Tam Điệp lúc cho ba quân ăn Tết trước.

Sau trận thất bại này, nhà Thanh khiếp oai Quang Trung nên nhiều người chuyển sang chủ hòa, khiến vua Càn Long chẳng biết làm gì hơn đành bấm bụng cùng ta giao hảo. Hoàng Đế Quang Trung cũng muốn nhân dịp này, nửa muốn chọc giận, nửa lại ve vãn, hòa hiếu để kiện toàn binh bị, chỉnh đốn nội trị, nuôi dưỡng ý chí, chờ ngày Bắc phạt lấy lại đất biên viễn đã từng nằm trong cương vực của Nam Việt dưới thời Triệu Vũ Vương, mà Hoàng Đế Quang Trung nhún mình xin hoà để cầu phong

## BA ĐẠO BIỂU VĂN

Việc nhà Thanh truat phê thiên mệnh vua Lê để công nhận Nhà Tây Sơn là việc hy hữu, nguyên nhân chính bởi sự thất bại trong cuộc giao binh ngăn ngui vào Mùa Xuân năm Kỷ Dậu 1789.



Để hợp thức hóa may mắn việc công nhận của thiên triều, Hoàng Đế Quang Trung đã sót sáng thi hành nghĩa vụ phiên thuộc: *dâng biểu tạ ân* và *đem phương vật triều cống*.

Phái bộ tạ ân do Nguyễn Hoàn Khuông làm Chánh sứ; Tống Danh Lăng, Lê Lương Thận làm Phó sứ, và sứ bộ tuê cống do Trần Đăng Thiên làm Chánh sứ, Nguyễn Chi Tín, Nguyễn Đề làm Phó sứ cùng sang Yên Kinh.

Mãi đến khi Nguyễn Huệ xin phong vương, nhà Thanh mới bỏ hẳn lệ cũ đòi cống người vàng (một, thế mạng Liễu Thăng bị giết ở núi Mã Yên (gần Chi Lăng, Lạng Sơn)

**Copy "bản gốc câu đối sứ thần nhà Tây Sơn Nhữ Trọng Thai tại lễ mừng thọ vua Càn Long 80 tuổi.**

và hai, là vào đời Nguyên, Nguyên Thế Tổ bắt vua nước ta phải sang châu. Vua Trần lấy cố có bệnh không đi được nên đúc người vàng thay thế. Sang châu kỳ này, Ngô Thời Nhậm biện luận, bác bỏ, lấy cố “ *việc lên ngôi của Hoàng Đế Quang Trung là chánh đáng đối với cội thân, không có nghĩa vua tôi, không phải là loạn thần tặc tử mà phải công người thế mạng*”.

Căn cứ vào nội dung của Ba Đạo Biểu Văn này. Một bản chủ yếu là để trần tình về việc Hoàng Đế Quang Trung ngoạ bệnh trên đường đi từ Nghệ An ra Thăng Long nên phải quay về chữa trị, khiến cho nghi lễ thụ phong ở Thăng Long phải diên trì. Bản thứ hai là bản văn tạ ân được phong vương và bản thứ ba là tờ tâu kèm theo công phẩm, năm đó.

### **1- Trần Tình Biểu.** *Nguyên văn. Dịch âm:*

Tân phong An Nam quốc vương thần Nguyễn Quang Bình  
cẩn tấu,

Vì cung tạ thánh ân kính trần hạ khỗn ngưỡng kì duệ giám sự:  
Thần An Nam ngũ phục chi ngoại bình dã.

Tự tiền đại Đinh thị khả vũ, nội thuộc thụ phong, tòng thử  
thể đại tương nhân, diệt ương phong tước chi mệnh.

Thiên nhi địa tích Quế Giao, thiên viễn phong bộ, thiên triều  
dĩ hóa ngoại ngoại chi. Tống hoàng sở tứ Lê vương Hoàn chi thư.  
Nguyên triều sở trung Trần vương Huyền chi chiếu.

Thiên niên tín sử, sự do khả trung.

Đại thể thu túc chi ý đa, xuân ôn chi trạch thiểu,

Chi dĩ hàm phong thịnh mệnh, cô tứ hồi dung,

Cổ vi hữu ân thi trừ điệp, trần châu giai ngọc dụ nhi sủng ban,  
thần hàn huy hoàng, ngự thi tịnh sắc thư nhi vinh tích, như kim  
nhật đại hoàng đế chi long ân, dữ thần Quang Bình thử phiên chi  
tao ngộ giả dã.

Thần bản Quảng Nam chi điền xá tử nữ, thiên tạo thảo muội  
vu Lê, Nguyễn Trịnh nhị cường cầu binh tư loạn, luân tư dĩ bại.  
Giao Nam vô chủ, thần hạnh vi đồng chí sở thôi, khẩu quan thịnh  
mệnh.

Tuy hữu khác cung nhất niệm chi thành, nhi vị đắc triển xuất  
nhập tam cận chi kính.

Thần sở khiển thân diệt Nguyễn Quang Hiến lãi đệ đầu thuận  
chi biểu, thân vị cập khuyết, nhi ân tứ dĩ thi.

Thần tự khiến gia thần Hoàng Đạo Tú hiển thượng tạ ân biểu  
văn phương đưng hậu mệnh tại quan, nhi sủng luân toàn giáng.

Thần phục độc tiền hậu sắc thư

Thánh thiên tử truân truân dĩ thuận thiên nhi hành,

Bá chư ôn dụ, thánh nhân chi tâm tức thiên dã,

Tài bồi khuynh phúc, đại đô thuận kỳ tự nhiên.

Tạo hóa sinh cơ, tần vu trình hạ khởi nguyên điểm xuất.

Chí vu thủ xuyên chi châu, thiên tử tương tứ lý yên, dục kỳ  
hợp bích liên châu, toàn nhiều bắc thần, nhi hữu miên diên bất  
cùng chi tượng dã.

Ngự tứ chi thi truân thiết, dĩ thủ phong cương truyền tử tôn  
vi huấn, nhi thả miễn chi dĩ khâm cửu, đạo lâm trì doanh, vu dục  
kỳ cạnh nghiệp đặc thủ, chí thừa thiên lịch, dĩ trường thủ nam  
phục chi hậu độ dã.

Phu xuân thu chi nghĩa đại nhất thông, thánh thiên tử nhất thị  
đồng nhân, tính bao biến phúc, ân trạch sở gia, thanh giáo sở ky,  
tức tư ngao bỗng ngãi, hàm tại cái dung đình dục chi trung.

Cổ thần thật quả muội, ưng thử vinh quang do bản quốc Lê  
Trần dĩ thượng, hát vu hạc kiến quốc chi sơ, sang kiến nhi khoáng  
văn, hà dĩ đáp cao hậu thủy sinh chi vạn nhất?

Thần tự văn phong chí, tức do Nghĩa An khởi trình, cảm kích  
hân hoan, cấp nguyện tảo thừa ân mệnh, thích lao đốn cảm hàn,  
cựu tật phục tác.

Phục niệm thần mậu ưng phong tước, tức vi nam phục bình  
phiên, nhược bất tự ái kỳ thân, bệnh thể tăng kịch, thị tại thần gia  
quốc vi tiểu, nhi cô phụ đại hoàng đế như thiên chi ân, phụ tội ích  
trọng.

Dụng cảm bảm minh điều trị, lánh cải tuyên phong nhật kỳ  
tiêu cấp thân ngâm trung, cảm niệm vô lượng thiên ân, thật vi chí  
ưu cực ác.

Luân cơ tiếp tuý, tức khuể đôn trừ, vu thập nguyệt thập ngũ  
nhật kính cần thụ ngự thi sắc thư, tông thử tử mục Nam Giao, thân  
thể thể tử tôn, khác tuân thánh huấn, vĩnh phụng Đại Thanh.

Thần dĩ Tây Sơn bố y, vinh ư phong hào, tự vấn vô khả báo  
đáp, duy vu minh niên tam nguyệt thượng tuần, khởi thân phó kính,  
chiêm ngưỡng thiên nhan, cung chúc đại hoàng đế bát tuần vạn  
thọ, tịnh đắc nhật linh huấn dụ, sảo tri chính trị chi bản, tuân

phụng thi hành, ti cử quốc thần thứ mông hư, thật thần chi đại nguyện vọng đã.

Thần ngưỡng cảm long ân, phủ sư trung tổ, cần phụng lần tuyền gia thân : Nguyễn Hoành Khuông, Tống Danh Lang, Lê Lương Thận đẳng, lãi đệ tạ ân biểu văn, tịnh tạ nghi, khoản quan tấu tiến.

Tái phụng tra chiếu hướng lệ, kim niên chánh trị thần quốc tuế công chi kỳ, nhiệm sĩ chi lễ, bất cảm kê khoáng.

Cần phụng tiếp khiến gia thân: Trần Đăng Thiên, Nguyễn Chí Tín, Nguyễn Đề đẳng, tương công nghi nhất tính cung đệ chí quan, phục vọng thánh ân khúc thù căng tự, chuẩn tứ thần sở khiển hành giới đẳng danh, cung nghệ khuyết đình chiêm cậ .

Tịnh tương tạ nghi công nghi thượng tiến, thứ đặc khác thủ cựu chương, vĩnh đàm tân trách, vô khuyết cộng câu chi chức, bất tụy bình hàn chi tu.

Thần hạ tình vô nhiệm chiêm thiên ngưỡng thánh kích thiết nguyện vọng chi chí. Cần phụng biểu tấu tiến dĩ văn.

### **Dịch nghĩa:**

*Quốc vương mới được phong nước An Nam là Nguyễn Quang Bình kính cẩn tâu lên lời tạ ơn thánh đế cùng trần tình để mong được xét cho.*

*Đất An Nam của thần vốn là che chắn bên ngoài ngũ phục. Từ triều đại nhà Đinh mở nước thì đã nội thuộc thụ phong, tới nay đời nào cũng thay nhau mà được phong tước. Tuy địa thế hẻo lánh ở đất Quế, đất Giao, xa cách thiên triều bệ ngọc, nhưng thiên tử vẫn cố dạy dỗ kẻ ở ngoài vùng giáo hoá. Vua nhà Tống từng gửi sắc thư cho Lê Vương Hoàn, vua đời Nguyên lại phong chiếu cho Trần Vương Huyền, nghìn năm tín sử, bằng chứng còn đây.*

*Nói chung mùa thu tiêu điều nhưng ý vẫn nhiều, mùa xuân ấm áp nhưng ân thấm cũng không được mấy. Thế mà thần vừa xin phong hỏi mệnh, đã được trả lại, thi ân lớp lớp nào là trân châu, nào là ngọc đẹp, sủng ban dụ xuống, nét bút huy hoàng, ngự bút kèm theo sắc thư mà vinh tích long ân như đại hoàng đế ngày hôm nay thật quả là tao ngộ của thần Nguyễn Quang Bình vậy.*

*Thần là con nhà điền dã đất Quảng Nam, vì trời khiến cho nhà Lê mờ tối, hai họ Trịnh, Nguyễn cường thân làm loạn, lệnh đênh bại vong khiến cho đất Giao ở phương Nam vô chủ, thần*

may gặp những người cùng chí hướng thúc đẩy, gõ cửa quan thỉnh mệnh, tuy có lòng thành cung kính nhưng chưa từng được ba lần vào triều kiến. Thần đã sai cháu ruột là Nguyễn Quang Hiến dâng biểu đầu thuận (bản thân y) chưa đến được cửa khuyết, vậy mà ơn đã ban xuống rồi.

Thần lại sai gia thần Hoàng Đạo Tú, dâng biểu tạ ân, cũng đang đợi lệnh ở cửa quan thì sủng ân đã ban ra. Thần quỳ đọc thánh dụ sắc thư trước sau, khăng khăng theo lẽ trời, lời lời ôn tồn, lòng của bậc thánh nhân quả là lòng trời vun đắp ngã nghiêng, cốt thuận với tự nhiên, sinh cơ tạo hóa, theo chủ trình từ thuở đầu ban xuống.

Lại còn vòng đeo tay bằng ngọc trai, thiên tử ban cho, ấy là mong sao được diên châu hợp bích, như tinh tú vây quanh sao Bắc đẩu, thành chuỗi liên miên bất tuyệt vậy.

Còn bài thơ ngự tứ, khăng khít dạy việc truyền tử lưu tôn giữ lấy bờ cõi, luôn tuân theo đạo để được lâu dài, chăm chăm như bưng bát canh đầy, nom nớp lo giữ lấy nghiệp nước, kế thừa mệnh trời để trường kỳ giữ phận nơi nam phục.

Phàm nghĩa lớn của Xuân Thu ấy là nhất thống, thánh thiên tử đãi ai cũng đồng nhân, bao phủ hết cả mọi nơi, ân trạch thấm nhuần thanh giáo, nên những nước nhỏ thấp hèn cũng được ở dưới bóng râm của mái đình nên dù thần kém đức, ngu muội cũng được hưởng vinh quang. [Án sủng ấy], bản quốc từ Lê, Trần trở về trước đến tận vua Lạc Long dựng nước, ít thấy mà cũng không được nghe, biết làm sao để báo đáp ơn cao dày một phần trong muôn vạn?

Thần nghe tin chỉ được phong, lập tức từ Nghệ An khởi trình, sung sướng cảm kích, mong sớm được nhận ân mệnh, nào ngờ lao碌 mệt nhọc nên cảm hàn, bệnh cũ trở lại. Trộm nghĩ thần được phong tước rồi, ấy là phen đậu ở cõi nam, nếu không biết yêu lấy thân mình để cho bệnh thêm nguy kịch thì đối với nhà với nước của thần là chuyện nhỏ nhưng phụ ơn như trời của đại hoàng đế đó mới thật là tội lớn nên đành phải tâu lên rõ ràng về việc điều trị, xin thay đổi nhật kỳ tuyên phong.

Trong lúc vội vã rên xiết, nghĩ đến thiên ân vô lượng, ấy thực là dày rộng, phủ ngoài da, thấm vào tủy khiến cho bệnh tật biến mất. Ngày 15 tháng Mười, kính cẩn lãnh thụ ngự thi và sắc

thư, từ nay chặn dứt đất Nam Giao, thần đời đời con cháu, tuân theo thánh huấn, mãi mãi phụng sự nhà Đại Thanh.

Thần vốn chỉ là kẻ áo vải đất Tây Sơn, được vinh dự phong hiệu, tự biết không thể nào báo đáp được, chỉ mong thượng tuần tháng Ba sang năm, khởi thân lên kinh, chiêm ngưỡng thiên nhan, chúc mừng đại hoàng đế Bát Tuần Vạn Thọ, mong được ngày ngày nghe lời thánh dụ, biết qua căn bản chánh trị, tuân phụng thi hành, dân chúng thần tử trong nước cũng được nhờ, ấy là đại nguyện của thần vậy.

Thần cảm kích ơn đức sâu dày, chỉ có chút mọn đạm bạc, kính cẩn sai kẻ gia thần thân tín là Nguyễn Hoành Khuông, Tổng Danh Lãng, Lê Lương Thận đem biểu văn tạ ân thành khẩn dâng lên. Lại tra theo lệ, năm nay đúng là kỳ hạn tuế cống của nước thần, lễ thổ sản không dám thiếu sót, kính cẩn sai gia thần là Trần Đăng Thiên, Nguyễn Chí Tín, Nguyễn Đề đem cống nghi đến cửa quan.

Trộm mong ơn thánh soi xuống kẻ dưới, chấp thuận cho những người thân sai đi được cung kính đến nơi cửa khuyết chiêm cận, để được dâng lên cống vật tạ ơn, lòng thành giữ theo lệ cũ mãi mãi được thấm nhuần ân trạch, không thiếu bổn phận kẻ cọng cầu, không rơi nhiệm vụ làm phen giậu. Hạ thần không được chiêm ngưỡng dung nhan, thánh thể, nhưng thật hết dạ cầu mong. Kính cẩn dâng lời tâu lên.

## **2- Tạ Ân Biểu.** Nguyên văn. *Dịch âm:*

Tân phong An Nam quốc vương Nguyễn Quang Bình cẩn tấu thượng ngôn:

Tư khâm phụng đặc ban ân mệnh sắc thư, tịnh thưởng tứ ngư chế thân bút thi chương,

Luân phát huy hoàng,

Thần khuê thôi xán,

Cái tự bạch trĩ tân Chu dĩ hậu, chi nam chi Lĩnh Kiệu trùng huy.

Việt tông Chu Diên thuộc hãn bắt kim, củng bắc chi tinh thân tăng thái.

Thật tự thiên chi dị số,

Chân khoáng cổ chi kỳ phùng.

Thần khấu thủ thừa ân,



Môn tâm cảm đức.

Thiên địa phụ mẫu chi vi lượng, cố mạc đức chi hình dung,  
Trần nhượng quyên tích chi chí vi, thật hà giai nhi báo xứng  
Cần phụng biểu xưng tạ giả :

Phục dĩ,

Thái hòa hảo hiệp can thi chiếu đức chi chính trung  
Ngân trì lưu hành, tấn kích ngưỡng hồng ân chi phổ đoạn,  
Long triêm đại viễn.

Tổ khôn chiêm cao.

Khâm duy đại hoàng đế bệ hạ,

Khởi dĩ vi cương,

Trung hoà tác tắc,

Kính chi tập hi mục mục, cứu đạo nhi thiên hạ hoá thành.

Khâm minh văn tự an an, đôn đức nhi man di suất phục.

Bắc cực thần cư kỳ sở,

Nam minh ba tự bất dương,

Thánh tâm khôi tuy phụ hoài lai, vũ lộ kế phong đình nhi  
nhuận trạch.

Thiên đạo thể tài bồi khuynh phúc, san lãng nhân uyên cốc dĩ  
thôi đi.

Cái hồng quân đào chú chi chí công, tư hoàng cực tòng di chi  
vô đảng.

Xích trát thập hàng thiên chiếu tứ thần, dĩ tạ sùng linh nhi tư  
trấn phủ.

Phong hành dung dịch chi tấu, nhất chương bát cú thần hàng,  
miễn thần dĩ cần đặc thủ nhi bảo phong cương, nhật lãng quang  
minh chi chúc.

Ân chỉ giảng nhi vinh hồi mai dịch, đức âm tuyên nhi khánh  
dật Quế Giao, thân cảm bất chi phụng thánh mô, khác tuân hầu độ.

Thiên nhan chỉ xích, kỳ minh niên thân nhân phượng khuyết  
chi quân thiêu.

Địa diện thập tam, nguyện dịch thể vĩnh chấp tượng phương  
chi ngọc bạch.

Thần hạ tình vô nhiệm chiêm thiên ngưỡng thánh bất thắng  
kích thiết, cảm luyện chi chí, cần phụng biểu xưng tạ dĩ văn.

Cần khiển phụng công gia thần tam danh: Nguyễn Hoàn  
Khuông, Tống Danh Lang, Lê Lương Thận.

Phụng tiển cung tạ nghi vật: kim tử nhị thập dật, ngân tử nhất bách nhật, thổ quyên nhất bách thất, la hoàn nhất bách thất, tượng nha tam đối, cai trọng nhị bách cân.

**Dịch nghĩa:**

*Quốc vương mới được phong nước An Nam là Nguyễn Quang Bình kính cẩn tâu lên rằng :*

*Thần được đặc ân ban cho sắc thư, lại được thưởng thư ngự chế do đích thân hoàng đế viết,*

*Lời lẽ huy hoàng, nét bút sáng sủa.*

*Từ khi chim trĩ trắng cống cho nhà Chu trở về sau, kim chỉ nam đưa về đất Linh Kiệu mới lại được sáng thêm lần nữa. Nước Việt từ khi còn là Chu Diên tới giờ, tinh tú châu về phương Bắc càng thêm rực rỡ, ấy là ơn hiếm có của thiên triều, tựa xưa nay càng thêm rực rỡ, ấy là ơn hiếm có của thiên triều, thực xưa nay khó mà gặp được.*

*Thần khấu đầu nhận ân, trong lòng cảm đức.*

*Lượng trên quả lớn như trời đất cha mẹ, nên không sao có thể hình dung,*

*Phận nhỏ nhoi như hạt bụi, như mặt nước biết làm sao báo đáp.*

*Kính cẩn dâng biểu cảm tạ :*

*Phục dĩ,*

*“Bảo hợp thái hòa”, đạo càn lấy long đức chính trung làm gốc.*

*Chư hầu hội hợp, trông hồng ân ban xuống khắp mọi nơi,*

*Án trạch thám đến tận nơi xa*

*Ngâng lên cao mong tưới xuống.*

*Khâm duy đại hoàng đế bệ hạ, mối giếng rộng mở, phép tắc trung hoà.*

*Luôn luôn kính ngưỡng, đạo bền giáo hóa cho thiên hạ*

*Văn tư an an, lấy đức để thu phục man di*

*Sao sáng nơi cực Bắc*

*Sóng lặng tại biển Nam.*

*Lòng thánh võ về người xa đến, sau sấm chớp ơn mưa móc lại đầy tràn*

*Đạo trời tài bồi kẻ ngã nghiêng, non cao với vực sau nay đổi chỗ*

*Việc rèn đúc quả thật công bằng, phép hoàng cực không hề phe đảng.*

*Mười dòng chữ trên thiên chiếu ban cho, dặn dò thần việc trấn phủ.*

*Chuẩn cho lời tâu, lại thêm một chương tám câu thần*

*Dặn thần gắng sức giữ gìn, bảo vệ phong cương thật sáng  
láng như ánh đuốc.*

*Ân chỉ đưa xuống do ngựa trạm đưa về, đức bệ trên tràn đầy  
đất Giao, đất Quế.*

*Những lời chỉ dạy của thánh thượng, tâu xin cung kính tuân  
theo.*

*Mặt rồng chỉ trong gang tấc, đến sang năm đích thân sang  
nơi cung phượng để nghe khúc quân thiều,*

*Đất mười ba đạo, nguyện đời đời luôn được mang ngọc lụa  
sang triều cống [ý nói chung sống hòa bình, ngọc lụa thay cho  
gươm giáo.*

*Thần chưa có dịp chiêm ngưỡng thiên [nhân], thánh [thê],  
không khỏi bồn chồn, hết sức lưu luyến, kính cẩn dâng lên biểu  
văn tạ ơn này.*

*Kính cẩn sai ba gia thần đem cống phẩm là Nguyễn Hoàn  
Khuông, Tống Danh Lang, Lê Lương Thiện.*

*Phụng tiến các vật tạ ơn : hai mươi dật vàng, một trăm dật  
bạc, lụa một trăm tấm, sa một trăm tấm, ba đôi ngựa voi nặng tổng  
cộng hai trăm cân.*

### **3- Tuế Cống Biểu.** Nguyên văn. *Dịch âm:*

Tân phong An Nam quốc vương Nguyễn Quang Bình can tâu  
thượng ngôn:

Tư thần khâm phụng ân chỉ, sắc phong vi An Nam vương,  
phụng chiếu hưởng lệ, kim niên chính trị thần quốc tuế cống chi kỳ.

Thiết duy lữ bách thất đình, hội đồng nãi minh đường chi chế.  
dịch tạ hiến phi, cung tư hầu độ chi thường.

Thần,

Hạnh mộc ân quang.

Thao ưng khùng tước,

Thụ chi ti mục, thừa thiên mạc trạng ư hoành hựu

Trần kỳ vật nghi, nhiệm thổ khác tuân ư cựu điển.

Cần phụng biểu thượng tiến giả :

Phục dĩ,  
Quyết trung doãn chấp, y thường cảm ngưỡng vu Nghiêu  
minh

Duy chánh chi cung, ngọc bạch kiên tu vu Hạ công,  
Sĩ đầu kiến nhật,  
Khẩu thủ phân hương  
Khâm duy đại hoàng đế bệ hạ,  
Phúc đức thánh nhân,  
Cương thường tông chủ,  
Thọ khảo vi cương vi kỹ, xuất hồ chấn, kiến hồ ly, thuyết hồ  
đoài, lao hồ khâm, phạm vi tại cửu chi mỹ thành.  
Ngôn hành thi huấn thị di, tiêm vu đông, bỉ vu tây, ky vu sóc,  
cật vu nam, quy củ chi tiên chi đức hóa.  
Cái đình dục phi khôi vu thánh độ  
Nhi tịch phu ngưỡng thể vu thiên tâm.  
Thâu thanh khúc chấn vi trung, bất nhĩn hạn huyên hòa vu  
đồng trụ.

Tác bình sủng ban tân mệnh, toại hoạch đặng ỏi lậu vu bảo  
thư.

Thành Thái Sơn thương hải chi nan lượng,  
Khởi chức thuỷ quyên trần chi năng báo,  
Thần,  
Ngưỡng mông đào tạo  
Kịch thiết đái thân,  
Cộng cầu khác triển vi nghi, chánh hãn cửu thiên lý hải sơn  
chi sở đạt,

Quan đái nguyện giai thịnh hội, cần chúc ức vạn niên nhật  
nguyệt chi trường huy.

Thần hạ tinh vô nhiệm chiêm thiên ngưỡng thánh  
Bất thắng kích thiết  
Kiềm vọng chi chí,  
Cần phụng thượng tiên dĩ văn  
Cần khiển phụng công gia thần tam danh: Trần Đăng Thiên,  
Nguyễn Chí Tín, Nguyễn Đề,  
Phụng tiên tuế công nghi vật:

\* Kim hương lô hoa bình tứ đối, cai trọng nhị bách ngũ  
lượng,

\* Chiết tác kim tử nhị thập đỉnh, ngân bồn thập nhị khẩu, cai trọng nhị bách cửu lượng,

\* Chiết tác ngân tử lục thập cửu đỉnh,

\* Trầm hương bát bách thập nhị lượng,

\* Túc hương nhất thiên cửu thập ngũ lượng.

### **Dịch nghĩa:**

*Quốc vương mới được phong nước An Nam là Nguyễn Quang Bình*

*kính cẩn tâu lên rằng:*

*Từ khi thân được ân chỉ của bệ hạ, sắc phong làm vua nước Nam, chiếu theo thể lệ cũ, năm nay chính là đến kỳ tuế cống.*

*Trộm nghĩ thân đã dự vào chốn thực đình, thì cũng phải theo chế độ của mình đường, qua ba lần dịch để dâng lên*

*Thần may mắn được tẩm gội ân quang, ban cho vương tước, cho làm ti mục, vâng theo mệnh trời rộng lớn, có chút phẩm vật theo điển cũ để tỏ lòng thành kính. Cho nên dâng biểu lên thánh thượng:*

*Phục dĩ,*

*Khăng khăng giữ điều trung, ngẩng lên xem đức sáng của vua Nghiêu.*

*Chỉ nhận cho vừa đủ, đem ngọc lụa để cống vua Hạ Vũ*

*Rập đầu thấy trời, cúi xuống đốt hương.*

*Kính xin đại hoàng đế bệ hạ*

*Phúc đức của bậc thánh nhân*

*Mọi giếng của đất tông chủ*

*Sống thọ để sắp đặt cương kỷ, ra ngoài theo quẻ chân xét việc như quẻ ly, nói năng như quẻ đoài, nô lực như quẻ khảm, để mọi việc tốt đẹp dài lâu.*

*Lời nói việc làm điều dạy bảo, khuôn phép, thu góp ở đông, hoàn bị ở tây, khởi đầu ở bắc, kết thúc ở nam, mục thước lấy chỉ [cung kính] lấy đức hóa.*

*Nghiệp lớn được trở lại cũng là nhờ thánh thượng độ cho, ban bố khắp bốn phương cũng là do lòng thiên tử.*

*Vì thành thực quy phục bằng tấm lòng trung nên không giới hạn trụ đồng mà không tỏa ánh nắng ấm,*

*Nhận làm phen giậu nên yêu ban mệnh mới, lại thương mến không nệ hủ lậu mà cho thêm bảo thư.*

Lượng trên thật to như biển cả, như Thái Sơn  
Tài hèn mọn như thìa, như bụi làm sao báo đáp.

Thần

On trên đào tạo, hết sức hết lòng

Cộng cầu kính đem chút nhỏ mọn, vượt chín ngàn dặm núi  
biển đến dâng.

Nơi triều đình đều là thịnh hội, chúc “thiên tử” sáng mãi  
như nhật nguyệt.

Hạ thần không thể đến chiêm thiên ngưỡng thánh, mong mỗi  
không biết chừng nào, kính cẩn dâng lên bài văn này.

Kính sai ba gia thần mang đồ cống là Trần Đăng Thiên,  
Nguyễn Chí Tín, Nguyễn Đê.

Phụng tiến tuế cống những phẩm vật sau đây: lò hương và  
bình hoa bằng vàng bốn đôi, nặng cả thấy hai trăm lẻ chín lượng,  
vàng ròng hai mươi nén, bốn bạc mười hai cái, nặng cả thấy hai  
trăm lẻ chín lượng, tốc hương một nghìn không trăm chín mươi  
lăm lượng.

## LỄ MỪNG BÁT TUẦN KHÁNH THỌ VUA CÀN LONG

Lễ mừng “Bát Tuần Khánh Thọ” vua Cao Tông - Càn Long (Qian Long), nhà Thanh (Qing), được tổ chức tại hành cung Nhiệt Hà vào tháng Tám năm Canh Tuất 1790. Giờ Ngọ hôm đó, vua Cao Tông - Càn Long cho đọc một bài **Ngự Chế Thi** (nhà vua làm) để cho những sứ thần nào biết làm thơ, có thể phụng họa.

### **NGUYÊN THI CỦA VUA CAO TÔNG – CÀN LONG**

(Trích trong Thanh Cao Tông Ngự Chế Thi Văn toàn tập, tập đệ ngũ, quyển 52, trang 4-5)

Nguyên thi. *Dịch âm:*

**Khánh điển kim niên trị bát tuần,  
Nộ xuân hoa yển nả từ tần.  
Liên nhân doanh chương trần ngũ quốc,  
Võ tướng khung lung dung bách nhân.  
Dị số đặc tuyên thủ giới cận  
Phân ban các tứ thủ nguy thân,  
Nhất gia trung ngoại chung hòa hiệp,**

## Thực chỉ tư mông đại tạo nhân.

Dịch nghĩa:

**Lễ mừng khánh thọ năm nay là tuổi tám mươi  
Tiệc tùng liên tiếp nhiều lần để cùng vui,  
Chung lại cùng với nhau năm nước phiên thuộc,  
Trưởng võ khum khum che phủ đủ cho cả trăm người.  
Đặc biệt tuyên gọi các chánh sứ lên tận bên cạnh,  
Ban [rượu] cho người nào cũng trình trọng nâng lên cao  
Trong ngoài một nhà quả thật là hòa hợp,  
Mong phúc đến khắp nơi để tạo được điều nhân.**

Những văn luật thi vua Cao Tông, trích dẫn trên, viết theo thơ cung đình, loại thơ chúc tụng. Vua Càn Long là ông vua sành thơ, năm nào cũng cùng các quan liên ngâm. Nhân dịp đại lễ “Bát Tuần Vạn Thọ”, có đông đảo sứ thần, vua Càn Long xướng thơ là để các sứ thần phụng họa; cũng là dịp để xem Văn Hóa Trung Hoa ảnh hưởng đến các phiên thuộc như thế nào.

Vua Càn Long cũng là một ông vua cao ngạo, kiêu hãnh nhất nhà Thanh. “... Sứ thần vào triều kiến, vua nhà Thanh thường hay ra vấn sách, câu đối, hay làm ra một vài câu húc hiểm, khó khăn để thử xem trình độ văn hóa của chư thần”. Đi sứ mà không ứng đối giỏi là làm nhục quốc thể.

Các sứ bộ đều là ngoại phiên, nhưng nhờ có Triều Tiên, Đại Việt và Lưu Cầu, đồng văn với Trung Hoa, sử dụng chữ Hán làm văn tự cung đình; nên dịp này, các sứ thần đã trình dâng lên 9 chín bài thơ phụng họa của 9 sứ thần:

\* Hai sứ thần Triều Tiên:

- Chánh sứ Triều Tiên, Hành Phán Trung Xu Phủ Sự, Lý Tính Nguyên,

- Phó sứ Triều Tiên, Lễ Tào Phán Thư, Triệu Tông Huyền.

\* Một sứ thần Lưu Cầu:

- Phó sứ Lưu Cầu, Chánh Nghị Đại phu, Trịnh Vĩnh Cung  
và,

\* Sáu sứ thần Đại Việt:

- Chánh sứ tạ ân An Nam, Hình Bộ Hữu Thị Lang, Nguyễn Hoành Khuông,

- Phó sứ tạ ân An Nam, Đông Các Học Sĩ, Tống Danh Lang.

- Phó sứ tạ ân An Nam, Hàn Lâm Viện Đại Chế, Lê Lương Thận.

- Chánh sứ tiến công An Nam, Hàn Lâm Viện Thị Độc, Trần Đăng Thiên.

Xin trích 3 bài nguyên thi phụng họa tiêu biểu của ba, trong chín sứ thân ấy, như sau:

### 1. Chánh sứ Triều Tiên Lê Hành Phán:

Nguyên thi. *Dịch âm:*

**Nghiêu giai xuân điệp báo trung tuần,  
Trạm lộ ân thâm pháp yến tần.  
Bạc hải hân hoan đồng ngọc bạch  
Hoàn khu khánh chúc cạnh thần nhân.  
Bồi diên mỗi cảm hoàng phong biến,  
Tứ uẩn na an ngự thủ thân  
Ngũ kĩ hình hương tê bát diệt  
Nam Sơn, Bắc Đẩu tổng quy nhân.**

Dịch nghĩa:

*Nơi bệ Nghiêu, lá mùa xuân báo cho biết đã đến trung tuần,*

*Ôn sâu thâm nhuần đến đã mấy lần được ban yến  
Kể ở nơi xa xôi cũng được vui chung với những người  
quyền quý*

*Tất cả trần hoàn đến chúc mừng một bậc thần nhân  
Bồi tiếp trong bữa tiệc đều là những nơi được phong tước  
Ban rượu đâu có ngờ rằng do chính tay hoàng đế đưa cho  
Năm mươi năm thơm ngát nay đã lên đến tuổi tám mươi.  
Nam Sơn, Bắc Đẩu cũng quay về bậc nhân quân.*

### 2. Chánh sứ tạ an An Nam Nguyễn Hoành Khuông.

Nguyên thi. *Dịch âm:*

**Diên khai tiền tiết trị tân tuần  
Xuân noãn danh viên chiếu vấn tần.  
Ân xỉ bình mông cao phúc vật,  
Trạch đà m ưu ác quảng đồng nhân  
Hoài hầu nhu viễn thiên sanh thánh**



**Bảo đức quan quang tử mộ thân.  
Hóa ngoại hạnh bồi quan đại hội,  
Kỳ di giới thọ bái hoàng nhân.**

Dịch nghĩa:

*Tiệc vào lúc đầu năm để mở đầu một tuần mới  
Mùa xuân ấm áp nơi khu vườn danh tiếng được vua vờ  
lên hỏi mấy lần*

*Ơn rộng rãi che phủ tất cả mọi vật  
Trạch thám nhuần đều khắp mọi người.*

*Dùng đường lối cai trị mềm dẻo với kẻ ở xa, quả là trời  
sinh bậc thánh.*

*Được đức dày nên thấy sáng, kẻ làm con cái ngưỡng mộ  
cha mẹ*

*Giáo hóa bên ngoài nên may mắn được dự hội của bậc đại  
mũ*

*Vào kỳ chúc thọ nay được lay vua nhân từ.*

### **3. Phó sứ Lưu Cầu Trịnh Vũ Công:**

Nguyên thi. *Dịch âm:*

**Ngự cực thuỳ y chánh bát tuần,  
Phổ thiên mộc đức hiển thâm tân  
Tứ di biên công mông hoàng hóa,  
Ngũ đại đồng đường ngưỡng thánh nhân.  
Triệu nhập hoa diên long dịch tửu  
Phi đăng tử uyển phượng chi thân.  
Thiên nhan chỉ xích triêm ân trạm  
Vĩnh chúc thẳng bình vạn thọ nhân.**

Dịch nghĩa:

*Nhà vua ngồi thõng tay trên ngai nay đã bát tuần  
Khắp thiên hạ được tâm gội ơn đức nên đã nhiều lần đến  
tiền công*

*Bốn di ruổi xe đến công để mong được giáo hóa  
Năm đời cùng một nhà nên ai ai cũng ngưỡng thánh nhân  
Vờ vào tiệc hoa được uống rượu nhà vua  
Ở nơi vườn tía được chánh tay vua ban rượu*

*Mặt rồng gần trong gang tấc càng làm cho ơn thấm khắp nơi*

*Chúc bậc vua nhân từ được vạn thọ và bình an.*

## **CÂU ĐỐI MỪNG THỌ VUA CÀN LONG**

Cũng cần nhắc lại rằng, cuối tháng Bảy âm lịch năm Kỷ Dậu 1789, vua Càn Long ký chỉ dụ phong Nguyễn Huệ (Nguyễn Quang Bình) làm An Nam Quốc Vương. Tháng Mười một, vua cử Thanh Lâm cùng sứ bộ mang chiếu phong vương sang Thăng Long. Ngô Thời Nhiệm cho người gia làm Nguyễn Huệ (Giả Vương) đứng ra nhận chiếu phong vương và, đồng thuận sang năm sau Canh Tuất 1790, sẽ sang Yên Kinh triều cận và mừng thọ “Bát Tuần Khánh Thọ” vua Càn Long.

Việc chọn Giả Vương, có hai nguồn sử viết khác nhau. Theo sách Hoàng Lê Nhất Thống Chí của Ngô gia văn phái nói: Ngô Thời Nhiệm chọn một võ tướng tên Ngô Quang Thực, người làng Mạc Điền, huyện Nam Đường, trấn Nghệ An làm Giả Vương Nguyễn Huệ. Sách ra sau đó, Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện (sơ tập) lại nói rằng: Nguyễn Huệ giả là Phạm Công Trị, cháu gọi Nguyễn Huệ bằng cậu cầm đầu phái bộ 150 người gồm cả ban hát sang giao hiếu với nhà Thanh. Ngày 29 tháng Giêng năm Canh Tuất 1790, phái bộ lên đường (theo Dụ Am Thời Tập của Phan Huy Ích) và ngày 29 tháng Mười một cùng năm, phái bộ trở về lại Thăng Long.

Trong sứ bộ sứ thần do Giả Vương dẫn đầu sang Yên Kinh gồm có: Ngô Văn Sở, Đặng Văn Châu, Phan Huy Ích, Vũ Huy Tấn và sứ thần Nhữ Trọng Thai, gồm 150 người. Rằm tháng Tư Canh Tuất, phái bộ qua cửa ải Nam Quan vào đất Thanh, được bên Thanh tiếp đón trọng thể. Phan Huy Ích ghi:

**Mãn sơn kỳ cái hộ chính trần**  
*(cờ lông đầy non che bụi trần)*

và thêm thơ rằng: Phiên quốc phụng thám tàn

Ky đắc kỳ tao ngộ

Phi tiêu báo quốc nhân

Hoàng hoa đệ nhất bộ.

Có nghĩa là: *Các nước phiên sang châu*

*Máy ai được như thế  
Báo tin về nước ta  
Sứ bộ này là nhất*

Và dĩ nhiên, sứ bộ sẽ có thêm 6 sứ thần Đại Việt phó hội, phụng họa thơ.

Sau khi Thanh triều chính thức loan báo sẽ cử hành đại lễ “Bát Tuần Khánh Thọ”, mừng vua Càn Long tròn 80 tuổi vào tháng Tám năm Canh Tuất 1790, tại cung Nhiệt Hà. Những ngày đầu năm đó, các yến tiệc tiền khánh dẫn đã được tung bưng tổ chức khoản đãi các sứ thần nhiều nước đã mang lễ vật mừng sớm. Trong đó có phái đoàn Triều Tiên (nay là Hàn quốc), Đại Việt (Việt Nam ngày nay), Lưu Cầu (tức quần đảo Ryukyu, nay là Okinawa. Xiêm La (tức Thái Lan) và Khuếch Nhĩ Khách tức Gurkha, vùng Nepal Bắc Ấn).

Trong buổi đại lễ này, Giả Vương Nguyễn Huệ đã dâng lên vua Cao Tông - Càn Long “**Câu Đối Mừng Thọ**” do sứ thần Nhữ Trọng Thai phụng thảo, ban hát bội Bình Định hát múa “Mười Bài Chúc Thọ” và dâng cống hai thớt voi.

Giả vương (dĩ nhiên) có diện mạo giống vua Quang Trung, được làm “lễ **“bảo tât”**” tức ôm đầu gối để tỏ lòng thần ái cha con. Vua Càn Long đích thân viết tặng bốn chữ: **Củng Cực QuyThành”** (1)

Cũng trong tháng Tám, sứ bộ vào làm lễ từ biệt về nước, vua Càn Long cho họa sĩ vẽ tặng Giả vương một bức hình truyền thần. Bức hình vẽ Giả vương mặc nhung phục, cỡi ngựa kim.

Sứ bộ Đại Việt sang Trung Hoa chưa bao giờ được biệt đãi vinh dự đến thế, mỗi ngày chi phí cho sứ bộ đến 4,000 lạng bạc, trong hậu hơn cả các thân vương Mãn Thanh.

**T**rở lại câu đối mừng thọ do sứ thần Nhữ Trọng Thai chấp bút với sự trợ lực của Ngô Thời Nhiệm và Phan Huy Ích. Vậy, sứ thần Nhữ Trọng Thai là ai? Sách Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cung Mục Chính Biên quyển XXXIX trang 541-542 chép: Nhữ Trọng Thai, người xã Hoạch Trạch, huyện Đường An (Hải Dương), đỗ Thám Hoa năm Quý Sửu (1733), năm Long Đức (triều Lê Thành Tông).

Khi Hoàng Đế Quang Trung kéo quân ra Bắc Hà, Nhữ Trọng Thai liền gia nhập vào hàng ngũ nghĩa quân Tây Sơn và trở thành nhân sĩ đặc lực giúp nhà Tây Sơn cùng với Ngô Thời Nhiệm, Phan Huy Ích, và được chọn vào phái bộ ngoại giao sang Yên Kinh năm Canh Tuất 1790. Hồi ấy, Nhữ Trọng Thai cũng vào hàng lão thần cổ lai hy.

Lễ “Bát Tuần Khánh Thọ” vua Càn Long tiến hành vào tháng Tám năm Canh tuất 1790, năm vua Càn Long tròn 80 tuổi cũng là năm nhà Vua ở ngôi 55 năm. Cho nên tác giả Nhữ Trọng Thai đã chọn hai con số: 5 (55) của niên hiệu và số 8 (80) của tuổi mừng thọ làm điểm tựa để lập ý, cấu tứ, tạo nguồn cảm hứng nghệ thuật cho câu đối mừng thọ. Nguyên văn như sau:

- Long phi ngũ thập hữu ngũ niên, ngũ số hợp thiên, ngũ số hợp địa, ngũ sự tu, ngũ hành thuận, ngũ đại đồng đường, linh lung ngũ phụng lâu tiên, ngũ sắc côn hoàng huy thể thụ ;

- Thánh thọ bát tuần phùng bát nguyệt, bát thiên vi xuân, bát thiên vi thu, bát nguyên tiến, bát khai dăng, bát phương hướng hóa, cổ vũ bát loan điện lý, bát tiên phiêu miểu tấu nghệ thường.

(Thanh Càn Long đế bát tuần khánh tiết điện trụ liễn, bản quốc sử thần Nhữ Trọng Thai tác)

Bản gốc câu đối của sử thần nhà Tây Sơn Nhữ Trọng Thai tại lễ Mừng Thọ vua Càn Long 80 tuổi

Ông Vũ Ngọc Liễn, nhà nghiên cứu tổng hiện ở Qui Nhơn Bình Định có trong tay tập câu đối này và đã phổ biến trong sách của ông (stk), là do cụ Mạc Như Tông, cựu Hội trưởng Hội Khổng học Bình Định tặng lại. Tập tài liệu mang tên DANH LIÊN HỢP TOÀN nguyên của cụ Phó bảng Biểu Xuyên - Đào Phan Duân sưu tầm và kết tập viết tay dày 89 trang giấy dó gồm trên 500 câu đối các loại chia làm 5 tập. Tập 2, Ất tập là tập gồm những câu đối nổi tiếng treo ở các cung điện, từ miếu, sảnh xã, trong đó có câu đối mừng thọ 80 tuổi vua Càn Long, tiếp theo sau câu đối trong chánh điện Dục Tôn Anh Hoàng Đế (tức vua Tự Đức). Cụ Phó bảng tặng cụ Mạc làm kỷ niệm trong lúc cùng làm việc trong “Phước An Thương Hội”. Sau 1975, cụ Mạc tặng lại ông Vũ Ngọc Liễn. Ngoài ra, được biết, Lộc Xuyên Đặng Quý Địch hiện ở Bồng Sơn Bình Định cũng có một bản Danh Liên Hợp Toàn, ông đã phiên

dịch, chú giải. Bản thảo 1000 trang khổ lớn xong từ lâu nhưng chưa có cơ duyên xuất bản.

Câu đối trên, ông Vũ Ngọc Liễn dịch như sau :

**- Rong bay năm chục lẻ năm năm, số năm hợp với trời, số năm hợp với đất, năm sự trau dồi, năm hành xuôi thuận, năm đời chung sống cùng nhà, trước lâu năm chim phụng long lanh, năm sắc đàn xen chói rực cây màu lộng lẫy;**

**- Lễ thọ nhà vua tám tuần vào dịp tháng tám, tám ngàn năm là mùa xuân, tám ngàn năm là mùa thu, tám nguyên hiền tài đến, tám khai kể sĩ châu, tám cõi đổi đời, cổ vũ tám chim loan trong điện, tám nàng tiên thắm thắm dâng điệu múa nghệ thường.**

(Câu đối treo ở trụ trong ngôi điện mừng thọ vua Càn Long nhà Thanh 80 tuổi, do sứ thần nước ta là Nhữ Trọng Thai viết)

Mặc dù đã dịch sang Việt ngữ rất sát nghĩa, nhưng dịch giả muốn giải thích thêm thật cặn kẽ để bạn đọc ngày nay dễ lãnh hội được hàm nghĩa sâu xa của từng con chữ bay liệng trong tác phẩm ngoại giao này, ông giới thiệu từng đoạn:

“**Rong bay năm chục lẻ năm năm**”, mở đầu về một câu đối, tác giả ca ngợi thời gian ở ngôi của nhà vua lâu bền. Rồi luận về con số 5 hợp với trời, đất; hợp với quy luật vận động của tạo hóa, tác giả căn cứ vào triết lý của Dịch học.

Tiếp đến, “**Năm sự trau dồi, năm hành xuôi thuận**” thì hàm nghĩa từng con chữ thật không thể dễ hiểu.

Thiên “**Hồng Phạm**” sách Kinh Thư giải thích “**năm sự**” gồm có: 1- Mạo (hình dáng); 2- Ngôn (nói năng); 3- Thị (xem xét); 4 - Thính (nghe ngóng); 5- Tư (suy nghĩ).

Năm trạng thái ấy của con người cần được luôn trau dồi mới trở thành chánh nhân quân tử. Và sự tồn tại của năm chất: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ trong “**năm hành**” (ngũ hành) luôn có sự đối đầu tương xung, tương chế, như hỏa luôn luôn khắc với thủy chẳng hạn... nếu biết tương chế không để cho các chất ấy nằm ở vị trí đối đầu xung khắc là “**thuận**”, cuộc sống sẽ yên lành.

Còn ở về hai, tác giả viết “**Tám ngàn năm là mùa xuân, tám ngàn năm là mùa thu**”, vốn bắt nguồn từ điển cố: thiên Tiêu Diêu Du sách Nam Hoa Kinh Trang Tử nói rằng: “*Thời xa xưa có cái xuân lớn, tám ngàn năm là mùa Xuân, tám ngàn năm là mùa Thu*”.

Ca ngợi sự sống lâu của nhà vua đến như vậy thì ai mà không hả lòng đẹp dạ. Vâng, sống lâu là chuyện đáng mừng, nhưng sống như thế nào ấy mới là điều đáng nói, tác giả viết: **“Tám nguyên hiền tài đến, tám khải kể sĩ châu”**, vốn bắt nguồn từ điển cố như thế này, sách Từ Hải giải thích: Tám nguyên là kẻ sĩ tài đức ngày xưa. Nguyên có nghĩa là thiện, nói lời hiền lành trong mọi trường hợp. Sách Tả Truyện chép: Thời vua Văn Vương năm thứ 18 (nhà Chu), họ Cao Tân có tám người tài giỏi, người trong thiên hạ đều gọi đó là “bát nguyên” (tám nguyên). Còn tám khải cũng là kẻ sĩ tài đức thời xưa. Khải có nghĩa là hòa nhã; hành động hòa nhã với mọi sự vật. Cũng sách Tả Truyện chép: Thời vua Văn Vương thứ 18, họ Cao Dương có 8 người tài giỏi, người trong thiên hạ gọi đó là “bát khải” (tám khải).

Có tuổi thọ sống lâu, có nhân tài quy tụ châu hầu thì ắt làm cho **“tám cõi đổi đời”** mọi người no ấm, cuộc sống yên vui thái bình. Ấy mới là nhân tố quyết định tác động đến cuộc sống trong cung điện nhà vua, **“tám nàng tiên thăm thăm dâng dâng điệu múa nghệ thường”**.

Dịch gia gọi **“câu đối này là tác phẩm nghệ thuật ở lãnh vực ngoại giao, một tác phẩm làm nên bằng trí tuệ độc đáo và học vấn uyên thâm”**. Đùng vậy, cái độc đáo, cái uyên thâm ở chỗ dường như cả câu đối 76 con chữ chỉ nói việc mừng thọ nhà vua thôi chứ không nói gì khác cả mà lại nói được tất cả. Ngoại giao của một nước nhỏ sát nách một nước lớn luôn nuôi mộng bành trướng, bá chủ... được như vậy quả thật đại tài !

&

**C**hỉ trong một thời gian ngắn, từ chiến thắng Đống Đa vào mùa Xuân Kỷ Dậu 1789, đến tháng Tám năm Canh Tuất 1790, lễ mừng thọ “Bát Tuần Khánh Thọ” vua Càn Long, **Nhà Tây Sơn** dưới tài lãnh đạo của Hoàng Đế Quang Trung - Nguyễn Huệ đã thực hiện một sách lược ngoại giao ngoạn mục, nằm trong sách lược Hoà Bình “Lấy nhung lụa, thay chiến tranh”

Triều đại Tây Sơn là một triều đại chánh thống, vững vàng, vinh quang. Nhưng, tiếc thay quá ngắn ngủi! **“Mộng lớn chưa thành, rồng thiêng thoát khuất. Việt Nam lỡ mất cơ cường thịnh, nhà Tây Sơn lâm vào bước suy vi !”**

Hàng năm, cứ mỗi dịp Xuân về, người Việt Bình Định (Miền Tây Sơn Oai Võ) trong nước cũng như ngoài nước, có chân trong các Hội Ái hữu Quang Trung – Tây Sơn – Bình Định... đều tổ chức lễ Tưởng niệm Hoàng Đế Quang Trung và kỷ niệm Chiến Thắng Đống Đa để tưởng nhớ vị Anh Hùng Dân tộc, xuất thân từ điền dã, bố y, đã làm nên một kỳ công lớn lao lưu lại hậu thế, trong tinh thần chống “xâm lăng”, bảo vệ “bờ cõi” cha ông.

Điện Tây Sơn, tại thị trấn Phú Phong (Bình Khê, nay là Tây Sơn) tỉnh Bình Định, trước cổng tam quan (trước năm 1975), vẫn ghi đậm công ơn của Hoàng Đế Quang Trung qua câu đối:

**Tây Khê thảo thụ lưu kỳ tích;**

**Nam quốc sơn hà kỷ võ công.**

(Câu cổ non Tây còn lưu dấu võ công lẫm liệt ;

Núi sông nước Việt vẫn khắc ghi văn trị vẻ vang)

\* **thái tẩu** tạm dịch

*Houston, Thái Sinh Tiểu Trang*

**THÁI TẨU**

---

**Tài liệu tham khảo :**

\* **Vua Quang Trung**, tác gia Văn học Lam Giang - Nguyễn Quang Trứ - NXB Thanh Niên. Tháng 8-2000.

\* **Văn Hiến Chi Bang** của Nguyễn Duy Chánh - Hợp Lưu 108. Tháng 1&2 năm 2010

\* **Góp Nhặt Dọc Đường**, Vũ Ngọc Liễn - NXB Sân Khấu 2010 và một số tài liệu liên quan khác.

\* **Củng Cực** là các vị sao châu về Bắc Đẩu. Đó là hình ảnh tượng trưng sự thần phục của chư hầu đối với Thiên tử.

\* **Quy Thành** là hướng về với tất cả lòng trung thuận, thành thực. (sdd) .

**MỜI BAN TÌM ĐỌC VÀ GIỚI THIỆU NHIỀU NGƯỜI CÙNG ĐỌC  
VĂN HOÁ VIỆT NAM - TẬP CHỈ BẢO TỒN, PHÁT HUY VĂN  
HỌC, NGHỆ THUẬT CỦA CHÚNG TA, PHÁT HÀNH 3 THÁNG 1  
SỐ.**

**\* LIÊN LẠC TOÀ SOẠN QUA ĐỊA CHỈ:**

**P.O.BOX 683276 - HOUSTON - TEXAS 77268 USA**

VĂN HOÁ VIỆT NAM 71 \* 87 \* MÙA ĐÔNG 2015

# NAM QUỐC SƠN HÀ NAM ĐẾ CƯ



## NGUYỄN ĐÔNG GIANG

(California)

### HOAN HÔ HÀ NỘI SÀI GÒN

Đầu tháng 11.2015

Hà Nội Sài Gòn đi biểu tình lớn

Đá đảo Tập Cẩm Bình sang Việt Nam giờ trò cướp giật

Bè lũ lãnh đạo CSVN khiếp nhược dạ dạ cúi đầu

Dân chúng Hà Nội Sài Gòn biểu tình đá đảo Tập Cẩm Bình,

Trung Cộng

Tiếng “đá đảo” vang rền vang dội đến Hoàng Sa Trường Sa

Con cháu Ngô Quyền, Hưng Đạo, Quang Trung đá đảo Tập Cẩm

Bình, đá đảo Trung Cộng

Hà Nội Sài Gòn đi biểu tình lớn

Đừng dại nữa nghe, bớ bè lũ Tập Cẩm Bình, Trung Cộng.

Bạch Đằng Giang năm xưa sờ sờ đó, lễ độ là vừa.!

Mấy hôm nay San Jose trời lạnh

Trời tối dù đã đổi giờ

Cả nước Mỹ hình như trời lạnh

Thế giới lạnh lùng. Vợ chồng Tập Cẩm Bình đến Việt Nam.

Từ tin internet nghe ở Việt Nam Hà Nội Sài Gòn biểu tình lớn

Đá đảo Tập Cẩm Bình, Trung Cộng cướp đất cướp biển Việt Nam

Hoàng Sa Trường Sa là của Việt Nam

Khi nghe tin dân Hà Nội Sài Gòn biểu tình

chống Tập Cẩm Bình, Trung Cộng đến VN

Cầm lon bia uống ngon không chịu được

Gọi phone gọi các bạn già đến uống bia... ngon, quá đã

Vì bên quê nhà đi biểu tình đá đảo TCB, đá đảo TC.

Bên này chia sẻ niềm vui, uống bia không môi,

ngon “chịu đéo được”.



*Vì Hoàng Sa Trường Sa là của Việt Nam  
Hà Nội Sài Gòn đang đi biểu tình chống TCB, Chống TC.  
Ngon lành lắm !!!*

*Hèn với giặc, ác với dân là "nghề" của CSVN. Bọn công an đánh  
đập dân chảy máu, bên này tức sặc máu chịu không nổi. Đập lon  
bia trên bàn, giăng con giện. Cùng các bạn già mở lon bia uống  
tiếp. Tới lúc đó coi chừng tau.  
Bên này đi Sanfrancisco biểu tình đá đảo TCB, TC  
cướp đất cướp biển Việt Nam.*

*Hoàng Sa Trường Sa là của Việt Nam.*

San Jose, CA

## **NGUYỄN DUY ÂN**

*(Richardson - Texas)*

### **QUỐC SÁCH**

*Việt Cộng yết kiến thiên triều:  
Đảng con xin tấu mấy điều như sau:  
"Việt - Trung" sông núi liền nhau!  
Nếu như môi hở răng đau có ngày.  
Giờ đây xã nghĩa lung lay  
"Liên Xô vĩ đại" đã quay lưng rồi!  
Xin răng chó cắn sứt môi  
Ôm nhau "hữu nghị" giữ ngôi sang giàu.  
Chuyện xưa tạ tội khấu đầu  
Từ nay cam phận chur hầu muôn năm.  
Dù cho Đế quốc hung hăng  
Hoặc nay ve vãn lầy lòng thiết tha  
Hai tay giữa húng đô la  
Miệng thì cứ việc chửi cha Hoa Kỳ  
Nhân quyền?! Cứ thế ù lì  
Thử xem chúng nó làm gì được nhau!?  
Dân Việt chết tiệt chẳng sao  
Đảng con dâng đất rước Tàu định cư.*

3-11-2000

[trích: "Thời Đại Hồ Chí Minh bán nước" - tác giả xb - 2002]

## QUANH CUỘC SỐNG CHÚNG TA



### SONG THI

(Rockaway Beach - OR)

## ĐOÁ HỒNG CHO QUÊ HƯƠNG

**B**uilding 58, kiến trúc hai tầng, góc cạnh thẳng như một cái hộp hình khối chữ nhật màu đỏ gạch nổi bật bên thảm cỏ quanh năm được cắt xén xanh tươi, bên những khoảng đất trắng nhựa láng mượt vạch lằn vôi trắng đều đặn dành làm bãi đậu xe... Từ cửa sổ của cái hộp hình khối màu đỏ gạch đó, building 58 mà tôi gọi là căn cứ 58, hướng tây là mặt tiền, có thể nhìn sang Tổng Hành Dinh 50 (Head Quarter building 50), căn cứ sản xuất máy oscilloscope 47, hay CRT 46. Đó là những con số của từng khu vực và những cái tên lạ tai đối với những người không quan tâm gì đến điện tử, nhưng lại là rất quen tai đối với công nhân làm việc trong hãng điện tử Tektronix này. Vài chiếc băng đá dành cho nhân viên nhân du trong mười phút nghỉ giải lao lạnh lùng nằm cạnh mấy lùm cây lá xanh đỏ đổi theo mùa xuân hạ thu đông. Hướng đông nhìn ra con đường Murray tấp nập xe lên xe xuống. Gần hơn là bãi đậu xe quang đãng, sân cỏ trải rộng, vài cỗ thụ sùng sững che bớt ánh nắng chói chang mùa hè; gần sát vách, trên bãi cỏ xanh mượt là mấy chiếc bàn gỗ picnic làm nơi tụ họp của những anh hùng thích phơi nắng, thích màu da ngăm của người Thượng.

Bên trong “chiếc hộp” này là khu vực sản xuất TiVi. Máy hàn chì chạy sầm sập, máy thử nghiệm kêu rè rè, thỉnh thoảng từ trên loa phóng thanh vang vang giọng ngọt ngào của cô thư ký gọi tên và những con số điện thoại dài thườn thượt, tiếng gọi lặp đi lặp lại nhiều lần, mọi người im một phút lắng nghe để ngay sau đó âm thanh trở lại bình thường, nghĩa là vẫn tiếng máy chạy, tiếng cười nói, tiếng réo gọi oang oang. Ở đây có đủ mọi thứ âm thanh, có đủ mọi loại ngôn ngữ, loại thanh bai lịch sự nhất cũng như loại bản thiêu tục tằn nhất. Ở đây có đủ mọi thành phần: đẹp, sang cả lúc nào cũng đóng bộ suit, blazer thẳng nếp như bà “xếp” Anna Miller, kiểu cộ nhí nhảnh như chị Kim Đại Hàn, hờ hang hấp dẫn như chị Sonhi, xúng xính què mùa như chị Remi Phi Luật, quanh năm áo ấm cổ cao lúc nào cũng lạnh như chị Karen, quần jean áo thun xuề xòa suốt năm dài thàng rộng như chị Denise, ăn tục nói phét như anh Sam John, hay là lướt nháy mắt đờ đờ tình chuyên môn như anh Mễ Tây Cơ gốc Tây Ban Nha Cacio Rodolf... Cái “tôi” nhỏ nhoi lọt vào trong “băng đảng trăm ngàn màu sắc” đó!

Cũng vui, vào những sáng thứ hai, thiên hạ kháo nhau chuyện đã qua trong hai ngày nghỉ cuối tuần, chuyện bà Carmen đi thăm mẹ già trong nursing home, bà kể công đã gội đầu và làm tóc cho mẹ; chuyện chị Robin đổi phiên bắt chồng nấu cơm, cho chồng trở tài làm món lasagna thật nhiều cheese (phó mát) cho chị ăn; chuyện con chó nhỏ của bà Louise chạy sang hàng xóm cắn con mèo, Louise bị lôi ra cảnh sát... Có bao nhiêu người là bấy nhiêu chuyện cuối tuần. Họ đứng tùm năm tùm ba riu rít kể chuyện, và người nghe, chắc cũng từng đọc sách dạy làm người của Nguyễn Hiến Lê, đứng chăm chú lắng nghe với tất cả kỹ thuật của người “biết nghe”. Chuyện nổ giòn như pháo Tết, hay ho như kiếm hiệp Kim Dung, chỉ cần một câu chào:

- Hi! Howdy? (tiếng lóng của how are you?)

Và một câu chào đáp kèm thêm câu hỏi:

- Hi! How was your weekend?

Thế là câu chuyện tiếp đó nổ như bấp rang.

Tôi đầu quân vào hãng điện tử Tektronix này với nhiều mặc cảm trong đầu, thứ mặc cảm của kẻ sa cơ, thứ mặc cảm của người “lính mới” chấp nhận một nghề không phải là nghề chuyên môn của mình chỉ vì sinh kế, mặc cảm vì phải bắt đầu cuộc sống mới với những người bạn mới không cùng ngôn ngữ, không cùng hướng ưu tư, không cùng quan niệm sống..., chưa kể tôi còn mang mặt cảm không phải tự ti mà lại là tự tôn vì phải chung đụng với một số người Mỹ mở miệng là chửi thề và chắc trọn đời chưa bao giờ biết nói tiếng cảm ơn!

Thế rồi cũng quen, năm tháng kể từ ngày gia nhập vào “căn cứ 58” này, tôi bắt đầu có những người bạn, những người bạn sơ giao nhưng chân tình. Họ thích nghe chuyện về tôi, về gia đình tôi, về đất nước tôi, về chuyện vượt biên của tôi và đồng bào tôi, họ mũi lòng khi nghe chuyện chết chóc trên biển cả, họ hớn hờ lây khi tôi cho hay tôi nhận được thư của bạn bè gửi qua từ bên nhà, họ yêu cầu tôi dịch cho họ suốt trang thư để cùng tôi chia xé những đắng cay của dân tộc Việt Nam đang gánh chịu.

Đúng ra thì cũng có vài nhân vật “hần học” chiến tranh Việt Nam qua một vài chuyện tếu ngoe bất ngờ, thí dụ như chị Suzane, người Mỹ gốc Đức. Chị thẳng như ruột ngựa, nói với tôi: *Dân Việt Nam không có tình nghĩa, không coi tình mẹ con ra gì cả, thẳng em họ của tôi tham chiến ở Việt Nam về lẻ lại: ngày đi tản 75, chính mắt nó trông thấy trực thăng sà xuống bốc người đưa ra Hạm Đội 7, một bà mẹ đưa đứa con lên trực thăng, người lính Mỹ trên trực thăng giữ đứa nhỏ, móc túi liệng xuống \$5 cho người mẹ.* Suzane kết luận: *“một người mẹ bán con với giá 5 đô la, tôi không ưa người Việt Nam từ đó!”*. Nhẫn nại, tôi phải giải thích cho Suzane hiểu những hiện tượng đau lòng đã xảy ra trong những ngày cuối cùng của chế độ, người người bỏ của chạy lấy thân, biết bao gia đình phải ly tán trong cơn khủng hoảng dầu sôi lửa bỏng... Chính người mẹ này đã hy sinh ở lại – có thể vì trực thăng đã đầy nghẹt người – để cho con mình được cứu, được lớn lên trong ánh sáng Tự Do, còn 5 đô la kia, trong giờ phút tối tăm đó tôi đoán

chắc chính người mẹ cũng không hỏi xin, không mặc cả, mà chỉ vì chút từ tâm của người lính Mỹ muốn để lại một chút gì cho người mẹ khốn khổ đó mà thôi. Ngày qua ngày, Suzane hiểu vấn đề, hiểu chiến tranh Việt Nam và càng gần gũi thân thiết với tôi.

Chiều Ba Mươi Tết!

Tôi vào sở với nét đăm chiêu không thể giấu, mà chính tôi cũng không muốn giấu! Tôi làm ca đêm. Ngoài kia chiều đang xuống, rồi màn đêm kéo về. Trời sụp tối rồi. Nhìn ra khung cửa kính, tôi thấy bầu trời thật đen, không mây, không sao... Niềm đau xót của tôi, lúc bấy giờ là giữa chiều ba mươi Tết, là giữa đêm trừ tịch, ngồi đây làm việc, nghe tiếng máy ồn ào, nghe âm thanh một thứ ngôn ngữ xa lạ không phải là ngôn ngữ của mình, của đất nước mình, của quê hương mình! Tại sao tôi không được ở trên đất nước của tôi bên kia bờ đại dương, một đất nước dù thật nhỏ bé nhưng Thân Thương, chứa chất nhiều tập tục tuy khe khắc nhưng đầy Tình Người!

Đáng lẽ ngày hôm nay, chiều ba mươi Tết, tôi phải sắp dọn bàn thờ, chưng mâm trái cây thật cao, đủ ngũ quả: một trái dưa lớn thật đỏ ruột, một trái thơm thật tươi, một trái bưởi thật thanh, một trái đu đủ hươm vàng cùng mấy trái cam sành thật ngọt. Nhang thơm sẽ tỏa ra khắp nhà. Tôi sửa soạn buổi cơm cúng ông bà, không sơn hào hải vị nhưng có thịt kho dưa giá, có bánh tét, dưa chua... Tôi phải soạn áo quần mới cho con tôi ngày mai đi mừng tuổi bà con, ủi bộ đồ “vía” cho nhà tôi đi chúc Tết bạn bè, và ngay chính tôi, tôi cũng phải chuẩn bị cho mình một chiếc áo đẹp, đẹp hơn ngày thường, đẹp hơn những năm trước...

Tôi nhớ Ba tôi có lệ vào giường thật sớm, ông đọc sách để đỡ giấc ngủ, quyển sách để áp trên ngực, mẹ tôi có bồn phạn nhẹ xếp sách lại để trên kệ tủ đầu giường, giăng mùng, tán kỹ trước khi bà trở xuống bếp lo bớt lửa nồi vịt hầm với cải rỏ không năm nào thiếu. Khi đồng hồ điểm mười hai tiếng, chị em chúng tôi đến bên giường, lúc đó mẹ tôi cũng đã có mặt, chị tôi lên tiếng đánh thức Ba tôi:

- Năm mới tụi con chúc Ba Mẹ...

Chúng tôi không biết chúc dài dòng, không biết chúc văn chương, năm nào chị tôi cũng thay mặt tất cả mấy anh chị em lặp lại câu chúc: *chúc Ba Mẹ làm ăn phát tài, sống lâu trăm tuổi*, và câu trả lời năm nào cũng vậy, Ba tôi nói: *Ba không cần sống lâu trăm tuổi, Ba chỉ cầu mong các con lớn khôn, học giỏi, ra đời xứng đáng làm Người!*

Sau lời chúc giao thừa Mẹ tôi mở tủ lì xì cho chúng tôi những tờ giấy bạc mới còn thơm chưa có lần xếp. Ba tôi trở dậy đi thắp nhang cúng Ông Bà.

Tôi không nghe tiếng máy ồn ào nữa, tôi không thấy mũi hàn trên tay, tôi không còn là tôi đang ngồi trước bàn làm việc cặm cụi với dây, với điện, với máy móc hàng ngày... Tôi đang lạc ra ngoài khung cửa kính kia, tôi đang trở về với quê hương đồng nội, với hình ảnh ba tôi, với mái tóc bạc phơ, với lần hôn cuối cùng trước ngày tôi ra khỏi xứ. Nước mắt chan hòa, tôi khóc tự bao giờ.. Tôi khóc nhiều, khóc như chưa bao giờ được khóc. Tôi bắt đầu cảm thấy hơi mắc cỡ với bạn bè chung quanh vì nhiều cặp mắt đang nhìn tôi, một người ngồi gần tôi nhất, và tiếp đó là những người ngồi từ những bàn khác phía xa đứng nhóm dậy nhìn tôi, mọi người nhìn tôi khóc! Tôi biết vậy nhưng tôi vẫn khóc, tôi không cảm được nước mắt, tôi khóc như đứa trẻ trong con hờn giận, khóc tức tử, nức nở...

René, cô gái phụ trách toán tôi làm việc, đến bên ngạc nhiên hỏi:

- Sao chị khóc?

Tôi bần... khóc, không trả lời.

Karen, cô bạn mến tôi nhất, ngồi gần đó, bỏ chỗ đứng dậy đến bên tôi, giọng thật ngọt ngào:

- Sao chị khóc? Chuyện gì vậy?

Mặc kệ ai hỏi, tôi vẫn khóc. Người ta đang khóc làm sao trả lời được chứ! Một người, rồi hai người, rồi cả nhóm, họ vây quanh tôi, thắc mắc, trong số đó có “xếp” Ted Wollam của tôi.

Giọt nước mắt vô duyên của tôi không được giải thích cho nên mọi người cố quan sát xem tôi có bị phỏng tay, hay bị tai nạn nghề nghiệp gì không. Không thấy thương tích, mọi người xoay ra nghĩ rằng tôi bức mình giận dữ ai trong toán. Tôi nghe họ hỏi nhau: ai làm gì cho bà ta phiền vậy? Ted nhỏ nhẹ hỏi tôi:

- Chuyện gì xảy ra? Đứa nào nói gì chị đó?

Lạ lùng, tôi không cầm được nước mắt. Mái tóc trắng bạch kim của anh Ted già sao giống tóc bạc của Ba tôi? Lờn nói về về của bè bạn sao giống lời Mẹ tôi... Tôi nghe Ted bảo mọi người: Thôi, mọi người về chỗ hết đi, lúc nào bà ấy hết khóc thì René hẳn hỏi.

Cho đến lúc nước mắt vơi, và nỗi buồn cũng nhẹ bớt theo nước mắt, vả lại tôi cũng tự cảm thấy mình thật vô duyên, sao lại gây bấn loạn lo âu cho mọi người? Cơn buồn đã dịu, tôi có thể ngồi tâm sự – trong nước mắt nhưng ít thôi – với Karen:

- Ngày này, ba mươi Tết. Tục lệ của xứ tôi ngày hôm nay là ngày rất thiêng liêng, mọi người ngưng hoàn toàn mọi công việc để đón mừng năm mới, tôi khóc vì tủi thân, vì nhớ quê hương...

Sau giờ giải lao thứ nhì, Ted đến bên tôi, đặt lên bàn tôi một bình hoa với hai đóa hồng màu vàng, kèm theo một tấm thiệp Happy New Year với đầy đặc chữ ký của những người bạn trong toán tôi và cả những toán bên cạnh chung khu vực.

Nước mắt tôi lại tuông trào. Lần này còn nhiều hơn trước.

Hai mươi năm “cày bừa” trong hãng Tektronix, tôi đã đổi không biết bao nhiêu “xếp”, thuyên chuyển không biết bao nhiêu khu vực. Mỗi năm Tết đến, tôi vẫn cặm cụi làm việc đến nửa đêm. Nước mắt dường như đã khô, Ted Wollam đã về hưu từ lâu, hình ảnh mái tóc bạc của ông gần như phai nhòa trong ký ức, những René, Karen, Rémi, Denise, Carmen...v.v.. đã thất lạc hết cả rồi, người thì về hưu, kẻ thuyên chuyển qua khu vực khác, nhưng hình ảnh hai đóa hồng vàng chiều ba mươi Tết Kỷ Mùi năm 1979 vẫn còn ở lại trong tâm tư tôi với đầy ấp kỷ niệm quê hương.


Cuối năm 1998 tôi xin nghỉ hưu sớm, ngày cuối cùng ra khỏi building 19, mắt tôi ráo hoảnh, tôi từ giã bạn bè, bắt tay “xếp” Jim Brammer nói một câu cho... vừa lòng mình:

- Hai mươi năm, tôi làm việc siêng năng cần mẫn, tôi được nhiều lần ban khen, nhưng ông đâu có biết: tôi làm một nghề không phải nghề của tôi!

Tôi nói tiếng Mỹ, nhưng xếp Mỹ của tôi không chắc đã hiểu tôi muốn nói gì!

## SONG THI

(Rockaway Beach - OR)



# FARMERS

**INSURANCE**

**NGUYỄN VĂN TÂM** *Agent*

**13480 Veterans Memorial # C. - Houston - TX 77014**  
(Trong khu chợ Hong Kong 3)

**Tel.: (281) 397-8122 - Fax: (281) 397-8749**  
[nguyen2@farmersagent.com](mailto:nguyen2@farmersagent.com)

<p><b>BẢO HIỂM:</b></p> <p>Đảm nhận tất cả các dịch vụ về Bảo Hiểm</p> <p style="text-align: center;"><b>XE HƠI - NHÀ - LỤT</b></p> <p style="text-align: center;"><b>NHÂN THỌ - THƯƠNG MẠI - SỨC KHỎE</b></p> <p><b>DEFENSIVE DRIVING:</b></p> <p>* Lớp Chủ Nhật từ 9:00am - 3:00pm</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Học xóa giấy phạt</li><li>- Bớt bảo hiểm xe cho 3 năm</li></ul>	<p><b>DỊCH VỤ:</b></p> <p>* Xin trợ cấp an sinh xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Medicaid - Food Stamp</li><li>- Chip Children Health Insurance Program</li><li>- SSI và SSA (trợ cấp tiền già, bệnh tật, tiền hưu)</li></ul> <p>* Dịch: Khai Sanh - Hôn Thụ - Bằng Cấp</p> <p>* Thị thực chữ ký</p> <p>* Vay tiền (Mortgage)</p>
--	--



# PHÂN ƯU

Vô cùng xúc động nhận được TIN BUỒN, Phu Nhân cựu Hiệu trưởng Trung Học Phan Thanh Giản Cần Thơ - Nhà văn GS Lưu Khôn là

GIÁO SƯ

LÊ THỊ DUYÊN

tự NGUYỄN HIẾU ĐỨC

Pháp Danh TỬ HÒA

Cựu học sinh & Cựu Giáo Sư PTG

*Sanh ngày 5 tháng 6 năm 1937 (Đình Sứ), tại Cao Lãnh, tỉnh Kiến Phong*

*Đã tạ thế lúc 5 giờ 10 phút sáng, thứ Hai 5 tháng 10 năm 2015, (nhằm ngày 23 tháng 8 năm Ất Mùi), tại San Jose, California, Hoa Kỳ.*

## Hưởng thọ 78 tuổi

Trước sự mất mát và đau buồn quá lớn lao này, chúng tôi, thay mặt toàn Ban Biên Tập - Cộng Tác Viên tạp chí VĂN HOÁ VIỆT NAM xuất bản tại Houston Texas USA:

\* Xin thành kính chia buồn cùng Nhà văn GS Lưu Khôn, các cháu và toàn thể tang quyến.

\* Nguyên cầu Hương Linh Phật Tử TỬ HÒA đời đời an nghỉ trong ánh hào quang của Chư Phật và Chư Bồ Tát nơi Cõi Vĩnh Hằng.

\* Kính mong Nhà văn GS Lưu Khôn, các cháu và toàn thể Tang Quyển sớm vượt qua nỗi buồn quá lớn này.

Toàn Ban Biên Tập & Cộng Tác Viên  
tạp chí VĂN HOÁ VIỆT NAM

và các gia đình:

\* Gđ Hoa sĩ PHẠM MỘNG CHUÔNG \* Gđ GS Nhà văn DOÃN QUỐC SỸ \*  
Gđ GS Nhà văn NHƯ KHÔNG - NGUYỄN NHƯ HÙNG \* Gđ GS Nhà văn  
NGUYỄN VĂN TRƯỜNG & HỒ ĐẮC A TRANG \* Gđ Nhà biên khảo GS LÊ  
QUÝ ĐĂNG \* Gđ Nhà văn TRẦN HOÀI THƯ & NGUYỄN NGỌC YẾN \* Gđ  
Nhà văn LONG TUYẾN - NGUYỄN PHƯỚC TRANG & PHAN NGỌC HOA \*  
Gđ Nhà thơ HẢI PHƯƠNG \* Gđ NGUYỄN LỆ CHI \* Gđ GS Nhà văn ĐOÀN  
XUÂN THU \* Gđ GS Nhà thơ ANH TỬ - NGUYỄN HỒNG AN \* Gđ Thầy Đồ  
GS ĐỖ CHIÊU ĐỨC \* Gđ Nhà văn TRẦN BANG THẠCH & TRẦN THỊ ANH  
NGUYỆT \* Gđ Nhà văn NGUYỄN NHUNG & NGUYỄN VĂN ĐÔNG \* Gđ  
Nhà văn UNG NGỌC ĐẠT & MAI THỊ NGỌC BÍCH \* Gđ Nhà văn PHẠM  
PHI LONG \* Gđ Nhà thơ ĐAM THẠCH & HUỲNH HỒNG HUYỀN \* Gđ Nhà  
thơ TRẦN PHỦ THỂ \* Gđ Nhà thơ TRẦN CHẤN HOÀ \* Gđ Nhà thơ HÀN  
VĂN - LÂM VĂN YẾN \* Gđ Nhà văn TRẦN BÁ XỬ \* Gđ LÊ CẦN THƠ &  
ĐIỂM PHƯỢNG \* Gđ PHẠM QUANG TÂN & BÙI THỊ CÚC...

**ĐỒNG THÀNH KÍNH PHÂN ƯU**

## MAI LỘC

(California)

### MỠI LẦN TIỄN CHỊ

*Trong hơi thu sương mai lất phất,  
Đưa chị về miền Bắc xa xôi.  
Mỗi lần tiễn biệt chia phôi,  
Một lần se thắt tim tôi rầu rầu.*

*Mới vui đó đã sâu ly biệt,  
Để người về nuôi tiếc khôn nguôi.  
Tuổi già thấm thía cuộc đời,  
Những ngày còn lại, phúc Trời ban cho.*

*Tôi lặng đứng bơ vơ nhìn mãi,  
Xe khuất dần tê tái lòng ai.  
Chim âu buổi sáng lượn hoài,  
Phía đông nắng đã, sương mai tan dần.*

### VĨNH BIỆT CHỊ

*Nay tháng mười mùa thu lại đến,  
Được hung tin chị bệnh ngặt nghèo.  
Tim em se thắt ruột bào,  
Những ngày còn lại ghen ngào lệ rơi.*

*Ngôi bên chị không nơi cầu nguyện,  
Ánh đèn mờ xao xuyên hồn em.  
Tay người mỗi lúc lạnh thêm,  
Gió thu hiu hắt ngoài thềm lá rơi.*

*Như chiếc lá chị tôi lìa thê,  
Thật nhẹ nhàng thoát bể trần gian.  
Đau thương ruột xé lệ tràn,  
Hồn ai phảng phất giữa màn sương đêm.*

*Vĩnh biệt chị về bên chân Phật,  
Kiếp nhân sinh quả thật mong manh.  
Chấp tay khẩn nguyện lòng thành,  
Chị cười trên ấy Vĩnh Hằng em mong.*

Thu San Jose 10-5-15

## TƯỢNG NIỆM GS NGUYỄN HIẾU ĐỨC



Andrew NHÂN LƯU

### BÀI VIẾT CHO MÁ TÔI

Má tôi mất sáng sớm hôm thứ hai, 5 tháng 10, chưa đầy một tháng sau khi bác sĩ khám phá má tôi mắc bệnh ung thư tuyến tụy trong giai đoạn cuối và đã di căn sang gan. Má tôi hy vọng sang năm 2017 sẽ tổ chức một bữa tiệc lớn mừng sinh nhật tập thể cho bà tròn 80 tuổi, tôi 60 tuổi, và cô em gái út của tôi 50 tuổi nhưng mộng ước ấy bây giờ không thành. Những ngày cuối cùng trong đời, tôi nghĩ má tôi rất hạnh phúc vì có nhiều người thân đến bên bà. Trái ngược với câu ca trong "Bài Không Tên Số 4" của nhạc sĩ Vũ Thành An, "*Triệu người quen có mấy người thân. Khi lìa trần có mấy người đưa?*" những người cháu gọi má tôi bằng cô và bằng dì đến từ Berlin, Montréal, Dallas, Washington D.C., và Orange County đã tề tựu và quây quần bên bà từ nhiều ngày trước. Trong căn chung cư chật hẹp của ba má tôi, chúng tôi chen chúc ngồi quanh bàn ăn để dùng những bữa cơm do một tay người chị bạn dì của tôi nấu nướng (người mà chúng tôi gọi đùa một cách thân thương là "chị nuôi"), và khi đêm đến trải chiếu trên thảm nằm ngủ la liệt quanh giường bệnh của má tôi. Tôi chợt nghĩ tại sao phải đợi đến khi má tôi nằm xuống những người thân trong đại gia đình mới có dịp sum họp. Có lẽ chúng ta ai nấy đều quá bận rộn với đời sống riêng, với vấn đề cơm áo gạo tiền mà quên rằng

thời gian bên nhau quý báu đến dường nào. Tại sao ta không bày tỏ tình yêu thương khi chúng ta còn khả năng nhận thức, mà phải đợi cho đến khi bị "coma" nằm trên giường bệnh chờ chết như má tôi trong những ngày qua? Tôi chợt nhớ đến điệp khúc của bài nhạc "Nếu Có Yêu Tôi" của Trần Duy Đức (phổ thơ của Ngô Tịnh Yên) như sau,

*"Nếu có yêu tôi thì hãy yêu tôi bây giờ  
Đừng để ngày mai đến lúc tôi xa người  
Đừng để ngày mai đến khi tôi thành mây khói  
Cát bụi làm sao mà biết mìm cười."*

Trong đêm thứ sáu trước khi má tôi mất, em gái tôi Thanh Phương xúc động khi thấy cơ thể của má tôi hoàn toàn ngừng hoạt động và đã viết **"những lời tâm sự"** như sau,

*"Kính thưa quý chú bác, quý cô dì,  
Các anh chị em thương mến,  
Tôi là Thanh Phương, đưa con gái út trong gia đình. Thật là một điều đau lòng cho tôi phải đứng đây để nói lời vĩnh biệt với Má.*

*Kính thưa quý vị,  
Má tôi là người phụ nữ Việt Nam chân chính với đầy đủ những đức tính cao quý.*

*Từ lúc về làm dâu nhà họ Lưu, Má chỉ biết có Ba và bốn đứa con. Má chăm chỉ, cần kiệm, dành dụm. Từ hai bàn tay trắng ở Cao Lãnh, Ba Má đã gây dựng cho các con một căn nhà 3 tầng lầu ở Sài Gòn. Rồi Ba Má đưa ba thằng con trai đi vượt biên. Biết bao nhiêu là công khó mới được như vậy đó. Đến khi có cháu nội cháu ngoại, Má lại đề nghị với Ba để dành tiền cho mỗi đứa khi tụi cháu vào đại học.*

*Má ơi, công ơn trời biển của Má, tụi con không bao giờ tìm lại được trong kiếp này nữa rồi.*

*Má ơi, nhìn Má nằm trên giường bệnh thoi thóp, bao nhiêu kỷ niệm tràn về trong con. Ngày Lễ Tạ Ôn, mình quây quần bên nhau. Vui lắm. Nhưng vui nhất vẫn là phần shopping hôm Black Friday, Má héng!*

*Noel. Christmas. Má muốn ai cũng phải mặc màu đỏ để nhìn cho vui. Rồi Má đợi. Má đợi đến sáng ngày 26/12 để đi mua bán đổi chác tiếp! Tất cả chỉ còn là kỷ niệm đẹp trong con thôi Má ơi.*

Ngày 5 tháng 10 năm nay, con với Ba Má qua Mỹ được 26 năm rồi đó. Nhớ mấy ngày tháng đầu, đèn đường vàng vọt, mình nhớ VN muốn chết Má hổng. Vậy rồi cũng xong. Cũng hội nhập.

Đến lúc con bắt đầu đi đàn. Má ngồi bên cửa số tới 1-2 giờ sáng đợi con về.

Thời gian con làm ở đài phát thanh có lẽ là lúc Má vui lắm. Tại vì Má là "cây quạt" (fan) lớn nhất trên đời này ủng hộ tinh thần con mà. Trong mắt Má, con là đĩa đọc truyện hay nhất trên đời, phải không Má?!

Rồi con lập gia đình. Má có thằng rể thật là xứng đáng. Rồi Má có hai thằng cháu ngoại Hoàng Nam và Hoàng Hà. Má thương tụi nó bao nhiêu thì tụi nó cũng thương Má bấy nhiêu.

Má ơi,

Con đứng đây để hứa với Má rằng, con sẽ thay Má mà lo lắng cho Ba trong những ngày sắp tới. Con sẽ thay Má để kéo anh em con cháu về lại một mối. Con sẽ thay Má để gìn giữ mối quan hệ bè bạn, hàng xóm, láng giềng - những người thương yêu Má.

Nói tới đây con lại nhớ đến ước nguyện của Má là được sống trong tình yêu thương của gia đình và bè bạn. Ước nguyện đó cuối cùng đã thành sự thật rồi Má ơi. Ngồi chung quanh trong căn phòng này là những người đã từng chia buồn sẻ ngọt với Má. Họ đã tạm gác lại chuyện áo cơm bạc tiền để đến đây bày tỏ lòng thương yêu với Má.

Má ơi, Má hãy tận hưởng phút giây này rồi vui vẻ ra đi nha Má. Con kính mong Má sẽ được an nghỉ ở một nơi chốn bình yên. Không lo nghĩ. Không đau đớn. Không phiền muộn.

Con vĩnh biệt Má, Má ơi!!!"

Em trai của má tôi, nhà thơ Mai Lộc, từ OC đã lên thăm má tôi nhiều lần trong thời gian bà lâm bệnh, và sáng tác một bài thơ khóc chị với nhan đề "**Vĩnh Biệt Chị**" như sau,

"Nay tháng mười mùa thu lại đến, ...

[xin đọc trọn bài thơ ở trang 98 VHVN 71 - LCThơ ghi chú]

Vài tháng trước, ba tôi ngộ ý muốn tổ chức lễ kỷ niệm thành hôn 60 năm trong cuối năm tới, nhưng má tôi nay đã ra đi trước khi ba tôi có thể thực hiện ước vọng này. Tôi mạn phép mượn "**lời tạ từ**" của ba tôi dành cho má tôi để kết thúc bài viết dành riêng cho má tôi,

"Em,

*Anh rất đau lòng khi phải nói lời vĩnh biệt với em. Vẫn biết sống chết là lẽ thường, cầu âm dương ai rồi cũng sẽ phải đi qua, nhưng làm sao anh có thể nén được đau thương, cầm được nước mắt khi nghĩ rằng từ đây, vợ chồng mình sẽ mãi mãi xa nhau, từ đây anh sẽ mãi mãi mất em.*

*Còn nhớ chúng ta đã đến với nhau từ cuối năm 1956. Suốt gần 60 năm làm vợ chồng, chúng ta đã trải qua biết bao gian lao, thử thách. Vì thương anh, em vẫn luôn luôn sẵn sàng giúp đỡ anh để vượt qua mọi khó khăn.*

*Anh cảm ơn em nhiều lắm.*

*Và tình thương ấy, em vẫn giữ mãi cho đến những giây phút cuối cùng của cuộc đời.*

*Vào một đêm khuya thanh vắng, sau những cơn đau quặn quai, em đã buột miệng hỏi:*

*- Anh Khôn ơi, anh Khôn đâu rồi?*

*- Anh Khôn đây. Anh Khôn của em đây, anh Khôn đang ở bên em.*

*Anh Khôn thương em lắm; anh Khôn xin hứa sẽ luôn luôn xứng đáng với tình thương mà em đã dành cho anh Khôn trọn đời. Thôi thì em hãy yên lòng và thanh thản ra đi. Anh Khôn, các con, các cháu, các anh chị em, các bạn bè, và các em học sinh thân yêu của chúng ta đều đang có mặt ở đây để cầu nguyện cho em.*

*San Jose, ngày 10 tháng 10 năm 2015."*

## **Andrew Nhân Lưu**

*Andrew Nhân Lưu (DRE# 01400203) là một trong những REALTOR® kỳ cựu nhất của công ty địa ốc Tuscany Real Estate Services, Inc. Vốn là một cư dân tại vùng Nam Vịnh trên 30 năm, anh hiểu biết thấu đáo về thị trường nhà cửa tại Bay Area. Ngoài ra, với kinh nghiệm lâu năm trong thương trường và kiến thức sâu rộng về luật địa ốc, anh đã giúp rất nhiều thân chủ thành công trong việc mua và bán nhà trong gần 15 năm nay với tôn chỉ "**My client's interest is my Number One priority.**" (**Quyền lợi của thân chủ là ưu tiên hàng đầu của tôi**). Xin liên lạc trực tiếp với Andrew Nhân Lưu tại [andrewL@tuscanyRE.com](mailto:andrewL@tuscanyRE.com) hay tại (408) 896-7388 khi quý vị có những nhu cầu, thắc mắc về địa ốc, hay có ý kiến đóng góp về bài viết này.*



**NGUYỄN NHƯ HÙNG**

**ĐI THĂM  
GIÁO SƯ NGUYỄN KHẮC KHAM**

**T**rong giới cấp sách đi học ở thế hệ thập niên 50-60 chắc không mấy ai là không biết đến danh tiếng GS Nguyễn Khắc Kham, một nhà giáo dục gương mẫu, một học giả uyên bác, một bậc Thầy của bao thế hệ. Thầy là giáo sư trường Chu Văn An từ ngoài Bắc đến trong Nam. Môn dạy chính của Thầy là Pháp văn vì Thầy tốt nghiệp cử nhân văn chương (licence es lettres) và cử nhân luật khoa (licence en droit) tại Paris năm 1934. Tuy nhiên ít ai được biết GS Nguyễn Khắc Kham là người đầu tiên dạy triết học bằng tiếng Việt tại trường Chu Văn An Hà Nội trong chương trình Việt ngữ Hoàng Xuân Hãn ( niên khóa 1944-45 hiệu trưởng là GS Nguyễn Gia Tường và niên khóa 45-46 hiệu trưởng là GS Dương Quảng Hàm )

Trong buổi tiệc tân niên mừng xuân Quý Mùi tổ chức ngày 8 tháng 2 năm 2003 của hội cựu học sinh CVA Bắc Cali (CVABC) các GS hiện diện gồm có: GS Lê Văn Lâm, GS Nguyễn Xuân Vinh, GS Cung Nhật Tân, GS Nguyễn Hữu Hưng, GS Nguyễn Đức Hưng, GS Trần Quang Lăng. Vắng mặt GS Nguyễn Đức Hiếu, GS Lê Thành Việt và GS Nguyễn Khắc Kham. Theo bài tường trình buổi họp mặt này trong “**Tin thư CVA/BC**” ngày 17/05/03, GS Nguyễn Khắc Kham năm nay đã 94, mặc dầu tinh thần còn minh mẫn nhưng sức khỏe đã yếu kém nên không tham dự được.

Không phải chỉ buổi họp này mà mấy kỳ họp mặt CVA trong vùng gần đây cũng không thấy Thầy tham dự. Vì thế tôi đề nghị hội CVA/BC tổ chức một buổi đến thăm Thầy. Thầy ở ngay San Jose, thật thuận tiện và vinh hạnh cho đám học sinh CVA/BC.

Bao nhiêu môn đệ của Thầy ở rất xa muốn đến thăm Thầy đâu phải dễ, nhờ cuốn đặc san này mà biết được tin tức về Thầy.

Hơn tháng trước đây, tôi có gọi điện thoại thăm sức khỏe Thầy và báo cho Thầy biết tin nhà sách Hồng Bàng sắp đẹp tiệm. Thầy hay đi xe bus đến đây tìm mua sách. Vùng Trung lũng Hoa Vàng, với số dân Việt tị nạn hàng trăm ngàn người, từ trước tới nay có 3 nhà sách: Toàn Thư, Tự Do, Thư Lâm. Khi Toàn Thư đóng cửa thì Hồng Bàng thay thế. Nay Hồng Bàng cũng đi theo Toàn Thư. Thị trường chữ nghĩa tiếng Việt ở hải ngoại ngày một ảm đạm. Các tiệm sách ngày nay còn cầm cự được có thể là nhờ bán băng đĩa ca nhạc. Tin nhà sách Hồng Bàng sắp đóng cửa và hạ giá các loại sách, giới cao niên trong vùng phần lớn đều biết. Và Thầy cũng đã biết vì thường ngày Thầy vẫn theo dõi tin tức qua báo chí, qua đài phát thanh địa phương. Thầy có mua được vài cuốn sách trong dịp nhà sách Hồng Bàng sắp đóng cửa.

## NGÀY VIẾNG THĂM.-

**A**nh hội trưởng CVABC Phạm Nguyên Khôi đã liên lạc với GS Nguyễn Khắc Kham và được Thầy cho một cái hẹn. Sáng ngày Chủ Nhật 7 tháng 9, 2003, chúng tôi 3 người, anh hội trưởng PNK, anh cựu hội trưởng Vũ Mạnh Phát và tôi hẹn nhau 10 giờ sáng trước cửa nhà Thầy. Chưa kịp bấm chuông, đã thấy GS, quần áo chỉnh tề mở cửa mời chúng tôi vào nhà. GS bắt tay từng người và từ tốn chỉ ghế cho chúng tôi ngồi. Cả 3 chúng tôi đã được hầu chuyện với GS một vài lần. Lần nào cũng vậy, khi đã có hẹn, GS luôn luôn quần áo chỉnh tề ngồi sẵn trong nhà đợi khách. Dù người khách đó chỉ là học trò thế hệ sau của học trò Thầy.

- “*Cô mặc chúng con*”. Vừa nói, tôi đỡ khay trà từ tay Cô, phu nhân GS. Hôm nay trông Cô không được khỏe. Thầy bảo, mấy hôm nay Cô hơi bị mệt. Thế mà Cô vẫn loay hoay trong bếp và mang ra khay bánh Trung Thu. Lần nào tới thăm Thầy, chúng tôi cũng được uống trà tàu, ăn bánh ngọt và thường chỉ gặp Thầy Cô. Căn nhà hai tầng, sân sau trồng nhiều cây ăn trái. Nghe nói, Thầy Cô sống với gia đình người con gái ở đây. Trông thấy bánh nướng, bánh dẻo bày trên bàn, tôi mới chợt nhớ ra là sắp Tết Trung Thu. Thật đáng trách, hôm nay là ngày 11 tháng 8 âm lịch,



còn 4 ngày nữa là Tết trung Thu. Các chợ VN trung bày đầy bánh trái, lồng đèn cho thiếu nhi. Thế mà cả 3 đứa chúng tôi không ai nhớ hay để ý đến ngày Tết Nhi Đồng sắp tới. Nay được ăn bánh Trung Thu uống nước trà tàu của Thầy Cô mà cảm thấy lỗi đạo đối với bậc Thầy đáng kính. Đến thăm Thầy vào dịp sắp Tết mà không có gì đem theo chúc Tết Thầy Cô. Thật sự thì hôm nay tôi có đem theo một tấm hình khổ lớn chụp Thầy tại nhà một người quen mà chưa có dịp kính tặng Thầy. Tôi được biết đã nhiều lần Thầy từ chối nhận quà. Nếu khách nói khéo quá hay cứ để quà lại, Thầy phải nhận, nhưng Thầy Cô lại phải tìm quà khác biếu lại hay mua món khác đáp lễ dù rằng người khách đó chỉ là hạng con cháu hay môn đệ của Thầy. Xưng hô với môn đệ, Thầy thường gọi Ông với Tôi. Từ tốn, điềm đạm, thân mật. Ít lộ vẻ vui buồn trên nét mặt. Luôn luôn giữ phong cách nhà nho xưa. Tinh thần minh mẫn, suy nghĩ bén nhạy, đối đáp nhanh chóng, ở tuổi 95 ít người được sức khoẻ tốt như Thầy. Tuy nhiên thánh lực bị hạn chế, phải ghé gần tai và nói lớn Thầy mới nghe được.

## **GS NGUYỄN KHẮC KHAM, THẦY CỦA THẦY.-**

- “*T*hưa Thầy, nhóm cựu HS CVA vùng bắc Cali này dự định ra một số đặc san vào mùa xuân tới (Giáp Thân, 2004). Chúng con đến trước hết thăm Thầy Cô, sau là xin vài lời chỉ giáo của Thầy”

Đây là một cuộc nói chuyện thân mật, ăn bánh trung thu uống nước trà tàu, giữa Thầy trò nên chúng tôi cố tránh tạo ra một không khí phỏng vấn có vẻ báo chí chuyên nghiệp. Cả 3 chúng tôi không ai cầm giấy bút ghi chép gì cả. Nhưng chúng tôi có đem theo một máy ảnh và một máy ghi âm nhỏ cầm tay. Cốt là để lưu giữ vài hình ảnh và lời nói của Thầy, khi Thầy ở tuổi 95.

Hình ảnh và lời giảng trên bục của GS Nguyễn Khắc Kham, khởi đầu từ năm 1937 đến năm 1974 (năm GS nghỉ hưu từ trường đại học ngoại ngữ Tokyo), chuyển từ Hà Nội vào Sài Gòn rồi ra ngoại quốc, trải qua các trường trung học Gia Long, Hoài Đức, Thăng Long, Văn Lang, Bưởi, Chu Văn An, Minh Tân, Văn Hóa, Petrus Ký, đến các trường đại học Văn Khoa, Sư Phạm, Vạn Hạnh, ngoại ngữ Nhật Bản (Tokyo). Rất nhiều môn sinh của GS

hiện nay ở rải rác khắp nơi trên thế giới vẫn còn nhớ và rất mong muốn biết tin tức về vị Thầy đáng kính. Khi tin chúng tôi tới nhà vấn an GS Nguyễn Khắc Kham được anh hội trưởng CVABC thông báo trên diễn đàn điện thư CVA, nhiều các bạn từ xa gọi đến mong muốn được liên lạc với Thầy, nhưng tiếc rằng vì tuổi già nên những ngày gần đây Thầy rất khó nghe được qua điện thoại. Trong số đó có nhóm CVA Úc Châu vùng Sydney, anh hội trưởng CVA Nguyễn Bát Tuần ngỏ lời muốn có hình ảnh mới nhất của GS Kham để đăng trong đặc san của hội phát hành vào tháng 10/2003. Đặc san CVA của chúng tôi mãi tới đầu năm 2004 mới phát hành, chẳng lẽ tấm hình Thầy của chúng tôi chụp lại phải in sau đặc san của các bạn? Nói vui thế thôi, chứ CVA Nguyễn Bát Tuần đã nhận được hình ảnh GS Nguyễn Khắc Kham cho kịp ngày lên khuôn báo rồi.

Suốt 40 năm trong ngành giảng dạy, GS Nguyễn Khắc Kham đã đào tạo biết bao nhân tài cho đất nước. Học trò nhỏ nhất của GS hiện giờ cũng phải trên 50 tuổi, còn tuổi của những học trò kỳ cựu phải tới trên tám chục hay chín chục. Ngay cố GS Nguyễn Đình Hòa cũng từng nhận là môn đệ của GS Nguyễn Khắc Kham. Trong “**Lời nói đầu**” của Tuyển tập **Ngôn Ngữ và Văn Học VN** số đặc biệt Khánh Hạ GS Nguyễn Khắc Kham nhân dịp thượng thọ 85 tuổi, GS Nguyễn Đình Hòa viết: “**Riêng chúng tôi đã sớm có liên hệ của một học trò đối với thầy Nguyễn...**” Thật đúng GS Nguyễn Khắc Kham là bậc Thầy của Thầy chúng tôi.

## **GS NGUYỄN KHẮC KHAM, MỘT HỌC GIẢ UYÊN BÁC, MỘT CUỐN TỰ ĐIỂN SỐNG.-**

**T**hời tiết chuyển mùa sắp sang thu làm người già thấy mệt mỏi. GS cho biết mấy hôm nay hai cụ không được khỏe. Hàng ngày GS phải uống nhiều thứ thuốc. Tuy thế GS vẫn ưu ái vui vẻ tiếp chuyện chúng tôi suốt hơn 3 giờ đồng hồ. Bao nhiêu thắc mắc được dịp đưa ra hỏi Thầy. Từ truyện văn học lịch sử, đến truyện người, truyện vật, truyện xưa truyện nay, GS đều giải đáp một cách thỏa đáng. Sau bao biến đổi của cuộc sống, với tuổi 95, nhiều cụ đã lú lẫn, nhưng GS vẫn giữ được trí nhớ thật tốt. Chúng tôi thường nói với nhau, GS là cuốn **Bách Khoa tự điển sống**. Rất

vinh hạnh cho anh em CVABC chúng tôi được cư ngụ ở gần GS. Khi tra cứu điều gì không được, lại tìm đến thỉnh ý Thầy.

Có lần tôi muốn tìm kiếm nguyên bản “**thất trăm số**” của cụ Chu Văn An dâng lên vua Trần Dụ Tông (1341-1369) để xin chém 7 kẻ lộng thần. Chúng ta ai cũng biết CVA là một vị quan thanh liêm, cương trực. Vua Trần không nghe, CVA xin từ quan về quê nhà mở trường dạy học. Sử sách mà tôi được đọc chỉ ghi sơ sài như thế. Làm sao tìm ra nguyên bản **Thất trăm số**. Làm sao tìm ra tên tuổi, chức tước của 7 kẻ gian thần đó. Tra cứu khắp nơi không thấy giải đáp, tôi đành phải cầu cứu GS Nguyễn Khắc Kham. Thầy nói: ***Thất trăm số của ông Chu An (theo gs, không có ai tên Chu Văn An cả, tên đúng là Chu An hay có thể là Chu Văn Trinh) dâng lên vua nhà Trần nay không thấy lưu truyền, có thể bị thất lạc hoặc đã bị tiêu hủy. Tên tuổi của 7 người đó cũng trong tình trạng như vậy.*** Thế là tôi yên trí, không phải mất công tìm tòi ở đâu nữa. Tuy nhiên qua câu chuyện **Thất trăm số** của người xưa làm ngày nay tôi tự nghĩ, với chế độ dân chủ, tự do như ở Hoa Kỳ ngày nay thì những người như cụ CVA có phải dâng sớ tâu trình lên Tổng thống không. Không. Cứ việc tố cáo qua báo chí, qua quốc hội. Ngay cả Tổng thống có tội cũng bị pháp luật trừng trị, hưởng hồ gì chỉ là vài tên quan chức lộng quyền đàn áp dân lành. Rồi đến đây tôi lại thắc mắc, nếu như câu chuyện dâng sớ của cụ CVA mà xảy ra ở VN hiện nay thì sao? cụ CVA có được yên ổn mà về quê mở trường dạy học không? Hay xã hội đen đến đến hỏi thăm sức khoẻ?

## THƯ VIỆN CỦA GS NGUYỄN KHẮC KHAM.-

Tôi gọi là thư viện để nói lên số lượng sách hiếm quý trong tủ sách của GS. Phần lớn là sách báo về văn học VN, dù mọi thứ tiếng Việt, Pháp, Anh, Hoa, Nhật... Một số báo chí rất xa xưa xuất bản tại VN bằng tiếng Việt, như Đại Nam Đăng Cổ Tùng báo, Lục Tỉnh Tân Văn, Đông Dương tạp chí, Nam Phong tạp chí... hay tiếng Pháp như Notre Journal, Notre Revue, L’Annam Nouveau... còn lưu giữ trong thư viện của GS. Tiếc rằng, theo GS, phần lớn các tài liệu đó còn nằm trong thùng, chưa được sắp xếp lại thứ tự, giấy biến màu vàng và chữ rất khó đọc.

Nói đến thư viện sách báo tiếng Việt ở vùng bắc Cali này, tôi còn được biết đến từ sách gia đình rất phong phú và giá trị của cụ Nguyễn Huy Trục, một nhiếp ảnh gia danh tiếng với những cuộc triển lãm ảnh nghệ thuật phong cảnh quê hương, một giáo sư nhiếp ảnh cho các lớp ảnh nghệ thuật tại hội Việt Mỹ / Sài Gòn và các lớp ảnh tại hải ngoại. Cụ còn là một nhà nghiên cứu văn hóa VN với các bài khảo cứu viết về di tích lịch sử rất công phu.

Tôi chưa mượn được quyển sách nào từ tủ sách của GS Nguyễn Khắc Kham vì muốn tìm kiếm điều gì, hỏi GS là được giải đáp ngay. Còn từ thư viện của nhiếp ảnh gia Nguyễn Huy Trục, đã nhiều lần tôi mượn mang sách về nhà. Quyển nào cũng được dán nhãn "*From the library of Nguyễn Huy Trục*". Cụ sắp xếp thứ tự, tổ chức khoa học. Trong thư viện, chung quanh 4 vách tường, sách trên kệ chất cao đến trần nhà. Có ghé để với cao như trong các thư viện lớn. Cách đây hơn một năm, vài sinh viên VN trong nhóm Việt học tình nguyện mỗi cuối tuần đến thư viện Nguyễn Huy Trục để giúp phân loại sách báo theo từng bộ môn, đánh số thứ tự, hệ thống hóa các dữ kiện cho vào máy điện toán. Mượn, trả đều có sổ sách ký nhận. Nhiều sách chưa thấy bày bán trong các tiệm sách địa phương, thế mà thư viện Nguyễn Huy Trục đã có. Suốt ngày Cụ bận rộn, vất vả mà vui với công việc phụng sự văn học nghệ thuật. Nhưng dạo gần đây, sức khỏe Cụ đã không cho phép.

## TIỂU SỬ VÀ CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA GS.

GS Nguyễn Khắc Kham sinh ngày 23 tháng 12 năm 1910 tại Hà Nội. Như vậy GS cùng tuổi Canh Tuất (1910) với ông Ngô Đình Nhu và ông Hồ Hữu Tường? *Không, thật sự tuổi ta tôi sinh năm Mậu Thân (1908)*. Năm Mậu Thân 1968, Cụ vừa tròn một vòng con Giáp. Trong thời gian VC tổng công kích vào các đô thị lớn miền Nam Tết Mậu Thân, GS đang công tác tại Nhật Bản. Cụ tổ tam đại vốn gốc họ Nguyễn Doãn, sinh quán xã An Diêm, huyện Thiện Lộc, phủ Đức Quang, Xứ Nghệ An. Thân phụ GS là nhà báo Nguyễn Văn Luận, cùng thời với nhà báo Nguyễn Văn Vĩnh. GS có một trai (sống ở Pháp) và 4 gái (2 người ở Hoa Kỳ).

GS cho biết :Hai người con gái còn ở VN và ngôi nhà của ông thân tôi tại Hà Nội, hiện nay Nông Đức Mạnh đang chiếm ngụ.

Đậu cử nhân văn khoa và cử nhân luật khoa tại Paris năm 1934. Về VN làm giáo sư hoặc kiêm nhiệm hiệu trưởng một số trường trung học tại Hà Nội. Hội viên ban văn học hội Khai Trí Tiến Đức. Viết báo với bút hiệu Lãng Hồ hay một vài bút hiệu khác cho các báo L'Annam Nouveau, La Patrie Annamite, Tiểu Thuyết Thứ Bảy, Trung Bắc Tân Văn, Trung Bắc Chủ Nhật. Chủ nhiệm Báo Mới, Hà Nội. Từ 1946 tản cư về vùng quê Việt Bắc. Trở lại Hà Nội năm 1952, giảng viên đại học Văn Khoa và hiệu trưởng trung học tư thục Minh Tân và Văn Hóa ở Hà Nội. Di cư vào Nam năm 1954, giáo sư các trường trung học Petrus Ký, CVA, đại học Văn Khoa Sài Gòn, Huế, Vạn Hạnh, Cao Đăng Sư Phạm, Đại Học Sư Phạm. Sau lần lượt giữ các chức vụ Xứ lý Giám Đốc Viện Khảo Cổ, Giám Đốc Nha Văn Hóa kiêm tổng thư ký Ủy Hội Quốc Gia UNESCO. Ngoài ra GS còn giữ nhiều chức vụ trong các cơ quan văn hóa, trong các phái đoàn tham dự hội nghị quốc tế. Tháng 9/1967 CỤ sang Nhật làm Giáo sư biệt thỉnh, sau được vinh thăng Giáo Sư thực thụ tại đại học Ngoại ngữ Tokyo. CỤ về hưu năm 1974. Đến tháng 4/1975 miền Nam VN rơi nốt vào tay CS. CỤ nghĩ ở Nhật cũng không an toàn với các quốc gia CS bao quanh, CỤ quyết định cùng phu nhân người Nhật (người mà cùng với GS di cư từ Bắc vào Nam năm 1954) xin tị nạn sang Pháp với con trai (1975) rồi năm 1976 sang Mỹ đoàn tụ với con gái .

Công trình trước tác văn học của GS Nguyễn Khắc Kham rất nhiều bằng các thứ tiếng Việt, Pháp, Anh, Nhật. (Chi tiết có thể tham khảo trong **Tuyển Tập Ngôn Ngữ và Văn Học VN** số 2 Tập I, Dòng Việt 1994 ).

## VÀI HÌNH ẢNH ĐÁNG NHỚ.-

Hình ảnh hai cụ già Á Đông, cụ Ông đội mũ, chống gậy đi trước, cụ Bà xách túi theo sau. Hình ảnh quen thuộc nơi quy tụ đông đảo người Việt tị nạn tại thung lũng điện tử San Jose, bắc Cali. Dáng nghiêng nghiêng về phía trước, chậm chạp đi từng bước một. Từ đằng xa, tôi đã nhận ra GS Nguyễn Khắc Kham và

Phu nhân. Lái xe vào lề đường, bước xuống chấp tay kính cẩn chào Thầy Cô.

- *Kính Thầy Cô, Thưa Thầy Cô đi đâu đây ạ?*

Thầy Cô dừng lại, ngẩng lên và nhận ra tôi:

- *Chúng tôi đi đến nhà GS Lưu Khôn.*

- *Kính mời Thầy Cô lên xe con đưa đến nhà GS Lưu Khôn.*

Đến nơi, ông bà Lưu Khôn đã chờ sẵn trước cửa để chào đón (vì đã được điện thoại trước của Thầy Kham) và dẫn chúng tôi vào thang máy đưa lên nhà ở lầu hai. Chưa ngồi xuống ghế, Cô đã lấy từ trong túi xách ra cân bánh trung thu đưa biểu OB Lưu Khôn (Thầy cô biểu lại vì tết nào trò Lưu Khôn cũng đến tết Thầy Kham). Ông bà chủ nhà cảm động và không thể chối từ được, nghiêng người trang trọng đỡ lấy hộp bánh đầy tình sư đệ.

- *Thầy Cô còn mất công mang đến cho chúng con. Chúng con xin cảm ơn Thầy Cô.*

GS Lưu Khôn từng là môn đệ của GS Nguyễn Khắc Kham. Thế là bữa đó tôi được hầu chuyện hai vị GS khả kính đã một thời cùng giảng dạy tại đại học Văn Khoa Sài Gòn và lại có dịp thưởng thức bánh trung thu của Thầy Cô Nguyễn Khắc Kham và trà tàu của Ông Bà Lưu Khôn.

Hình ảnh thứ hai mà tôi nhớ mãi là lối chào theo kiểu Nhật Bản của giáo sư phu nhân. Mỗi khi tiễn đưa khách ra về, GS và phu nhân ra tận ngoài cửa, thân mật, chân tình từ giã khách. Hai tay chấp lại, lưng hơi vòng về phía trước, Cô gật đầu chào khách, đúng cung cách của người phụ nữ Nhật Bản thời xưa. Một hình ảnh rất đẹp, rất quý phái. Chúng tôi vào hàng con cháu, đáp lễ bằng cách cũng chấp tay, cúi đầu, lưng cong xuống thấp hơn một chút. Có lần Cô còn chạy ra sân sau hái mấy trái lê chín trao cho chúng tôi khi ra về. Lần nào cũng vậy, xe ra tới đầu khúc rẽ, chúng tôi ngoái lại vẫn thấy Thầy Cô còn đứng trước cửa nhìn theo. Hình ảnh đáng yêu, đáng kính đó của hai thân hình bé nhỏ mang nặng trên lưng công lớp lớp thời gian và khối dày kiến thức đã in đậm trong tâm trí tôi, làm sao có thể quên được. Cầu mong Thầy Cô luôn luôn khỏe mạnh, vui sống bên con cháu và các môn đệ của Thầy.

## VÀI LỜI NHẮN NHỦ CỦA THẦY.-

## **T**hu thập tiểu sử và các công trình trước tác của các GS. CVA,

Thầy đề nghị, ưu tiên những vị quá cố. Chúng tôi xin ghi nhận. Hiện nay tôi thấy một vài website CVA đã in hình và tiểu sử một số giáo sư. Tuy chưa đầy đủ nhưng bước đầu cũng là điều đáng khích lệ.

### **Thư viện CVA.**

Đây là mong muốn của chúng tôi. Mấy lần trước Thầy cũng nhắc nhở như vậy. Thu thập các tác phẩm của các GS, các học sinh CVA. Từ ngày thành lập tới nay, gần 100 năm, biết bao công trình nghiên cứu, trước tác của các thành viên CVA. Bây giờ làm sao thu thập, lưu giữ, điều hành? Thật là nan giải, với thành phần nhân sự quá ít ỏi và phương tiện hầu như không có gì. Mong muốn như vậy nhưng thực hiện không phải dễ. Cần sự tiếp tay của nhiều người. Hy vọng trong tương lai gần đây, các cựu môn sinh của GS cùng với các cựu học sinh CVA cố gắng để có thể thực hiện phần nào những gì mà các bậc Thầy của chúng ta như GS Nguyễn Khắc Kham đã nhắc nhở. Và gần đây, nghe nói một thư viện của trung tâm Việt Học tại thủ đô người Việt tị nạn, vùng quận Cam, Nam California, đã đi vào hoạt động. Thật đáng ca ngợi.



### **VÀI HÌNH ẢNH VỀ THẦY:**

**Gs Nguyễn Khắc Kham**  
(chụp ngày thăm Thầy 9/2003)

**Gs Nguyễn Khắc Kham và phu nhân** (ngồi) chụp với vợ chồng trò Lưu Khôn và vợ chồng trò Nguyễn Như Hùng (tháng 12/2002)



**HÌNH ẢNH LƯU NIỆM THẦY CÔ LƯU KHÔN**







**NGUYỄN NHUNG**

*(Houston - Texas)*

## CĂN GÁC ĐÌU HIU

Hình như dĩ vãng không hề tách rời khỏi tâm hồn Đoàn, mỗi lần nghĩ về những khoảnh đời cũ, Đoàn lại nhớ như in căn gác lừng mái tôn có cái trần thấp lè tè, một thế giới đầy kỷ niệm của những ngày trẻ tuổi. Mỗi lần bước lên gác, chàng lại phải khom mình xuống, để tránh đụng đầu vào cây kèo trên căn gác chật hẹp ấy.

Thế nhưng, căn gác thấp tuy nhỏ bé lại là cả một giang sơn của một cậu học sinh thời Trung học, có một chiếc bàn nhỏ làm bàn học, vút đây những bản nhạc mua được bằng những đồng tiền dành dụm quả sáng.

Chiếc kệ bằng gỗ tạp xếp nghiêng nghiêng những cuốn sách học, những tập vở, lẫn lộn vào đó là vài cuốn tiểu thuyết, hay một vài bài thơ viết dở dang. Rồi khi thêm được cây đàn, ngoài những lúc đi vắng, căn gác nhỏ là cả một thế giới âm thanh của tuổi trẻ và tình yêu. Những ngày với bạn bè lang thang ngòai quán cà phê ngắm những tà áo màu tung bay trên hè phố, khuôn viên trường Đại học, hay khi chỉ một mình trong căn gác thấp và tối, âm nhạc quả là thế giới kỳ diệu để tuổi trẻ tạm quên đi nỗi buồn chiến tranh. Đi xa nhiều năm, trở về căn gác nhỏ của mình, Đoàn vẫn thấy xúc động khi có dịp sống lại với những kỷ niệm cũ, và trong đời chàng, có lẽ khoảng thời gian ấy, là thời gian đẹp nhất trong cuộc đời, khi bỏ lại đời sinh viên, xa khung trời Đại học, chọn binh nghiệp làm hướng đi của người trai thế hệ. Thế hệ của chiến tranh, của những đêm nhìn ánh hỏa châu lơ lửng trên vùng đêm đen ở phía xa thành phố, của những ngày đi học nhìn bạn bè chuẩn bị lên đường nhập

ngũ, Đoàn đã có lúc nghĩ, thế nào rồi cũng tới lượt mình. Không có chọn lựa nào khác thì đành là phải chọn lựa thôi, nếu như bảo rằng vì say mê binh nghiệp, già từ nếp áo sinh viên để lẫn mình vào chỗ chết, chưa chắc lúc ấy Đoàn đã có ý nghĩ đó. Nhưng khi bước chân vào đời quân ngũ, tự nhiên hoàn cảnh đưa đẩy, khiến chàng phải xác định lại chỗ đứng của mình, nhất là khi có những người bạn nằm xuống lúc tuổi còn đang độ thanh xuân.

Bấy giờ thì căn gác của Đoàn thật sự buồn hiu vì sự vắng mặt của chàng, để mỗi lần về phép trong đời lính, khi nhìn lại những đồ vật quen thuộc trên căn gác xếp, lòng chàng vẫn vu vơ nổi nhớ đằm thắm của một thời hoa mộng. Chàng hay lẩn thẩn nhìn mặt bàn, chiếc ghế, băng khuâng nhớ đến dáng ngồi khép nép và mái tóc dài của người bạn gái cùng lớp, chiếc cặp tóc bỏ quên trên mặt bàn khi ra về, Đoàn vẫn giữ gìn nâng niu như một kỷ niệm khó phai. Ít ra cũng có một chút gì để nhớ. Sau này khi ra đơn vị, đóng quân ở Pleiku, thành phố có những con đường quanh co gió núi với mây mù, đi loanh quanh một buổi chiều đã hết mấy con đường của thị xã. Ly cà phê đậm đắng, ngời lơ mơ với điệu thuốc rồi thả hồn theo những tiếng hát, Đoàn lại thú vị vì biết đời vẫn rất cần có những nỗi nhớ dịu dàng như vậy.

Những ngày cuối cùng của cuộc chiến, chạy thực mạng theo đoàn quân đổ về phương Nam. Suốt một đời làm lính Đoàn chưa bao giờ khóc, ngay cả phút chia tay với bạn bè sau bốn năm ở quân trường, thế mà những ngày cuối tháng Tư năm ấy, nó cứ in vào lòng chàng một nỗi buồn ray rứt khôn nguôi. Làm sao quên được chặng đường thương khó đầy máu và nước mắt, Đoàn bắt gặp hình ảnh người vợ lính, một mình tay bồng tay dắt mấy đứa con nhỏ để chạy theo đoàn quân lui về phương Nam. Để rồi trên một chặng nghỉ chân, người vợ lính ấy gào khóc thảm thiết đến tuyệt vọng khi đưa con bốn tuổi đã lạc mắt trong dòng người hỗn độn... Lúc đó, tự nhiên nước mắt Đoàn cứ tuôn như mưa trên đôi gò má sạm đi vì nắng bụi, sự đổ vỡ tan tác của gia đình người lính trong thời loạn, đã trở thành nỗi buồn khó phai trong lòng chàng mãi mãi về sau...

Tưởng như một phép lạ khi Đoàn lại trở về với căn gác nhỏ, sau những ngày dài đói khát vượt rừng bằng đôi chân không đau buốt, đem theo cái buồn u uất lẫn với nỗi phẫn hận khiến chàng

mệt mỏi, nằm vùi trên chiếc giường nhỏ. Vật vờ vì con sốt chột đến chột đi, bao nhiêu nhiệt huyết của tuổi trẻ dường như cũng theo đó mà sụp đổ. Nhìn qua khung cửa sổ bé tí trên căn gác tối, một nửa vầng trăng và những ánh sao đêm ấy sao lạnh lẽo quá chừng, chưa bao giờ chàng cảm thấy cô đơn bằng lúc ấy. Cơ thể mệt mỏi rã rời, tâm hồn trống rỗng hụt hẫng, tất cả thực tại hình như trong thoáng chốc đã biến mất, như có như không, những bạn bè năm cũ, những gương mặt đồng đội bỗng dung lại có thể nhanh chóng biến thành những bóng ma dật dờ sau con đồng thiếp chiến tranh...

Để rồi sau cuộc đời đời đó, người lính biến thành người tù còn nhận thêm những cay đắng của thân "cá chậu chim lồng". Cái hào khí ngất lửa năm xưa tạm nằm im để chịu đựng thêm những nhục nhằn, cơ cực. Cuối cùng, Đoàn đã trở về căn gác cũ của mình sau ba năm xa vắng, nó vẫn cho chàng đây ấp cảm giác được trở về căn nhà xưa, như người bạn tình chung không hề thay lòng đổi dạ.

**Đ**ời đã bước qua một bước ngoặt, thế nào đi nữa Đoàn vẫn phải có một việc làm để mưu sinh. Không phải lúc để chọn lựa, vì trước mắt chàng tương lai hoàn toàn không có. Có chăng là phải thoát ra khỏi cuộc đời đầy bóng tối vây bủa những tù ngục vô hình, lúc nào cũng lớn vồn trong chàng ý muốn được đi xa. Có những đêm khuya Đoàn cố nằm im đợi giấc ngủ, bỗng chàng chột ngồi bật dậy, một luồng hơi tức nghẹn trong lồng ngực khiến mắt chàng cay cay, rồi cứ vậy chập chờn suốt đêm khuya...

Không còn làm gì được nữa, thôi thì đành chấp nhận hoàn cảnh rồi đời muốn ra sao thì ra. Ngày hôm sau Đoàn đạp xe lang thang đi tìm những người bạn cũ đồng cảnh, may mắn sao chàng lại tìm được một việc làm tương đối thích hợp. Đó là vẽ mặt cho những con búp bê biết cười bằng gỗ, một thứ đồ chơi tiểu công nghệ rẻ tiền cho trẻ con, dựa vào những câu chuyện cổ tích thần thoại Liên Xô đang được hâm mộ lúc bấy giờ.

Lúc nhận việc, Đoàn vẫn hóm hỉnh nghĩ đến cái tương phản của công việc với tâm hồn mình lúc ấy, vẽ mặt người cười trong khi mặt chàng lúc nào cũng muốn méo xệch đi vì thất vọng. Người ta đang ru ngủ những đứa trẻ thơ, để tin rằng vẫn có những mơ

ước trong cái cõi đời đầy bấp bọm, riêng với Đoàn, chắc khó tìm lại được niềm tin khi vừa trải qua nhiều tháng ngày vật lộn với tù tội, đói khát. Nhưng cũng thời gian ấy, trong nỗi buồn miên man, Đoàn mơ hồ rằng giữa lúc cuộc đời đến tận cùng bằng số, chàng vẫn có một mối tình để nhớ.

Công việc quả không cực nhọc gì, bề bộn quanh mình là những con búp bê bằng gỗ đang chờ được chàng vẽ phác một nụ cười. Nhân vật là thằng bé có cái mũi dài, cô bé Lộ Lem, công chúa với hoàng tử, mũ phù thủy và những vị "Thần Thánh" râu tóc bạc phơ. Mỗi lần ngồi tô điểm nụ cười cho những nhân vật không có thật ấy, Đoàn cảm tưởng mình cũng quên được phần nào nỗi buồn của thực tại.

Được phân công làm việc chung với một cô bé, có lẽ thua chàng đến gần chục tuổi, vì thế mà cô ta gọi Đoàn bằng chú. Thật tình lúc ban đầu, chàng cũng thích lối xưng hô ấy, khi Tâm cho Đoàn biết bố cô cũng là một sĩ quan Đà Lạt lớp đàn anh, đang bị tập trung cải tạo. Và bây giờ vì hoàn cảnh sống, Tâm phải bỏ học đi làm để tiếp mẹ nuôi lũ em còn bé dại. Sau thấy Đoàn còn trẻ, lại độc thân, Tâm tự nhiên thay đổi lối xưng hô. Như một người anh lớn, Đoàn thường chỉ vẽ thêm cho Tâm cách tô điểm sao cho những con búp bê, mỗi con một vẻ đầy tính cách nghệ thuật. Tự nhiên Đoàn có cảm tưởng hai người rất gần nhau, vì họ có chung một cảnh đời bất hạnh như nhau.

Tâm cũng khéo tay, từ từ đã vẽ được đôi mắt và chiếc mũi xinh xinh cho những con búp bê gỗ, rồi đẩy qua Đoàn để chàng vẽ vào đó một cái miệng cười. Có lần Đoàn vừa vẽ, vừa nhìn đôi môi chúm chím cười trên khuôn mặt còn đầy nét thơ ngây của Tâm, chàng bỗng liên tưởng đến nụ cười xinh xinh của cô bé Lộ Lem trong cổ tích. Tự nhiên Đoàn hy vọng, một ngày nào đó cô bé Lộ Lem đang ngồi trước mặt chàng, sẽ có thể biến thành một công chúa.

Để rồi từ đấy với một tâm hồn nghệ sĩ, mỗi khi vẽ nụ cười cho búp bê, chàng lại có cảm tưởng mình đang vẽ nụ cười của Tâm, nhờ thế mà khuôn mặt của những con búp bê sinh động hẳn lên, đến nỗi ai nhìn qua cũng đều tấm tắc khen đôi tay tài hoa của chàng. Anh bạn cũ cũng là chủ nhân của cơ sở sản xuất búp bê thật tinh mắt, anh đã nhìn ra được tâm hồn bạn mình gửi gắm qua

những nụ cười búp bê, đôi khi anh ta hay nhìn Đoàn rồi nheo mắt cười thông cảm.

Chuyện vẫn chỉ là thế nếu không có lần hai người cùng làm việc chung, Đoàn bất chợt nghe Tâm hát. Nàng hát nhỏ thôi nhưng vì lúc ấy trời mưa, mưa nhỏ thôi nhưng không gian chùng như giăng giăng những cụm buồn trên nền trời đầy mây xám, chỉ có tiếng mưa vẫn rích rích nhỏ giọt xuống hàng hiên ẩm ướt bên ngoài khung cửa. Tự nhiên Đoàn xúc động, lâu lắm rồi chàng bỗng nghe lại một tiếng hát, hay là một bài hát mà chàng thích, trong những buổi chiều ẩm ướt ngồi uống cà phê nơi thành phố gió núi và bụi đỏ ngày xưa. Giọng hát Tâm còn non nớt, không điêu luyện lắm, nhưng bản nhạc vô tình lại khiến Đoàn xúc động:

*"Phố núi cao, phố núi đầy sương. Phố núi cây xanh, trời thấp thật buồn. Anh khách lạ đi lên đi xuống, may mà có em, đời còn dễ thương. Em Pleiku, má đỏ môi hồng, ở đây buổi chiều, quanh năm mùa Đông, nên mắt em ướt, và tóc em ướt, nên em mềm như mây chiều trôi..."*

Chàng buông cây cọ trên tay, thẫn thờ nhìn ra khung cửa sổ, những sợi mưa mỏng đan nghiêng nghiêng làm không gian càng ẩm ướt một nỗi buồn. Giá như có cây "guitare" để đệm theo tiếng hát buồn buồn của Tâm trong buổi chiều hôm đó, có lẽ hạnh phúc đối với Đoàn chỉ có vậy. Không biết Tâm có cảm được bản nhạc cô vừa hát đã khiến Đoàn xúc động đến thế không, nhưng khi thấy Đoàn im lặng lắng nghe, cô bé đang hát bỗng bẽn lẽn ngồi im, khiến chàng phải lên tiếng:

"Tâm hát hay lắm. Bản nhạc này khiến tôi nhớ nhiều đến một thành phố cũ..."

Vốn ít nói, Đoàn cũng chỉ nói tới đó rồi thôi, những nỗi buồn chàng vẫn thường hay giữ lấy một mình, như những lá thư tình tuổi học trò chàng gửi vào đầy bao nỗi nhớ nhưng, để rồi nó vẫn không bao giờ được gửi đi cho người nhận. Tâm vẫn vừa chăm chỉ tô những đường nét trên khuôn mặt búp bê, sơn phết lại áo quần cho nhân vật trong phim "**Mười hai vị Thần Tháng**", vừa hát nhỏ nhỏ "... may mà có em, đời còn dễ thương...", khiến Đoàn tùm tùm cười, thầm ao ước rằng câu hát ấy được Tâm dành riêng cho chàng trong buổi chiều nay. Chàng bỗng dung chợt nhớ đến mấy vần thơ thật dễ thương của một cô bé chàng quen thời đi học, mỗi

chiều tan trường đi ngang nhà, vẫn lắng nghe tiếng đàn "guitare" của chàng vọng xuống từ mái hiên căn gác nhỏ. Rồi khi chàng nhập ngũ, Đoàn có nhận được mấy vần thơ trước lúc lên đường, như một lời tỏ tình rất dễ thương:

*"Chắc anh người trai trẻ,  
Đã lên đường tòng quân,  
Đường đi ra chiến trận,  
Có mang đàn theo không?"*

Bây giờ ngồi làm việc chung với Tâm, càng gần gũi với những nhân vật trong huyền thoại cổ tích, cô bé cũng như Đoàn, đã có lúc đắm hồn vào những mơ ước của mộng ảo, dễ quên đi nỗi buồn thực tại. Có lần Đoàn đã thân mật nói với Tâm, bằng sự chân thành nhất của lòng mình:

"Lắm khi nghĩ lại thấy công việc của tụi mình rất buồn cười. Đời thì buồn nẫu ruột ra vì không có tương lai, thế mà ngày nào cũng sống trong thế giới mơ ước của công lý, kẻ ác phải đền tội, người hiền sẽ được hạnh phúc. Thế mà đời vẫn không là vậy...".

Ngày nào cũng như ngày nấy, công việc chỉ có vậy, mà cũng không phải dễ để có việc làm đều đặn hoài như thế. Những con búp bê bằng gỗ xinh đẹp biết cười sắp hết thời, đám trẻ nhỏ chắc cũng không tin tưởng lắm vào đôi đũa thần của sự mơ ước. Như Đoàn và Tâm lúc ấy, cũng phập phồng nghĩ tới một hôm nào đó, sẽ không còn việc làm để nuôi thân và giúp đỡ gia đình...

Tất cả đều trở thành thói quen, dù sự đau khổ hay nỗi cô đơn, nó cũng sẽ chỉ là thói quen khi con người đã quen chịu đựng nó, hưởng gì mỗi ngày được làm việc chung với một cô bé dễ thương như Tâm, đã cuốn hút Đoàn vào nỗi đam mê vốn có sẵn không rời ra được. Nhìn Tâm, Đoàn bỗng nhớ da diết khung trời Đà Lạt mà những mối tình ở lại, cũng mong manh như những sợi tơ trời lẳng đàng trên nền trời xanh biếc. Chàng mơ hồ mình đã yêu, rồi lại dối lòng bảo rằng khi không chạnh nghĩ tới thực tại. Chàng có gì để dám ngỏ thật với Tâm là thực sự chàng đang muốn chia xẻ với cô bé, những khó khăn trong cuộc sống hiện tại. Chắc chỉ trong đêm khuya nằm trần trọc chờ giấc ngủ trong căn gác nhỏ, Đoàn vẫn thấy hình ảnh Tâm lúc nào cũng lửng lơ trong tâm trí. Trong chàng như có hai con người lẫn lộn, giữa tình cảm và lý trí. Một đứa như bảo chàng, làm sao khi yêu còn kiểm soát nổi nhịp đập

của trái tim, thế nhưng tiếng nói của đũa kia mạnh mẽ hơn, thực tế hơn khi lời chàng trở về với hiện tại, bảo chàng phải đi đâu đó, phải tìm một cái gì đó. Cuối cùng chàng cũng mơ hồ hiểu rằng đó là niềm khao khát được thở một chút không khí tự do mà chàng đã mất. . .

Với những mâu thuẫn nội tâm, có lẽ cả đời Đoàn vẫn chưa nói hết được điều hay ho, dù con tim chàng nó xúi bẩy chàng nói đi, sống thật đi kéo hết một đời cũng vậy thôi. Thời gian cứ lặng lẽ trôi đi, Đoàn chưa nói được gì thì chính Tâm lại là người nói trước. Đoàn vẫn không bao giờ quên chiều hôm ấy, lúc hai người cùng cúi làm việc chung với nhau thì Tâm bỗng thở dài rồi nói khẽ:

"Anh em mình sắp xa nhau rồi".

Đoàn thảng thốt nhìn Tâm, nhưng vẫn im lặng. Đôi mắt Tâm thật buồn, chẳng bao giờ chàng quên nỗi đôi mắt u uẩn như còn đọng đầy một hồ lệ. Tâm nói tiếp, rất nhỏ như một cơn gió thoảng:

"Tâm sắp đi rồi...".

Chữ "Đi" lúc này có nghĩa là ly biệt, và khó có ngày gặp lại. Đi là đi tìm tương lai ở một vùng trời xa lạ, nhưng chữ "Đi" vẫn có nghĩa là sắp bước vào một đoạn đời chông chênh đầy bão tố, một sông một chết, một mất một còn, hay tệ hơn là trước khi tìm thấy tương lai, đã phải đánh đổi bằng nhiều mất mát. Lúc ấy, không hiểu sao khi nghe Tâm nói, Đoàn lại chỉ nói:

"Nếu đi được thì cũng nên đi, nhưng phải cẩn thận...".

Tâm lắc đầu, mái tóc nàng thoảng mùi hương bồ kết. Giọng Tâm trầm xuống gần như muốn khóc:

"Nếu chỉ đi thôi thì đã không có gì để nói, nhưng...".

Đoàn ngắt lời Tâm với nỗi lo sợ lẫn xót xa:

"Nhưng làm sao hở Tâm?"

Rồi chàng chờ đợi, như chàng sợ sắp sửa phải nghe Tâm nói điều gì đó mà chàng mong đợi, mà lại hoàn toàn không biết sẽ trả lời ra sao. Nhưng Tâm chỉ buồn buồn bảo Đoàn:

"Tâm sắp đi, nhưng trước khi đi thì phải lấy chồng đã. Người ta muốn vậy, đời luôn luôn là sự đổi chác".

Gần như choáng váng vì câu nói của Tâm, nó lạnh lẽo như nước đá dù cô bé đang đề cập đến chuyện quan trọng trong đời mình. Đoàn hỏi lại:

"Sao lại như thế?"

Tâm mím chặt đôi môi như để giữ lại nỗi xúc động, mà lại có vẻ liêu lĩnh khi chấp nhận một sự thật ê chề:

"Bố đang bị tù, mẹ không biết làm gì để nuôi được các em, chỉ còn cách là phải đi thì mới đem lại niềm hy vọng cho gia đình. Nhưng khả năng lại không có, chỉ còn cách này thôi. Họ có phương tiện, còn mình thì không, nhưng không chấp nhận thì không còn con đường nào nữa".

Đoàn hiểu, lòng quặn lên nỗi thương cảm. Cô con gái của một người sĩ quan chế độ cũ, đã có một quyết định quyết liệt dù rằng cô hiểu niềm hy vọng đó có thể làm tan nát trái tim cô. Người cha giờ này đang mịt mù nơi rừng sâu núi thẳm, trong một trại tù nào đó tuốt ngoài miền Bắc, chắc hẳn những lá thư gửi về đã xa gần hẳn gửi đến vợ con điều mong mỏi của ông...

Chiều hôm đó, lần đầu tiên hai người đạp xe đi bên nhau đến một quán cà phê vắng, nói nốt câu chuyện dở dang mà có lẽ sau này không bao giờ có dịp nói nữa. Đoàn vẫn nhớ giọng nói dịu dàng của Tâm, khi cô se se những sợi tóc vương trên chiếc áo trắng:

"Anh Đoàn nhỉ? Có những điều người ta không cần nói ra, mà vẫn hiểu là đã nhận, đã nghe. Tâm rất mến anh, nhất là hôm vô tình anh lắng nghe Tâm hát. Đúng là đời dù có tàn tạ tới đâu, vẫn cần giữ cho mình một chỗ riêng để nhớ. Mai một dù đi đâu, ở đâu, Tâm vẫn không bao giờ quên anh...".

Lúc ấy Đoàn cũng chỉ muốn nói: *"Anh cũng thế, anh cũng sẽ không bao giờ quên em, cô em bé bỏng dễ thương của anh"*. Nghĩ thế nhưng Đoàn vẫn không nói được, nhưng chàng hiểu chỉ nhìn vào mắt chàng, Tâm có thể nhận hết những gì chàng đang nghĩ trong lòng.

Buổi chiều trong quán cà phê vắng, tự nhiên Đoàn thèm nghe tiếng hát của Tâm, với bản nhạc vô tình nhắc nhở Đoàn những ngày cuối cùng của một người lính tâm hồn nhiều mộng mơ, quán cà phê và con đường Hai Bà Trưng ở Pleiku, những buổi chiều mùa Đông lẩn khuất trong hàng cây ven đường.

Chiều bỗng dưng đổ mưa, Đoàn trầm ngâm nhìn khói thuốc bay trong không gian mờ tối, trong khi Tâm âu yếm bỏ đường vào ly cà phê cho Đoàn, rồi nhấp môi nếm thử. Có lẽ những giờ cuối còn ngồi bên nhau, không biết ngày mai đời sẽ như thế nào, Tâm



muốn dành riêng cho Đoàn chút êm dịu của một mối tình không ngờ được. Không biết nghĩ sao, Đoàn nhìn vào đôi mắt Tâm, cảm ly cà phê đặt môi mình vào chỗ đôi môi của Tâm vừa nhấp, tưởng như chàng vừa đặt một nụ hôn lên đôi môi xinh xinh của nàng. Đôi mắt họ bối rối nhìn nhau, cho đến suốt cả đời, chàng vẫn không bao giờ quên được đôi mắt Tâm chiều hôm ấy...

Những ngày sau đó, Tâm không còn đến Tổ Hợp Búp Bê để làm việc, Đoàn một mình làm hết những công việc cho khuôn mặt búp bê, nhưng lòng hoàn toàn trống rỗng để không làm sao vẽ trọn vẹn một nụ cười. Những nụ cười vui tươi, xinh xinh trước kia được chàng say sưa, nắn nót để tô điểm, nay cứ méo xệch đi như sắp khóc. Cứ mỗi lần vẽ nụ cười cho con búp bê gỗ, tùy theo khuôn mặt của nó, chàng lại thấy mắt mình cay cay, nhòe đi như không nhìn rõ được gì nữa...

Chắc chắn rằng Đoàn không còn hứng thú gì để tiếp tục công việc này, dù nó cũng giúp cho chàng ngày hai bữa cơm, thêm thất vào đời sống gia đình cho cha mẹ. Sự ra đi của Tâm đã mang theo tất cả niềm hy vọng màu xanh vừa hồi sinh trong trái tim chàng, khiến Đoàn buồn rã rượi. Làm sao đời lại chỉ là những bất hạnh này tiếp nối những bất hạnh khác, nhất là điều ấy lại xảy ra với một cô gái vừa ngỡ ngàng bước vào đời như Tâm, đã phải chua chát chấp nhận hoàn cảnh đau xót ấy. Những bế tắc của đời sống hiện tại, khiến người ta chỉ nghĩ đến chuyện thoát ra, mà không biết những bất hạnh đang rình rập ở phía trước.

Đoàn vẫn cầu nguyện cho Tâm gặp nhiều may mắn trên con đường vượt biển đầy hiểm nguy và bão tố. Không lẽ ông Trời lại nghiệt ngã không ban cho nàng niềm hy vọng cuối cùng, ước muốn là con chim đầu đàn trong gia đình, bay đến một phương trời xa và mang niềm hy vọng cho người thân trong nhà.

Cuối cùng, Đoàn cũng từ giã những người cùng làm chung trong Tổ Hợp Búp Bê, vì đã tìm được một việc khác, tuy nặng nhọc hơn nhưng đỡ phải suy nghĩ. Chàng hy vọng thời gian sẽ làm chàng nguôi đi nỗi nhớ, chút tình yêu dịu dàng khởi đầu bằng một tiếng hát, để nhìn về tương lai với một niềm hy vọng, cho chàng và cho Tâm...

Những buổi chiều một mình trong căn gác đìu hiu, nhìn những mảng mây tím lãng đãng trên bầu trời lúc hoàng hôn, Đoàn vẫn nghĩ về Tâm, nghĩ tới nụ cười xinh như con búp bê trong cổ tích, nhớ hoài đôi mắt buồn còn ngán những giọt lệ. Nhất là những buổi chiều mưa, Đoàn đứng mãi bên khung cửa sổ, để những giọt mưa hắt vào ướt đẫm trên mặt mình, không biết đó là những giọt nước mưa hay những giọt nước mắt. Đoàn băng khuâng dạo lại bản đàn cũ, nghe như trong không gian im vắng của buổi chiều, có tiếng hát êm êm của Tâm còn bỏ lại.

*(Viết thay tâm sự của một người)*

## **NGUYỄN NHUNG**

(Houston - Texas)



## **TRẦN VĂN LỆ**

*(California)*

## **HOA MIMOSA**

Mimosa, hoa vàng lá bạc... chỉ có trên Đà Lạt của mình thôi... cũng như chỉ có em ở trong đời / trong lòng anh yêu một người duy nhất!

Người ở khắp thế gian chỉ yêu một mình ông Phật, anh yêu em bằng Tình Phật Tình Người... bởi anh thấy em nhẹ lời trước những người bực bội...

Anh nói về hoa Mimosa... vì có một tối, trăng lên, vàng, ánh rọi xuống ngàn cây (lúc đó anh là lính không được ngủ say), ánh trăng chiếu lá Mimosa như bạc...

Anh nhớ em, nhớ Cam Ly, dòng thác, ánh trăng trôi xuống lũng Vạn Thành, nước Cam Ly xuôi về tới Dran, em đang ngủ, mơ màng chi đó...

Mimosa bốn mùa đều nở. Anh nhớ em, nhớ đủ bốn mùa! Nếu mai này chỉ có một Mùa Thơ, không ai cấm anh nói em-là-nàng-Tiên-tuyệt-diễm...

Anh cũng nghĩ Mùa Thơ là mùa hiem...cho nên em là Quý Nhất Của Anh. Anh sẽ tả chiếc lá màu xanh long lanh như mắt huyền em, em nhé!

Anh chắc em sẽ cười bảo em-là-diễm-lệ, đẹp và dễ thương duy nhất của anh! Anh đi hái hoa Mimosa rắc lên / áo dài em vàng như trắng ngọc...

Em biết không em, em là Hạnh Phúc, anh đứng ở hành lang trường nữ nhớ em, hoa Mimosa vàng em ấp trước tim, ngực áo dài phập phồng gió gợn...

Đã bao năm qua, bây giờ em lớn nên dòng Hương Giang rộng mãi hai bờ. Em đi qua sông bằng một con đò. Anh đi qua đâu mà trùng trùng đại hải?

*Em ơi em hoa Mimosa anh hái rải về em vàng rực những đêm trăng...*

## TRĂNG BÌNH MINH

Năm giờ sáng, mở cửa, trăng bình minh ủa vào, chưa ai kịp nói chào, ôm nhau hôn trước hết... Hình như trăng có mặt (đang bắt đầu hạ huyền). Hình như mình có duyên (còn yêu trăng nguyên thủy). Nhiều giọt sương đang chảy trên mặt trăng dễ thương. Mình uống những giọt sương, uống trăng tình yêu đầu...

Mấy con bò câu đậu trên mái ngói cúi nhìn, bò câu mái làm thình, bò câu trống rúc rích. Mặt trời kia, có thiệt. Mặt trăng, ơi, trăng ơi... vừa trong vòng tay tôi mà trăng đi đâu mất? Trăng biến rồi, cũng thật, còn lại nhớ thương thôi!

Nhớ thương, lạ, không trôi dù dòng sông đang chảy! Buổi sáng bùng lửa cháy trong trái tim bình minh. Tôi gọi trăng bằng mình, tôi hôn nụ hoa sớm. Phải chi tôi là bướm đuổi theo tà áo dài... Trăng ơi trăng là ai, kia học trò đi học, một thời tôi hạnh phúc đứng bên tấm bảng đen, gọi học sinh bằng em, gọi thầy bằng ông Nguyệt... Ôi vầng trăng xanh biếc bát ngát Thệ Thủy Kiều...

*Ai định nghĩa Tình Yêu Là Sớm Mong Chiều Đợi? Ai thả buồn theo khói Khói Huyền Bay Lên Cây...*

## LẦU THỜ TRĂNG GỌI

*Ngựa ô anh khớp kiềng vàng anh tra khớp bạc đưa nàng về dinh... Em ơi khời một chuyện tình, khi anh tóc bạc khi mình vẫn Xuân! Chuyện tình có thể giữa năm, có khi ngàn thuở vầng trăng bắt đầu... Ngựa ô vượt gió qua cầu, qua đèo Ngoạn Mục, qua lầu Filnôm, qua Định An nhà mái vòm đến Dinh Cơ dựng bên đường Prenn... Em à em, em à em, câu thơ một chữ mà nên chuyện tình... Ai bày Mạ để em xinh, anh tra khớp bạc long lanh kiềng vàng... Minh về tới đỉnh Chứa Chan, tới cồn Nam Hải, bạt ngàn Đon Dương... Con dê cô đơn, cô đơn, đứng nhìn bóng ngựa trong chòm mây bay... Gặp em hôm nọ chỗ này, hoa quỳ vừa nở ngang mào tặng em!*

*Dừng đây em nhé Prenn, dừng đây em nhé mình nhìn sương sa, nhìn Đà Lạt Mimosa, nhìn lên con dốc Hai Bà Trưng xưa... Cảm ơn em mất sầu mơ / một mai sương tản trắng mờ lại trong...*

Phải chi em dừng sang sông, phải chi anh cứ bênh bông lênh đênh, phải chi sau cuộc chiến chinh, mất rồi ngô trúc về Dinh, cũng đành! Ôi em anh gọi bằng mình, bằng honey có đủ cái Tình Muôn Năm? Nói đi em! Nói rất thầm, về Dinh trải thảm mình nằm ngắm trăng...

*Ngựa ô anh khớp kiềng vàng, anh tra khớp bạc đưa nàng vào Thơ!*

**TRẦN VĂN LỆ**  
(California)

NGHIÊN CỨU



GS LƯU KHÔN

## HIỆN TƯỢNG "HOÀ NHI BẤT ĐỒNG" TRONG NGÔN NGỮ VIỆT NAM

Các nhà ngôn ngữ học có thể không đồng ý với nhau về nguồn gốc của tiếng Việt Nam, nhưng chắc chắn không thể không cùng nhau công nhận rằng tiếng Việt Nam đã chịu một ảnh hưởng vô cùng sâu đậm của tiếng Hán. Thật vậy, xét về phương diện từ vựng, tiếng Việt Nam đã vay mượn rất nhiều ở tiếng Hán. Có điều, vay mượn mà không lệ thuộc, vay mượn mà có sáng tạo. Chúng tôi coi đó là một hiện tượng trong ngôn ngữ Việt Nam, hiện tượng "Hòa nhi bất đồng".

Trong bài viết này, chúng tôi xin trình bày đôi nét về hiện tượng ấy qua các mục sau đây:

### 1. Từ Hán nhưng âm Việt.

Tiếng Việt đã mượn ở tiếng Hán không những hầu hết các từ cơ bản, mà còn luôn cả các từ tiếng Hán đã dịch âm hoặc dịch nghĩa từ các tiếng nước ngoài.

#### a)- Dịch âm:

\* Như các từ của Tây Vực:

葡萄      bò đào,      玻璃      pha lê

\* của Phật giáo:

禪      thiên      偈      kệ

般若 bát nhã 菩提 bồ đề  
\* của Tây phương:  
鴉片 nha phiến

**b)- Dịch nghĩa:**

Như các từ về chính trị, kinh tế, triết học, văn học, khoa học mượn của Nhật Bản.

Theo Vương Lực (**Hán ngữ sử khảo**, quyển hạ - Bắc Kinh 1958 tr 516-537), thì các từ Hán ngữ mượn của Nhật gồm có một phần là các từ vốn có trong tiếng Hán cổ, như *Cách mệnh, Giáo dục, Văn hóa, Văn minh, Kinh tế, Phong kiến...* và một phần là các từ do 2 chữ Hán ghép lại và hiểu theo nguyên nghĩa chữ Hán, như *Khẳng định, Phủ định, Cụ thể, Trừu tượng, Triết học, Vật lý học, Cải thiện, Giải phóng, Khái quát...*

Người ta ước lượng trong từ vựng Việt ngữ có đến 60% là từ Hán.

Nguyễn Đông Chi (**Việt Nam cổ văn học sử** - Phủ Quốc Vụ Khanh đặc trách Văn hoá Sài Gòn tái bản năm 1970) cho rằng *"Trải qua chục thế kỷ nằm dưới quyền Bắc thuộc, lại trải qua các triều Vua dùng chữ Nho làm văn tự chung trong nước, nên tiếng Việt hoá gần gũi với tiếng Tàu. Kho chữ nước nhà nhờ đó được phong phú. Trong 10,000 tiếng Nam, đã có 6,000 tiếng của nước Tàu rồi"* (tr 44).

Người ta cũng thường nhắc đến 2 câu thơ gồm toàn từ Hán trong truyện Kiều của Nguyễn Du:

*Hồ công quyết kế thừa cơ  
Lễ tiên, binh hậu, khắc kỳ tập công.*

Và tất cả các từ Hán đều được đọc theo âm Việt Nam, ta gọi đó là từ Hán Việt. Theo các nhà nghiên cứu ngữ âm lịch sử, thì quá trình ổn định cách đọc Hán Việt chỉ bắt đầu sau khi Việt Nam giành được độc lập tự chủ vào thế kỷ thứ 10 sau Tây lịch.

**2. Từ Hán Việt đọc trại âm.**

Hiện tượng này xảy ra trong các trường hợp sau đây:

**a)- Đọc trại vì từ Hán Việt được Nôm hoá:**

碑 bi → bia                      閤 các → gác

易	dị	→	dễ	旗	kỳ	→	cờ
臘	lạp	→	chạp	願	nguyên	→	nguyên
心	tâm	→	tim	沉	trầm	→	chìm
供	養	cung	dưỡng	→	cúng	dường	
可	須	khả	tu	→	khả	tua	

**b)- Đọc trại vì kiêng kỵ tên húy của Vua Chúa.**

\* của Chúa Trịnh:

松	tùng	→	tòng	綱	cương	→	cang
---	------	---	------	---	-------	---	------

\* của Chúa Nguyễn:

黃	hoàng	→	huỳnh	福	phúc	→	phước
---	-------	---	-------	---	------	---	-------

\* của Vua triều Nguyễn:

宗	tông	→	tôn	時	thì	→	thời
---	------	---	-----	---	-----	---	------

(Dương Quảng Hàm. Việt Nam Văn Học Sử Yếu - in lần thứ 10 - Trung tâm Học liệu Bộ Giáo Dục - Sài Gòn 1968 tr 200)

**c)- Đọc trại vì 2 miền Bắc Nam dùng nguyên âm khác nhau:**

本	bản	(B)	bỗn	(N)	人	nhân	(B)	nhơn	(N)
命	mệnh	(B)	mạng	(N)	生	sinh	(B)	sanh	(N)
性	tính	(B)	tánh	(N)	還	hoàn	(B)	huồn	(N)

活	hoạt	(B)	huột	(N)	國	quốc	(B)	quác	(N)
武	vũ	(B)	võ	(N)	書	thư	(B)	thơ	(N)
局	cục	(B)	cuộc	(N)	帥	súy	(B)	soái	(N)
元	nguyên	(B)	ngươn	(N)	朝	triều	(B)	trào	(N)

(Dương Quảng Hàm - sách dẫn trên - tr 199-200)

**CHÚ Ý:**

VĂN HOÁ VIỆT NAM 71 \* 127 \* MÙA ĐÔNG 2015

Lợi dụng hiện tượng từ Hán đọc trại âm thành từ Nôm, chúng ta có thể xác định được chính tả của một số từ Nôm.

Thí dụ:

碧 bích → biếc

"ich" âm ngắn biến trại thành "iếc" cũng âm ngắn .  
"biếc" phải tận cùng bằng "c"

鏡 kính → kiếng

"inh" âm ngắn biến trại thành "iêng" cũng âm ngắn  
"kiếng" phải tận cùng bằng "ng"

濁 trọc → trước

"oc" âm ngắn biến trại thành "uoc" cũng âm ngắn.  
"trước" phải tận cùng bằng "c"

### 3. Từ Hán thay đổi cấu trúc khi chuyển thành từ Hán Việt.

a)- Thay đổi vị thứ từ đơn:

\* Thay đổi có tính cách cố định.

擔保	đảm bảo	→	bảo đảm
合適	hợp thích	→	thích hợp
訃告	phó cáo	→	cáo phó
聲音	thanh âm	→	âm thanh
展開	triển khai	→	khai triển
挽救	vãn cứu	→	cứu vãn
蘇聯	tô (Xô) liên	→	liên Xô
簡單	giản đơn	→	đơn giản
語言	ngữ ngôn	→	ngôn ngữ
士兵	sĩ binh	→	binh sĩ
釋放	thích phóng	→	phóng thích
阻隔	trở cách	→	cách trở
望遠鏡	vọng viễn kính	→	viễn vọng kính



出 產      xuất sản      →      sản xuất

*\* Thay đổi có tính cách không có định.*

別 離      biệt ly      →      ly biệt

法 律      pháp luật      →      luật pháp

出 發      xuất phát      →      phát xuất

鬥 爭      đấu tranh      →      tranh đấu

城 市      thành thị      →      thị thành

**b)- Thay đổi thành phần từ đơn.**

*\* Thay đổi từ đầu.*

罷 工      bãi công      →      停 工      đình công

週 報      chu báo      →      旬 報      tuần báo

飛 機 場      phi cơ trường      →      飛 場      phi trường

後 備      hậu bị      →      儲 備      trữ bị

廣 場      quảng trường      →      公 場      công trường

醫 院      y viện      →      病 院      bệnh viện

*\* Thay đổi từ cuối*

工 業      công nghiệp      →      工 藝      công nghệ

待 命      đãi mệnh      →      待 令      đãi lệnh

電 報      điện báo      →      電 訊      điện tín

電 腦      điện não      →      電 算      điện toán

對 待      đối đãi      →      對 處      đối xử

出 入 口      xuất nhập khẩu      →      出 入 港      xuất nhập cảng

*\* Từ đầu, từ cuối thay đổi không nhất định*

擔 保      đảm bảo      →      保 領      bảo lãnh

郊 外      giao ngoại      →      外 塢      ngoại ô

重 要      trọng yếu      →      關 重      quan trọng

疏散 sơ tán → 散居 tản cư  
欣賞 hân thưởng → 賞識 thưởng thức

#### 4. Từ Hán thay đổi ý nghĩa khi chuyển thành từ Hán Việt.

跋涉 bạt thiệp (đi trên cỏ, trong nước, ý nói đi xa vất vả), sành sỏi, lanh lợi. Âm theo nghĩa mới, "bạt thiệp" cũng đọc là "bạt thiệp".

到底 đáo để (đến đúng, cuối cùng, rốt lại) ghê gớm, đáng sợ.

叮嚀 đình ninh (dặn dò, nhắc nhở) tin tưởng.

江湖 giang hồ (ẩn dật, trôi giạt) gái mãi dâm.

困難 khôn nạn (khó khăn) hèn hạ.

歷事 lịch sự (trải việc, từng trải) biết cách xử thế, xinh đẹp.

小心 tiểu tâm (cẩn thận) nhỏ mọn, hẹp hòi.

仔細 tử tế (kỹ lưỡng) tốt bụng.

文字 văn tự (chữ viết) giấy tờ mua bán, vay mượn.

#### 5. Từ Hán được thay bằng từ Hán Việt coi như đồng nghĩa.

播音 bá âm #→ 發聲 phát thanh (đài phát thanh).

博物館 bác vật quán #→ 寶藏院 bảo tàng viện.

勇敢 dũng cảm #→ 肝膽 can đảm.

電視 điện thị #→ 傳形 truyền hình.

圖書館 đồ thư quán #→ 書院 thư viện.

開除 khai trừ #→ 逐出 trục xuất.

年代 niên đại #→ 拾年 thập niên (decade).

業餘 nghiệp dư #→ 才子 tài tử.

噴氣機 phún khí cơ #→ 反力機 phản lực cơ.  
神父 thần phụ #→ 靈牧 linh mục

## 6. Từ Hán được ghép với từ Nôm đồng nghĩa.

換 hoán → hoán đổi  
(đôi: từ Nôm đồng nghĩa với từ Hán "hoán")  
開 khai → khai mở  
(mở: từ Nôm đồng nghĩa với từ Hán "khai")  
靈 linh → linh thiêng  
(thiêng: từ Nôm đồng nghĩa với từ Hán "linh")  
養 dưỡng → nuôi dưỡng  
(nuôi: từ Nôm đồng nghĩa với từ Hán "dưỡng")

## 7. Từ Hán Việt xây dựng theo một cấu trúc đặc biệt của từ Hán.

Trong tiếng Hán hiện đại có cấu trúc

### Danh từ / hình dung từ + hoá

Ý nói: chuyển biến (hoá) thành một vật chất hoặc một trạng thái (được thể hiện qua danh từ hoặc hình dung từ).

惡化 ác hoá → 合理化 hợp lý hoá  
機械化 cơ giới hoá → 科學化 khoa học hoá  
現代化 hiện đại hoá → 西洋化 Tây dương hoá  
Theo cấu trúc này, trong Việt ngữ có các từ:  
及日化 cập nhật hoá → 公開化 công khai hoá  
強調化 cường điệu hoá → 簡易化 giản dị hoá  
人格化 nhân cách hoá → 越南化 VN hoá  
詩味化 thi vị hoá → 規範化 quy phạm hoá

Việt ngữ cũng dùng cấu trúc này cho các từ thuần Nôm như:

Lành mạnh hoá (xã hội học)  
(âm) môi hoá (ngữ học)  
ốc xýt hoá (hoá học)

Đây là một sáng tạo của Việt Nam, nhưng trên phương diện ngữ học, thì sáng tạo như vậy là không trùng cách, vì chúng ta không thể kết hợp một từ thuần hoá với một từ thuần Nôm để có một từ Hán Việt được.

Cũng nên lưu ý là trong Hán ngữ có những từ không cần phải thêm 化 (hoá) như trong Việt ngữ.

Việt: công khai hoá

Hán: công khai

Việt: cường điệu hoá

Hán: cường điệu

Việt: quy phạm hoá

Hán: quy phạm.

**Đ**ể kết luận chúng ta có thể nói rằng tiếng Việt Nam tuy vay mượn rất nhiều ở tiếng Hán, nhưng không hoàn toàn lệ thuộc tiếng Hán. Đã vậy, người Việt Nam còn biết lợi dụng chữ Hán để xây dựng một quốc gia văn tự riêng. Đó là chữ Nôm, mà các thế hệ trước đã dùng để ghi lại tư tưởng cũng như tình cảm của mình, tạo thành một nền văn chương quốc âm vô cùng rực rỡ. Điều này thêm một lần nữa, chứng tỏ tinh thần độc lập và sáng tạo của dân tộc ta.

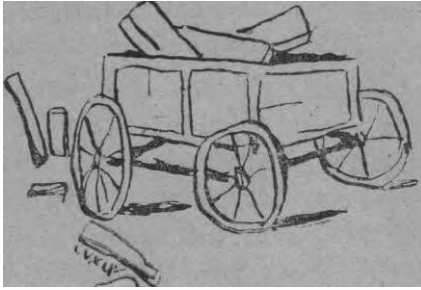
[Bài đăng trong "Tuyển tập Ngôn ngữ và Văn học Việt Nam" - Dòng Việt 1994 (số đặc biệt Mừng lễ Thượng thọ 85 tuổi của cố giáo sư Nguyễn Khắc Kham)]. *Cảm ơn Thầy Đỗ GS Đỗ Chiêu Đức giúp BBT thực hiện phần chữ Hán trong bài thay vì chữ viết tay của tác giả. LCT.*

## GS LƯU KHÔN



Ảnh lưu niệm:  
Thầy Cô GS LƯU  
KHÔN - GS NGUYỄN  
HIẾU ĐỨC

## TINH HOA ĐẤT MẸ



**CHÍNH PHONG NGUYỄN HOÀNG  
HOÀNG ANH THƯ - HOÀNG NHƯ LĂNG**

CHƯƠNG III  
**XÃ HỘI: SOCIETY**  
*(trích)*

### **TRÀU - CAU - VÔI BETEL - BETEL NUT - LIME**

**Trầu:** Còn gọi là trầu không, thực tương, họ hồ tiêu. Tên khoa học là *Piper belte* L. thuộc loại cây leo, lá mọc so le, hình trái soan gần bằng bàn tay. "Trầu không" được trồng ở nước ta và các nước Châu Á, họ dùng lá trầu để ăn trầu. Trong lá trầu có từ 08 đến 1,8% hay 2,4% tinh dầu.

Năm 1956, trường Y học Hà Nội nghiên cứu thấy trầu có tác dụng kháng sinh rất mạnh. Một số bệnh viện ở Việt Nam dùng cao nước trầu để trị bệnh viêm cận răng (*paradentone*), có kết quả tốt.

Dân gian dùng lá trầu giã nhỏ, cho thêm nước sôi rửa vết lở, loét, mẩn ngứa, viêm mạch bạch huyết... Tuy nhiên, dùng ngoài hơn là nội (dùng ngoài da, chứ ít khi uống).

**Cau:** Cau còn gọi là bính lang hay tân lang, tên khoa học là *Areca catechu* L. thuộc họ cau dứa (*Areaceae*).

Người ta dùng hạt cau phơi khô (Semen Arecae) để mời khách (Tân = khách = chàng); khi có khách mang trầu cau ra mời nên gọi cau là tân lang (cau có độc dùng phải cẩn thận).

Cây cau là loại cây mọc thẳng, cao khoảng 15 đến 20 mét, đường kính từ 10 đến 15cm. Toàn thân không có lá, mà chỉ có vết sẹo lá trước đã mọc rụng đi rồi, chỉ ở ngọn mới có chùm lá to rộng xẻ lông chim, lá có bẹ to. Cau thuộc loại lưỡng tính: Hoa đực ở trên, hoa cái ở dưới từ bẹ mo mọc ra, quả to bằng quả trứng gà, giữa là hạt hình nón cụt, bao quanh bởi bì sợi, hạt nâu nhạt vị chát.

Cau được trồng rất nhiều trên quê hương ta, vì dùng để ăn trầu và xuất cảng.

Trong hạt cau có tamin, chất mỡ, đường và muối vô cơ. Arecolin là chất chính trong 4 ancaloit. Tác dụng của Arecolin gần giống các chất peletierin, pilocacpin và musdarin. Arecolin gây chảy nước miếng rất nhiều, làm tăng bài tiết dịch vị và làm co nhỏ đồng tử.

Dung dịch 1% arecolin bromhydrat làm co nhỏ đồng tử sau khi nhỏ từ 3 đến 5 phút, sự co nhỏ này kéo dài từ 1 giờ đến 2 giờ, có thể làm giảm áp nhãn ở bệnhglocôm. Arecolin còn làm tim đập chậm, trừ khi có mặt của canxi, tăng nhu động ruột, với liều nhỏ, có tác dụng kích thích thần kinh, liều lớn gây liệt thần kinh.

Dung dịch hạt cau có tác dụng độc đối với thần kinh của sán, làm tê liệt các cơ trơn của chúng. Sau 20 phút phi thuốc vào tới ruột, con sán bị tê liệt và không bám vào thành ruột được nữa. Tóm lại, hạt cau dùng để chữa bệnh sán cho người và súc vật. Làm thuốc giúp sự tiêu hoá, chữa viêm ruột là ly, chữa chốc đầu co trẻ em.

**Vôi (limestone)** gọi chung là đá vôi, dưới hình dạng cục, mảng, núi, động (caves) đá vôi v. v...

Vôi có nhiều màu sắc: trắng, trắng toát, trong, nếu có hợp chất iron oxide thì vôi lại có màu nâu, vàng hay đỏ, nếu có carbon thì vôi lại màu xám, đen hay xanh lơ. Thậm chí, xương, vỏ sò, vỏ ốc, hén dưới biển đều được cấu tạo bởi chất vôi (calcium carbonate).

Vật liệu kiến trúc (xây cất), bê tông, phấn viết bảng, calcium uống bổ xương, cứng xương đều bắt nguồn từ chất vôi.

Tóm lại, vôi đã đóng góp rất nhiều ích lợi cho đời sống con người nói riêng và nhân loại nói chung.

Vôi chúng ta thường dùng là vôi đã "tôi"  $\text{CaCO}_3$ . Nước vôi trong (vôi quấy với nước để lắng trong), nấu bánh đúc là một trong những gia vị không thể thiếu. Bánh đúc chấm tương hay mắm tôm là một món ăn khoái khẩu, bình dân chẳng ai bỏ qua được.

Vôi ăn trầu là hỗn hợp của  $\text{Ca}(\text{OH})_2$  và  $\text{CaCO}_3$ , khi đề cập đến trầu thì không ai là không nhớ đến tục ăn trầu, phát xuất từ đời Hùng Vương, đó là **chuyện Trầu - Cau**.

**Trầu**, a plant with scientific name Piper Belte, is a climbing plant with oval interleaving leaves the size of a hand. In our country and other Asian countries, people grow "trầu" to eat the leaves, which contain from 0,8% to 2,4% essential oil.

In 1956, research from a medical in Ha Noi showed that "trầu" had strong antibiotic property. Also, some hospitals in Vietnam use solutions containing "trầu" to treat parodontal cyst with good results.

Common folks crush the "trầu" leaves and dip them into hot water to treat wounds. They use it to treat external conditions more than internal ones.

**Cau**, also known as "bính lang" or "tân lang", has the scientific name of Areca Catechu, in the Arecaceac family.

People use dried seeds of "cau" to offer visitors to their home. In the phrase "tân lang", "tân" means guest; that's why "cau" is also known as "tân lang". One has to be careful with "cau" since it has poison.

A "cau" tree grows straight up, to 15 - 20 meter tall and with diameter from 10 - 15 centimeters. The tree's trunk has no leaves, only scars from old fallen leaves. Only the top of the tree has a cluster of big leaves that are cut like feathers. "Cau" is hermaphrodite: the male organ is on top, the female one at the bottom grows from the areca leaves.

People grow a lot of "cau" in our country - to eat with "trầu" and to export.

The seed of "cau" has tamin, fat, glucose, and inorganic salt. Arecoline is dominant among the 4 alkaloid. Arecoline has

similar effects as those of peletierin, pilocarpine, and muscarin. Arecoline makes a person salivate, increase gastric juice, and contract the pupil.

A solution with 1% arecoline bromhydrate can make the pupil contract from 3 to 5 minutes, and this can last for 1 to 2 hours, and can help with glaucoma. Areole slows down the heart beat (except when calcium is present) and increases bowel movements. A small dose of arecoline can stimulate the nervous system whereas a large dose can paralyze it.

A solution of "cau" seeds has a detrimental effect on the nervous system of intestinal flat worms, disabling their smooth muscles. After one drinks the solution for 20 minutes, the flat worm is paralyzed and can no longer attach to the intestines' walls. "Cau" seeds can help treat intestinal flat worms in humans and animals, aid digestion, help with inflammatory bowel and dysentery, and favus in children.

**Vôi**, (limestone), commonly called limestone rocks, appears in pieces in mountains and caves, etc.

"Vôi" can be white or clear. If iron oxide is present then it can be brown, yellow, or red; and if carbon is present then it can be gray, black, or blue. Bones and shells (e.g. of snails or mussels) are made of "vôi" (in the form of calcium carbonate).

Chalks, calcium supplements, and construction materials such as concrete all come origin from "vôi".

"Vôi" is indeed essential to humankind.

We normally use "vôi" that has  $\text{CaCO}_3$ . Clear "vôi" liquid (made by mixing :vôi" with water and let settle) is an indispensable item in making "bánh đúc" (mint cake). "Bánh đúc", eaten with soy sauce or shrimp paste, is a common dish loved by all.

"Vôi" that contains a mixture of  $\text{CaOH}$  and  $\text{CaCO}_3$  is used to eat with "trầu". When thinking of the custom of eating "trầu", one cannot forget the legend that gives rise to it; **the story of "Trầu - Cau"** from the time of King Hùng Vương.

**(H.N.L)**

## **TỤC ĂN TRẦU**



Vừa lọt lòng là được nghe mẹ hát ru: "Ngày xưa, có hai anh em nhà kia trông giống nhau như đúc. Sau người anh lấy vợ.

Vì làm lẫn, người em đi làm về, nàng chạy ra ôm lấy, vì xấu hổ nên người em bỏ đi... "*Ôi ta buồn ta đi lang thang bởi vì đâu? Tình tang tình, tình tang... tình bên sông sâu*". Không còn đường đi nữa, người em bèn ngồi bên bờ sông rồi hoá thành đá. Người anh đợi mãi không thấy em về, bèn bỏ nhà đi tìm em. Đến bên sông cạnh phiến đá, người anh chết hoá thành cây cau.

Rồi người vợ đợi mãi không thấy chồng về, cũng bỏ nhà đi tìm chồng.

Thời gian ngắn sau đó, chị vợ đến bên sông cạnh cây cau, cũng chết hoá thành dây trầu không leo quanh cây cau. Thế là cả ba; vợ chồng, anh em quấn quít bên nhau nơi bên sông hiu quạnh.

Khi Vua Hùng đi ngang qua nơi này, được nghe câu chuyện tình bi thương, rất cảm động. Ngài bèn sai quân hầu lấy trái cau, lá trầu và chút vôi giã cùng với nhau thì thấy hỗn hợp màu đỏ tươi. Từ đó phát sinh ra tục ăn trầu.

Bởi lẽ đó dân gian dùng cau, trầu, vôi trong mọi dịp tế lễ, tết nhất, cưới hỏi v.v... Thường nhật trong việc giao tế, họ mời nhau tách nước, miếng trầu, bởi "miếng trầu là đầu câu chuyện".

## TRẦU CAU STORY

A long time ago there were two brothers who looked almost identical. They talked and acted so similarly that they were often mistaken for one another. They were very close and loved each other very much. One day, the two brothers went into the forest to hunt. The young brother Lang was tired and headed home first. The wife of the older brother Tan, called Lưu Xuân Phu, saw Lang and mistook him for her husband. She embraced him by mistake, thinking that he was her husband. Lang, the brother in law, was so embarrassed at the incident that he too left home never to return. He walked down a river and continued his journey. He was very tired at the end of the walk. He sat down by the riverbed and died. His body turned into a large stone in the shape of a man.

His brother Tan heard about the mistaken identity incident from his wife and how his brother left home.. He was so despondent that he too left home looking for his brother, He came across the same river as his younger brother did when his life ended. Tan was exhausted and sat down by the river and died as well. His body turned into a very tall betel tree. Luu Phu waited at home for a long time. She too, left her home in search of her husband and brother-in-law. She walked down to the riverbed and died. Her body turned into a dide tree with vines.

One day, King Hung Vuong came across the same river. He heard from the villagers the story of the three people that died at the riverbed. The King asked his traveling companions and soldiers to take the vines from the tree, the betel leaves and used a stone to grind them up. At that moment, the mixture turned into a red substance the looked like blood. From then on, the King started a tradition of using these 3 ingredients as part of wedding ceremonies.

**(H.A.T.)**

### **1. Ăn trầu thì bỏ quên vôi, Ăn cau bỏ hạt nòng ơ hời nòng.**

*Săn sóc, trồng trọt cau trầu phân nhiều do phụ nữ đảm trách, ngay cả việc bỏ cau, tằm trầu. Ấy vậy mà cô nòng này khi ăn trầu lại quên vôi, cả hạt cau ngon, bùi nhất lại đem bỏ đi thì đúng cô này là gái đoảng rồi.*

### **2. Ăn trầu phải mở trầu ra, Một là thuốc độc hai là mận vôi.**

**Mận vôi:** Bỏ nhiều vôi quá.

*Một lời khuyên chung là mọi người nên thận trọng trong mọi việc, nhất là khi giao thiệp, họ mời nhau miếng trầu để mở đầu câu chuyện, chưa thân nhau chưa biết bụng dạ họ ra sao, nếu họ muốn hại mình họ có thể bỏ độc dược vào trong miếng trầu.*

*Đôi khi tằm trầu, họ bỏ vôi nhiều quá, ăn vào sẽ bị bỏng môi, bỏng miệng. Tốt hơn nên thận trọng, đừng hấp tấp sẽ hại đến thân.*

*(Mời xem tiếp bài này trên VHVN số 72 - mùa Xuân 2015)*

## CÁI TRỌNG TY

(Houston - Texas)

## HƯƠNG SÀI GÒN

đôi khi anh chợt nhớ  
giữa một lòng chiều xanh mênh mông  
trong đôi mắt có ngân lệ không tròn  
ướt đẫm đầy thời gian  
mưa mùa tháng sáu  
sài gòn của em  
những con đường hẻm ẩm lồi về  
anh quần quanh kiếm tìm năm tháng cũ  
em theo mây  
lơ lửng một bước dài  
xa mãi nghìn thu

sợi tơ chùng buột lửng  
của ngõ tình chiếc đình long gỗ mục  
chiều Thanh Thế Văn Hoa  
ly cà phê giọt dài nhung nhớ  
dấu nụ cười sau tay áo Trưng Vương

Hương Dung Hà Nội cũ  
bao giờ gặp lại em  
anh vượt mặt mưa dầm ga nhỏ  
tiếng còi tàu bơ vợ phố chợ  
tay vẫy hoài  
dài lê thê đường sắt  
bóng tàu trôi chở bóng mây trôi  
Sài Gòn ngày tháng đó  
một đời chinh chiến bi thương  
của trăm nghìn hệ lụy khôn lường  
em đứng hiên mưa  
quần quai tiếng còi dài  
chia ly hốt hải  
bên dòng kinh Nhiêu Lộc  
âm mục lều bều nhưng nhớ  
thấu tình em bất tận  
nát tim tôi.

\* Tháng Tám 2015

## KHUÔN MẶT VĂN NGHỆ



**PHẠM VĂN NHÀN**

*(Houston - Texas)*

## QUÊ HƯƠNG TRONG CÔI THƠ RIÊNG CỦA NGUYỄN CÁT ĐÔNG



**[Nguyễn Cát Đông/Trần Bang Thạch]**

**A**nh lớn lên từ những dòng sông lớn, sông Tiền, sông Hậu chảy qua quê anh. Còn tôi cũng lớn lên từ một dòng sông nhỏ, ít ai biết đến. Nhưng dù sông lớn hay sông nhỏ cùng đều phát khởi từ một dòng sông Mẹ mà ra. Đất thì nhiều, trùng trùng điệp điệp, trên núi cao, trong rừng thẳm không ai nhớ hết tên của dải sơn hà. Chỉ có sông là còn nhớ tên trong tâm thức của người dân Việt. Dòng sông quê tôi nhỏ lắm, bơi chỉ vài mươi sải là đến bờ bên kia.

Nhưng tôi cũng tự hào về dòng sông quê cũ. Sông Mường Mán. Còn anh, anh nhắc đến "một chút Hương Giang" làm tôi nhớ đến Huế, mà trước 1975, năm nào tôi cũng phải về thăm một lần. Sông Hương trên văn thơ, cũng như sông Hương ngoài đời tục lụy đã gắn liền với tôi trong cõi sống. Anh nhắc đến "hai bờ bassac" nối liền với Cửu Long làm tôi nhớ đến cánh đồng miền Nam bao la vô tận. Những dòng sông trong thơ anh còn "ngọt ngào từng vốc phù sa" đáng lẽ anh phải ở đó, như ngày nào "chân đất", "đầu trần" chạy rong chơi trên những cánh đồng lúa trĩu hạt, để nghe lòng rộng mở cánh điều bay.

*Dắt diều đàn con về vùng châu thổ  
Một chút Hồng Hà, một chút Hương Giang  
Một họ Hồng Bàng, mấy câu thơ cổ  
Mẹ lên đường với chùng ấy hành trang*

*Nhớ thật nhiều những bước đi xa  
Mẹ đứng dang tay trên hai bờ Bassac  
Nói những dòng kinh với Cửu Long Giang bát ngát  
Nghe ngọt ngào từng vốc phù sa*

Nhưng khổ nỗi, con người ta sống trong cõi Ta bà này lại lắm cái Tham, Sân, Si. Muốn hòa bình trong đời sống, không muốn, lại muốn áp đặt lên con người cảnh chết chóc bởi chiến tranh. Cũng vì vô minh che khuất tâm con người. Những câu thơ anh làm tôi nhớ chiến tranh trên quê mình ngày nào:

*Giữa tiếng đạn bom mỗi lần chạy giặc  
giữa lác, đưng, đĩa, muỗi Trà Lòng  
đôi tay mẹ như mây trời bát ngát  
Một cánh cò vất vả nuôi con*

Anh chạy theo mẹ mỗi lần bom đạn của giặc bắn tới. Làng xóm bỏ đó đi lánh cư. Nói đến chiến tranh càng thêm đau lòng, phải không? Tôi cũng chẳng hơn gì anh đâu, quê tôi ngút ngàn khói lửa. Giặc đến quê tôi nào là máy bay, tàu bò. Tôi nhớ mẹ bỏ tôi vào một đầu thúng rồi gánh chạy lên núi, vô rừng hay lẩn trốn dưới những con suối cạn. Sợ đủ thứ: Bom, đạn, hãm hiếp, giết người của bọn lính Lê Dương. Mong sao cho chiến tranh chấm dứt, để người dân trở

về làng xưa, xóm cũ " vừa cấy cây, vừa hát ca dao. Vừa thất tình, vừa ca vọng cổ ". Bởi vì dân mình hầu hết là nông dân. Nhưng không, với đầu óc của những kẻ tham sân si ấy, đầu chịu ngừng ở đây, mà tạo nên một cuộc chiến tranh khác, sau khi ngừng là có hòa bình. Để rồi, tôi với anh lại bỏ xứ ra đi.

Nơi xứ người, "Thực" khác với "Mộng" nhiều lắm. Cũng vì lần quân trong cái vòng "sinh nhai " nơi đất lạ, chẳng còn thời giờ đâu để suy nghĩ. Không như lúc còn ở quê nhà, dù trong thời chiến tranh chống Pháp, thế mà ta vẫn "vừa đuổi quân thù, vừa ngắm trăng sao". Tôi khoái câu thơ lãng mạn này của anh. Cho nên có nhiều khi thức dậy vào tảng sáng, vén tấm màn cửa nhìn ra khoảng sân trước nhà, hóp một ngụm trà nóng trước khi đi làm, thấy có con bướm vàng đang đùa giỡn với những cánh hoa mới nở còn ngậm sương mai,"thực" đó, nhưng "mộng" lại đến, đối với những người làm thơ, mộng dễ bén rễ trong tâm hồn khi nhìn một cảnh thực như vậy. Chạy đuổi bắt hoài cuộc sống thường nhật cũng mệt mỗi lắm chứ. Đầu óc cứ căng ra, suy nghĩ mãi. Cái thực sẽ quay cuồng giữa một xã hội đang quay cuồng. Nhiều lúc tôi muốn tìm một chỗ nào đó yên ổn để đọc một cuốn sách hay. Hay đọc một bài thơ hay mà tôi thích để làm nhẹ bớt cái " thực " đang bắt tôi phải lo âu đủ thứ. Mệt mỏi, chán chường, thì thơ anh lại đến với tôi đúng lúc, vào tháng chín. Tháng chín có hoa cúc vàng nở trong sân vườn nhà tôi. Với những bài thơ lục bát của anh mà tôi có được hôm nay, làm cho tôi với bớt được phần nào trong cuộc sống hiện tại. Vì sao, chính những dòng lục bát của anh đã mang đến cho tôi một khoảng trời quê hương, với những nắng, những mưa, những cuộc tình " lẫn quân " của một thời , nhẹ nhàng, như một bóng mát để tôi tìm thấy lại trên con đường "ngược xuôi" mà tôi đang đi nơi xứ người.

Những bài thơ "mộng" của anh đó chưa kịp để tôi vun xới giấc mơ về một mùa thu năm nào trên quê hương, thì "thực" lại đến với một tai họa đau lòng trên xứ sở mà tôi đang sống. Tôi đã lớn lên trong chiến tranh. Tôi đã tham dự vào cuộc chiến do hận thù lý tưởng ở quê hương gây ra, để rồi sau đó, chiến tranh chấm dứt thì ngược lại tôi với anh cùng với bao nhiêu người khác phải bỏ nước ra đi. Nghĩ là chiến tranh đã hết, lùi lại đằng sau, nếu còn chẳng là còn trong tâm thức của tôi, trong suốt chiều dài của

cuộc chiến mà tôi tham dự mười năm. Mười năm đủ để tôi ghi nhớ những đau thương gây ra giữa người với người. Nào ngờ trong tháng chín năm nay, những bài thơ của anh gởi đến chưa kịp xoa dịu nỗi nhớ về một dòng sông quê cũ, về một con đường mà tôi đi qua, về một mái trường mà thuở xưa tôi ngồi học, thì chiến tranh lại đến trên xứ sở này. Hình thức chiến tranh nơi này có khác. Nhưng cũng từ trong bóng tối của loài ma quỷ gây nên. Như quê tôi, một buổi sáng tinh mơ, một trái đạn pháo rớt vào trường học, làm cho các em học sinh nhỏ ngã quỵ, máu thấm sân trường. Hay buổi sáng chợ đang nhóm họp, một trái đạn pháo rớt vào, mừng rỡ bay toi tã, người chết nằm la liệt. Chiến tranh quê tôi còn đó trong tâm thức của mỗi người dân không sao quên được. Nào ngờ, nơi xứ yên ổn này một hình thức chiến tranh khác lại xảy ra: Chiến tranh khủng bố. Cũng buổi sáng, tháng chín, hai toà nhà chọc trời ngự trị ở Nữ Ước bị những tên khủng bố điên cuồng đánh sập, mà vũ khí là hai chiếc phi cơ dân sự, làm chết hàng ngàn người. Bàng hoàng và xúc động hầu hết những con người trên thế giới hôm nay.

Trong cõi vô thường này, tham sân si vẫn còn ngự trị trong tâm thức của những con người không có trái tim. Họ từ đâu đến làm cho quả địa cầu này đỏ lửa triền miên. Cũng từ cái tâm vô minh mà ra cả. Tôi mệt mỏi, chán chường, cũng như anh mệt mỏi chán chường. Nhiều khi tôi đặt câu hỏi, tại sao: Tâm không bình để cho thế giới bình. Con người sống trong cõi Ta Bà này được bao lâu, mà khổ đau triền miên kéo tới mãi như thế?

Để rồi, tháng chín đỏ lửa bên trời Nữ Ước. Buồn, lấy thơ của anh ra đọc lại để tìm về một cuộc sống yên bình trong thân phận của người xa xứ. Tìm về một dòng sông xưa. Tìm về một con đường nhỏ. Tìm về một ngôi trường mà trong thơ anh chất ngất.

*Nắng từ cuối dãy hành lang  
nắng qua cửa lớp, nắng quàng tóc em  
lòng tôi nắng cũng vừa lên  
nắng lau mắt ướt, nắng mềm áo tơ  
trong tôi con nắng bây giờ  
cũng là nắng cũ Cần Thơ thuở nào.*

Thời gian có khác. Nhưng không gian "nắng" thì ở đâu cũng vậy thôi. Nắng ban mai, nắng giữa trưa hay nắng quái chiều hôm, đối với người bình thường thì nắng cũng bình thường. Nhưng với Nguyễn Cát Đông thì khác, anh nhìn những giọt nắng bây giờ mà nhớ "nắng cũ Cần Thơ". Tôi không có dịp đến quê anh lần nào trong thời gian tôi ở trong quân ngũ. Nhưng đọc những dòng thơ trên, có lẽ "nắng" miền Hậu giang diu diu và mượt mà lắm hay sao, để "nắng qua cửa lớp, nắng quàng tóc em". Còn tôi, nắng miền Trung cháy khô cổ họng mỗi lần hành quân, nắng như đổ lửa xuống vùng đất khô cằn sỏi đá. Đọc thơ anh để mơ về một "cõi - trời - riêng - tư - của - mình", trong đó có anh và có tôi. Bớt đi cái nóng của lửa đạn chiến tranh. Nhưng, anh Nguyễn Cát Đông ơi, quê mình mưa nắng hai mùa. Mưa thì như xối nước. Nắng thì nắng cháy bỏng da người. Còn nắng nào "nắng lau mắt ướt, nắng mềm áo to". Nắng của người thơ có khác nắng của người dân lao động bình thường hay của những người lính như chúng tôi không? Tôi nghĩ có khác chứ. Phải không? Nhìn nắng xiên khoang từ những vòm lá trước sân trường, cũng đủ cho người thơ mộng tưởng kia mà. Nó cũng hợp lý thôi trong thực tế khi người yêu anh là một nữ sinh của ngôi trường anh dạy. Dù lúc bấy giờ nắng có cháy da, đổ mồ hôi áo của ông thầy còn trẻ, thì với anh, khi nhìn em ngồi bên song cửa lớp thì nắng vẫn là: "nắng mềm áo to". Tôi chịu anh diễn đạt ý của câu này lắm. Nhắm mắt lại một chút để hình dung về "nắng - mềm - áo - to" đó. Chịu, tôi không phải là thi sĩ.

Những dòng thơ lục bát thật nhẹ nhàng, diễn tả "thật" mà ta thường thấy trong cõi đời "tình". Anh yêu, tôi yêu, và mọi người cũng yêu vậy, trước ngưỡng cửa "yêu". Đã là con người là phải có tình yêu, trước khi thành vợ thành chồng. Nhưng, những câu lục bát mà là anh làm cho anh, nhưng lại như gắn liền vào tâm cảnh của tôi, khi mà:

*Theo em mấy chục con đường  
em loanh quanh lượn phố phường đông vui  
một con đường giữa tim tôi  
sao em không chịu dạo chơi một vòng?*

Anh biết? Tôi giận lắm khi lẽo đẽo theo sau nàng. Phố phường đông vui, nàng cứ nhờn nhờ như con bướm. "Con đường



tim" của anh, của tôi nàng xem như "không có". Đọc bốn câu thơ lục bát trên, tôi thấy nhà thơ Nguyễn Cát Đông này cũng chịu khó lèo đèo theo sau một người mà anh yêu. Không biết "nàng" có thấy "chàng - thi - sĩ" si tình " này không. Chắc là không, cho nên mới có "một con đường giữa tim tôi, sao em không chịu dạo chơi một vòng". Tôi thấy tội nghiệp cho ông bạn của tôi và hận cho mấy cô "làm cao" này ghê gớm. Để rồi anh cũng phải nói lên cái mà anh phải chấp nhận "tôi tên tục từ suốt đời say trăng". Anh ngắm trăng anh say, hay anh ngắm nàng anh say? Tôi nhớ bốn câu thơ của Nguyễn Bắc Sơn:

*Ta đọc ba ngàn cuốn sách.  
Xong rồi chẳng nhớ điều chi.  
Ta chỉ nhìn em một cái.  
Sao mà nhớ đến mê si.*

Tội nghiệp cho những người mà "thượng đế" cho mang hình hài phái nam như chúng tôi."Đại gái". Với anh, không biết anh "mần" sao, chẳng lẽ cứ lần quần theo sau nàng hoài, mà nàng có đoái hoài ngó lại đâu. Cứ "nhờn nhờ", cứ "loanh quanh", cứ "lượn phỏ" và vui với đời. Thế mà anh vẫn làm tên " tục tử " đi theo sau nàng mãi để "say trăng". Tôi phục anh. Dù con đường tim của chính anh "em không dạo chơi" mà cứ quanh quần phỏ phường. Còn tôi, một tên tục tử khác, lính không có thời giờ dạo chơi hoài, mỗi sáng. Chỉ còn một cách là trồng "cây si" trước cổng nhà nàng. Lính là vậy, đem cái lì ra thì mới bắt được nàng "loanh quanh lượn phỏ phường đông vui" mới được.

Những câu thơ tình của anh "thực" mà có "mộng" trong đó. Hình như trong suốt chiều dài làm thơ của anh, từ trong nước cho đến khi bỏ nước ra đi vào năm 1980, lúc nào anh cũng nhớ và nghĩ nhiều về quê hương, với tình yêu của một thời "dại gái" nữa phải không?

Với giọng nói rất rờng miền sông nước Hậu Giang. Tánh tình cũng cởi mở theo từng con nước lai láng phủ bờ kinh, bờ rạch vào mùa thủy triều lên. Gặp anh, cũng vẫn nụ cười đôn hậu. Cũng vẫn câu nói bình dân. Bản chất của người Nam tràn đầy sức sống và niềm vui như thuở nào, cho dù anh ở đâu, xa quê hương ngàn dặm, thì "cánh cò bay", tiếng "bìm bịp kêu" khi con nước lớn trên

bờ kinh đỏ thắm phù sa, anh vẫn nhớ như in. Ngay cả những "lau lách cũ bên bờ kinh ngọn lã. Chùng như quen như lạ người về". Tại sao lau lách lại "như quen" rồi lại "như lạ" người về. Người đi xa về thì lau lách bên bờ kinh lã ngọn kia vẫn là lau lách, con nước cho dù có lên, có xuống thì lau lách kia có gì đâu mà "lạ" với "quen". Ngay cả tiếng chim bìm bịp kêu vẫn đòi đoạn mỗi lần nghe. Chim bìm bịp kêu khi nước lớn. Lau lách bên bờ kinh thì vẫn là lau lách của thiên nhiên chẳng có khác chi. Nhưng không phải vậy đâu. Ta nghe thử:

*Khi người về dẫm dấu chân xưa  
có nghe tiếng đìu hiu rất lạ  
lau lách cũ bên dòng kinh ngọn lã  
chùng như quen như lạ người về.*

*Vẫn ngàn năm con nước gọi hè  
tiếng bìm bịp nghe buồn con nước lớn  
người đâu thấy lời chim đòi đoạn  
cũng không ngờ người đòi đoạn hơn chim*

Có lẽ tôi hiểu anh ở câu thơ: chùng như quen như lạ người về. Anh đã nhân cách hóa "lau lách bên bờ kinh" mà anh đã một thời lớn lên theo từng con nước. "lau lách", rồi lại "như quen", "như lạ". Bên cạnh đó còn có tiếng chim bìm bịp kêu khi con nước lớn rất quen thuộc với anh. Với tiếng chim kêu "đòi đoạn" đối với người đi xa trở về như anh cũng chẳng có gì đâu thay đổi: Vẫn lau lách, vẫn bờ kinh, vẫn tiếng chim kêu như thuở nào. Nhưng tôi lại thích câu thơ cuối này quá: "cũng không ngờ người đòi đoạn hơn chim". Thật tuyệt.

Đi xa, trở về cái gì cũng làm cho anh nhớ. Anh muốn ôm cái nhớ đó vào trong lòng, từ tiếng "bìm bịp" kêu, cho đến "khăn lụa tím" của ai đó phơi bên bờ giậu, hay khói bếp nhà ai "nhà khói chiều nay". Bức tranh pha nhiều màu sắc buồn. Màu "tím", "màu khói lam". Toàn màu buồn cho người trở về. Đáng lẽ người về phải vui lên chứ, nhưng sao lại:

*Tình buổi ấy cũng buồn như khói  
Nên thành mây lạc bến xa bờ*

Cho nên khi anh về thì:

*Chim vườn cũ nghe chùng như đã lạc  
Thì đừng trách lâu không hoàng hạc  
Chỉ còn nghe lá rụng hiên ngoài.*

Nghe lá rơi trong đêm thanh vắng ngoài sân, buồn lắm chứ. Như ai đó hát lên câu vọng cổ thật buồn của người Nam Bộ giữa đêm khuya. Mà, bốn câu thơ chót của bài thơ: Lạc Dấu Chân Xưa, tựa hồ như tôi đang được nghe câu xè của bài vọng cổ mà chính anh hát cho tôi nghe vậy:

*Mồn một đời đá nát vàng phai  
tàn một cánh hường nhan phận bạc  
nên nửa mảnh trăng thể đã khác  
đã phôi pha tự buổi xuân tàn.*

Câu xè của bài ca vọng cổ Nam bộ đã đem đến cho tôi một nỗi buồn da diết. Nào "đá nát", nào "vàng phai". Còn gì nữa "đã phôi pha tự buổi xuân tàn". Không phải anh soạn bài ca vọng cổ để hát cho tôi nghe đâu, mà anh làm thơ đó. Bài thơ của anh, hay cũng là của tôi nếu tôi muốn hiểu như thế, mỗi khi tôi trở về quê cũ, có lẽ rồi cũng mang một tâm trạng đó như anh. Để rồi lúc đó, tôi "cũng không ngờ người đòi đoạn hơn chim". Cho nên khi gặp lại anh ở Houston, Nguyễn Cát Đông của những ngày tháng năm nào, vẫn mang tâm thức của người thơ thuở trước:

*Vẳng nghe tiếng trống trường thành  
Với câu chinh phụ còn quanh chỗ ngòi  
Người xưa? Người đã đi rồi  
Còn đây tiếng phấn nhẹ rơi giữa ngày*

hay:

*Em trong cửa lớp nhìn ra  
Ta ngoài cửa lớp thấy ta một thời  
Những thầy những bạn những tôi  
Những cơn mộng cũ ngòi nơi góc nào?*

Có lẽ hơn ai hết anh biết rõ "những con mộng cũ ngời nơi góc nào". "Góc nào" bây giờ, có còn nữa đâu để cho những con mộng đến từ một nơi nào đó, một góc nào đó. Những nơi, những góc đó bây giờ chỉ "thấy ta một thời". Khi mà, chính anh đã nghe "văng nghe tiếng trống trường thành". Tiếng trống của ngày xưa đánh lên làm lung lay bóng nguyệt dưới hào sâu, bao bọc hoàng thành của thời vua chúa cũ. Còn bây giờ không là tiếng trống trường thành nữa, mà là hàng đêm tiếng đại bác vọng về. Để anh nhìn thấy những đứa học trò, nam sinh hay nữ sinh nơi ngôi trường anh dạy, tương lai rồi sẽ "với câu chinh phụ còn quanh chỗ ngời". Chắc chắn hơn ai hết anh đã thấy. Thấy gì? Chiến tranh ! Vào thập niên 60's đã cuốn hút biết bao nhiêu tuổi trẻ lên đường, trong đó có tôi. Chiến tranh như con quỷ đang vươn những cánh tay dài tóm bắt những giáo chức, thanh niên, sinh viên, học sinh và, ngay cả những người dân bình thường lao vào cuộc chiến. Cái "chết" hiện ra rành rành trên những trang báo hằng ngày, khi đưa tin từ một chiến trường xa về. "Với câu chinh phụ còn quanh chỗ ngời". Và "Còn đây tiếng phẫn nệ rơi giữa ngày". Anh đã viết và anh cũng đã thấy. "Lạc lõng" , "bơ vơ" ngay cả với những bạn đồng nghiệp của anh. Hay với bằng hữu thi: "Bằng hữu bây giờ như lá khô. Lăn lượm bỏ đi về nơi cõi khác". Buồn cho thế hệ của chúng ta: Thế hệ chiến tranh.

Thời buổi đó, anh đứng nơi bục giảng nhìn đám học trò "ngơ ngác" nhìn ra cửa lớp khi "văng nghe tiếng trống trường thành". Để rồi, chính anh lại nghe "tiếng phẫn nệ rơi giữa ngày". Một âm thanh hụt hẫng rơi. Tại sao? Bạn bè của anh đâu. Tại sao? Người thân của anh đâu. Anh đang đứng một mình ngoài cửa lớp để mong "những con mộng cũ". Còn tôi không có được cái an bình "buồn tênh" đó như anh, mà thật sự đang đành lấy "cái sống" trong "cái chết" giữa một cuộc chiến đang cuốn hút hàng hàng lớp lớp người trẻ lên đường.

Nói trắng ra chẳng ai thích chiến tranh. Nhưng cũng bởi vì cái đầu óc con người còn Tham Sân Si bởi vô minh bao phủ mà ra, cứ tạo ra cảnh bom rơi, đạn lạc, chiếm đất, dành dân để áp đặt lên người dân một học thuyết. Mà học thuyết nào rồi cũng gây nên bao đau thương cho bà con, xóm làng. Tôi với anh sanh trong cùng thời kỳ, cùng chứng kiến cảnh đạn bom, tuổi thơ đã bao lần

chạy giặc. Tôi ở miền Trung theo cha mẹ chạy lánh cư lên rừng, lên núi. Anh ở đồng bằng Nam bộ thì:

*Giữa tiếng đạn bom mỗi lần chạy giặc  
giữa lác, đưng, đĩa, muỗi Trà Lồng  
đôi tay mẹ như mây trời bát ngát  
Một cánh cò vát và nuôi con.*

Hằng đêm. Hằng đêm biết bao người chờ đợi bom đạn thổi bùng roi trên quê hương nữa. Tôi trở về phố thị. Anh trở về đồng bằng trong nỗi vui hết chiến tranh. Tất cả mọi nhà đều hát câu nhân ái. Những câu thơ anh gợi lên một hình ảnh đẹp lạ lùng:

*Con của Mẹ biết nâng niu từng viên đất nhỏ  
Vừa cấy cày, vừa hát ca dao  
Vừa thất tình, vừa ca vọng cổ  
Vừa đuổi quân thù, vừa ngắm trăng sao*

*Ngun ngút đồng xanh Thác Lác, Bà Đầm  
Tấp nập ghe xuồng ngã Bảy, ngã Năm  
Cam ngọt Trường Long, khóm thơm Long Mỹ  
Rộn rịp hát đình Bình Thủy, Cái Răng*

Vui lắm. Khi có đêm hát đình ở thôn quê. Thuở nhỏ, nghe có hát đình là tôi xách cái ghế nhỏ theo, đi thật sớm để được ngồi gần "sân khấu". Nhưng phải là cái đêm không có nghe tiếng súng. Ánh sáng của ngọn đèn "măng xông" nơi đình làng làm tuổi thơ tôi thích thú vô cùng. Anh đã gợi lại cho tôi hình ảnh đẹp trong thơ của anh. Nhưng rồi cuộc chiến này vừa chấm dứt. Cuộc chiến khác lại nổi lên. Với cuộc chiến sau này càng ngày càng khốc liệt, để anh phải thốt lên "bằng hữu bây giờ như những lá khô". Và, chính anh cũng thấy bơ vơ trước khung cảnh trường xưa, lớp cũ:

*Nghe sao lạ những ngôi vôi  
lạ em giữa lớp lạ tôi giữa trường  
Hạt mưa nào rót qua đường  
hay tôi mắt ướt giữa sương khói chiều*

Mấy vần thơ lục bát của anh làm tôi thắm "nghe sao lạ những ngói vôi". Như ngày nào của tháng Tư năm 1975, ngôi trường mà thưở nhỏ tôi ngồi học ở đó, lại phủ phàn đón nhận chúng tôi ngồi dưới những họng súng A.K canh chừng để đưa chúng tôi lên mật khu đày đọa tằm thân tù. Ngôi nhìn trường xưa, ngói vôi vẫn y nguyên còn đó, nhưng sao thấy lạ và buồn. Em của tháng năm nào đứng đợi tôi nơi hành lang khi tan học? Mắt tôi "ướt giữa sương khói chiều" hôm đó. Anh làm tôi nhớ.

Gặp lại anh ở Houston mừng và vui. Trong cuộc chiến vừa qua tôi với anh còn sống để gặp lại, ngay cả những bạn bè cũ của tôi và anh. Tôi hỏi sao anh không lấy lại tên cũ Nguyễn Cát Đông mà lấy tên Trần Bang Thạch. Có lẽ, với bốn câu lục bát này, tôi hiểu anh:

*Người đi như sáo qua sông  
như con nước lớn nước ròng ngược xuôi  
Tôi trên bến lở một đời  
làm thân lá mục lạc trôi giữa dòng*

Chiếc "lá mục" đó vẫn trôi giữa dòng đời. Sáng. Trưa. Chiều. Tối. Hít thở không khí để sống. Bù đầu vào công việc làm để kiếm cái ăn, cái mặc nơi xứ xở không phải là xứ xở của mình. Nhưng ở đâu rồi cũng phải hít thở nhiều đó lượng không khí vào người mới sống được. Nhưng với anh, sống như thế nào đây, cùng với không khí, đường sá, tiện nghi, nhà ở. Mà anh lúc nào cũng nghĩ về một quê hương để anh so sánh giữa quê người với quê nhà. Tôi chịu những dòng thơ anh làm khi gặp anh ở Houston:

*Đường sá của người  
đâu phải của ta  
sao ta cứ miệt mài đi về năm tháng  
dù đông lạnh căm  
dù hè cháy nắng  
ta ngựa già nối những dặm xa*

*Gió ở đây cũng là gió của người ta  
đâu phải gió đông bằng  
đâu phải mưa châu thổ*

*Nước mặn đại tây dương  
đâu bằng nước ngọt phù sa quạch đờ  
Ta nghe chừng thiếu một hơi quen*

"Hơi quen" nghe chừng như thiếu. Đúng vậy, anh Nguyễn Cát Đông. Anh thử tìm ở đâu, nơi anh sống "mẹ lung còng trong sân rêu phủ". — đâu nữa "cha một mình trên dòng kinh nước đục", rồi tìm ở đâu hình bóng "chiếc xuồng câu", rồi "mái chùa cong". Để cho anh còn thấy "nhìn em tóc bím, môi cười". Những hình ảnh đẹp của quê hương đạo nào, bây giờ chỉ còn lại trong tâm thức của anh, qua những dòng thơ sau:

*Để mỗi đêm dài điếm cỏ câu sương  
ta mơ làm người Lý Bạch  
"đê đầu tư cổ hương"  
thấy lòng mình lượn lờ nơi viễn phố.*

Viết về anh, người bạn thơ của một thời báo chí cũ mà tôi trân quý như hầu hết những bạn bè cầm bút mà tôi có dịp thân quen, còn sống, miệt mài trên xứ người, mà những dòng thơ, những bài văn hôm nay vẫn bát ngát: Một trời quê hương. Bằng hữu.

*Amarillo, mùa thu 2001*

**PHẠM VĂN NHÀN**

(trích: 21 Khuôn Mặt Văn Nghệ Miền Nam - Thư Ấn Quán - 2015, tr 185-200)

# THƠ

**NGUYỄN CÁT ĐÔNG**

**TỪ CHÂU ĐỐC  
NHỚ VỀ CĂN THƠ**

*Gần hai năm tròn ba sống ở đây  
gần hai năm ba cần mẫn làm thầy  
buổi sáng buổi trưa vào ra lớp học  
chiều trở về bụi phấn đầy vai*

Bây giờ đã vào mùa thả diều  
đầy khung trời diều no gió phiêu diêu  
ba thấy hồn mình như cánh gió  
muốn bay cao mà trời thấp mây nhiều

Con ở đó nào con có biết  
ba ở đây sống thật nhọc nhằn  
lớp thì rộng, học trò thì thanh khiết  
ba thì như căn gác nhỏ nhện giăng

Có những sáng ăn vội vàng mẩu bánh  
rồi lơ ngơ vào lớp học giảng bài  
nắng thì gắt mà lòng ba thì lạnh  
cảm phấn lên mà phấn rớt không hay

Có những trưa và miếng cơm trệu trạo  
rồi áo quần sách vở ra đi  
đứng trên bục chợt thấy mình lơ láo  
muốn nói nhiều. Rồi chẳng nói chi

Sống như ba thật là tội nghiệp  
mỗi ngày qua mỗi thấy hao gầy  
mỗi giấc ngủ mỗi cơn đồng thiếp  
mộng thấy mình như cánh vạc bay

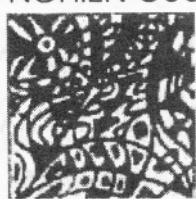
Thật thừa thớt những lần về thăm nhà  
mẹ con thường mỗi mắt chờ ba  
con vẫn thường mong ba bông bé  
ba vẫn thường đôi mắt phương xa

Sáng chủ nhật ba thường lên núi  
núi thì cao, trời thì thật mù tăm  
đường dốc ngược ba một mình thui thủi  
bông muốn thành đá núi trăm năm.

(Trích tập thơ **Áo Mây Bay**. In chung với Ý NHI - 1972)



NGHIÊN CỨU



**LÊ QUÝ ĐÀNG**

**THI VĂN GIA HÁN VIỆT  
ĐỜI TRẦN HỒ**

**(Một thời làm cho vinh quang sử sách)**

*(tiếp theo VHAVN số 70 - mùa Thu 2015 và hết)*



**THI VĂN GIA ĐỜI TRẦN, HỒ  
LÀM CHO VINH QUANG CẢ SỬ SÁCH**

Sau ngày nhà Ngô (Ngô Quyền) lập nền tự chủ (năm 939), chỉ còn một số nhà sử học thông chữ nghĩa (chữ Hán) mà thôi. Từ ngày đó trở về sau cho đến đầu thế kỷ XV, các triều đại kế tiếp (Đinh, Tiền Lê), người ta cũng thuận theo các nhà sư mà học chữ Hán. Theo cái đà đó, các triều đại (Lý, Trần) cũng coi chữ Hán là gốc, mãi cho đến nhà Hồ, Hồ Quý Ly mới có cái tư tưởng dân dà lấy chữ nước ta (tức chữ Nôm) làm chữ thông dụng trong nước. Rồi nhà Hồ sụp đổ và tư tưởng cải cách đó cũng sụp đổ theo. Tuy nhiên với chữ mượn (chữ Hán) của người Trung Quốc đó, các văn gia cũng đã hình thành được một nền văn học có màu sắc riêng. Đến đời Trần, nhờ có tự do tín ngưỡng, tự do học hành và chế độ khoa cử chưa ràng buộc nhiều các sĩ tử, các thi, văn gia thời bấy giờ tuy chịu ảnh hưởng tư tưởng của Trung Quốc, nhưng vẫn giữ được tính cách độc lập, biết thu thập cái tinh hoa của văn hoá nước ngoài, cho nên hình thành được một nền văn chương vừa có tính cách thâm trầm, vừa có tính cách hào hùng, mạnh mẽ, vừa có tính cách êm ái, nhân nhả. Đến đời Hồ, trong văn học giới lại nảy nở

cái tinh thần khoa học, tinh thần phê phán sự sùng bái quá mức về đạo Phật, đạo Nho. Nhưng tiếc thay cái quá khứ tốt đẹp, cái công trình xây dựng nền văn học tiến bộ của ông cha ta đã bị cuộc chinh phục của nhà Minh làm tiêu hủy! Cụ Huỳnh Thúc Kháng, trong bài "**Hán học nước ta**" nhận định: "... *Nói tóm lại nước ta thuộc Minh chỉ vài mươi năm mà học giới ta bị một luồng khí độc làm cho cái học hay, tốt đời Trần về trước bị quét sạch sành sanh không còn chút gì, lại lưu lại cái họa bùa mê của Tống Nho với con ma khoa cử mà làm hại cho học giới ta sau này...*".

Các văn gia đời Trần, Hồ đã tiến bộ hơn các văn gia đời Lý về cả hai phương diện nội dung cũng như hình thức. Thơ, văn thời kỳ này ngoài sự biểu hiện được cái truyền thống yêu nước hào hùng của dân tộc ta dưới sự lãnh đạo của các đế, vương hanh hùng, yêu nước nhà Trần, còn có khuynh hướng ca ngợi những cảnh trí thiên nhiên, yêu thích thú nhân tản và niềm cảm khái thời thế. Văn phê bình cũng phát triển mạnh, đã xuất hiện những bài bút chiến, chỉ trích sự tôn sùng đạo Phật, đạo Nho quá đáng. Các sáng tác của các thi, văn gia thời bấy giờ đã phát triển và trưởng thành về nội dung khá phong phú, về lời văn thì dồi dào hình tượng. Trương Hiếu Khánh, một vị sử gia người Trung Quốc, đại diện cho một triều đại hùng mạnh nhất thế giới hồi đó cũng phải lên tiếng công nhận: "*Nước An Nam tuy nhỏ, nhưng là một nước có nền văn chương, văn hoá, văn minh, chúng ta không thể coi thường là một nước dã man, lạc hậu, éch ngồi dưới đáy giếng đâu!*" (*An Nam tuy tiểu, văn chương tại. Vị khả khinh đàm tinh đế oa*). Lê Quý Đôn, trong sách "**Kiến văn tiểu lục**", cũng có nhận định về các văn gia, nhân sĩ đời Trần: "*Những ông ấy, (nhân sĩ đời Trần), phẩm hạnh thanh giới, cao khiết, có cái phong thái người sĩ quân tử như đời nhà Tây Hán bên Tàu, không phải kẻ tầm thường sánh kịp được. Bởi vì nhà Trần đãi kẻ sĩ thung dung và không hẹp hòi, hoà dịu, có lễ phép, cho nên nhân sĩ thời bấy giờ, ai cũng biết tự thụ lập, anh hào, tuấn sĩ vượt ra ngoài lưu tục, làm cho quang vinh cả sử sách, khônbg thẹn với trời đất, há phải đời sau kịp được đâu!*". (Nguyễn Đông Chi dịch).

Do sự lãnh đạo và chính sách đãi ngộ kẻ sĩ của các đế, vương triều đại nhà Trần, do ý thức tự lực, tự cường, trải qua các trận chiến tranh ác liệt chống quân xâm lược, mà văn khí đời Trần,

Hồ, nhất là phú đời Trần có cái tính chất hùng vĩ, mạnh mẽ, tốt đẹp, trôi chảy như lời nhận định của Lê Quý Đôn. Về nội dung tư tưởng, các sáng tác đời Trần, Hồ cũng có biến đổi khác với đời Lý. Phật giáo không còn độc tôn và đã bị đẩy xuống ngang hàng với Nho giáo, Lão giáo. Phật giáo Thiên Tông tuy phát nguyên từ Trung Quốc, tuy nhiên vẫn mang màu sắc dân tộc riêng. Đặc biệt là phái "Trúc Lâm Yên Tử" có khuynh hướng độc lập, khai sáng. Cuối đời Trần và đời Hồ, Hồ Quý Ly có tư tưởng chống đối lại với Tống Nho bên Trung Quốc. Cũng trong thời gian này, có nhiều sự kiện văn hoá quan trọng xuất hiện như sự bắt đầu hình thành những sáng tác bằng chữ nước ta (chữ Nôm) và những bộ sử ký biên soạn có tính cách quy mô. Các văn gia đời Trần, Hồ đã có tiến bộ nhiều và đã làm rạng danh sử sách.

*Portland OR, cuối Đông, 2004*

## **LÊ QUÝ ĐÀNG**

**TIỆM VÀNG VÀ HỘT XOÀN**  
**THÀNH LỢI**  
**JEWELRY**

(trong khu HONG KONG 4)  
11209 Bellaire Blvd # C9B  
Houston, TX 77072  
Tel: (281) 530-9696

Chuyên môn về vàng 24k, 18k, 14k  
Cẩm Thạch và Hột Trai Quý  
Nhập cảng Hột Xoàn từ Âu Châu có certificate  
bảo đảm của hãng GISA, EGL.HRD, IGI

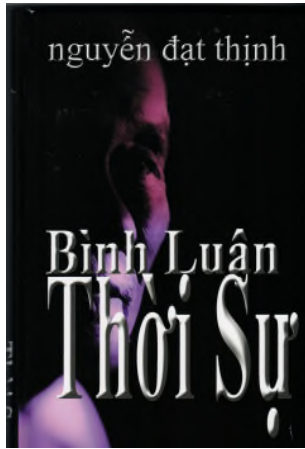
Đã chuyển về địa điểm mới (từ tháng 11/2007) trong khu HONG KONG 4, bãi đậu xe rộng rãi, cửa hàng mặt tiền dễ tìm, rất thuận tiện cho quý vị khi muốn mua nữ trang trong dịp cưới, hỏi, hoặc tặng quà trong dịp Tân Gia, Khai Trương.

\* Mở cửa 7 ngày (Open 7 days a week)  
Rất mong được sự ủng hộ của quý khách

**THÀNH LỢI**  
*kính mời*

**GIÁO DỤC - VĂN HOÁ - VĂN NGHỆ**

**BUỔI RA MẮT QUYỂN SÁCH  
BÌNH LUẬN THỜI SỰ**  
của  
**NGUYỄN ĐẠT THỊNH**



Nhà báo NGUYỄN ĐẠT THỊNH đang nói lời cảm ơn... (ảnh LCT)

**LÊ CẦN THƠ**  
*ghi chép*

VĂN HOÁ VIỆT NAM 71 \* 156 \* MÙA ĐÔNG 2015

Từ hôm gặp trong ngày dự picnic Hè ngày chủ nhật 9 tháng 8-2015 tại công viên George Bush của hội Võ Bị Houston; và tiếp sau đó gặp trong bữa cơm hàng tháng của gia đình Phan Thanh Giản & Đoàn Thị Điểm Cần Thơ trưa ngày thứ bảy 15 tháng 8-2015 tại nhà hàng Vĩnh Hoa (\*), tôi đã trực tiếp bắt tay chào hỏi và được biết "*anh*" sắp in xong quyển sách **BÌNH LUẬN THỜI SỰ**. Từ đó tôi cứ nôn nóng chờ đợi đến ngày trực tiếp cầm trên tay quyển sách mà tôi nghĩ, đây là "**đứa con ưng ý của anh**". Bây giờ là sự thật. Quyển sách "*dây 540 trang gồm 73 câu chuyện thời sự nóng bỏng, được kể lại trung thực, chi tiết, và bình luận nhẹ nhàng, tế nhị, trong quan niệm dành cho người đọc phần quan trọng nhất trong việc phê phán*" như trong THƯ MỜI được gửi đến một số người mà "*anh*" hy vọng có thể đến cùng chia sẻ trong buổi ra mắt từ 1 giờ trưa ngày chủ nhật 18 tháng Mười năm 2015 vừa qua tại địa điểm thật khang trang và ấm áp: Rosemary's Garden, số 14639 Bellaire Blvd (phòng Magnolia). Houston, Texas.

Tại bàn tiếp khách, tác giả Nguyễn Đạt Thịnh và các chị trong ban tổ chức vui vẻ chào đón niềm nở người đến tham dự, mua sách ủng hộ và tác giả trang trọng ký tên đề tặng lưu niệm từng người. Phóng viên đài truyền hình Sài Gòn Houston đặt máy ghi hình và phỏng vấn một số tham dự viên cảm nghĩ của mình khi đến tham dự buổi ra mắt sách với tác giả, trong vòng hơn nửa



tiếng đồng hồ thì MC đã mời khách tham dự vào vị trí ngồi để bắt đầu buổi ra mắt sách.

Tác giả Nguyễn Đạt Thịnh ký tặng sách lưu niệm tại bàn tiếp khách...

Khi chào cờ xong và MC Sơn Huy mời mọi người "an tọa", tôi lướt qua các bàn trong phòng, kể cả nhân vật chính của buổi ra mắt quyển sách, có tất cả 118 người. Số người đến sau bao nhiêu thì tôi không ghi nhận thêm, bởi lần lượt lắng nghe 3 diễn giả trao đổi mà tôi cũng chỉ tóm gọn vắn tắt trong bài viết ngắn này.

Diễn giả đầu tiên là GS Tiến sĩ Nông Duy Trường. Bằng giọng nói trong âm, rõ ràng và rất nhiệt tình, đã bày tỏ cảm nghĩ về tác phẩm BÌNH LUẬN THỜI SỰ. Ông cho đây là một **tác phẩm đồ sộ** (540 trang), **một biên niên sử**, **73 câu chuyện** thể hiện qua 3 tiểu mục quốc tế, quốc nội Hoa Kỳ và quốc nội VN với những trích dẫn một vài đoạn, đôi bài tiêu biểu để phân tích, nhận định cách viết bình luận rất thành công của tác giả. Diễn giả nêu ra vài sơ sót do lỗi in ấn ở phần mục lục, cũng như không tìm thấy câu chữ nào tác giả viết cho riêng mình, chứng tỏ ông đã đọc rất kỹ, không thiếu sót dòng chữ nào trong quyển sách..., *tôi đã tìm thấy cái tình thật sâu đậm của diễn giả dành cho tác giả Nguyễn Đạt Thịnh.*

Diễn giả thứ hai là Nguyễn Ngọc Bảo. Cũng vẫn giọng nói ấm áp, hùng hồn khi trình bày suy nghĩ của mình về toàn bộ tác phẩm. Ông có sự phân tích tỹ mỹ và tóm gọn trong 8 điểm về tác phẩm gồm 73 bài viết: (1). *Nóng hổi, đáp ứng được yêu tố thời gian.* (2). *Đề tài được nhiều độc giả quan tâm.* (3). *Bình luận với cách viết giòn tan, hấp dẫn...* (4). *Đặt nặng thời sự, bình luận, dẫn dắt dư luận.* (5). *Đa dạng, có kiến thức sâu rộng.* (6). *Tác giả ít đề cập đến sự kiện trong nước Việt Nam, do báo chí xuất bản trong nước là công cụ của đảng CS nên tác giả không tin sự xác thực đề bình luận.* (7). *Tác giả luôn luôn cố gắng tìm hiểu chi tiết từng sự kiện để bình luận.*

(8). *Sử dụng câu văn hóm hỉnh khi bình luận cho độc giả cảm thấy thoải mái khi đọc từng vấn đề.* Diễn giả nói rằng "tôi chỉ nói tóm gọn như vậy, quý vị đọc và tự khám phá về tác phẩm với 73 câu chuyện, của cây viết Nguyễn Đạt Thịnh, đã 84 tuổi đời mà viết vẫn minh mẫn, nhạy bén, sâu sắc, dùng ngòi bút đấu tranh cho tự do... không mệt mỏi".

Diễn giả cuối cùng là nhà báo Dương Phục. Ông được mời lên để giới thiệu về tác giả. Với cách nói rất thân tình, ông đã nhắc với mọi người, tác giả Nguyễn Đạt Thịnh là một Sĩ quan quân lực

VNCH, trưởng phòng Tâm Lý Chiến, Cục Chiến Tranh Chính Trị, Phụ trách Báo Tiền Phong, Chiến Sĩ Cộng Hoà. Không chỉ làm việc ở văn phòng mà còn xông xáo ra tiền tuyến. Còn nhớ khi tham dự chiến trận Hạ Lào, trở về anh Nguyễn Đạt Thịnh viết loạt bài phóng sự ký bút hiệu Sao Bắc Đẩu rất đặc sắc thời đó. Khi cùng Phạm Huân, cả hai đều là cấp Tá, chủ trương tờ Điều Hâu với những loạt bài chống tham nhũng, chỉ đích danh một vị tướng lãnh thời đó, đã gây chấn động trong báo giới. Nhà báo Dương Phục tươi cười hỏi đại ý: "Từ thời gian đó cho mãi tới hôm nay, tôi vẫn thắc mắc không hiểu, anh Nguyễn Đạt Thịnh có một "lá chắn" nào không mà dám viết sự thật như vậy? Phải chăng Cụ Trần Văn Hương lúc đó làm Ủy Ban Bài Trừ Tham Nhũng?". Diễn giả kết luận: *Có một thời người ta gọi những người làm báo là "viết lách", nhưng đối với tác giả, tôi rất "ngưỡng mộ và khâm phục anh Nguyễn Đạt Thịnh, đã viết mà không lách!"*.

Mỗi diễn giả trình bày xong, vừa bước xuống thì tác giả Nguyễn Đạt Thịnh đã đón bắt tay ngõ lời cảm ơn thật cảm động. Sau cùng, "anh" đã lên diễn đàn nói lời cảm ơn chung MC Sơn Huy, 3 diễn giả và tất cả các mạnh thường quân, các bạn bè thân hữu đã đến tham dự và ủng hộ buổi ra mắt sách BÌNH LUẬN THỜI SỰ.

Xen kẽ các mục, là đọc danh sách các nhà bảo trợ cho buổi ra mắt sách, có phần văn nghệ chọn lọc. Đặc biệt ca sĩ Thanh Diệp đã trình bày nhạc phẩm được phổ từ bài thơ của Nguyễn Đạt Thịnh "Đôi Mắt Lá Răm", ca sĩ Kevin Quang với bài "Chiến Sĩ Vô Danh" v.v... Buổi ra mắt sách của Nguyễn Đạt Thịnh đã kết thúc đúng dự kiến của ban tổ chức. *Với suy nghĩ riêng của người ghi chép, tôi cho rằng "đã thành công trọn vẹn"*.

### THƯ CẢM ƠN

Khi kết thúc bản thảo VHVN 71, chúng tôi nhận được tập thơ **HOÀI HƯƠNG** của **ĐỖ HỮU TÀI** do **Miên Kim** (Fairfax - VA) gửi tặng. Xin cảm ơn các bạn đã có mỹ ý gửi sách. Chúng tôi sẽ giới thiệu chi tiết trong tạp chí VHVN số 72 - mùa Xuân 2016.

(16-11-2015)

Trân trọng,  
LÊ CẦN THỎ



Ảnh lưu niệm: Tác giả Nguyễn Đạt Thịnh tại bàn nhóm bạn PTG (từ trái): Đoàn Hựu, Phùng Văn Huỳnh, Trần Thị Tâm, Võ Lê Thơ, Võ Văn Nghi, Lê Cận Thơ..

(\*) Ghi thêm: Nhắc lại sự kiện này, tôi xin trích mấy dòng của anh Trần Bang Thạch ghi trong trang nhà ptgtdusa.com, khi tường trình buổi tham dự "bữa cơm tao ngộ" hàng tháng của gia đình Phan Thanh Gián & Đoàn Thị Điểm Cận Thơ tháng 8-2015, kèm 02 ảnh có mặt của nhà báo Nguyễn Đạt Thịnh, để bổ sung mỗi thân tình của chúng tôi với nhà báo, tác giả quyển sách ra mắt hôm nay.

Anh Trần Bang Thạch đã viết: *"Đặc biệt có sự tham dự của nhà văn - nhà báo lão thành Nguyễn Đạt Thịnh, hiện đảm nhận vai trò Chủ Bút Tuần báo Thời Báo ấn bản Houston. Sau khi được nhóm tổ chức tặng hoa và tặng Đặc San các Đại Hội, nhà báo Nguyễn Đạt Thịnh tâm tình là suýt chút nữa ông đã thành rể Cận Thơ trong thời gian phục vụ tại Cận Thơ từ khi còn là 1 thiếu úy, rồi đại úy trưởng phòng 5 Tâm Lý Chiến Quân Đoàn IV thời thập niên 60.*

*Trong không khí gia đình đầm ấm, ông đã xin được là thành viên trong gia đình Cận Thơ giữa tiếng vỗ tay hoan nghinh của mọi người".*

Xin giới thiệu 2 bức ảnh trong số nhiều ảnh sinh hoạt trong bữa ăn thân tình này. (ảnh 1: tặng hoa)





Ảnh 1. CHS Võ Lê Thơ, cố vấn ban điều hành gia đình PTG & ĐTD tặng hoa tươi cho nhà văn - nhà báo Nguyễn Đạt Thịnh khi anh nói **"xin được là thành viên trong gia đình Cần Thơ..."**

Ảnh 2. Ảnh chụp lưu niệm tại bàn: (Từ trái sang phải - ngồi) Phan Thị Huệ, Trần Bạch Cúc, Võ Lê Thơ, Phạm Thu Nguyệt, Trần Thị Tâm, Trần Thị Ánh Nguyệt, Đặng Hoàng Thủy. (đứng): Lê Cần Thơ, Nguyễn Đạt Thịnh, Phùng Văn Huỳnh, Đoàn Hựu, Lê Trí Tín, Nguyễn Ngọc Diệu, chị Thịnh, Lưu Mỹ Lệ. (người chụp ảnh: Trần Bang Thạch.)



Houston, ngày 20 tháng 10 năm 2015

## LÊ CẦN THƠ

\*ảnh trong bài: PV trang nhà ptgtdusa.com - Lê Cần Thơ - Trần Bạch Cúc

## HUYỀN VÂN THANH

(Về Nguồn - Tây Đô)

### HƠI THỞ ĐỒNG BẰNG

\* tặng Tiêu Dao Bảo Cự, Bùi Minh Quốc  
và Nguyễn Xuân Tú (Hà Sĩ Phu)  
để nhớ đêm họp mặt tại Hội văn nghệ Lâm Đồng (Đà Lạt)  
và đọc thơ tặng nhau (20-5-1988)

*Tôi chưa làm thơ hay  
Bởi tâm nhìn giới hạn  
Bởi tâm hồn tản mạn  
Chưa kết tụ thành thơ.*

*Từ trong mỗi ước mơ  
Có chút gì sâu lắng  
Từng đêm, từng đêm trắng  
Trang viết vẫn nhạt nhoà  
Bao nét chữ hiện ra  
Đều cùng tôi thao thức  
Dù trái tim rạo rục  
Cũng chưa thành thơ hay!*

*Vẫn biết mình "yếu" tay  
Để làm câu thơ đẹp  
Vẫn biết mình hạn hẹp  
Khi gạn lọc chất chiu...*

*Giữa đầm thắm thương yêu  
Có chồi non lộc mới  
Sóng lúa vàng réo gọi  
Mang **hơi thở đồng bằng**  
Nước sông Hậu mùa trăng  
Chiếc sắc màu lấp lánh  
Hạt phù sa óng ánh  
Rái đồng trũng, đắp bờ  
Nương kinh rạch giăng tơ  
Nổi mạch liền châu thổ  
Hương đồng. Hương lúa trở*

*Ngan ngát mấy yêu thương...*

*Sợ tơ trời vương vương  
Là đà trên ngọn lúa  
Đàn chim sâu nhảy múa  
Quanh cành mận xanh tươi  
Cá ao sâu vẫy đuôi  
Giờn môi trưa yên tĩnh  
Con trâu già lém lỉnh  
Ngoạm hàng bắp non xanh  
Dưới gốc xoài mát râm  
Em thơ nằm đọc sách  
Chiếc máy bơm ì ạch  
Phun nước tưới đồng khô...*

*Bao hình ảnh ban sơ  
In sâu trong tiềm thức  
Tôi vẫn nghe rạo rục  
Theo nhịp đập tim mình.*

*Không rậm lá rừng xanh  
Không ồn ào sóng biển  
Không núi cao dốc hiểm  
Tất cả thật bình thường  
Ôi... **hơi thở đồng bằng**  
Vẫn theo hoài cuộc sống...*

Đà Lạt đêm 20-5-1988

[Bài thơ viết vội trên giấy nháp và đọc tặng bạn bè trong đêm họp mặt do Tiêu Dao Bảo Cự và Bùi Minh Quốc (nhà thơ Dương Hương Ly) tổ chức tại Hội văn nghệ Lâm Đồng, trong đó anh Nguyễn Xuân Tú (Hà Sĩ Phu) ngồi cạnh bên gợi ý muốn tôi lên đọc một bài thơ lưu niệm. Sau mấy lần do dự, vì biết mình không có năng khiếu làm thơ và đọc thơ trước đám đông... nhưng rồi, tôi chọn "dàn dựng" một cái "khung" trong trí, "điếc không sợ súng" trước những bậc đàn anh và những tài năng của đất Đà Lạt, tôi đọc... một cách miễn cưỡng những dòng chữ ghi vội trên đây. Xin chép lại theo trí nhớ như một kỷ niệm khó quên trong đời. Dĩ nhiên là tôi vẫn đề tặng cả ba người có liên quan tới bài thơ đến bất chợt. Vây thôi chớ không có ý gì khác].

**HUYỀN VÂN THANH**

*(Về Nguồn - Tây Đô)*

[Trích **NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG THƠ** - *Bản Thảo Lưu Lại* - xb 2007, tr 204 - 206]



**NGỌC ÁNH**  
(California)

## ÔNG GIÀ NOEL LÀ MẸ

Tôi có hai đứa con mà đứa nào cũng mồ côi cha rất sớm. Khi thằng con trai đầu lòng được hơn một tuổi thì bất hạnh xảy ra, vợ chồng con cái nhà tôi kéo nhau vào trại giam không hẹn ngày về... Thật ra câu chuyện đáng buồn này nếu nhìn theo góc độ nào đó cũng không có gì bi thảm, bực làm thì dạ ráng chịu vậy. Bất cứ ai còn có tâm lòng với quê hương đất nước khi nhìn thấy cảnh trái tai gai mắt, áp bức bất công xảy ra trong cái gọi là xã hội chủ nghĩa mà cộng sản miền Bắc xâm chiếm và thống trị miền Nam sau ngày 30/4/75 thì cũng làm như chúng tôi thôi, dù sự phản đối được thể hiện bằng cách này hay cách khác. Vợ chồng chúng tôi bị bắt về tội phản động, nhà cửa bị niêm phong và tôi chỉ kịp mang theo mấy gói gạo lức Bích Chi cùng ít khăn tả cho con... Ngoài ra tất cả đều mất hết, kể cả tính mạng của chồng tôi.

Nhưng điều tôi ân hận nhất đời là phải đẩy thằng bé vào trong hoàn cảnh khốn khổ này. Đêm Giáng Sinh đầu tiên trong phòng biệt giam tăm tối ở một tỉnh nhỏ xa lạ ngoài Trung, tôi nghe tiếng chuông nhà thờ đổ rất gần, tôi ôm thằng bé đang khóc ngất vì đói sữa mà nát cả lòng. “*Lạy Chúa con là người ngoại đạo, nhưng tin có Chúa ngự trên cao...*”. Tôi thành tâm cầu nguyện theo cái cách riêng của mình để mong Chúa nghe thấy, nhưng chắc Ngài cũng bận rộn với hàng triệu triệu con chiên đang khốn khổ trong cái xã hội loi nhoi ngoài kia cần cứu rỗi hơn, nên bóng tối vẫn phủ trùm quanh đây sự im lặng đáng sợ và tôi lại mơ đến ông già Noel đầy huyền thoại của tuổi thơ: “*Ước gì ông già Noel là có thật để ông mang đến đây một bình sữa cho thằng bé nhà tôi*”.

Rồi những năm tháng lạnh lùng trôi qua trong trại giam, chồng tôi bị tử hình sau đó không lâu; con trai tôi qua những cơn sốt nặng không thuốc men, thiếu dinh dưỡng, thoi thóp trong hôn mê kéo dài... Đê khi tỉnh dậy thì tay chân co rút và lưỡi lú lại, một bác sĩ tù nào đó nói với tôi về di chứng của bệnh viêm não. Tôi tuyệt vọng tưởng mình có thể giết chết đứa bé và tự tử để thoát khỏi kiếp lưu đày. Nhưng khi nghe tiếng kêu thét đầy hoảng sợ của con, tôi lại chùn tay bật khóc!..Gương mặt ngây thơ của nó đáng yêu biết bao nhiêu, tôi phải sống để giữ lời hứa với anh ấy là sẽ nuôi dạy nó nên người, cho dù bây giờ hình hài nó không còn giống như bao đứa trẻ khỏe mạnh bình thường khác, cho dù chúng tôi đang sống trong sự trả thù hèn hạ của bên chiến thắng, nhưng tôi không thể dạy nó lòng căm ghét kẻ đã giết cha nó, không thể dạy nó sự oán hận cái xã hội đã đẩy người dân vào bước đường cùng. Chưa bao giờ tôi kể cho nó nghe về sự thật đáng buồn của gia đình mình. Tôi không muốn tinh thần nó bị tổn thương, chịu đựng một thân thể khiếm khuyết cũng đủ làm đau nó cả đời rồi.

Nó chỉ là thằng bé tật nguyên lớn lên ngo ngác giữa núi rừng hiu quạnh, bệnh hoạn èo uột như rong rêu bám vào cái lu mẻ ở xó hè, như bụi cỏ dại mọc trên bờ tường đá quần đầy kềm gai sau trại. Cả tuổi thơ buồn thảm của nó chỉ biết có Mẹ thôi, Mẹ là Trời là Đất, là nắng sớm, là mưa chiều, là trăng treo ngoài cửa sổ, là tiếng cú kêu thê thiết đêm sương lạnh... Tôi gom hết những yêu thương dành cho nó, tôi cố đem những kiến thức mà tôi có được để mong dạy cho thằng bé quen dần với đoạn đời đầy gian khổ hôm nay, nhưng có lẽ nó quá nhỏ bé để cảm nhận ra cuộc sống bất thường này, nên dễ dàng chấp nhận hiện tại trong sự hồn nhiên đến xót xa. Mỗi ngày đối với nó đều là những trang sách mới toanh với nhiều điều thú vị mà thằng bé ba - bốn tuổi đầu như nó luôn *hò hởi phấn khởi* để... nghe, từ một chiếc lá rơi bên hàng rào hay hòn sỏi lượm bên bờ suối trong lúc đi lao động, hoặc lông chim vướng ngoài bụi tre đều là những câu chuyện cô tích đầy sinh động mà tôi cố gắng tưởng tượng ra để làm quà cho nó. Và dĩ nhiên hình ảnh ông già Noel tuyệt vời không thể thiếu trong tuổi thơ tội nghiệp của nó.

Bắt đầu từ cánh thiệp Giáng Sinh của ai đó gửi vào trại cho người thân, nhưng bị tên công an gác cổng ném đi không cho nhận (liên lạc thư từ thăm hỏi đã khó khăn, huống chi loại bưu thiệp xa

xi của đế quốc) cánh thiệp nhàu nát lem luốc bị gió cuốn vào đồng rom sau nhà kho và tôi vội cuốn nó trong vật áo mang về. Đêm đó hai mẹ con chun vô mừng đốt đèn lên để ngắm hình ông già Noel có hàm râu dài trắng như tuyết, mặc bộ đồ đỏ chót và sau lưng vác một bao dây quà. Tôi nói thao thao với thằng bé như thể tôi đã từng gặp ông, từng được ông ôm vào lòng và cho những món quà mà tôi đã viết thư xin ông trước ngày Giáng Sinh hàng năm. Nhưng bây giờ thì khác hơn một chút, ông quá bận rộn nên không thể đến thăm từng đứa trẻ được, chỉ cho quà những bé ngoan nếu nó treo chiếc vớ ngoài cửa sổ trong đêm 24 tháng 12. Trong đồng hồ nhàu nát của hai mẹ con, tôi tìm thấy chiếc vớ len cũ kỹ của nó hồi mới nhập trại, nó có vẻ thất vọng khi thấy chiếc vớ quá nhỏ lại còn bị rách ở dưới gót, món quà có thể bị rớt mất... Tôi đành phải cắt ống tay áo mình ra may cho nó cái *túi ba gang* như trong truyện *ăn khế trả vàng* và rù rì với bạn bè chung quanh xin ít kẹo bánh để dành làm quà cho nó. Ông già Noel đã hứa như vậy mà. Đêm đó nó ngủ không yên, lâu lâu lại ngóc đầu nhìn ra cửa sổ trông chờ...

Với tôi thời gian này là những khoảng đời đau buồn nhất mà tôi phải chịu đựng trong cảnh tù đầy khốn khổ, nhưng có lẽ là niềm hạnh phúc của cả hai chúng tôi là được sống bên cạnh nhau trong thời gian khá dài, khi mà những túng thiếu đói kém đã trở thành chuyện bình thường trong mỗi ngày qua đi cháo rau hiu hắt, dù bệnh tật đã đầy đọa thẳng bé đến kiệt sức, có lúc tôi tưởng nó bỏ Mẹ theo Ba...

Nhưng ơn Trời! Nó vẫn sống sót đến ngày rời khỏi trại giam. Một tổ chức nhân đạo của quốc tế đã vào trại mang nó đi xa hơn, thoát khỏi gông cùm khắc nghiệt của cái đất nước mà Ba mẹ nó đã chọn ở lại sau những ngày đen tối đó

Hơn mười năm mòn mỏi tù đầy, cuối cùng tôi cũng được thả về sau khi bỏ lại cả khoảng trời thanh xuân tươi trẻ của mình trong trại giam. Ngày về thênh thang đến trông rộng, tôi không biết mình phải làm gì, sống ra sao trong những ngày tháng tới... Mọi thứ đều thay đổi, xa lạ khiến tôi như hụt chân chơi vơi, cái cảm giác bơ vơ lạc lõng trong thành phố thay tên lạ lẫm này làm tôi thấy mình cô đơn đến tội nghiệp...

Con bé được sinh ra như một định mệnh trở trêu, thật lòng tôi không yêu người đàn ông ấy, nhưng tôi phải cảm ơn anh ta đã cho tôi một sinh linh bé bỏng này, nó đáng yêu biết bao nhiêu khi làm thay đổi cuộc sống buồn tẻ của tôi.

Được làm Mẹ là một thiên chức cao quý, trong hoàn cảnh này tuy buồn nhưng tôi thấy nguôi ngoai nhiều khi mỗi ngày nhìn nó lớn lên hồn nhiên mạnh mẽ. Tôi cố gắng để trở thành người phụ nữ đảm đang trong vai trò “*Ba mẹ là bóng mát, che chở suốt đời con*”. Tôi trở lại giảng đường khi con bé vừa vô lớp một, để sau giờ tan ca mệt mỏi, tôi lật sách ra đọc thì con bé cũng ê a tập đánh vần, thế mà rông rã mấy năm trời hai mẹ con “*thi đua lập thành tích*”, con bé cứ học sinh giỏi, học sinh xuất sắc đều đều, còn tôi thì rớt dài dài mấy môn lịch sử Đảng... Nhưng không hề gì, học để có chút kiến thức nhỏ nhoi trong cuộc sống bon chen này, còn hơn chấp nhận sự thua thiệt vì dốt nát, tôi vẫn thích tự đứng trên đôi chân của mình, dù mỗi đuối!!

Dĩ nhiên ông già Noel cũng không thể thiếu trong trong tuổi thơ êm đềm của con bé, khi thì hộp bút chì màu, con búp bê hay cái áo đầm trong lứa tuổi mẫu giáo, lớn lên một chút nó biết viết thư gửi ông già Noel để vòi quà thì tôi “*gài đợ*” thêm mức khen thưởng chăm ngoan cho nó “*phần thưởng tiến bộ*”. Có năm nó còn vẽ bản đồ chỉ đường cho Ông già Noel qua phát quà cho bạn của nó, vì hỏi ra trong cái xóm lao động nghèo này, không đứa nào biết có Ông già Noel. Để “*củng cố*” niềm tin của nó, tôi lại tốn công gói thêm vài món quà để nửa đêm Noel chờ tụi nhỏ ngủ mà treo lên cây trướng cá trước nhà. Có thấy được vẽ mặt hí hửng của chúng nó khi nhận quà thì mới cảm nhận được sự cần thiết của Ông già Noel đầy huyền thoại trong trí tưởng tuổi thơ, tác động lên việc hình thành nhân cách của trẻ nhỏ, phải ngoan, phải chăm học, phải biết vâng lời cha mẹ thầy cô thì mới có quà. Và con bé tôi đã lớn lên trong niềm tin như vậy, cứ mỗi năm nó lại gửi thư cho Ông già Noel tâm sự vòng vo ở đoạn đầu và xin quà ở đoạn cuối, thỉnh thoảng nó còn chê ông viết chữ khó đọc hơn năm ngoái hay chỉ viết có mấy dòng khi bây giờ nó đã biết đọc rào rào. Và tôi lại cố rên chữ theo ý nó, viết lưu loát tình cảm hơn... Cho đến năm nó lên 12 tuổi, một hôm từ trường trở về, nó thủ thi với tôi: “*Tụi bạn*

con nói không có ông già Noel đâu, là Má mày làm đó, nghĩa là sao Má?”.

Tôi chợt khựng người bối rối, thật lòng lúc đầu bịa ra câu chuyện Ông già Noel, tôi chỉ muốn con mình vui trong cảnh mẹ góa con cô, nhưng nếu sự dối trá là một điều không thể chấp nhận được đối với trái tim ngây thơ, và niềm tin hồn nhiên của con trẻ, thì có lẽ tôi cũng nên quỳ sám hối về những gì mà tôi đã làm cho các con tôi trong tuổi thơ cô đơn bất hạnh của chúng nó. Tôi ôm con bé vào lòng với niềm xót xa thương cảm: “Ông già Noel chỉ có thật khi ai tin vào điều đó, nếu con tin thì ông ấy sẽ yêu thương con, sẽ ở bên cạnh con, cũng như Má vậy thôi, con tin là Má luôn yêu thương con thì Má sẽ giữ mãi tình yêu đó cho con”.

Thế đấy, chuyện ông già Noel là có thật trong tuổi thơ của tất cả trẻ em trên trái đất này, hàng năm bưu điện khắp nơi vẫn nhận đầy thư gửi cho Ông già Noel, và họ cũng chuyển những gói quà đến các trẻ nhỏ dưới nhiều hình thức khác nhau, để tạo nên mùa Giáng Sinh lung linh sống động, biểu tượng Ông già Noel là hạt giống của niềm tin, của hy vọng, của tình yêu thương không biên giới được chia sẻ ấm áp, là trái tim nhân hậu, là tấm lòng bao la của cha mẹ dành cho các con, cho dù khi chúng nó nhận thức rằng Ông già Noel chỉ là sản phẩm tưởng tượng của người lớn, nhưng cả thế giới không ai cảm thấy thất vọng về niềm tin hoang đường này, thật lòng mà nói, có phải bạn cũng thích được nhận quà trong đêm Giáng Sinh? dù chỉ là một tấm card mỏng manh hay cái ôm chèoang thân tình của bạn bè, người thân, sự ấm áp có sức loan toả kỳ diệu trong cái lạnh giá của cuộc sống hôm nay.

Hãy tin như vậy đi!

**NGỌC ÁNH**

(California)

**\* Đại Hội XX thế giới - gia đình Phan Thanh Giản & Đoàn Thị Điểm  
Cần Thơ hải ngoại sẽ tổ chức vào các ngày Thứ Sáu 25, Thứ Bảy 26  
và Chủ Nhật 27 tháng 3 năm 2016 tại thành phố Brisbane, Úc Châu  
với chủ đề "TRƯỜNG XƯA CÒN MÃI" và phát hành Đặc San số 21  
trong Đại Hội. \* Sau đại hội có chuyến du lịch 11 ngày từ Bắc xuống  
Nam phía Đông nước Úc. Cần biết thêm chi tiết xin liên lạc:**

**Đại Hội: CHS BÙI HỮU TRẠNG:** Email: bhtrangPTG@Gmail.com  
Cell: +61 431690022 hoặc ĐT nhà: + 61 98417274

**Du lịch: CHS LÂM HỮU LỘC:** Email: loclam1@gmail.com.  
Cell: + 61 425 806 006 (hạn chót ghi danh: 15-12-2015)



## GIẢI THOẠI VĂN HỌC

GS LÊ VĂN ĐẶNG

(Oregon)

### VĂN CHƯƠNG TRUYỀN KHẨU

(trích VĂN HỌC CHỮ NÔM)

Cụ NGUYỄN ĐỨC HIẾU kể:

1- 搨茶 Hái Chè (lục bát)

媿暹嶺崗搨茶	Em lên đỉnh núi hái chè
返僮派遣仅提媿罍	Gặp thẳng phải gió nó dè em ra
襍咬仅拱庄拖	Lạy van nó cũng chẳng tha
仅扰仅捏瑪吒仅匱	Nó đem nó nhét mã cha nó vào
個僮意買濫僻	Cái thằng ấy mới làm sao
媿強抗攔仅匱強淪	Em càng lúc lắc nó vào càng sâu

2- 傑徒 Thây Đồ (thất ngôn trường thiên)

傑徒本羅得才部	Thây đồ vốn là người tài bộ
揅琴書瓊府永詳	Quầy cầm thư đến phủ Vĩnh Tường
耀衙門切沒學堂	Trước nha môn thiết một học đường
教蒜袍之乎者缶	Dạy dấm trè chi hồ giả dĩa
因沒畛傑徒閒賀	Nhân một lúc thây đồ nhàn hạ
罍湖蓮貼婀搨花	Ra hồ sen xem à hái hoa
僻審婀底賂圖罍	Hớ hênh à để lộ đồ ra
徒臆篋吟哦即克	Đồ trông thấy ngâm nga tức khắc
面前滿眼花春色	Diện tiền mãn nhãn hoa xuân sắc
水涇漓茫蚌吐脣	Thủy lý ly mang bạng thổ thần
徒吟昧徒躄秦艮	Đồ ngâm rồi, đồ đứng tần ngần
徒仅想圖箕忒默	Đồ nọ tưởng đồ kia ... thối mết.

Ngày xưa, trong một hội đồng thi viết, tại trung tâm Phan Thanh Giản Cần Thơ, nhân một tối đẹp trời, một số giám thị, ngồi

quanh cột cờ, nghe Cụ Phó chủ khảo hội đồng Nguyễn Đức Hiếu, kể hai chuyện "tiểu lâm" ghi lại bên trên.

Xin trích bài thơ cổ, để tưởng nhớ một bậc Thầy:

生年不滿百，	Sinh niên bất mãn bách
常懷千歲憂。	Thường hoài thiên tuế ưu
晝短苦夜長，	Trú đoản khổ dạ trường,
何不秉燭遊！	Hà bất bình chúc du?
為樂當及時，	Vi lạc đương cập thời,
何能待來茲？	Hà năng đãi lai tư?
愚者愛惜費，	Ngu giả ái tích phí,
但為後世嗤。	Đàn vi hậu thế xuy.
仙人王子喬，	Tiên nhân Vương Tử Kiều,
難可婉等期。	Nan khả dữ đẳng kỳ.

#### Diễn Nôm

Trăm năm trong cõi người ta	寡辭黷埃得些
Lại thường lo việc ta bà ngàn năm	吏常怙役娑婆齷齪
Ngày vắn đêm dài khó nằm	晷短脂黷譸齷
Khuyên nên cầm đuốc đi mà rong chơi	囑絨拈燭底靡踟躕
Hưởng vui phải lúc phải thời	享愜派忖派時
Tại sao ta lại để đời năm sau	在牢些吏底遯辭齷
Ngu dại tiếc của tiêu hao	愚悞惜貼宵媮
Để cho lũ trẻ đời sau chê cười	底朱僂糞蕘齷吱
Xưa kia tiên có mấy người	習箕仙固余得
Nhưng khó tránh được khỏi cười về sau	仍譸掙特塊媮術齷

[1] Cụ Thiệu Đức Chánh Giáo Nguyễn Đức Hiếu, cựu Giáo sư trường trung học Chu Văn An, cựu Hiệu trưởng trường trung học Hồ Ngọc Cân Saigon.

Văn tinh Nguyễn Đức Hiếu đã trở về nguyên vị ngày 7 tháng 3 năm 2013 tại Sacramento, tiểu bang California, sau 99 năm tại thế.

[2] Chúng tôi gặp lại Cụ trong dịp tang lễ Thầy Nguyễn Khắc Kham, có biểu Cụ tập Thơ *Bút Hoa* của Thi ông Phan Mạnh Danh.

[3] Tham khảo:

出處: 古詩十九首(原文+翻譯) - 簡樂(ㄉㄨㄛˋ)社 - udn 城市

<http://city.udn.com/63412/3922551#ixzz3quiFltkD>

Hán Việt Từ Điển Trích Dẫn 漢越辭典摘引 Đặng Thế Kiệt

<http://www.thi-vien.net>

**GS LÊ VĂN ĐẶNG**

(Oregon)

# CÁC BÀI TUYỆT CÚ

Trong *Quốc Âm Thi Tập*

NGUYỄN TRÃI

[Phiên âm: **NGUYỄN ĐÌNH HOÀ - LÊ VĂN ĐẶNG**

Bản Nôm: **Phúc Khê Nguyên Bản**]

## XUÂN HOA 春花

(196)

肥腩夏天俸曩曳  
秋冬冷了奇和仁  
東風有限信春旦  
覃蔭市花拯卒鮮

Ba tháng hạ thiên bổng nằng dài,  
Thu đông lạnh lẽo cả hoà hai.  
Đông phong từ hện tin xuân đến,  
Đầm âm nào hoa chẳng tốt tươi.

## HẠ CẢNH 夏景

(197)

為埃朱丐杜鵑叫  
愁王用孕紙丙綽  
吏固槐花羶俸綠  
式春戔點惱悉饒

Vì ai cho cái đồ quỳên kêu,  
Tay ngọc dùng dằng chỉ biếng thêu.  
Lại có hoè hoa chen bóng lục,  
Thức xuân một điểm nào lòng nhau.

## THU NGUYỆT 秋月

(198)

冬它悶吏郎春  
春悶夏劫吏对斉  
筭計司務固月  
秋謳羅忍戔仁分

Đông đà muộn lại sang xuân,  
Xuân muộn thì hè lại đối lần.  
Tính kể tư mùa có nguyệt,  
Thu âu là nhẫn một hai phần.

## TÍCH CẢNH THI 惜景詩 十三首

1 (199)

侯臧坤吏惜傾傾  
秋旦店戈感胆惘  
戔嗜持兜宥檜月  
寬寬仍戾鴉散暈

Hầu nên khôn lại tiếc khuâng khuâng,  
Thu đến đêm qua cảm vớ mừng  
Một tiếng chày đầu đâm cối nguyệt,  
Khoan khoan những lệ ác tan vừng.

2 (200)

矚竹群誇節勁  
扇柳包揜絲饒  
樓紅固客拈春於  
琴玉愁埃啣唯添

Dịp trúc còn khoe tiết cứng,  
Rày liễu đã rử tơ mềm.  
Lầu hồng có khách cầm xuân ở,  
Cầm ngọc tay ai dặng dôi thêm.

3 (201)

啣唯边聰嗜管弦  
悉春忍動乙坤辰  
春撐渚易仁番吏  
篋景强添惜少年

4 (202)

惜少年戈粟限冷  
花花月月隨無情  
边撐女負喼頭泊  
頭泊初尼固課撐

5 (203)

矣几边撐渚負得  
式春計特余番鮮  
為秋朱忍頭輒泊  
渚易埃它匹黠邁

6 (204)

匹黠邁市隨辱身  
特輸包別事云云  
渚喼賢輒浪曳  
拎爇制店黠惜春

7 (205)

惜春拎爇莽制店  
仍戾春戈歲索添  
拯体外軒絲柳愈  
茂番柳愈茂番穉

8 (206)

柳穉愈日逐香  
興卞樓踈客砣浪  
体景悉踈强問曰  
茂番惜景茂番傷

9 (207)

傷景為因景有情  
况之得邈景和清  
春匹腦邈秋匹腦  
花月衰用余發冷

10 (208)

乱单暗晦客樓紅  
罩蔭邈傷几冷淹  
外意油群襖襖  
奇悉慢答襖唏共

Dặng đôi bên tai tiếng quản huyền,  
Lòng xuân nhẫn động ất khôn thìn.  
Xuân xanh chưa dễ hai phen lại,  
Thấy cảnh càng thêm tiếc thiếu niên.

Tiếc thiếu niên qua phiêu hện lạnh,  
Hoa hoa nguyệt nguyệt luống vô tình.  
Bên xanh nữ phụ cười đầu bạc,  
Đầu bạc xưa nay có thuở xanh.

Hỡi kẻ bên xanh chớ phụ người,  
Thức xuân kẻ được mấy phen tươi.  
Vì thu cho nhẫn đầu nên bạc,  
Chưa dễ ai đà ba bảy mươi.

Ba bảy mươi nào luống nhọc thân,  
Được thua đã biết sự vân vân.  
Chớ cười hiền trước rằng dại,  
Cầm đuốc chơi đêm bởi tiếc xuân.

Tiếc xuân cầm đuốc mắng chơi đêm,  
Những lệ xuân qua tuổi tác thêm.  
Chẳng thấy ngoài hiền tư liễu rủ,  
Một phen liễu rủ một phen mềm.

Liễu mềm rủ, nhật đưa hương,  
Hứng bên lầu thơ, khách ngại rằng.  
Thấy cảnh lòng thơ càng vấn vít,  
Một phen tiếc cảnh, một phen thương.

Thương cảnh vì nhân cảnh hữu tình,  
Huống chi người lạ, cảnh hoà thanh.  
Xuân ba tháng thì thu ba tháng,  
Hoa nguyệt đơn đùng mấy phút lạnh.

Loàn đơn ướm hỏi khách lầu hồng,  
Đầm ấm thì thương kẻ lạnh lòng.  
Ngoài ấy dù còn áo lẻ,  
Cả lòng mượn đắp lấy hơi cùng.

11 (209)

匹春勃特尅邇嗒  
生物悉至拯私  
吧保東風譜曷砂  
世情渚惜仍仍台

12 (210)

樓撐自体客詩人  
為景悉得惜景春  
買責青童信演旦  
罢徵係主東君

13 (211)

兜兜共召令東君  
市准市庄膾春  
况吏園群花竹麥  
搥式卒邇邇分

TÙNG THI 松詩 三首

1 (218)

秋且樓市拯邇透  
茂命辣課匹冬  
林泉埃浪絳夕客  
才棟梁高乙奇用

2 (219)

棟梁才固余朋眉  
茹奇隊番掾跬台  
檜帆駢移拯動  
雪霜体包鄧饒嗒

3 (220)

雪霜体包鄧饒嗒  
固纒長生强跬台  
琥珀茯苓認買別  
軛群底助民尼

TRÚC THI 竹詩 三首

1 (221)

花柳朝春拱有情  
於眉為摆節眉清  
缶曾固嗜工代女  
君子埃拯嶙名

Ba xuân thì được chín mươi ngày,  
Sinh vật lòng trời chẳng tây.

Ri bảo đông phong hời hợt ít,  
Thế tình chớ tiếc dừng dừng thay.

Lầu xanh từ thấy khách thi nhân,  
Vi cảnh lòng người tiếc cảnh xuân.  
Mới trách thanh đồng tin diễn đến,  
Bởi chung hệ chúa Đông quân.

Đâu đâu cũng chịu lệnh Đông quân,  
Nào chốn nào chẳng gió xuân.  
Huống lại vườn còn hoa trúc cũ,  
Trối thức tốt lạ mười phân.

Thu đến cây nào chẳng lạ lùng,  
Một mình lạt thuở ba đông.  
Lâm tuyền ai rặng già làm khách,  
Tài đồng lương cao ắt cả dùng.

Đồng lương tài có mấy bằng mày,  
Nhà cả đời phen chống khoẻ thay.  
Cội rễ bền, đời chẳng động,  
Tuyết sương thấy đã đọng nhiều ngày.

Tuyết sương thấy đã đọng nhiều ngày,  
Có thuốc trường sinh càng khoẻ thay.  
Hồ phách phục linh nhìn mới biết,  
Dành còn để trợ dân này.

Hoa liễu chiều xuân cũng hữu tình,  
Ưu mi vì bởi tiết mi thanh.  
Đã từng có tiếng trong đời nữa,  
Quân tử ai chẳng mang danh.

2 (222)

名君子嗜饒  
保客知音買別  
况吏仍仍生變俗  
丈夫節勁恪得台

Danh quân tử tiêng nhiều ngày,  
Bảo khách tri âm mới biết hay.  
Huống lại nhưng nhưng sinh biến tục,  
Trượng phu tiết cứng khác người thay.

3 (223)

丈夫節勁恪得台  
養愈吞固意為  
徐課化蝻强邈女  
主春嚙强初台

Trượng phu tiết cứng khác người thay,  
Dưỡng đồ trời có ý vay.  
Từ thuở hóa rồng càng lạ nữa,  
Chúa xuân ngấm càng xưa thay.

MAI THI 梅詩 三首

1 (224)

春旦市花拯平鮮  
於眉為節瀝欣得  
閣東乙包曾夕客  
呵仍連仙結伴制

Xuân đến nào hoa chẳng tốt tươi,  
Ưu mi vì tiết sạch hơn người.  
Gác Đông ắt đã từng làm khách,  
Há những Bô tiên kết bạn chơi.

2 (225)

仙連結包閉秋遲  
吟吼荒朋竟重台  
吏固茂梗外意甌  
俸踈期浩動得為

Tiên Bô kết đã bấy thu chầy,  
Ngẫm ngọt nhường bằng méch trọng thay.  
Lại có một cành ngoài ấy lẻ,  
Bóng thưa ánh nước động người vay.

3 (226)

俸踈期浩動得為  
樂逢香月哈  
况吏榜春初占特  
躡三友拯朋眉

Bóng thưa ánh nước động người vay,  
Lịm đưa hương một nguyệt hay.  
Huống lại bảng xuân sơ chiếm được,  
So tam hữu chẳng bằng mày.

MÃU ĐƠN HOA 牡丹花

(233)

賤身和卒吏  
富貴謳拯劍海棠  
來朗悉疎吟渚堵  
外娘璇玉篆群香

Một thân hoà tốt lại sang,  
Phú quý âu chẳng kém hải đường.  
Lại láng lòng thơ ngâm chưa đủ,  
Ngoài nương tuyền ngọc triện còn hương.

HOÀNG TINH 黃精

(234)

坦餘養特襟黃精  
榻方冷底養命  
埃浪縹柴拯躑躅  
哈園包固味長生

Đất dư nuôi được khóm hoàng tinh,  
Cấu phương lạnh để dưỡng mình.  
Ai rặng tui thầy chẳng đủ thuốc,  
Hay vườn đã có vị trường sinh.

THIÊN TUỆ THỤ 千歲樹

(235)

核綠院院俸綠印  
春饒歲包計餘斫  
尋尋包固仙少伴  
逐束仙來拯沛噴

BA TIÊU 芭蕉

(236)

自變唏春平吏添  
苔蓬邇牟偷店  
情書茂幅封群謹  
臚尼兜强關祐

Cây lục vờn vờn bóng lục in,  
Xuân nhiều tuổi đã kể dư ngàn.  
Ngày ngày đã có tiên làm bạn,  
Đưa thuốc tiên lai chẳng phải xin.

Từ bén hơi xuân tốt lại thêm,  
Đầy buồng lạ màu thâu đêm.  
Tình thư một bức phong còn kín,  
Gió nơi đầu gượng mở xem.

MỘC CẬN 木槿

(237)

薺落花印茂朶紅  
掇迦拯變字羅悉  
朝埋妾朝歆渤  
事邇朱哈絕色空

GIÁ 蔗

(238)

院春覃蔭爨初唯  
襖細凶凶課默催  
啞落箕埃特趣  
吝曾炆買哈味

LÃO DUNG 老榕

(239)

尋特林泉准養  
茂番春細茂番春  
雖它渚固才梁棟  
俸奇如群葉旦民

CÚC 菊

(240)

苒花拯變氣覃歆  
固余保霜藥買先  
重九渚嫺秋包悶  
朱哈秋悶節强蒼

Ánh nước hoa in một đoá hồng,  
Vân như chẳng bén, bụt là lòng.  
Chiều mai nở, chiều hôm rụng,  
Sự lạ cho hay tuyệt sắc không.

Viện xuân đầm ấm nắng sơ soi,  
Áo tế hung hung thuở mặc thôi.  
Ăn nước kia ai được thú,  
Lần từng đốt mới hay mùi.

Tìm được lâm truyền chôn dưỡng thân,  
Một phen xuân tới một phen xuân.  
Tuy đã chưa có tài lương đồng,  
Bóng cả như còn rợp đến dân.

Nào hoa chẳng bén khí đầm hâm,  
Có mấy bầu sương nhị mới đầm.  
Trùng cửu chớ hiềm thu đã muộn,  
Cho hay thu muộn tiết càng thơm.

MỘC HOA 木花

(241)

衚生物愠朋导  
裊特養菟少卒鮮  
乙固哈隊所分  
拯腰邾渚女之喏

Trời sinh vật vẫn bằng người,  
Nếu được thơm tho thiếu tốt tươi.  
Ít có hay đòi thuở phận,  
Chẳng yêu thì chớ nữ chi cười.

MẶT LỢI HOA 茉莉花

(242)

枚輪变粉移移  
居月逢春幾月哈  
余几紅顏時泊分  
紅顏箕渚忌命台

Mai son bén phấn hây hây,  
Đêm nguyệt đưa xuân một nguyệt hay.  
Mấy kẻ hồng nhan thời bạc phận,  
Hồng nhan kia chớ cậy mình hay.

LIÊN HOA 蓮花

(243)

淋迦拯变卒和清  
君子堪困特所名  
膾逢香店月淨  
貞夕貼固埃争

Lâm như chẳng bén tốt hoà thanh,  
Quân tử kham khuôn được thừa danh.  
Gió đưa hương đêm nguyệt tĩnh,  
Trình làm của có ai tranh.

HOÈ 槐

(244)

夢冷乃乃櫻槐槐  
兔發春戈兔發韞  
固課時夏張傘綠  
屯屯俸葉闌三公

Mộng lạnh nầy nầy bởi hoè trồng,  
Một phút xuân qua một phút trông,  
Có thuở ngày hè gương tán lục,  
Đùn đùn bóng rợp cửa tam công.

CAM ĐƯỜNG 甘棠

(245)

体俸甘棠汝召公  
坦餘移特伴共椿  
筆踈包割香群变  
吟議市埃拯動悉

Thấy bóng cam đường nhớ Thiệu Công,  
Đất dư dòi được bạn cùng thông.  
Bút thơ đã chép hương còn bén,  
Ngâm ngợi nào ai chẳng động lòng.

TRƯỜNG AN HOA 長安花

(246)

意拯西施邾太真  
衚朱卒邏邾分  
嗚遲黠包丰裙堵  
焞罽務戔式春

Áy chẳng Tây Thi thi Thái Chân,  
Trời cho tốt lạ mười phân.  
Ngày chầy điếm đã phong quần đỏ,  
Rỡ tư mùa một thức xuân.



(247)

占特韶光尅邁  
移移花安平和鮮  
東風固意連持女  
茂發春羅茂動得

Chiếm được thiêu quang chín mươi,  
Dây dầy hoa nở tốt hoà tươi.  
Đông phong cố ý bù trừ nữ,  
Một phút xuân là một động người.

ĐÀO HOA THI 桃花詩 六首

1 (227)

兔朶桃花窈卒鮮  
隔春噉噉体春噉  
東風乙固情哈女  
建羨味香易動得

Một đóa đào hoa khéo tốt tươi  
Cách xuân môn mơn thấy xuân cười  
Đông phong ắt có tình hay nữa  
Kín tiền mùi hương dễ động người

2 (228)

動得花窈炳精神  
𠂇櫻為花𠂇櫻春  
吧使鴣撐停祝磊  
連持包固氣洪鈞

Động người hoa khéo tỏ tinh thần  
Ít bởi vì hoa ít bởi xuân  
Rì sừ chim xanh đừng chuốc lỗi  
Bù tri đã có khí Hồng Quân

3 (229)

氣洪鈞矣舍裁戈  
渚負春尼渚負花  
花固意邛春固意  
兜兜共兔氣陽和

Khí Hồng Quân hãy xá tài qua  
Chớ phụ xuân này chớ phụ hoa  
Hoa cố ý thì xuân cố ý  
Đâu đâu cũng một khí dương hoà

4 (230)

氣陽和可固私埃  
能兔花尼忍每類  
筭計多群匹腦女  
及春馬底騰桃派

Khí dương hoà há có tư ai  
Năng một hoa này nhẩn mọi loài  
Tính kẻ chín còn ba tháng nữa  
Kịp xuân mưa để má đào phai

5 (231)

騰桃派歇櫻春戈  
曩吏宥邛連隨花  
宴所瑤池它固限  
渚朱方朔旦鄰羅

Má đào phai hết bởi xuân qua  
Néo lại đam thì liền luống hoa  
Yến sở Dao Trì đã có hẹn  
Chớ cho Phương Sóc đến lân la

6 (232)

方朔鄰羅包許機  
匹番濫特呵情期  
固埃厭晦仙王母  
信可信邛疑可疑

Phương Sóc lân la đã hờ cơ  
Ba phen trộm được há tình cờ  
Có ai ướm hỏi Tây Vương mẫu  
Tín khá tin thì ngờ khá ngờ

Phiên âm: **NGUYỄN ĐÌNH HOÀ - LÊ VĂN ĐẶNG**

## KIỀU MỘNG HÀ

(Austin - Texas)  
[Về Nguồn - Tây Đô]

### BỜ BÊN KIA

Xin người hãy khóc tự nhiên  
Đó cũng là: một cách thiền rửa tâm  
Rồi quên... Thôi chớ truy tâm  
Trương lai quá khứ không cầm trong tay.

Xin người BUÔNG tiếng thở dài  
An trú chánh niệm đứng/sai chẳng màng  
Sống vui tự tại an nhàn  
Tâm vô sở trụ, niết bàn hữu dư.

Xin người quán niệm Tâm Từ  
Hãy thương - kể cả kẻ thù hại ta  
Cái tâm vô lượng vị tha  
Từ bi, trí tuệ nở hoa Bồ Đề.

Xin người đừng chấp khen/chê  
Tâm Không, vô Ngã... U mê chẳng còn  
Trong/ngoài dạ thẳng lòng son  
Cái hư danh ảo bào mòn Tâm Như.

Xin người - Dầu bậc thiền sư  
(Tứ thiền chứng ngộ, và Hư Không lảnh)  
Vẫn còn một chút... Chúng sinh  
Phân chia tu Tịnh không vinh bằng Thiền.

Xin người hãy học thiền nhiên  
Xem kìa! Cây cỏ đâu phiền lụy thân  
Vắt đi Tâm Trí cân phân  
Bờ bên kia... Tự không làn, hiện ra.

Nov 1st.2015

[đây là bài thơ sau cùng dùng đôi mắt trước khi eye cataract surgery.  
Thân chúc các bạn VÔ LƯỢNG CÁT TƯỜNG. - KMH]

# MƯA SA BỤI TRẦN

*Bạn tôi thông thái hơn tôi  
Khi tôi nổi giận... bạn ngồi lặng yên  
Viết lên tay một chữ THIÊN  
Kỳ chưa! Con giận đột nhiên chợt... xiu.*

*Bạn tôi tóc muối nhiều tiêu  
Ánh mắt biết nói liu xiu khỏi người  
Đôi lần "bụi" đến bên tôi  
Bạn phác hoạ vội một đôi phát trần.*

*Bạn tôi thường ít nói năng  
Có lần hai đũa ngắm trăng trên đời  
Thật lâu không nói ... nửa lời  
Bạn như tỉnh toạ, còn tôi pha trà.*

*Bạn tôi lòng biển tâm hoa  
Không màng vật chất không sa đoạ đời  
Đóa sen chen giữa bùn hôi?  
- Nhờ bùn sen mới đâm chồi nở hoa.*

*Bạn tôi ngọc ẩn đá già (\*)  
Còn tôi gỗ mục mưa sa bụi trần.*

November 05th 2015

## KIỀU MỘNG HÀ

*(Austin - Texas)*

*(Về Nguồn - Tây Đô)*

[Chúng ta ai cũng đều có bạn - hoặc bè -

Riêng tôi ngoài Bạn, tất cả đều là... bụi

Đây là bài thơ khi mắt đeo kính đen...

Và nó được viết bằng TÂM NHÂN

KMH]

(\*) còn gọi "thạch trung ẩn ngọc"

Một trong quý cách của khoa Tử Vi

**MỪNG BẠN KIỀU MỘNG HÀ VỪA QUA CƠN PHẪU THUẬT MẮT THÀNH CÔNG - CHÚC BẠN MÁU HÔI PHỤC SỨC KHOẺ...**

**\* LTK \* HVT & KDP (Về Nguồn)**

VĂN HOÁ VIỆT NAM 71 \* 179 \* MÙA ĐÔNG 2015



NHA SĨ  
**NGUYỄN VĂN NĂM**

Nha Khoa Gia Đình & Thẩm Mỹ



\* Địa chỉ mới:

**2808 MILAM ST. Suite B**

(trong khu Mekong Center)

**HOUSTON, TEXAS 77006**

\* Điện thoại (không thay đổi)

**713 – 520 – 7950**

*Ngày giờ làm việc:*

\* Thứ Hai đến Thứ Sáu: **09:00 AM – 5:00 PM**

\* Thứ Bảy – Chủ Nhật: **09:00 AM – 02:00 PM**

\* Thứ Năm: **NGHỈ**

**Vui lòng gọi trước để lấy hẹn**

**ĐẶC BIỆT GIẢM 25% trong 6 tháng**

**cho Khay làm trắng răng (Custom made Bleaching Tray)**

**DANH SÁCH MẠNH THƯỜNG QUÂN**

**ỦNG HỘ TẠP CHÍ VĂN HOÁ VIỆT NAM SỐ 71 - mùa đông 2015**

1140 - Ô. B. Nguyễn Hoàng Ân	Houston TX	\$40.00
1141 - Nhà thơ Song Thi	Beaverton Oregon	\$50.00
1142 - Nhà văn Hồ Bạch Thảo	Brick New Jersey	\$40.00
1143 - Nhà thơ Phạm Cây Trâm	Arlington TX	\$40.00
1144 - Ông Trần Việt	Houston TX	\$20.00
1145 - Ô. B. GS Nguyễn Như Hùng	Santa Clara CA	\$30.00
1146 - Ô. B. Tô Nguyên Thành & Trần Tố Nga	Houston TX	\$20.00
1147 - Ô. B. GS Nguyễn Trung Quân	Santa Ana CA	\$50.00

*(còn tiếp)*

Danh sách quý vị Mạnh Thường Quân ủng hộ tạp chí chúng tôi lần lượt thông báo trên trang này vào số tới. Xin kính chúc quý vị cùng gia đình luôn luôn dồi dào sức khoẻ, với lòng biết ơn của nhóm thực hiện và BBT.

Trân trọng,

Tạp chí VĂN HOÁ VIỆT NAM

VĂN HOÁ VIỆT NAM 71 \* 180 \* MÙA ĐÔNG 2015

**XIN ĐỂ TÔI GIÚP QUÍ VỊ  
VỀ CÁC NHU CẦU BẢO HIỂM CỦA QUÍ VỊ**

- \* XE CỘ**
- \* NHÀ CỬA**
- \* NHÂN THỌ**
- \* KINH DOANH**

**Các sản phẩm và dịch vụ có phẩm chất...  
của một công ty quý vị quen thuộc**

Xin mời quý vị ghé lại văn phòng  
hoặc gọi điện thoại cho tôi



**Leon VŨ TIÊN LẬP**

Agent

**Allstate Insurance  
Company**

13120 Veterans Memorial Dr  
Houston, TX 77014

*Bus: 281-866-0343*

*Fax: 281-866-0373*



**Allstate**  
route to good things.

[www.allstate.com](http://www.allstate.com)

Allstate Property and Casualty Company . Allstate Life Insurance Company, Northbrook, Illinois, Allstate County Mutual Insurance Company, Allstate Texas Lloyds Insurance Company, Irving, Texas. ©2000 Allstate Insurance Company.

Tuỳ thuộc vào mức cung ứng và hội đủ điều kiện mua bảo hiểm.

TRUNG TÂM NHA KHOA  
**VAN THO DENTAL CENTER**



Bác Sĩ Nha Khoa



**PETER NGUYỄN VĂN THỌ, D.D.S.**

Với sự cộng tác của các Bác Sĩ Nha Khoa

**Timothy Nguyễn Văn Thiện, D.D.S.**

**Lily Chen, D.D.S.**

Phòng Nha Khoa được trang bị dụng cụ tối tân với hệ thống bảo vệ nhiễm trùng cho bệnh nhân và nhân viên đúng tiêu chuẩn OSHA và Bộ Y Tế.

**NorthWest**

12002-B3 Veterans Memorial Dr.

Houston, Texas 77067

**(281) 580-7446**

Fax **281-580-7520**

(Trong khu siêu thị Lê Lai)

**SouthWest**

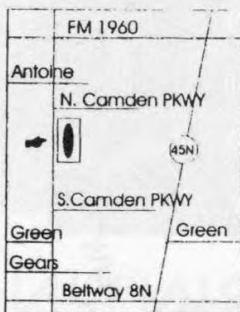
11574 Bellaire Blvd

Houston, TX 77072

**(281) 561-7800**

Fax **281-561-9978**

Góc Belle Park & Bellaire



**Giờ Làm Việc:**

Hai-Sáu: 10AM-6PM

Thứ Bảy: 10AM-4PM

Chủ Nhật: Đóng cửa

Nhận: **Bảo Hiểm - Medicaid**

Để khởi mắt thì giờ xin vui lòng lấy hẹn trước

TRUNG TÂM Y KHOA NỘI THƯƠNG

MEMORIAL

PHYSICIANS ASSOCIATES

INTERNAL MEDICINE - INDUSTRIAL MEDICINE - MINOR EMERGENCIES

**Southwest**

11772 BELLAIRE  
HOUSTON, TX 77072  
(Trong khu Chợ H.E.B. Pantry)

**Tel: 281-530-4900**

**Northwest**

13119 VETERANS MEMORIAL  
HOUSTON, TX 77014  
(Trong khu Chợ Kroger)

**Tel: 281-537-5300**

VỚI SỰ CỘNG TÁC CỦA CÁC BÁC SĨ CHUYÊN KHOA INTERNAL MEDICINE

**PHẠM SỸ TRUNG, M.D., P.A.**  
**PHI NGỌC HOÀNG, M.D., P.A.**

Tốt nghiệp Bác Sĩ Y Khoa  
Và Nội khoa tại UT Health Science Center - Houston.

CHUYÊN TRỊ CÁC KHOA NỘI THƯƠNG

TIM	GAN
AP HUYẾT CAO	MAT
TIEU DƯƠNG	THAN
PHỔI	BAO TỬ
CHOLESTEROL CAO	(ALLERGY) DI ỨNG

**Phòng mạch trang bị đầy đủ máy móc tối tân:**

Máy điện tâm kế (ECG) - Máy chạy bộ đo tim (Stress Test)

Máy đo nhịp tim (Holter) - Máy chụp quang tuyến (X-ray)

*Giờ làm việc:* MON - FRI: 8AM - 6PM

SAT: 8AM - 3PM

*Nhận:* BẢO HIỂM

MEDICARE & MEDICAID



## ĐỜI SỐNG THAY ĐỔI.

Tôi có thể giúp bảo hiểm của bạn theo kịp sự thay đổi đó.

Hãy gọi tôi ngày hôm nay để được xem xét miễn phí những chương trình bảo hiểm Allstate có thể bảo vệ bạn.

Bạn mới có một cháu bé? Bạn đã mua một chiếc xe mới?

Bạn đang có một đứa con ở tuổi vị thành niên lái xe trên đường?

Có rất nhiều lý do để bạn cần phải hiện đại hóa chương trình bảo hiểm của bạn. Tôi có thể giúp bạn có được một chương trình bảo hiểm đúng cho bạn.



**Cecile Nguyen**  
**(713) 462-1447**

9585 Clay Rd., Ste #8

Houston

[CecileNguyen@allstate.com](mailto:CecileNguyen@allstate.com)



**Allstate.**

You're in good hands.

Auto  
House  
Life  
Retirement

Chương trình bảo hiểm tùy thuộc vào sự sẵn có và tiêu chuẩn của bạn. Công ty Bảo Hiểm Allstate và Công ty Bảo Hiểm Tài Sản và Tai Nạn. Allstate: Northbrook, IL © 2007 Allstate Insurance Company

141001